

ngủ ở **dòng** **thời** gian

NGUYỄN TIẾN HÙNG



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Duong Kobo's Book Club

*Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo*



SCAN TO JOIN

Cuốn sách Ngược dòng thời gian được viết nhằm hai mục đích

1. Tri ân cha, mẹ, anh trai và các thầy, cô giáo đã hết lòng thương yêu, chăm sóc, dạy dỗ tôi từ thuở ấu thơ đến lúc trưởng thành. Nhờ công ơn trời biển trên, tôi đã có đủ trí tuệ, nghị lực, và sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ trong một thời gian dài đầy thăng trầm suốt 80 năm của cuộc đời, và đã làm được một số công việc có ích cho quê hương, đất nước.

2. Biểu thị sự ngưỡng mộ của cá nhân tôi, nhân dịp kỷ niệm ngày Nhà Giáo Việt Nam năm 2022, đến tất cả các thầy, cô giáo trên khắp mọi miền của tổ quốc, và xin kính gửi đến các thầy, cô giáo những lời chúc mừng tốt đẹp nhất của một đồng nghiệp.

Quý thầy, cô là những tấm gương sáng về đức độ, là những người đang ngày đêm âm thầm, miệt mài làm một công việc tưởng đơn giản nhưng vô cùng phức tạp, dồn hết tất cả tâm tư, tình cảm của chính mình để làm sao có thể dạy dỗ các em thanh, thiếu niên khôn lớn, trưởng thành, làm sao cho đến lúc chính thức bước vào đời, các em đạt được thật trọn vẹn ba chữ **T** (có tâm thật sáng, có tầm nhìn thật xa, và có trình độ khoa học kỹ thuật thật tiên tiến), với đầy đủ phẩm chất đạo đức, trí tuệ, nghị lực, và sức mạnh để bảo vệ tổ quốc, và xây dựng đất nước ngày một phồn vinh.



Thầy giáo Nguyễn Tiến Hùng đang nghỉ dưỡng tại Vũng Tàu



Thầy giáo Nguyễn Tiến Hùng đang ngồi làm việc tại tư thất ở thành phố Hồ Chí Minh

(Hình chụp tháng 2 năm 2022)

Lời giới thiệu từ một đồng nghiệp

Tác giả cuốn *“Ngược dòng thời gian”* là Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hùng, nguyên giảng viên tiếng Anh trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

Cuốn sách gồm sáu câu chuyện “đầy ắp những kỷ niệm” của tác giả với những người thân yêu ở quê hương – những lớp người xưa và những lớp “người trẻ”! (vì họ đều đã trên 80 tuổi). Thông qua sáu câu chuyện hiện lên “những hình ảnh sống động về những năm tháng trong cuộc đời của tác giả, gia đình và bạn bè.

Tác giả xuất thân từ một gia đình nhà giáo Hà nội gốc, thân phụ ông là một nhà giáo lão thành bắt đầu cuộc đời dạy học từ chức danh hiệu trưởng Trường tiểu học Phúc Xá trên dưới 20 năm, sau đây tiếp tục nhiệm vụ trọng đại này tại Trường tiểu Hoàng Mai xấp xỉ gần ấy năm và ở đâu thầy cũng được dân làng kính trọng.

Bản thân Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hùng ngay sau khi tốt nghiệp đại học đã theo tiếng gọi của Tổ quốc gia nhập quân ngũ, phục vụ tại chiến trường miền Nam cho tới ngày thống nhất đất nước. Lúc này ông xin ra quân để được tiếp tục nghề truyền thống nhà giáo của gia đình. Ông đã phấn đấu vượt qua rất nhiều khó khăn của cuộc sống mới, kiên cường vượt qua mọi bệnh tật – hậu quả của những năm hoạt động tại chiến trường miền Nam.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn *“Ngược dòng thời gian”*, một cuốn sách giúp bạn đọc hiểu được quá trình rèn luyện trong suốt một chặng đường dài trải qua bao thăng trầm của lịch sử nước nhà, phấn đấu từ một chàng trai Hà Nội năm xưa trở thành một nhà giáo có uy tín, tiếp tục tự học và học để vươn lên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ngôn ngữ tại Liên Xô.

Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học

Lời giới thiệu từ một bạn thân

Tác giả cuốn “*Ngược dòng thời gian*” chính là một người bạn thân của tôi trong suốt bốn năm cùng học lớp Anh văn 4 (niên khóa 1961 – 1965) tại Ban Anh văn, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Đọc xong 6 câu chuyện được kể trong cuốn sách của bạn Tiến Hùng, tôi thấy thích vì tôi hiểu được tâm tư của bạn, từ câu chuyện vô cùng cảm động về người cha, người thầy giáo thuộc thế hệ đầu tiên của đất nước Việt Nam được chính phủ Pháp bảo hộ công nhận được phép hành nghề thầy giáo trong khuôn khổ hệ thống giáo dục của chính phủ Pháp từ năm 1918, một người thầy giáo xưa vô cùng mẫu mực, có đức, có tài, đầy tâm huyết, tận tụy trong suốt hơn 40 năm của cuộc đời trong nghiệp thầy để dạy dỗ hết lớp học trò này đến lớp học trò khác nên người hữu dụng cho quê hương, đất nước..., đến câu chuyện về người mẹ của bạn, một bà mẹ cả đời hy sinh để tần tảo vừa nuôi chồng con, vừa báo hiếu cha mẹ và chăm sóc đàn em còn thơ dại chưa được trưởng thành. Tôi suy nghĩ và quá khâm phục cuộc đời của mẹ bạn. Có một cái gì sao giống bài hát *Chị tôi* của nhạc sĩ Trần Tiến quá! Biết bao chàng trai lịch lãm đến xin cưới hỏi, nhưng mẹ bạn từ chối, không chịu đi lấy chồng vì thương mẹ già cơ cực và vì các em trai, gái còn thơ dại, chưa đủ khôn lớn để ra đời... Nhưng sự khác biệt giữa bài hát *Chị tôi* và cuộc đời thực của mẹ bạn là ở chỗ từ chỗ bằng mọi giá từ chối, không chịu đi lấy chồng để tập trung lo chuyện nhà, đến chỗ gần tuổi 30, tuổi của một “cô gái đã luống thì”, mẹ mới chịu nghe theo lời khuyên của mẹ già, các anh chị em và bạn bè bước lên xe hoa, và rồi tiếp theo lại còn phải đeo bồng thêm cho đủ “hai gánh nặng trĩu” trên vai, và phải mang vác những gánh nặng đó trong suốt cuộc đời “quá gian nan, vất vả” của mẹ.

Tiếp theo là chuyện bệnh tật kéo dài liên miên của bạn tôi, nhưng tôi thấy thích vì bạn Tiến Hùng lúc nào cũng lạc quan chữa bệnh,

bằng mọi giá phải vươn lên để hoàn thành nhiệm vụ, làm tốt công việc của một thầy giáo ở một trường đại học nổi tiếng tại thành phố Hồ Chí Minh, một công việc trông bề ngoài có vẻ bình thường, nhưng thực ra bạn đã gặp muôn vàn khó khăn, và gian khổ, rồi cũng lại như những năm xưa đã từng làm tốt trong cuộc chiến, người bạn thân Nguyễn Tiến Hùng của chúng tôi vẫn lại luôn luôn làm tốt nhiệm vụ của mình.

Nhưng ấn tượng sâu đậm nhất, vượt trội lên tất cả trong toàn bộ suy tư của tôi, chính là tình cảm bạn bè vô cùng tuyệt vời của hai người bạn rất thân của tôi là **Nguyễn Hùng Trí** và **Nguyễn Tiến Hùng** (nhà hai bạn ở Hà Nội chỉ cách nhau một con phố: phố Bà Triệu và phố Bùi Thị Xuân), một mối tình bạn thắm thiết, được trải rộng trên mọi khía cạnh của cuộc sống, được kiểm nghiệm khắt khe thông qua bao thăng trầm của lịch sử, từ thời còn vô tư ngồi trên ghế nhà trường đại học, đến thời binh đao khói lửa, cả hai bạn cùng đi bộ đội, rồi ngay sau đó cả hai lại cùng nhau được vào chiến đấu ở chiến trường Nam bộ (B2) trong hàng chục năm trời, và chính ở trong những vùng chiến sự ác liệt nhất, nóng bỏng nhất của cuộc chiến tranh, tính mạng con người luôn ngàn cân treo trên sợi tóc, tình bạn thân thiết của Hùng Trí và Tiến Hùng lại vượt lên trên tất cả mọi thứ trên đời, đậm hoa kết trái vô cùng tươi đẹp, hiếm có thể tìm thấy được một tình bạn hiện hữu đẹp đến như vậy trên chốn nhân gian này!

Tôi nhận thấy 6 câu chuyện trong cuốn sách rất phong phú, sống động thuộc thời xưa, trong chiến tranh cũng như hòa bình, là những tâm tình rất chân thực của người bạn thân của tôi, của chính tác giả Nguyễn Tiến Hùng, về gia đình, bản thân và bạn bè.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc ấn phẩm mới của một người bạn thân, thầy giáo Nguyễn Tiến Hùng.

Lê Thụy Ánh

Nguyên Giảng viên Bộ môn Anh văn

Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội

Lời nói đầu

Tôi muốn viết một cuốn sách mang đậm những kỷ niệm của mình trong thuở thiếu thời. Trong trái tim của chúng tôi lúc nào cũng có một góc kỷ niệm để dành tình yêu của riêng mình cho gia đình và thành phố quê hương.

Trong toàn bộ sáu câu chuyện được trình bày trong cuốn sách, rải rác lúc ở câu chuyện này, lúc ở câu chuyện kia, bạn đọc đều có thể tìm thấy những tình tiết gắn bó chặt chẽ với từng thời điểm của đời tôi.

Ba câu chuyện đầu tiên (1, 2 và 3) kể về cha, mẹ, anh cả tôi, những người thân yêu nhất trong gia đình đã có một tầm ảnh hưởng vô cùng lớn lao trong quá trình tôi khôn lớn và trưởng thành. Đây chính là một cơ sở vững chắc kết hợp với những năm tháng được giáo dục nghiêm túc của các trường từ phổ thông đến đại học đã tạo dựng nên nhân cách của con người tôi.

Ba câu chuyện tiếp theo (4, 5 và 6) kể tỷ mỉ về những gì tôi đã được trải nghiệm trong suốt 57 năm đầy thăng, trầm của đời người, ngay sau khi tốt nghiệp đại học, chính thức bước vào cuộc đời kể từ ngày 29 tháng 4 năm 1965.

Đây là cuốn sách cuối cùng trong chùm tác phẩm của tôi được viết theo thể loại hồi ký, gồm ba cuốn: *Ký ức Hai Góc Đối Chiếu; Người Lĩnh Nghiệp Thầy; và Ngược Dòng Thời Gian*.

Tôi xin thành thật cảm ơn bạn bè và người thân như Phó giáo sư, Tiến sĩ Hà Công Tài, Thạc sĩ ngôn ngữ Bích Thư, Nhà báo Nguyễn Thị Kim Diệp, Nhà báo, Phóng viên Thông tấn xã Việt Nam Nguyễn Quỳnh Vân đã đọc và viết những cảm nhận của mình sau khi đọc bản thảo cuốn sách, đặc biệt đến:

1) Phó giáo sư, Tiến sĩ Khoa học, Nhà giáo ưu tú Nguyễn Ngọc Hùng, nguyên Phó Hiệu Trưởng Trường Đại Học Ngoại ngữ Hà

Nội (nay là Trường Đại Học Hà Nội)

2) Cô giáo Lê Thụy Ánh, nguyên Giảng viên Bộ môn Anh văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã góp nhiều ý kiến phản biện tích cực để tôi có thể hoàn thiện tập bản thảo, và đã nhận viết lời giới thiệu cuốn sách *Ngược dòng thời gian* này.

Cuối cùng, tôi muốn dành lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất gửi đến gia đình nhỏ bé vô cùng thân thương của tôi gồm vợ, các con và các cháu, những người hàng ngày động viên không ngừng để tạo cho tôi có niềm vui trong công việc, và kết quả là cuốn sách "*Ngược dòng thời gian*" được hoàn tất và đã được hân hạnh gửi đến tay bạn đọc ngày hôm nay.

Nguyễn Tiến Hùng

Câu chuyện số 1

Cha, thầy, bạn

Những kỷ niệm trân quý về cha, thầy và bạn

Trong gia đình, ba người chủ chốt là cha, mẹ và anh trai cả của tôi đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách, phương pháp nhận thức các mặt tích và tiêu cực trong xã hội.

Nhưng tôi phải thừa nhận trong ba người tôi vô cùng kính mến và yêu quý ở trên, cuộc đời và sự nghiệp của cha tôi có một tầm ảnh hưởng cực kỳ lớn lao trong thời tuổi ấu thơ của tôi, đặc biệt trong thời gian tôi theo học bậc tiểu học dưới thời Pháp thuộc (từ năm 1949 đến cuối năm 1954).

Trong thời gian này, bất kỳ đi đâu, thăm hỏi bà con, bạn bè ở các nơi cha tôi đã từng đến dạy học nhiều năm như làng Phúc Xá, làng Hoàng Mai, tôi luôn được đi theo cha, thậm chí kể cả những buổi cha tôi lên lớp dạy học ở trường tiểu học Hoàng Mai, tôi cũng đi theo để học “ké”, để được cha kèm cặp thêm. Cha tâm sự với tôi nhiều điều thú vị, kể tôi nghe nhiều chuyện rất cảm động về hoàn cảnh thiếu thốn của gia đình trong thời niên thiếu, về những cố gắng hết sức mình của ông bà nội trong thời gian phải gồng mình từng bữa để nuôi dưỡng sáu người con (bốn trai, hai gái) trưởng thành, đặc biệt những kỳ vọng của ông nội về kết quả học tập của người con trai thứ tư là cha tôi. Nghe chuyện cha hồi nhỏ, nhiều lúc tôi tự nhủ thầm số anh chị em chúng tôi sung sướng hơn cha nhiều lắm.

Cha tôi kể ba người anh trai của cha tôi học không được, ông nội tôi phải cho ba bác chuyển sang tay ngang, đi học nghề tài xế lái xe vận tải.

Bác Cả tôi lập gia đình và hành nghề lái xe thuê ở Hà Nội. Do bác cả gái không có con trai (con gái bác cả gái làm ăn rất phát đạt, đặc biệt là chị Thành (tức chị cả Tế, nhà ở phố Hàng Đào) và chị Cả Tước (nhà ở phố Hàng Đường). Lấy bác hai gái, bác Cả tôi sinh hạ được con trai, đặt tên là anh Thuận (chúng tôi gọi là anh Cả Thuận).

Bác Hai tôi lang bạt vào lái xe thuê và sinh sống ở Sài Gòn. Sau này không còn việc, bỏ cả vợ con ở trong Nam bộ (trong đó, sau khi hòa bình lại, khoảng đầu tháng 5 năm 1975, tôi có được gặp một chị sống ở Cát Lái, ngoại vi Sài Gòn, còn một chị khác sống ở Đà Lạt, bác Hai quay trở về Hà Nội, mong được cuối đời sống với hai anh con trai, nhưng cũng không được toại nguyện vì anh con trai cả tên là Du, đi lính cho chính phủ Pháp – Bảo Đại bị chết trong trận Na Sản, còn người con trai thứ hai là anh Phổ đi lính vệ quốc đoàn của cụ Hồ. Sau khi tiếp quản thủ đô, anh Phổ cùng vợ con về sinh sống hình như ở khu vực Lương Yên. Riêng bác Hai, cha tôi giúp cất tặng bác một căn nhà ở trong làng. Bác Hai ở căn nhà này cho đến lúc bác về với Trời, Phật. Các chị con gái khác của bác Hai tôi như chị Phát, chị Trường cũng sống vô cùng vất vả.

Bác Ba tôi cũng chuyển sang học nghề tài xế. Học xong, bác lên lái xe thuê ở Tuyên Quang và lập gia đình trên đó. Tôi không biết bác Ba tôi sinh hạ được bao nhiêu các anh, các chị. Nhưng cha tôi kể bác có ba anh con trai, gồm anh Lưu, anh Lãng, và anh Minh. Tôi chưa hề được gặp mặt anh Lưu. Riêng hai anh Lãng và Minh, tôi gặp nhiều lần trước khi tôi đi vào Nam bộ làm việc. Nghe nói các cháu trai và gái (con của hai anh Lãng và Minh) làm ăn thành đạt, chuyên môn giỏi, tôi rất mừng.

Ngoài ba người anh trai, cha tôi còn có hai người em gái là cô Nguyễn thị Tần (tức cô Tư Ngộ) và cô Nguyễn Thị Tấn (hình như mọi người gọi cô là cô Hai Đảng) chủ yếu sống với chồng con ở trong làng Hoàng mai, làm nghề trồng rau, củ, quả v.v..., và hàng sáng các cô cùng con gái gánh rau lên tận Chợ Hôm (gần nhà tôi ở trên phố) bán lẻ. Cô Tần (tức cô Tư Ngộ) tôi được gặp thường xuyên, còn cô Tấn mất sớm, tôi chưa hề được gặp mặt.

Riêng về cha tôi, những câu chuyện về thời cha được ông bà nội cho đi học từ những năm đầu tiên của thập kỷ 1910 tôi đều được cha kể cho nghe nhiều lần.

Bất kể chuyện gì trong tuổi ấu thơ, nếu tôi không biết, tôi đều hỏi cha và Người luôn giải đáp thật chi tiết từng câu tôi hỏi. Riêng về học ở trường cũng như ở nhà, cha kiểm tra từng bài tập xem tôi

làm như thế nào và có thưởng, phạt nghiêm minh. Chỉ riêng về ngoại ngữ, cha trực tiếp dạy tôi tiếng Pháp ngay từ khi tôi bước vào học lớp năm, bậc tiểu học (tức lớp 1 bây giờ). Học hết bậc tiểu học, chuẩn bị lên lớp Đệ Thất, bậc Trung học, trong kỳ nghỉ hè, cha còn mang sách học Toán bằng tiếng Pháp của anh Dũng (anh trai cả trong gia đình) bắt tôi phải tập làm và trả lời bằng tiếng Pháp. Cha tôi có ý định cho tôi thi tuyển vào trường Lycée Albert Sarraut, nhưng chính trong năm học đó không thi tuyển vì chính phủ kháng chiến tiếp quản thủ đô Hà Nội (tháng 10 năm 1954). Sau đó, cha cho tôi thi tuyển vào học trường Trung học Chu Văn An ở Phố Cửa Bắc (sau này trường Chu Văn An mới được chuyển về trường cũ là trường Bưởi ở đầu phố Thụy Khuê, gần chùa Quan Thánh, vì trong chiến tranh, Pháp lấy trường Bưởi làm trại lính).

Tôi vô cùng nỗ lực trình độ tiếng Pháp của cha tôi. Hồi học ở bậc tiểu học, hàng ngày cha tôi dạy tôi tiếng Pháp theo một chương trình riêng, nằm ngoài chương trình học ở nhà trường. Thông thường buổi chiều, lúc rảnh rang, cha tôi thường ra trước cửa gặp gỡ, đàm đạo nhiều lúc cả giờ đồng hồ cùng ông hàng xóm là ông Petite (chồng bác Đức ở 125 Huyền Trân Công chúa – sau này (sau 1955) mới đổi tên là Bùi Thị Xuân), là một viên chức người Pháp. Thấy hai người nói tiếng Pháp “lầu lầu” là tôi đã vô cùng kính nể rồi. Tôi không dám vô lễ so sánh thời xưa với thời nay, nhưng tôi tự hỏi không hiểu có thầy cô giáo nào đang dạy cấp tiểu học nói được ngoại ngữ như tiếng Anh, tiếng Pháp với người bản xứ “lầu lầu” như cha tôi từ hồi được bổ nhiệm đi dạy tiểu học thời Pháp thuộc từ những năm thập niên 1920 của thế kỷ trước hay không? (cách đây đúng 100 năm).

Tôi phải thành thật thú nhận rằng chính trong thời gian sáu năm của thời thơ ấu (1949 - 1954) đã để lại những kỷ niệm rất đẹp, những kỷ niệm đã hằn lên thật sâu đậm không bao giờ phai mờ trong tiềm thức của tôi về cách đối nhân, xử thế với các tầng lớp nhân dân trong xã hội của cha tôi thông qua những việc làm, cách tiếp cận và sự giúp đỡ mọi người không phân biệt giàu, nghèo, sang, hèn của Người ngay trong thế giới nhỏ bé hàng ngày đến dạy học trò tại hai làng Phúc Xá và Hoàng Mai, về phẩm chất đạo đức cao quý của một thầy giáo, một người lúc nào cũng tận tâm, tận lực, tìm mọi cách dạy dỗ các thế hệ học trò thân yêu trở thành những công bộc phục vụ đắc lực cho dân, cho nước.

Nếu được Trời, Phật cho phép, từ đáy lòng, tôi kính xin Cha kính yêu cho đứa con trai này được coi Người không những là một người cha, một người thầy giáo, mà còn là một người bạn thân

thiết nhất trong đời, và chính NGƯỜI đã giúp con vượt mọi khó khăn trong cuộc đời của con thông qua những trải nghiệm, thử thách đầy ắp những kỷ niệm không thể nào quên trong quá trình 80 năm con khôn lớn và trưởng thành.



Cha kính yêu, người đã ảnh hưởng vô cùng lớn lao trong quá trình tôi khôn lớn và trưởng thành, thầy giáo dạy trường Tiểu học Phúc Xá và trường Tiểu học Hoàng Mai

Thầy Nguyễn Tiến Duyến (1900 – 1983)

Sáng ngày mùng một Tết Tân Sửu (2020), tôi thức dậy từ 5g30. Ngồi suy nghĩ một lúc, tôi quyết định mở máy laptop, khai bút đầu năm mới bằng viết một câu chuyện về người cha yêu quý của tôi, một thầy giáo thuộc thế hệ đầu tiên được nhà nước Pháp bảo hộ thừa nhận đủ tư cách là giáo viên trong hệ thống giáo dục của Pháp từ năm 1918. Đó chính là thầy Nguyễn Tiến Duyến, người thầy giáo đã từng dạy trường tiểu học ở các làng Phúc Xá và Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, mỗi trường trên dưới 20 năm.

Cha kính yêu của tôi

Hoàn cảnh gia đình và con đường học vấn của cha

Cha tôi sinh năm 1900 trong một gia đình viên chức nghèo ở Làng Hoàng Mai, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. Sau chính quyền Pháp bảo hộ đổi huyện Hoàn Long thành đại lý Hoàn Long, thuộc thành phố Hà Nội (hiện nay làng Hoàng Mai trở thành Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội).

Tuy sống trong gia đình viên chức nghèo, nhưng cha tôi rất chịu khó học, và học rất giỏi, cả làng ai cũng biết. Nghe cha tôi kể khi đi học, cha luôn đứng nhất lớp, năm nào cũng được phần thưởng, ông nội tôi rất quý cha tôi và dồn mọi sức lo cho cha tôi ăn học. Đến năm 18 tuổi, cha đã đậu bằng Thành Chung. Sau đó, cha tôi làm đơn, xin đi dạy học. Đơn xin việc được chấp nhận, cha tôi trở thành giáo viên thuộc thể hệ đầu tiên được chính phủ Pháp bổ nhiệm đi dạy học ở các trường tiểu học nằm trong hệ thống giáo dục của chính phủ bảo hộ Pháp tại Hà Nội.

Cha tôi kể rằng thời cha tôi đi học, hệ thống giáo dục phổ thông Pháp-Việt chưa được xây dựng hoàn chỉnh, còn nhiều chỗ chấp vá. Lúc đầu chỉ có bậc Tiểu học, học trong 06 năm, gồm lớp Đồng Ấu (Cours Enfantin) ; lớp Dự Bị (Cours Préparatoire); lớp Sơ Đẳng (Cours Élémentaire); lớp Nhì năm thứ nhất (Cours Moyen 1ère année); lớp Nhì năm thứ hai (Cours Moyen 2è année) ; và lớp Nhất (Cours Supérieur)

Trong Hệ Tiểu học, ba lớp đầu được gọi là bậc Sơ Học. Học xong lớp Sơ Đẳng, học sinh phải thi lấy bằng Sơ Học Yếu Lược (Primaire Élémentaire). Những học sinh được tuyển thẳng lên lớp Nhì năm thứ nhất không bắt buộc phải thi Sơ Học Yếu Lược. Học hết lớp Nhất học sinh được thi bằng Tiểu Học Yếu Lược hay Sơ Đẳng Tiểu Học (Certificat d'Études Primaire Franco-Indigène, viết tắt là CEPFI). Sau khi có bằng Sơ Đẳng Tiểu học (CEPFI), nếu muốn được bổ nhiệm làm giáo viên Bậc Sơ Học, học sinh đó bắt buộc phải học thêm một năm lớp Sư phạm (Cours de Pédagogie).

Riêng đối với học sinh muốn được dự tuyển học lên lớp trên thuộc bậc Cao Đẳng Tiểu Học, đương nhiên phải có bằng Sơ Đẳng Tiểu Học.

Đúng vào năm cha tôi thi đậu bằng Sơ Đẳng Tiểu Học, chính phủ Pháp cho phép tuyển sinh Hệ Đào tạo Cao Đẳng Tiểu Học tại các trường Collège ở thành phố, học trong 4 năm. Cha tôi nộp đơn xin dự tuyển học khóa Cao Đẳng đầu tiên. Kết thúc khóa học, bố tôi thi lấy bằng Cao Đẳng Tiểu Học (Diplôme d'Étude Primaire

Supérieurs Franco-Indigène), hay còn gọi tên khác là Bằng Thành Chung.

Cha tôi tâm sự, sau khi lấy được Bằng Thành Chung, cha phải đi xin việc làm để giúp đỡ ông bà. Hơn nữa, muốn học thêm cũng không được, vì thời gian đó chưa có chương trình đào tạo Bậc Trung Học, hay còn gọi bậc Tú Tài Pháp-Việt (Enseignement Secondaire).

Theo cha tôi, ở Việt nam, bắt đầu khoảng từ năm học 1937-1938, chương trình giáo dục Pháp-Việt mới được xây dựng hoàn chỉnh trong khung học 13 năm. Nếu cha tôi muốn học tiếp, cha tôi phải xin thi tuyển vào Hệ đào tạo Trung Học, hay còn gọi là Hệ Tú Tài Pháp-Việt, và nếu đỗ, cha tôi phải học thêm ba năm nữa.

Thông thường, học xong hai năm đầu, học sinh được phép thi lấy bằng Tú Tài phần thứ nhất (Baccalauréat, 1ère partie). Đậu xong bằng này, học sinh được học tiếp năm thứ ba không phải thi tuyển.

Năm thứ ba được chia làm ba ban: Toán, Khoa Học, Triết. Ngoài ban mình học, học sinh được phép thi tốt nghiệp các ban khác nhưng phải tự học thêm những môn mà ở ban mình theo học không có. Học sinh cũng được phép thi bằng Tú Tài Pháp. Học xong năm thứ 3 trung học, học sinh được thi lấy bằng Tú Tài Toàn Phần (Certificat de Fin d'Études Secondaire Franco-Indigènes).

Cha tôi kể thời gian đó cha tôi đã lập gia đình, có vợ, có con nên không thể nào có thể theo học tiếp được, vì phải đi làm kiếm tiền lo cho gia đình.

Dành trọn cuộc đời cho sự nghiệp làm thầy

Từ khi bắt đầu được bổ nhiệm làm thầy giáo dạy bậc tiểu học (từ năm 1918), cha tôi đi dạy ở nhiều trường trong phạm vi của Huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. Sau này (từ tháng 8/1942), Huyện Hoàn Long biến thành nhượng địa của Pháp, gọi là Đại lý đặc biệt Hoàn Long, trực thuộc Thành phố Hà Nội.

Mỗi khi kể chuyện về đời đi dạy học, cha thường kể nhiều đến những kỷ niệm về cuộc đời dạy học trong quá trình dạy ở Trường Tiểu Học Phúc Xá khoảng trên dưới hai mươi năm với chức danh Hiệu trưởng kiêm giáo viên (trước 1946) và ở Trường Tiểu Học Hoàng Mai khoảng gần hai mươi năm, với nhiệm vụ Hiệu trưởng kiêm giáo viên từ sau năm 1948.

Do cha tôi đã từng dạy học nhiều năm ở hai trường trên nên nhiều thể hệ khác nhau đã từng theo học cha tôi ở làng Phúc Xá và Hoàng Mai quen biết cha tôi, coi cha tôi như người ông, người cha và thường xuyên đến thăm cha tôi.

Trường Tiểu Học Phúc Xá

Trường Tiểu Học Phúc Xá nằm trên khu bãi bồi của Sông Hồng. Cha tôi kể rằng các bô lão trong làng cho biết ngày xưa làng này tên là làng An Xá, thuộc thành Đại La. Sau vua Lý Thái Tổ cho xây thành, buộc dân làng phải di ra bãi đất bồi ở Sông Hồng. Thời vua Lý Thần Tông, vua ra sắc chỉ đổi tên làng An Xá thành làng Cơ Xá. Dân sống ở đây rất cơ cực, đất đai không trồng lúa được, chủ yếu trồng dâu, nuôi tằm. Vì sống quá cơ cực nên sau này người dân xin vua Duy Tân (1911) đổi tên từ làng Cơ Xá thành làng Phúc Xá để mong xóa bỏ được nỗi cơ cực trong cuộc sống, và để cầu Trời khấn Phật ban cho dân được nhiều hồng phúc.

Theo Phó giáo sư Tiến sĩ khoa học Nguyễn Ngọc Hùng, nguyên Phó hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ Hà nội, một vài nhà Hà Nội học cho rằng khi buộc dân phải di dời ra khu bãi đất bồi ở sông Hồng để nhường đất xây thành Đại La, vua Lý Thái Tổ ban tên làng mới là Cơ Xá với ý nghĩa CƠ là cơ động chứ không phải là CƠ CỤC vì khi nước ở sông Hồng dâng lên, dân làng có thể cơ động biến bất cứ vật gì nổi để thoát lũ. Nghe mấy ông nghiên cứu về Hà Nội học nói vậy thì phải ngồi dựa cột mà nghe vì tôi tuy dân chính gốc Hà Nội từ biết bao đời nay, có bao giờ đi sâu vào khía cạnh nghiên cứu của các ông đâu mà tranh luận.

Nhưng suy đi, nghĩ lại, tôi thấy dân sau này xin vua Duy Tân (năm 1911) đổi tên thành làng Phúc Xá nghe hợp lý hơn, ấm cúng hơn vì người dân ở thời nào cũng vậy chỉ mong được nhiều hồng phúc trong cuộc sống mà thôi.

Sau ngày hòa bình lập lại, thống nhất đất nước, tôi ở lại thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục nghề dạy học của cha tôi ở trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến nay, tôi đã xa Hà nội 55 năm rồi. Thành phố Hà Nội nay đã thay đổi nhiều. Ranh giới địa chính các làng, xã ven thành phố Hà Nội trước kia không còn nữa. Tôi hỏi nhiều người dân gốc Hà Nội hiện trường Tiểu học Phúc Xá có còn hay không? Và câu trả lời là không biết. Nhiều người cho tôi hay ngày xưa làng Phúc Xá còn có Phúc Xá Hạ, Phúc Xá Nam, Phúc Xá Tây, Phúc Xá Bắc Biên và Phúc Xá Trung Hà.

Theo bản đồ Hà Nội hiện nay, Phúc Xá Hạ thuộc quận Ba Đình,

Phúc Xá Nam thuộc phường Đồng Mác quận Hai Bà Trưng, Phúc Xá Tây là An Dương thuộc quận Tây Hồ, và Phúc Xá Bắc Biên, Phúc Xá Trung Hà thuộc phường Ngọc Thụy.

Như vậy theo phân chia địa chính hiện hữu, không còn làng Phúc Xá như trước kháng chiến toàn quốc năm 1946 nữa. Tôi cho rằng chắc hầu hết dân làng Phúc Xá ngày xưa theo học ở trường Tiểu học Phúc Xá là dân ở Phúc Xá Bắc Biên và Phúc Xá Trung Hà, vì tôi còn nhớ nghe được loáng thoáng các câu chuyện các cụ bô lão tâm sự với cha tôi mỗi khi ghé qua nhà tôi chơi, thường nhắc nhiều đến bà con, bè bạn ở làng Ngọc Thụy. Đến nay đường làng ở Phúc Xá Bắc Biên, Phúc Xá Trung Hà đã trở thành đường phố khang trang, có nhiều nhà cao tầng thuộc Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên.

Tôi còn được biết tháng 2 năm 2020, theo quyết định của UBND thành phố Hà Nội, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên đã được sắp xếp, sáp nhập lại còn 26 tổ dân phố. Trên địa bàn phường, hiện có 9 trường học công lập (2 trường trung học cơ sở, 3 trường tiểu học) rất nổi tiếng trong đào tạo học sinh giỏi ở quận cũng như ở thành phố. Tôi rất mong trường tiểu học Phúc Xá ngày xưa khi cha tôi từng dạy nay là một trong những trường kể trên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2021, trong lúc cả thành phố Hồ Chí Minh đang căng mình chống dịch Covid-19, trên facebook, trong phần dành cho “”Những người bạn yêu Hà Nội”, tình cờ tôi thấy tấm ảnh chụp cổng làng Phúc Xá – Ngọc Thụy của bạn Trọng Tan Ngo đăng lên (xin lỗi tôi không biết bạn bao nhiêu tuổi để xưng hô cho phải phép, nhưng tôi mạnh dạn dùng chữ “bạn” vì tôi chắc có lẽ bạn nhỏ tuổi hơn tôi, vì năm nay tôi đã ở ngưỡng cửa của tuổi 80 rồi!). Thấy bức ảnh chụp cổng làng Phúc Xá (mặc dù qua tấm ảnh chụp, cổng làng mới được xây lại khá đồ sộ, nguy nga), tôi mừng quá vì chính cái ngôi làng cha tôi đã từng đến dạy học cả hai chục năm trời từ ngày xưa ngày xưa... đến nay vẫn còn tồn tại.

Cơ may làm sao gần đây (sau Tết Nhâm Dần – 2022) tôi còn được biết Phó giáo sư, Tiến sĩ khoa học Nguyễn Ngọc Hùng chính là dân gốc làng Cơ Xá - Ngọc Thụy. Vợ chồng PGS TS cho tôi biết ngày xưa cụ Ngô Tuấn (sau được đổi tên mang dòng họ nhà vua là cụ Lý Thường Kiệt) có thời gian sinh sống ở làng Cơ Xá – Ngọc Thụy. Chính Phó giáo sư, Tiến sĩ khoa học Nguyễn Ngọc Hùng và một vài thành viên trong dòng họ NGUYỄN NGỌC đã có công đòi lại nơi thờ cụ Lý Thường Kiệt bị xuống cấp để xây lại khang trang thành Cơ Xá Linh Từ (công trình 1000 năm Thăng Long ở số 4 phố Nguyễn Huy Tự, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội). Hiện PGS

TSKH Nguyễn Ngọc Hùng là một thành viên trong Ban quản lý đền thờ cụ Ngô Tuấn.

Trường tiểu học Hoàng Mai

Trường Tiểu Học Hoàng Mai thời Pháp thuộc ở ngay trung tâm làng Hoàng Mai, đối diện với Ủy ban Xã Hoàng Mai, thuộc Quận Hoàn Long, thành phố Hà Nội.

Sau khi tiếp quản Hà Nội, nhà nước đổi tên là làng Hoàng Văn Thụ vì trên cánh đồng làng, Pháp đã lập trường bắn để xử bắn lãnh tụ Đảng Cộng Sản Đông Dương là ông Hoàng Văn Thụ (hiện trường đã được đổi tên thành Trường tiểu học Hoàng Văn Thụ, số 19/160 phố Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội).

Ngôi trường tiểu học nằm ngay ở trung tâm của làng Hoàng Mai. Thông thường khi cha tôi đến trường dạy học, tôi thường được cha cho đi cùng, bắt tôi ngồi cuối lớp, để tiện kèm cặp thêm về hai môn toán và văn.

Thực ra từ thời cuối vua Lê, làng Hoàng Mai, quê hương của chúng tôi, là một xã thuộc Tổng Hoàng Mai, Huyện Thanh Trì, Phủ Thường Tín, Tỉnh Hà Đông. Từ năm 1915, Huyện Thanh Trì được đổi tên thành Huyện Hoàn Long, Tỉnh Hà Đông. Từ tháng 8/1942, Huyện Hoàn Long được nhập lại vào thành phố Hà nội. Sau tiếp quản thủ đô (tháng 10/1954), làng Hoàng Mai được đổi tên thành Làng Hoàng Văn Thụ. Tháng 10/1990, xã Hoàng Văn Thụ được chuyển thành phường Hoàng Văn Thụ, thuộc quận Hai Bà Trưng. Từ tháng 11/2004 đến nay, phường Hoàng Văn Thụ thuộc quận Hoàng Mai.

Tháng 12 năm 1946, toàn quốc kháng chiến, gia đình tôi tản cư về làng Thường Xuyên, Tỉnh Hà Đông. Khoảng cuối năm 1947, cha tôi bị ốm rất nặng. Mẹ tôi phải thuê người cáng cha trên võng, dắt díu cả gia đình tôi (lúc đó có năm anh em chúng tôi gồm ba trai và hai gái) trở lại Hà Nội để chữa bệnh cho cha tôi.

Giữa năm 1948, cha tôi khỏi bệnh, tiếp tục xin đi dạy học ở Đại lý Hoàn Long, thành phố Hà Nội. Lần này, chính quyền Pháp bảo hộ bổ nhiệm cha tôi về làm Hiệu trưởng ở ngay chính trường tiểu học của quê chúng tôi là làng Hoàng Mai.

Trở về quê nhà dạy học, được gặp lại họ hàng, bà con, cô bác thân quen, cha tôi vô cùng phấn khởi, ngày đêm cùng các thầy, cô giáo khác làm việc hết sức mình để xây dựng nhà trường.

Bằng bề dày kinh nghiệm làm hiệu trưởng ở trường tiểu học Phúc Xá gần hai mươi năm, cha tôi cùng đội ngũ thầy, cô giáo đã xây dựng Trường Tiểu Học Hoàng Mai thành một trường học khang trang, mẫu mực, đào tạo được nhiều học sinh giỏi cho thành phố Hà Nội. Nếu tôi nhớ không nhầm, trường của cha tôi đã được bác Tổng Từ Ninh, Giám đốc Ty Tiểu học Hà nội (thời Pháp đô hộ) đến thăm và khen ngợi nhiều lần.

Những năm từ 1950 đến cuối năm 1954 (năm tiếp quản thủ đô), chương trình giáo dục của chính phủ Pháp bảo hộ có một chút thay đổi về khung chương trình, từ chế độ đào tạo 13 năm xuống còn 12 năm, cụ thể như sau:

- Hệ giáo dục tiểu học gồm 5 năm học thay vì trước phải học 6 năm. Cụ thể có các lớp Năm; Tư; Ba; Nhì và Nhất.

Học xong lớp Nhất học sinh sẽ dự thi lấy Bằng Tốt Nghiệp Tiểu Học.

- Hệ giáo dục trung học bao gồm:

Hệ giáo dục trung học đệ nhất cấp gồm 4 năm học với các lớp Đệ Thất; Đệ Lục; Đệ Ngũ và Đệ Tứ.

Học xong lớp Đệ Tứ, học sinh dự thi lấy Bằng Tốt Nghiệp Trung Học Đệ Nhất Cấp.

Hệ giáo dục trung học đệ nhị cấp gồm 3 năm học với các lớp đệ Tam, Đệ Nhị và Đệ Nhất. Điểm nổi bật là từ lớp Đệ Tam trở đi bắt đầu học phân Ban (Ban A đi chuyên sâu vào các môn Toán, Lý; Ban B đi chuyên sâu vào các môn Sinh; Hóa; và Ban C đi chuyên sâu vào ngoại ngữ (hai môn ngoại ngữ bắt buộc).

Sau khi học hết lớp Đệ Nhị, học sinh dự thi lấy Bằng Tú Tài 1 (Tú Tài bán phần), và sau khi học hết lớp Đệ Nhất, học sinh dự thi lấy Bằng Tú Tài 2 (Tú Tài toàn phần).

- Hệ giáo dục Đại Học: Muốn thi vào Đại Học, học sinh phải có Bằng Tú Tài 2 (Tú Tài toàn phần), và tùy theo ban ngành đã học, xin dự thi vào chuyên ngành học sinh đã chọn khi bước vào học Hệ Giáo dục Trung Học đệ nhị cấp.

Tóm lại, chương trình cắt giảm đi một lớp Nhì (lớp Nhì năm thứ nhất (Cours Moyen 1ère année) và lớp Nhì năm thứ hai (Cours Moyen 2è année) của Hệ Tiểu Học cũ gộp lại làm một lớp), và tên gọi các lớp thuộc các hệ đào tạo mới này tuy có khác với hệ đào tạo

cũ, nhưng về đại thể, chương trình đào tạo và các bộ sách giáo khoa được sử dụng để dạy học vẫn theo chương trình cũ của Pháp, không thay đổi nhiều.

Những suy tư của cha tôi về giáo trình dạy học thời xưa

Cha tôi kể rằng về giáo trình dạy học, các tỉnh, thành phố phải sử dụng duy nhất Bộ sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư và Luân Lý Giáo Khoa Thư do Nha Học Chánh Đông Pháp (của nhà nước bảo hộ Pháp), giao cho các học giả uyên bác thời bấy giờ là các ông Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, và Đỗ Thận cùng biên soạn. Ngoài ra, còn một số sách giáo khoa khác như Toán, Văn học Việt nam, Lịch Sử Việt nam, Địa lý Đông Dương, Tiếng Pháp v.v... sử dụng để dạy các lớp của bậc Tiểu Học đều do Nha Học Chánh Đông Pháp chủ trì biên soạn và xuất bản, bán rẻ cho học sinh. Riêng từ bậc Cao Đẳng Tiểu Học trở lên, toàn bộ các lớp phải dùng sách giáo khoa xuất bản tại Pháp.

Nhìn chung, trong việc quản lý giáo dục từ việc triển khai dạy học đến tài liệu sử dụng để dạy học đã được chỉ đạo khá chặt chẽ, đã tạo cho người dân có một lòng tin vào chất lượng học tập của con em mình ở nhà trường. Hơn nữa, nhìn vào đội ngũ giáo viên được đào tạo bài bản, có tâm huyết trong nghề “gỗ đầu trẻ” cũng làm yên lòng bố mẹ học trò trong việc giao con em mình cho các thầy dạy dỗ.

Cha tôi hết lời ca ngợi tâm huyết của các học giả, nhà văn, nhà giáo dục như các ông Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận, những người đã dày công biên soạn và để lại cho con cháu một bộ hai cuốn sách vô cùng sâu sắc mà cũng rất giản dị, trải rộng ra khắp lĩnh vực của cuộc sống đời thường nhưng luôn bảo đảm tính khoa học, tính logic của bộ giáo trình. Trong từng bài học, các tác giả yêu cầu thầy giáo lên lớp phải dạy làm sao để học sinh có thể thực sự cảm nhận được là các cháu được thầy yêu thương, chăm sóc, dạy bảo không khác chi cha mẹ các cháu ở nhà.

Thật vậy, những bài học đầu tiên trong bộ sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư, từ cuốn dành cho lớp Đồng Ấu, cho đến lớp Dự Bị và lớp Sơ Đẳng, từng bài một đều mở đầu ra một chân trời vô cùng sáng sủa, rộng rãi, khái quát nhiều quan hệ của cuộc sống đời thường của một con người. Các em học để biết yêu kính tổ tiên từ trong tâm khảm. Các em học để kính trên, nhường dưới, sống hòa thuận, có trước, có sau. Thậm chí trong bộ sách, các tác giả chỉ ra rất rõ những mối quan hệ trong cuộc sống không chỉ riêng giữa

con người với con người mà còn cả với cảnh vật xung quanh, với những con vật nhỏ bé như con gà, con chim, con cóc, con trâu v.v... Các tác giả nêu bật thiên nhiên là chốn nâng đỡ cuộc sống con người, là nơi sự sống phát sinh và phát triển.

Điều cha tôi rất tâm đắc là sau từng bài tập đọc, các tác giả tóm lược lại ý nghĩa của bài bằng một câu rất đơn giản, mang tính chất giáo dục cao về đạo đức, luân lý, rất dễ cho học sinh “nhập tâm”, không cần phải giải thích.

Thí dụ:

“Công Cha như núi Thái Sơn

Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra”

“Học trò phải biết ơn Thầy”

“Tiên học lễ, Hậu học văn”

“Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”

“Đi một ngày đàng, học một sàng khôn”

“Anh em như thể tay chân”

“Cờ bạc như bác thằng bần”

“Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”

“Khôn ngoan đối đáp người ngoài,

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau”

“Bầu ơi thương lấy bí cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” v.v...

Cha tôi rất thích giảng cho học sinh những bài tập đọc có giá trị giáo dục cao về lễ sống làm người.

Chẳng hạn, bài tập đọc mở đầu cho cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư, lớp Sơ Đẳng, nhằm nhắc nhở học sinh phải đi học đúng giờ:

“Xuân đi học coi người hớn hở,

Gặp cậu Thu đi ở giữa đàng,

Hỏi rằng: " Sao đã vội vàng,

Trống chưa nghe đánh, đến tròng làm chi ?"

Hay bài học thuộc lòng trong cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư, lớp Dự Bị: "Con cò mà đi ăn đêm":

"Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cànch mềm lộn cổ xuống ao.

Ông ơi ông vớt tôi nao!

Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng.

Có xáo thì xáo nước trong,

Đừng xáo nước đục đau lòng cò con".

Cha luôn ca ngợi người mẹ đẹp tuyệt vời qua hình ảnh “Con Cò” đã được nhân cách hóa trong bài ca dao. Con cò trong mắt của nhân dân ta chính là hình ảnh của người mẹ. Mẹ tần tảo suốt ngày đêm để nuôi dưỡng con có khác gì thân cò lặn lội ngày đêm để nuôi đàn cò con.

Trong cuốn Luân lý giáo khoa thư, các tác giả chia làm ba chương cho mỗi lớp: Chương đầu tiên nói về bốn phận của đứa trẻ trong gia đình và ở nhà trường; Chương thứ hai nói về những tính tốt và xấu của đứa trẻ, và Chương thứ ba nói về bốn phận của các cháu với xã hội.

Những bài học về Luân lý được đan xen rất khéo, rất công phu với những bài tập đọc trong bộ Quốc Văn Giáo Khoa Thư, làm sống động từng bài học bằng những tóm lược rất tinh vi của các tác giả, có giá trị giáo dục cao với học sinh.

Cha tôi thường nói là một thầy giáo, phải tinh ý thấy được ý đồ của các tác giả và phải dạy làm sao cho các cháu thấm được những ý tưởng trên để trở thành “cái cốt lõi” trong cuộc sống, ngõ hầu các cháu trở thành người “lương thiện”, người “tử tế” trong tương lai, một khi các cháu trưởng thành,

Ngay trong phần đầu cuốn sách, các tác giả căn dặn thầy giáo phải dạy học sinh làm sao để khi ở nhà phải là đứa con có hiếu, khi đến trường phải là một học sinh tốt, và khi ra đường phải là một đứa bé nết na.

Thực ra, để phát triển giáo dục cho một quốc gia, ngoài việc biên soạn một bộ sách giáo khoa công phu, có tính khoa học và tính hiện đại cao, còn phải tính đến phương pháp triển khai thực hiện có hiệu quả bộ sách giáo khoa, cách quản lý trong quá trình thực hiện ở cơ sở dạy học, và cao hơn hết là trình độ của những người trực tiếp thực hiện giảng dạy bộ sách giáo khoa đó (ở đây tôi muốn nói đến ba chữ “T” gồm TRÌNH ĐỘ, TÂM và TẦM của thầy giáo).

Tôi còn nhớ vào một buổi tối khoảng đầu năm 1963, anh ruột tôi là anh Dũng tâm sự với tôi về chuyện gia đình, có thắc mắc không hiểu lý do gì mà cha tôi suốt đời dạy học, luôn một chương trình dạy giống nhau, nếu có khác thì cũng chỉ một tý chút thôi, mà chiều nào cha tôi cũng ngồi miệt mài soạn bài không những cho hôm sau mà thậm chí nhiều lúc cho cả tuần sau để lên lớp dạy học sinh. Điều đáng chú ý là cha tôi ngồi soạn một giáo án lên lớp cho một môn học rất công phu, viết nắn nót từng chữ rất đẹp, sử dụng cả bút máy màu đỏ gạch từng phần với thời lượng bao nhiêu phút cha sẽ dành để giảng từng phần cho học sinh.

Tôi mang thắc mắc của anh Dũng ra hỏi. Cha tôi ngồi trầm ngâm một lúc rồi nói:

“Đây chính là nghệ thuật sư phạm, con ạ! Lên lớp dạy học phải có “hồn”, người thầy giáo không phải là một cỗ máy, vô tri, vô giác. Muốn trở thành người thầy giáo được người đời thừa nhận thì trước hết phải là một người thầy giáo có tư cách đạo đức tốt, phải biết thương yêu học sinh, coi các em như con, cháu trong nhà, và thực sự phải có trách nhiệm cao khi lên lớp dạy dỗ các cháu để sau này các cháu trở thành người hữu dụng cho quê hương, đất nước. Cha ngồi soạn giáo án tỉ mỉ từng bài của sách giáo khoa là muốn làm sao truyền đạt được càng nhiều càng tốt những ý tưởng uyên bác của các tác giả đến với từng học sinh. Làm sao bài soạn để dạy học sinh hôm nay có thể giữ lại để năm sau dạy, hử con?, trong khi mỗi năm một thay đổi, cuộc sống của nhân dân ở từng nơi, ở từng vùng miền có nhiều điểm không giống nhau, trình độ học vấn, trình độ văn hóa của phụ huynh cũng như học sinh từng khu vực, trong một chừng mực nào đó, cũng khác nhau. Làm thầy giáo, cha phải hiểu thật thấu đáo những vấn đề này để dạy học sinh bài nào nên học trước, bài nào nên học sau, và dạy làm sao cho học sinh thấy được cái cần phải học, nghĩa là phải đạt được kết quả tốt nhất mà người thầy giáo mong muốn.”

Những lời tâm sự của cha tôi cho đến nay tôi gần 80 tuổi, cả cuộc đời làm nghề thầy giáo, giờ đây tôi mới thấm được một cách trọn vẹn, đầy đủ ý nghĩa thế nào là “tâm”, “tầm” và “đức độ” một thầy

giáo và tôi mới thực sự hiểu được lý do tại sao cha tôi chỉ là một ông giáo dạy ở trường tiểu học bình thường như bao ông giáo khác mà được biết bao thế hệ học trò vô cùng kính trọng và yêu quý, coi bố tôi như người ông, người cha, người chủ trong gia đình mình.

Tham gia thường xuyên dạy các lớp tu nghiệp cho đồng nghiệp tại trường tiểu học Lê Ngọc Hân

Hàng năm, cứ mỗi kỳ nghỉ hè, do cha tôi là thế hệ giáo viên đầu tiên của nhà nước Pháp bảo hộ, nên Ty Tiểu Học Hà Nội điều động cha tôi và các bác giáo viên khác cùng thế hệ với bố tôi như bác Hợi, bác Kim, bác Thành v.v... đi giảng các lớp Tu nghiệp cho các thầy cô thuộc ngạch Hương Sư trong khoảng hai tháng tại Trường Tiểu Học Lê Ngọc Hân ở phố Lò Đúc, Hà Nội. Đây chính là những khóa bồi dưỡng, trao đổi trong đội ngũ giáo viên về kinh nghiệm sư phạm trong thực tiễn dạy học ở các trường tiểu học trong toàn thành phố.

Dành mọi nỗ lực, tâm huyết cho nghiệp làm thầy...

Tôi luôn nhớ trong thời gian dạy học ở Trường Tiểu Học Hoàng Mai, ngoài các bài lên lớp, cha tôi thường sưu tầm những vở kịch ngắn có tính giáo dục cao cho các anh, các chị lớp Nhất tập đóng kịch bằng thơ, nhằm củng cố lại kiến thức của các bài tập đọc và các bài luân lý cha tôi đã dạy họ trên lớp.

Nhiều buổi chiều, các anh, các chị đến nhà tôi để cha tôi trực tiếp hướng dẫn. Tôi nhớ nhiều nhất là vở kịch ngắn chỉ trích một anh chàng “rởm đời”, được cha mẹ cho lên tỉnh ăn học, có được một chút chữ nghĩa vào đầu, đã ngạo mạn, chê bai mọi người là “nhà quê”, khinh bỉ mọi người “ngu dốt” ra mặt, nhưng rồi cuối cùng khi anh bị sa cơ, thất thế, chính những người “nhà quê” lại cứu mạng, đùm bọc anh. Vở kịch bằng thơ lục bát này sau được diễn không những ở trên lớp mà còn được diễn công khai ở sân trường để học sinh các lớp khác và cha mẹ học sinh đến xem, được mọi người tán thưởng. Tôi rất thích vở kịch “Rởm Đời” này, đặc biệt là anh Cam, học sinh lớp Nhất niên khóa 1953-1954, người đóng vai chính của vở kịch.

Nhiều hôm ở trên lớp, cha tôi còn tổ chức cho các anh, các chị tập kể lại các câu chuyện đã học trong bộ sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư, nhưng phải có điệu bộ, phải diễn tả tình cảm như thật, chẳng hạn như kể lại câu chuyện anh chàng hà tiện đang đi trên đò qua sông, chẳng may bị rơi xuống sông. Anh không biết bơi, ngụp lặn

liên tục. Những người đi dò kêu cứu, hứa ai cứu được anh sẽ được thưởng tiền. Họ đưa ra mức tiền thưởng từ 10 quan tiền xuống dần đến còn 3 quan tiền, nhưng mỗi lần ngoi lên khỏi mặt nước, anh chàng tuy có tiền, nhưng rất hà tiện, không chịu chấp nhận lời đề nghị của bà con đi dò, tuyên bố một câu xanh rờn: “Ba quan tiền đắt quá, thà chết còn hơn!”

Đôi lúc để kiểm tra kiến thức của học sinh, cha tôi lại tổ chức thi “Ai là người giỏi nhất lớp?” bằng cách yêu cầu học sinh đọc thuộc lòng, làm bộ điệu tay chân và qua nét mặt để diễn tả cảm xúc của mình khi trình bày bài thơ “Qua Đèo Ngang Túc Cảnh” của Bà Huyện Thanh Quan. Sau khi chấm điểm phần đầu tiên qua cách trình bày bài thơ và cách diễn tả cảm xúc của học sinh, cha tôi chuyển sang phần kiểm tra kiến thức của học sinh bằng cách hỏi nhiều câu hỏi về hoàn cảnh ra đời của bài thơ, tâm tư của tác giả khi sáng tác bài thơ v.v...

Qua Đèo Ngang Túc Cảnh

(Bà Huyện Thanh Quan)

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà

Cỏ cây chen lá đá chen hoa

Lom khom dưới núi tiều vài chú

Lác đác ven sông chợ mấy nhà

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

Dừng chân đứng lại: trời, non, nước

Một mảnh tình riêng ta với ta.

Sáng tạo đầy dụng ý khi lên lớp dạy học trò

Tôi sẽ thấy cực kỳ có lỗi nếu không nhắc lại một tình tiết rất nhỏ trong dạy học của cha tôi ở vùng tạm chiếm. Thông thường khi đến dạy cho các anh, các chị lớp Nhất ở Trường Tiểu học Hoàng Mai, cha cho tôi đi theo để học thêm. Tôi còn nhớ, có lần cha tôi giảng về cách tìm trọng lượng (poid), tỷ trọng (densité) và thể tích (volume) mà các anh, các chị học sinh không thể nào hiểu được, cha tôi nói bỏ tiếng Pháp đi và thay bằng tiếng Việt theo công thức

như sau: Poid = Phạm; Volume = Văn; Densité= Đồng. Như vậy, muốn tìm Phạm phải lấy Văn nhân lên với Đồng (Văn x Đồng); muốn tìm Văn phải lấy Phạm chia cho Đồng (Phạm : Đồng), và muốn tìm Đồng thì phải lấy Phạm chia cho Văn (Phạm : Văn). Thế là các anh, các chị trong lớp hiểu và làm được bài. Ngồi học “lóm” trong lớp, tôi cũng biết như vậy, có biết gì đâu. Chỉ sau khi tiếp quản thủ đô, tôi mới biết Phạm Văn Đồng chính là tên ông Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của chính phủ cách mạng. Ôi, thật tuyệt vời, cha của tôi! Trong vùng tạm chiếm, chỉ cần sơ hở một chút là bị cảnh binh bắt, mà cha tôi ngang nhiên “dám” dạy học trò như vậy!

Ngón ngang trăm bề trước cảnh bạn bè, họ hàng nội ngoại, kẻ ở lại, người ra đi...

Trước ngày tiếp quản thủ đô, khoảng từ giữa tháng 8 năm 1954 trở đi đến ngày 10 tháng 10 năm 1954, Hà nội vô cùng nhộn nhịp, với đủ thứ tình cảm hỗn độn của kẻ ở lại miền Bắc hay người ra đi, vào miền Nam sinh sống.

Gia đình tôi ở lại miền Bắc theo chính phủ cụ Hồ với lý do rất đơn giản vì chúng tôi được đoàn tụ trở lại trong đại gia đình lớn của họ ngoại (bà ngoại, các bác, các chú, các dì, các cậu, các mợ, các em v.v...đang ở ngoài vùng tự do, sắp trở về Hà nội).

Sau tiếp quản thủ đô (sau ngày 10 tháng 10 năm 1954), cha tôi thuộc diện “công chức lưu dụng” của chính phủ Pháp bảo hộ, nhưng được nhà nước cách mạng sử dụng lại, tiếp tục làm nghề dạy học, và được bố trí làm tiếp hiệu trưởng trường Tiểu học Hoàng Mai. Nghe nói trước khi nghỉ hưu một hai năm gì đó, cha tôi còn được nhà nước bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường Tiểu học Trung Hiến (hiện ở số 10 ngõ Trại Cá, phố Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).

Tình nghĩa bạn bè luôn trọn vẹn thủy chung, trước sau như một, mặc dù kẻ ở Bắc, người trong Nam

Tôi không bao giờ quên được sau khi cuộc chiến kết thúc, hòa bình được văn hồi, giang sơn liền một dải, qua địa chỉ của các tấm bưu thiếp gửi từ trong Nam ra ngoài Bắc của các bác giáo cùng thế hệ cho cha tôi (thời kỳ những năm từ 1955 đến 1960, dưới chế độ chính phủ Ngô Đình Diệm ở miền Nam), cha tôi căn dặn tôi phải đi tìm, giúp cha đến thăm hỏi các bác. Tôi đã tìm đến các địa chỉ trên các tấm bưu thiếp của bác Thành, bác Kim nhưng không thể gặp được vì hai bác không còn ở những địa chỉ trên. Riêng khi tôi

đến khu Bàn Cờ tìm bác giáo Hợi, do địa hình ở khu này rất quanh co, nên tôi phải nhờ nhân dân quanh khu vực chỉ, và cuối cùng tôi cũng tìm gặp được bác giáo trong một con hẻm nhỏ. Bác giáo gặp tôi rất vui mừng và rất lạ, mặc dù bác xa Hà Nội 21 năm trời, nhưng khi tôi nhắc đến cha tôi và đến thời gian tôi đến nhà để bác dạy dỗ tôi thêm, bác nhớ ra ngay, và bác kể cho tôi rất nhiều kỷ niệm ngày xưa, thời Pháp thuộc, cùng học và cũng có lúc cùng dạy với cha tôi. Bác vô cùng xúc động, có lúc bác khóc, vì bác không thể ngờ rằng con trai người bạn thân cả gần nửa thế kỷ trước, lại có thể tìm đến thăm được bác chỉ một tuần sau ngày hòa bình lập lại, thống nhất đất nước. Sau này, khi ra thăm cha, mẹ và gia đình ở Hà Nội, tôi có kể cho cha tôi nghe về gia đình bác Hợi. Chỉ tiếc là khi tôi đến thăm, lúc đó mắt bác bị lòa, không nhìn được rõ tôi, chỉ ngồi nghe tôi nói chuyện, rồi khóc. Sau này, khoảng giữa năm 1976, tôi ghé tới thăm bác, nhưng gia đình bác đã chuyển đi ở nơi khác, không còn buôn bán ở khu chợ Bàn Cờ nữa.

Cha kính yêu về với tổ tiên, để lại niềm thương tiếc vô hạn cho biết bao thế hệ...

Tất cả những điều tôi trình bày về người cha vô cùng kính yêu, một thầy giáo tiểu học rất bình thường, nhưng có một cuộc sống giản dị, chân tình và đẹp, cái đẹp đức độ ẩn dấu bên trong “đậm chất” lịch lãm của cư dân Hà Nội băm sáu phố phường, được minh chứng rất “chuẩn” khi cha tôi từ già cõi đời năm 1983 (hưởng thọ 83 tuổi).

Đến viếng và tiễn đưa thầy giáo về an táng tại quê nhà ở làng Hoàng Mai có rất nhiều thế hệ học trò, đủ cả nam, phụ, lão, ấu, nhiều người tuổi 60 đến hơn 70 tuổi, trong đó có một học trò cũ là một người đương nhiệm có chức vụ lớn trong bộ máy nhà nước, quỳ khóc trước linh cữu cha tôi. Hai ngày trước khi đi quan về làng, có khoảng mười cụ, ăn mặc áo dài đen, đội khăn xếp đen, xếp hàng ngay ngắn, từng người đến viếng cha tôi. Sau đó, các cụ khoanh tay xin phép mẹ tôi cho các cụ phóng một tấm hình lớn (vẽ truyền thần) để đưa thầy giáo về quê. Mẹ tôi vô cùng cảm kích về tình nghĩa thầy trò của các cụ, đồng ý để cụ làm theo ý nguyện. Thế là trong đám tang đưa cha tôi về làng, tấm hình lớn vẽ truyền thần được để ở một nơi rất trang trọng, mọi người đến đưa tang, ai cũng khen tấm hình lớn quá đẹp.

Đoàn người tiễn đưa cha tôi về nơi yên nghỉ cuối cùng rất đông, xếp hàng trật tự, đi dọc phố Bùi Thị Xuân. Gia đình chúng tôi vô cùng xúc động trước tình cảm của các thế hệ học trò, của họ hàng, của bà con khu phố đã dành cho cha tôi trước lúc Người đi xa, về

cõi vĩnh hằng.

Chúng tôi càng cảm động hơn khi linh cữu cha tôi vừa được đưa về nơi chôn rau cắt rốn, hầu như cả làng Hoàng Mai gồm đủ thành phần già, trẻ, lớn, bé chạy ra ngoài đồng để tiễn đưa người thầy giáo của ông họ, của cha họ, của ngay chính bản thân họ, của con, của cháu họ, được chở về chôn cất ngay tại quê nhà ở Thôn Đông, Làng Hoàng Mai. Đây chính là nơi an nghỉ cuối cùng của một con người mà họ luôn kính trọng, tự hào và biết ơn khi nói đến cha tôi, một người con đã được sinh ra và lớn lên ở quê nhà, và đã dành gần suốt một đời tận tâm, tận lực dạy dỗ họ, con cháu họ đạo “làm người” tại ngay chính ngôi trường của làng mang tên “Trường Tiểu Học Hoàng Mai”.

Thật là một kỷ niệm đẹp của mọi người đối với cha tôi lúc Người vĩnh biệt cõi đời này.



*Hình cha tôi chụp tháng 10 năm 1955 (chụp sau tiếp quản Hà Nội
đúng một năm)*

Câu chuyện số 2

Bác tổ trưởng dân phố

Chuyện về bác tổ trưởng dân phố trong thời còn chiến tranh, đã xa xôi lắm rồi, cách đây trên nửa thế kỷ ở ngay chính mảnh đất quê tôi, khu phố Bùi Thị Xuân, thành phố Hà Nội.

Bây giờ, thành phố này đã thay đổi nhiều lắm, nếu ai đi xa khoảng một nửa thế kỷ như tôi, khi trở lại thăm nơi chôn rau cắt rốn của chính mình, không thể tránh khỏi ngỡ ngàng.

Trời đất ơi! sự đổi thay của Hà Nội không khác chi ở các thành phố lớn khác trong nước, chẳng hạn như ở thành phố Hải Phòng, Quảng Ninh, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ... Thôi thì cơ man nào là người. Người ở đâu đến ngụ cư mà đông đúc quá vậy? Làm sao còn có thể tìm lại tiếng chuông kêu leng keng của tàu điện chạy dọc hồ Hoàn Kiếm đi thẳng đến chợ Đồng Xuân, rồi chạy đến ga cuối cùng ở Bưởi, hay những buổi chiều êm ả, đạp xe bát phố với bạn bè quanh các đường phố thủ đô, được ngắm cảnh đẹp và được thưởng thức mùi hoa sữa khi chạy xe dọc con phố Phan Đình Phùng...

Giọng nói của người dân thủ đô cũng đổi thay, ít thấy nhẹ nhàng, êm dịu, hoặc ăn nói “mát mẻ”, đặc biệt khi góp ý kiến với ai “giọng ngọt ngào” mà người bị góp ý ngồi cứ đực mặt mà nghe, không dám giận hờn. Bây giờ, về lại thành phố quê nhà, tôi gặp đủ các chất giọng vùng miền từ Bắc vào Nam, nhất là đi qua các khu trung tâm mua sắm ở thủ đô, người ta có thể đứng ngó ra vì nghe tiếng Việt mà rất khó hiểu vì giọng nói rất nặng của các bác, các cô là những chủ nhân của các cửa hàng. Đó là giọng của những cư dân có gốc gác từ các vùng dọc Thanh Hóa xuống Nghệ An, Hà Tĩnh, hoặc từ vùng Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Ngãi v.v... chuyển đến ngụ cư, sau một thời gian làm ăn phát lên, nhiều tiền lắm của, mua nhà ở ngay trung tâm buôn bán, còn các cư dân Hà

Nội ngày xưa gần như hầu hết đã bán nhà để lại cửa cha mẹ ở các phố Hàng..., nay được dịp rửa nhau leo chót vót lên trời, sống ở các chung cư cao tầng, thỏa thích ngắm trăng và cảnh vật Hà Nội về đêm, thanh thản thả hồn vào thế giới đầy mộng mơ của chính mình.

Xe cộ thời buổi này nườm nượp khắp hang cùng ngõ hẻm, đủ các loại xe sang, giàu, nghèo, hèn. Mặc dù về thăm thành phố quê hương, nhưng bây giờ khi đi ra đường một chút, tôi thấy hoa cả mắt, chẳng biết đi đứng ra sao.

Nhưng nói gì thì nói, tôi thấy cần nhắc lại một vài câu chuyện kỷ niệm ngày xưa một chút để anh chị em chúng tôi được dịp may ôn lại những giây phút không thể nào quên và trong một chừng mực nhất định, có thể cho phép chúng tôi được tự hào, hãnh diện về những kỷ niệm nho nhỏ nhưng vô cùng đáng yêu của chính chúng tôi trong những năm của các thập niên 1950, 1960, và rồi như hồi xưa “bọn trẻ chúng tôi ” thường tỉnh bơ, nói:

“Cứ vô tư kể cho nhau nghe những câu chuyện kỷ niệm ngày xưa. Chẳng có gì ghê ghớm để phải ảnh hưởng đến hòa bình thế giới đâu!”

Bác tổ trưởng dân phố trong thập niên 1960

Bác tổ trưởng dân phố tôi sẽ giới thiệu ở đây chính là mẹ tôi, Bà Lê Vũ Thị Mỹ, sinh năm 1912 tại làng Yên Phụ, một ngôi làng rất đẹp, nằm trên một bán đảo nhỏ nhô ra Hồ Tây. Hiện tại toàn bộ làng Yên Phụ cổ đã trở thành Khu dân cư số 4 thuộc Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Hà nội.

Làng Yên Phụ của mẹ tôi ngày xưa là một làng trồng hoa, trồng cây cảnh và nuôi cá cảnh nổi tiếng khắp kinh thành Thăng Long. Điểm nhấn của ngôi làng cổ Yên Phụ là ngôi đình nằm ngay trung tâm làng với dáng vẻ bề thế, uy nghi, nằm giữa mệnh mang sóng nước, mặt đình nhìn ra hồ Ao Vả, lưng đình quay về phía hồ Tây với một kiến trúc thờ cực kỳ độc đáo, có một không thể có hai, ở nước ta.

Câu chuyện mẹ tôi kể về gia đình ông bà ngoại

Mẹ tôi kể rằng chính trong ngôi nhà cổ nằm cặp Hồ Tây này, gia đình ông bà ngoại chúng tôi tuy không phải quá khá giả, nhưng lúc nào cũng vui vẻ, hạnh phúc, con cái quây quần bên cha mẹ, bảy anh chị em (đi Loan và đi áp út là đi Nhâm mất lúc còn trẻ, nên không kể ở đây) luôn chịu thương, chịu khó, bảo ban lẫn

nhau, đùm bọc lẫn nhau, không quản ngại khó khăn, giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt trong phạm vi cố gắng cao nhất của từng người, để có thể giúp nhau xây dựng cơ đồ, sự nghiệp của từng người trong gia đình thật tốt, làm bà ngoại tôi yên tâm, vui lòng lúc tuổi già (ông ngoại tôi mất năm 60 tuổi, bà ngoại tôi lúc đó 53 tuổi).

Người trong làng gọi ông ngoại tôi là ông Ký Uông, chắc ông có đi làm cho chính quyền Pháp bảo hộ thời đó nên người dân mới gọi như vậy.

Ông ngoại tôi có hai vợ. Bà cả sinh được hai người con gái là bác Thảo (tức bác Tham Dương) và bác Nghiêm (tức bác Tham Tuấn). Do muốn có con trai nối dõi tông đường nên ông lấy bà ngoại tôi là bà Nguyễn Thị Duyệt làm vợ thứ. Bà ngoại tôi sinh hạ được mười người con gồm hai trai và tám gái, lần lượt là bác trai Mẫn (con trai cả), bác gái Trang (tức bà Phán Giang), mẹ tôi tên là Mỹ (tức bà Giáo Duyệt), dì Trà (tức bà Phán Trường), dì Khang (tức dì Tuyết hay Triệu), dì Vĩnh (tức dì Kính, cậu Lân, dì Nhâm (mất lúc còn trẻ), dì Loan (mất lúc còn trẻ) và dì út Khánh.

Bà ngoại kể chuyện về gia đình, về vai trò của mẹ tôi

Bà ngoại tôi vô cùng vất vả, một mình tần tảo ngược xuôi, lo chăm sóc, nuôi dạy dỗ mười người con (sau còn tám), đặc biệt phải lo chu đáo cho hai người con trai ăn học là bác cả Mẫn (con trai cả) và cậu Lân. Ông ngoại tôi dành tình thương hết mực cho hai người con trai, đặc biệt là bác cả Mẫn, một niềm đầy tự hào và hy vọng của ông ngoại vì bác cả đẹp trai, học giỏi. Riêng cậu Lân còn quá nhỏ, khi cậu ra đời ông đã 50 tuổi, và lúc ông mất, cậu mới có 10 tuổi.

Sau khi ông ngoại mất, gánh nặng gia đình đè nặng trên vai bà ngoại tôi. Lúc bà còn sống (trước 1958), bà kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện trong gia đình. Đi đâu thăm họ hàng, đi chùa chiền, bà cũng cho tôi đi theo. Tôi còn nhớ rằng tháng nào bà cũng ghé thăm Chùa Đông Hạ (khu ngõ Bà Triệu), lễ chùa và thường được sư trụ trì mời ăn cơm chay. Hồi tiếp quản Hà nội đâu có phải dễ dàng được đi xem ciné ở rạp Majestic (hiện nay là rạp Tháng Tám ở phố Hàng Bài) hay rạp Đại Nam (ở Phố Huế, gần chợ Hôm). Thỉnh thoảng loa phóng thanh của khu phố thông báo đoàn chiếu bóng lưu động của thành phố có chiếu phim phục vụ đồng bào buổi tối ở bãi Vân Hồ (bãi đối diện với Trường Tiểu Học Vân Hồ, nơi tôi theo học thời còn ông Bảo Đại). Thế là chiều tối, sau khi ăn cơm xong, hai bà cháu tôi lại dìu dắt nhau đi xem ciné, mang theo hai cái ghế nhỏ để hai bà cháu ngồi xem phim. Phim hồi đó toàn

phim của Trung Quốc như Đồng Tôn Thụy, Bạch Mao Nữ v.v..., hy hữu lắm đồng bào Thủ Đô mới được đội chiếu bóng lưu động của nhà nước “chiêu đãi”, cho coi “nhân mắt” một bộ phim chiến đấu của hồng quân xô viết trong đại chiến thế giới lần 2.

Hàng ngày đi học về, tôi thường hay ngồi chơi, nói chuyện với bà. Bà kể cho tôi nghe đủ mọi thứ chuyện, nào là chuyện khi ông ngoại mất đi, bà, mẹ tôi (lúc đó mẹ mới 23 tuổi) và các bác, các dì, cậu Lân xoay sở sống và học hành ra sao, chuyện cậu Lân “đòi” mẹ tôi đi hỏi con gái cưng của một bà bạn lớn tuổi bán hàng vải gần sập hàng của mẹ tôi làm vợ lúc cậu chưa đầy 20 tuổi, chuyện các dì lập gia đình, chuyện cả nhà bà ngoại đi tản cư, chạy giặc Pháp năm 1946 ở trên Làng Vo (nghe nói làng Vo ở Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên) v.v...

Bà tôi kể, lúc ông ngoại mất, bà mới ngoài 50 tuổi. Một mình bà tần tảo, buôn bán nuôi cả gia đình đông con vô cùng khó khăn. Bà Cả (tức vợ chính thất của ông ngoại) xuất thân từ một gia đình khá giả, chỉ phải nuôi hai bác gái là bác Trang và bác Nghiêm nên không có khó khăn nhiều.

Bà ngoại luôn khen mẹ tôi rất có hiếu, thương cha, thương mẹ. Khi nói chuyện về mẹ tôi đã hy sinh quyền lợi của cá nhân mình, cùng với bà chăm sóc, nuôi dưỡng các em ăn học, nhiều lúc bà khóc. Bà tôi kể lúc ông ngoại mất, nhiều người đến gặp bà, đánh tiếng xin hỏi mẹ tôi về làm vợ (lúc đó mẹ tôi tuổi đã lớn, 23 tuổi, đã là cái tuổi người đời gọi là “gái già”, vì thông thường hồi đó con gái lập gia đình thường ở tuổi mười tám, đôi mươi), trong đó có nhiều ông tham, ông phán, ông ký, nhưng mẹ tôi không chịu, dứt khoát không lập gia đình, ở nhà buôn bán để phụ bà ngoại nuôi các em. Bác Trang lúc đó đã lập gia đình và về sống với chồng là bác Phán Giang ở thành phố Nam Định. Trong gia đình, bác Mẫn cũng đã học thành đạt, làm việc trong Tòa Công Sứ và đã lập gia đình.

Như vậy, sau khi ông mất, ngoài hai người anh (bác Mẫn) và chị (bác Trang) đã lập gia đình, mẹ tôi là chị lớn nhất trong nhà. Bà tôi kể lúc mẹ con chưa đầy hai mươi tuổi đã buôn bán hàng vải rất có uy tín (hình như bà nói mẹ tôi lúc đó buôn bán vải ở Chợ Ngọc Hà). Bạn hàng cùng buôn bán rất quý trọng mẹ tôi. Một mình mẹ tôi bán hai sập vải, có các dì Trà, dì Khang, dì Vĩnh ra phụ giúp. Cậu Lân đi học về thường chạy thẳng ra sập hàng với mẹ tôi. Riêng dì út Khánh còn nhỏ, ở nhà, không ra ngoài chợ. Một điều rất đặc biệt, mẹ tôi rất có uy với các dì, được các dì mến phục và khi mẹ tôi giao việc gì các dì vâng lời, làm đâu ra đấy, được mẹ tôi yêu quý.

Riêng đối với cậu Lân và dì út Khánh, mẹ tôi luôn dành một tình cảm vô cùng đặc biệt, và vì cậu và dì út còn nhỏ nên mẹ tôi thương yêu và chiều đến mức nhiều lúc bà phải la rầy mẹ tôi. Rồi lần lượt các dì khôn lớn, đến tuổi lập gia đình, mẹ tôi cùng bà luôn lo các đám cưới cho các dì thật chu toàn, không để thiếu thốn, kém cạnh người khác.

Cậu Lân, đi học về, chạy ngay ra với mẹ tôi, được mẹ tôi mua cho đủ thứ. Một bà bạn cũng khá lớn tuổi bán ở sập hàng gần mẹ tôi có một cô con gái rất xinh làm cậu tôi chết mê, chết mệt. Không hiểu cậu Lân và cô gái xinh đẹp kia yêu thương nhau lúc nào mà mới mười tám tuổi, cậu đã nằng nặc đòi mẹ tôi, thay mặt bà, đánh tiếng xin cầu hôn. Thương và chiều cậu hết mức, mẹ tôi đã nhờ người đánh tiếng xin bà bạn đó cho cậu làm đám cưới với con gái cưng của bà. Cuối cùng, bà bạn đồng ý. Đám cưới được tổ chức trọng thể mặc dù cậu Lân lập gia đình trong lúc còn đi học, chưa đi làm. Năm 20 tuổi (năm 1945), cậu mợ đã sinh con gái đầu lòng.

Gần ba mươi tuổi mẹ tôi mới chấp nhận đi lấy chồng

Cuối năm 1940, có một bà trong làng Hoàng Mai, bạn hàng của mẹ tôi, giới thiệu mẹ cho bố tôi. Gặp mẹ lần đầu tiên, bố tôi ưng ý ngay. Trở về nhà, bố tôi nhờ người mai mối, đến xin bà ngoại cho được cưới mẹ tôi (lúc đó mẹ đã 29 tuổi ta, gần tuổi ba mươi). Lúc đầu, mẹ không chịu, sợ đi lấy chồng, bà tôi vất vả. Hơn nữa trong nhà, cậu Lân và dì út Khánh còn quá nhỏ. Mẹ tôi thực tâm không muốn rời xa nhà, xa bà ngoại và các em. Nhưng sau, nhiều người khuyên mẹ, kể cả bà ngoại, các bác, các dì, và bà con, bạn bè buôn bán quen biết, mẹ tôi chấp nhận để bố tôi làm lễ cưới vào khoảng đầu năm 1941.

Lấy chồng xong, hai vai mẹ lại oằn lên hai gánh nặng trĩu

Lấy chồng xong, mẹ tôi lại tất bật, một mặt phải lo cho gia đình chồng, một mặt phải lo phụ giúp bà ngoại tiếp tục chăm sóc nuôi dạy các em còn chưa trưởng thành. Sau đó là những năm vô cùng vất vả, vừa làm hết sức để cùng cha tôi lo toan gia đình hai bên, vừa sinh con liên tục, hầu như năm nào cũng sinh con, nào là tháng 4 năm 1942 sinh con gái, nào là tháng 7 năm 1943 sinh con trai, nào là tháng 3 năm 1945 sinh con trai và rồi đến tháng 8 năm 1946, sinh em gái. Kháng chiến toàn quốc (ngày 19 tháng 12 năm 1946), mẹ tôi lại phải gồng gánh đưa cả gia đình đi chạy giặc Pháp, tản cư xuống làng Thường Xuyên, Huyện Thường Tín, Tỉnh Hà Đông, xin tá túc nhà ông Tiểu, một bạn hàng thường lên nhận hàng nhuộm vải cho mẹ tôi ngày trước ở Hà nội.

Cuối năm 1947, cha tôi bị bệnh nặng, mẹ tôi phải thuê người cáng cha nằm trên võng và dắt díu năm con nhỏ về lại nhà số 599 phố Bạch Mai (sau này đổi số nhà là 74 Phố Hoàng Mai) để chữa bệnh cho cha.

Giữa năm 1948, cha tôi khỏi bệnh, tiếp tục làm đơn xin đi dạy học lại và được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng Trường Tiểu học Hoàng Mai. Mẹ tôi lại tiếp tục gây dựng lại cơ đồ. Mới đầu mẹ tôi bán một sập vải ở Chợ Mơ (ngày nay là chợ Bạch Mai) cùng với cô Dần (em họ của cha).

Buôn bán thời Pháp thuộc: Nền kinh tế thị trường

Sau gần một năm, mẹ tôi tách ra, chuyển lên bán ở Chợ Đồng Xuân, gần sập hàng của bác Yến (nhà ở khu chợ Châu Long), là một người bạn thân của mẹ tôi từ hồi trước khi chạy tản cư.

Đầu tiên, mẹ tôi sang lại một sập hàng. Sau đó, mẹ sang tiếp sập bên cạnh, bán liền một lúc hai sập hàng vải, có đủ mặt hàng rất sang như tơ, lụa, nhung, len, dạ của các cửa hàng xuất nhập khẩu Tân Vinh và Tổ Tân từ phố Hàng Đào chuyển qua, lụa bombay Ấn Độ ở cửa hàng của hai chú người Ấn độ, bạn hàng thân thiết của mẹ tôi, từ cửa hàng số 30 phố Hàng Đường chuyển qua. Mẹ tôi thuê riêng anh Vạn chuyên lo gánh hàng cho mẹ buổi sáng sớm từ kho hàng nhà các chú người Ấn độ (phố Hàng Đường) sang sập ngoài chợ để bán hàng và chiều tối, anh Vạn lại gánh hàng cất vào kho (anh Vạn là người thân tín, mẹ tôi coi như con trai trong nhà. Sau này, anh về quê ở Vạn Phước lập gia đình, mẹ tôi lo rất chu đáo đám cưới cho anh và sau đó, anh Vạn cho em trai là anh Ất lên giúp mẹ tôi gánh hàng và trông coi hai sập vải ngoài chợ mỗi khi mẹ bận tiếp khách).

Đầu năm 1950, cha mẹ tôi chuyển lên phố, mua căn nhà số 123 phố DuVigneau (sau này đổi tên là phố Huyền Trân Công Chúa, và sau giải phóng đổi tên là phố Bùi Thị Xuân) để tiện cho mẹ đi chợ, buôn bán, không phải đi quá xa. Khoảng tháng 07 năm 1950, mẹ tôi sinh hạ thêm một em gái.

Từ khi chuyển nhà lên phố, mẹ tôi buôn bán khá phát đạt, chủ yếu các mối hàng từ Hải Phòng (bác Tham Tuấn có một cửa hàng rất khang trang ở phố Trại Cau và bác Lùn (bạn hàng của mẹ) từ Hải Phòng lên cất hàng và phân phối cho khách không những ở Hải Phòng mà còn ở các tỉnh lớn khác ở miền Bắc và thậm chí vào cả đến một số tỉnh ở miền Trung và miền Nam), hoặc từ Nam Định (bác Phán Giang có cửa hàng bán vải có tiếng là Cửa hàng Vạn

Thịnh ở số 192 Phố Khách, và một số bạn hàng quen biết của mẹ tôi từ thành Nam lên cất hàng). Hàng hóa các bác và các bạn hàng ở Hải Phòng, Nam Định, và một vài tỉnh, thành phố lên cất chủ yếu là hàng lụa bombay của Ấn Độ và hàng tơ, lụa, nhung, len, dạ, của các cửa hàng Tân Vinh và Tổ Tân ở phố Hàng Đào.

Trong những năm 1951 và 1952, mẹ tôi buôn bán rất có uy tín. Các chú bạn hàng người Ấn Độ muốn rủ mẹ chung vốn làm một cửa hàng lớn hơn nhưng cha tôi không đồng tình vì tình hình chiến sự cuối năm 1952 phát triển có chiều hướng xấu đi, mặt trận đang lan rộng ở nhiều nơi tại miền Bắc. Lính Pháp thua trận kéo về Hà nội. Cướp bóc xảy ra thường xuyên. An ninh trong thành phố nhiều lúc không được bảo đảm.

Cuối năm 1952 mẹ tôi sang giúp dì Trà một sập hàng ngồi cách mẹ tôi khoảng 20m để dì buôn bán cho có thêm đồng ra, đồng vào, phụ giúp gia đình. Dì Trà là em gái kế mẹ tôi, đẹp gái nhất nhà. Gia đình dì Trà thuê căn nhà số 117 phố Huyền Trân Công Chúa (cạnh tiệm bánh mỳ bánh ngọt Đông Hải) để được ở gần mẹ tôi cho có chị có em. Như vậy nhà dì Trà cách nhà 123 của chúng tôi đúng ba căn gồm các nhà số 119 ; 119B ; và 121.

Mẹ tôi tâm sự với tôi dì Trà không thạo buôn bán, lên chợ Đồng Xuân mẹ kèm cặp để tránh phải ở nhà, bị cụ Năm (mẹ chồng) hành hạ. Chú Phán Trường (chồng dì Trà) ủng hộ ý kiến của mẹ tôi sang một sập hàng cho dì tập buôn bán để tránh suốt ngày phải nghe “tiếng chì, tiếng bác” của bà mẹ chồng là cụ Năm.

Trong thời gian bà ngoại và gia đình các bác, các dì tản cư lên làng Vo (Thái Nguyên), qua người trung gian của gia đình, mẹ tôi thường xuyên biết được tin tức của bà ngoại và gia đình ở chiến khu. Thỉnh thoảng dì Khang về Hà nội vừa để thăm mẹ, dì Trà và gia đình tôi ở Bùi Thị Xuân, vừa để nhận tiền của mẹ tôi gửi biếu bà ngoại và các bác, các chú, các cô dùng để chi tiêu cho cuộc sống hàng ngày của đại gia đình đang tản cư ở Làng Vo, tỉnh Thái Nguyên.

Trong năm 1953 và đầu năm 1954, tình hình chiến sự ở miền Bắc chuyển hướng tích cực có lợi cho ta. Quân đội Pháp và quân đội Quốc gia Việt Nam của ông Bảo Đại thất bại thảm hại trên nhiều mặt trận ở miền Bắc cũng như nhiều nơi khác. Để gỡ thế bí về quân sự, Pháp buộc phải mở mặt trận Điện Biên Phủ vào đầu năm 1954 nhằm kéo chủ lực ta lên vùng Tây Bắc để dùng thế mạnh của những đơn vị lê dương thiện chiến kết hợp với vũ khí hiện đại tiêu diệt nhanh bộ đội chủ lực của ta nhằm giải quyết dứt điểm cuộc

chiến đang bị sa lầy trên khắp chiến trường Đông Dương.

Thất bại liên tiếp trên các mặt trận vào năm 1954 tác động rất mạnh đến đầu não của Pháp và chính quyền Bảo Đại ở Hà Nội. Từng đoàn xe cam nhông chở lính Pháp và lính Quốc gia Việt Nam của ông Bảo Đại dầm dấp từ nhiều hướng chạy qua thành phố ngày và đêm để lên mặt trận. An ninh tại thành phố không bảo đảm, cướp bóc xảy ra ở nhiều nơi, thậm chí ngay cả trong thành phố. Đương nhiên trong hoàn cảnh thành phố như vậy, buôn bán của mẹ tôi gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt sau khi Pháp bị thất thủ tại mặt trận Điện Biên Phủ (ngày 7 tháng 5 năm 1954), các chú Ấn Độ, bạn hàng của mẹ tôi tâm sự có ý định bán tổng bán tháo cho hết hàng, đóng cửa tiệm, trở về thành phố Bombay (Ấn Độ) làm ăn. Đại đa số các cửa hàng xuất nhập khẩu tơ, lụa, nhung, dạ nổi tiếng ở Hà Nội là những bạn hàng thân thiết của mẹ tôi cũng có ý định di cư vào Sài Gòn làm ăn cho an toàn hơn.

Mẹ tâm sự với tôi, các bác bạn hàng thân thiết (kể cả hai chú Ấn độ, chủ cửa hàng lụa Bombay ở 30 phố Hàng Đường) căn dặn mẹ tôi nếu gia đình chuyển vào Sài Gòn, ngay khi đến nơi, ổn định nhanh chóng chỗ ở, rồi liên lạc ngay lập tức với các bác, các chú để thiết lập ngay đường dây kinh doanh mới, đừng để mất thời cơ.

Đứng trước tình hình nước sôi, lửa bỏng, buôn bán lại gặp đủ thứ khó khăn, mẹ tôi lại sinh thêm một em bé gái một vài tháng trước khi chính phủ kháng chiến tiếp quản thủ đô Hà Nội. Thế là khó khăn chồng chất khó khăn, buộc cha mẹ tôi phải quyết định con đường đi của cả gia đình: di cư vào Sài Gòn hay ở lại Hà Nội.

Mẹ tôi tâm sự với tôi rằng hoàn cảnh buôn bán của mẹ trong lúc chập choạng, tranh tối tranh sáng như vậy, nếu so với các bạn hàng khác, là khá thuận lợi. Nhưng kinh nghiệm buôn bán của mẹ từ năm 15 tuổi (lúc đó mẹ tôi đã là chủ một sập hàng vải ở chợ Ngọc Hà) cho đến nay mẹ đã 52 tuổi, tuy có trong tay hai sập hàng vải, tơ lụa, len dạ lớn, có uy tín ở chợ Đồng Xuân, mẹ đã từng trải qua biết bao đắng cay trong nghề bán buôn, bán lẻ các mặt hàng cao cấp này. Thông thường mẹ buôn bán thuận lợi, bán đắt hàng, bạn hàng ở các tỉnh, các thành phố ở nhiều vùng, miền và các mối lái đến cất hàng nườm nượp. Nhưng nếu thời cuộc không thuận lợi cho kinh doanh, buôn bán lúc lên, lúc xuống, thuế má lại tăng vọt, nhiều lúc phải ôm hàng trong nhiều ngày. Nếu vốn liếng của mình không được dồi dào, phải bán tổng bán tháo đi để lấy tiền chi phí cuộc sống hàng ngày, thì chỉ trong một thời gian ngắn, hai sập hàng cao ngất ngều, sẽ xẹp xuống rất nhanh, và nếu không có ý chí, không có bản lĩnh trong kinh doanh, chỉ có một con

đường duy nhất là phá sản.

Mẹ tôi nói các bạn hàng thân thiết của mẹ cũng như các chú Ấn Độ, chủ của tiệm tơ lụa Bombay số 30 Hàng Đường, muốn mẹ vào Sài Gòn để cùng nhau gây dựng cơ đồ, vì khi di cư vào trong đó, lạ nước lạ cái, không quen biết nhiều, nếu không chụm lại giúp đỡ nhau thì không thể tồn tại và phát triển kinh doanh được. Nhưng mẹ tôi tự đặt ngược vấn đề để tính toán kỹ càng đường đi nước bước trong tương lai gần nhất. Mẹ tôi giả thiết nếu làm ăn thất bại ở trong đó, thì bạn bè dù thân thiết đến mấy cũng chẳng còn tình nghĩa gì đâu, ai mà cứu mang mình mãi được. Bản thân mình phải tìm cách tự xoay sở mà thôi, không thể dựa dẫm được ai đâu, thậm chí kể cả đó chính là những người thân thiết, ruột thịt trong nhà.

Hơn nữa, cha tôi là thầy giáo, ở đâu cũng đi dạy học, lương “ba cọc ba đồng”, làm sao với đồng lương ít ỏi của cha tôi đủ nuôi sống cả nhà, nếu mẹ không chung lưng, gánh sức với cha.

Cha tôi cứ ngồi than ngắn thở dài, chẳng biết tính toán ra sao cho khỏi bị mắc lừa. Cha nói làm sao có thể đặt lòng tin tuyệt đối vào chính phủ Pháp và ông Bảo Đại khi họ hứa đưa gia đình tôi vào Sài Gòn bằng máy bay và bố trí nơi ăn, chốn ở đàng hoàng, có việc làm ngay. Nếu gia đình tôi nghe theo lời họ, vào đến thành phố Sài Gòn xa lạ, không quen biết một ai, không bà con thân thích, lại chưa được bố trí nơi ăn chốn ở như đã hứa, hoặc nếu họ không bố trí cho dạy học ở Sài Gòn, mà điều đi dạy học ở một tỉnh lạ hoắc, nơi có chiến sự đang diễn ra giữa chính phủ Bảo Đại và các giáo phái Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo v.v... thì gia đình phải làm gì để sinh sống tại các tỉnh xa lạ ở Nam Việt.

Cha tôi cho rằng dù đi đâu chẳng nữa, cha cũng chỉ có một nghề duy nhất là nghề dạy học. Vậy tại sao không dạy học tại quê nhà, nơi đã có nhà cao cửa rộng, nơi đã có anh chị em, bạn bè thân thiết, mà phải lại chạy vào đến tận vùng đất Sài Gòn để dạy học?

Mẹ tôi quen làm ăn với các bạn hàng lớn trong nam, ngoài bắc, nên suốt ngày cứ ngồi suy nghĩ ngẩn ngơ, chẳng biết tính toán sao cho đúng với hoàn cảnh cụ thể lúc đó.

Trong lúc cha mẹ tôi đang bàn đi tính lại, để có một quyết định đi hay ở dứt khoát, thì ngày đầu tháng 7 năm 1954 di Khang từ vùng tự do ở Thái Nguyên xuống Hà Nội tìm cách vận động gia đình tôi bằng mọi giá phải ở lại Hà Nội để được gặp bà ngoại và toàn bộ anh chị em trong đại gia đình họ ngoại sắp trở về quê

hương làng Yên Phụ, Hà Nội.

Khoảng từ giữa tháng 8 năm 1954 trở đi đến ngày 10 tháng 10 năm 1954, Hà Nội vô cùng nhộn nhịp, với đủ thứ tình cảm hỗn độn của kẻ ở lại miền Bắc, người di cư vào Nam. Đặc biệt ngay trong các gia đình trí thức, các gia đình công chức thời Pháp, những cuộc tranh luận nảy lửa đi vào Nam hay ở lại miền Bắc đã liên tục diễn ra. Nhiều gia đình bạn bè của cha mẹ tôi đã phải ly tán không phương cứu vãn, chia năm sẻ bảy, cha mẹ, con trai, con gái mỗi người đi một ngả, chẳng ai chịu nhường nhịn ai (đặc biệt trong các gia đình có con là các anh chị đã đến tuổi trưởng thành).Đương nhiên, trong bối cảnh như vậy, gia đình tôi không thể nào trở thành ngoại lệ.

Trên thực tế, vào thời điểm ngay từ đầu tháng 8 năm 1954, Pháp đã lập một cầu hàng không lớn nhất nhì thế giới, dài trên 1.200 km đường chim bay, nối liền sân bay Tân Sơn Nhất (Sài Gòn) ra các sân bay Gia Lâm, Bạch Mai (Hà Nội) và Cát Bi (Hải Phòng), hàng ngày có thể chuyên chở một vài ngàn người. Bên cạnh di chuyển vào Nam bằng máy bay, đại đa số người dân bình thường ở các thành phần khác muốn di cư vào Nam phải đi bằng đường biển, xuống tàu Há Mồm (Landing Ship hay Tank, viết tắt là LST) đậu ở ngoài khơi Vịnh Bắc bộ (khu vực Cảng Hải Phòng).

Cũng trong thời gian trên, Bác Tham Tuấn từ Hải Phòng mang theo cả con trai là anh Trí lên Hà nội chơi, hỏi ý kiến mẹ tôi có đi vào Sài Gòn hay ở lại Hà nội. Bác rất phân vân, nhưng bác trai đã quyết đưa gia đình di cư vào nam và không còn cách lựa chọn nào khác, bác phải theo chồng và gia đình vào Sài Gòn.

Bác Phán Giang từ Nam Định chạy lên Hà Nội vừa để đón con trai cả là anh Nam đào ngũ khỏi quân đội Bảo Đại, mới trốn khỏi trại lính của chính quyền Bảo Đại ở tỉnh Phúc Yên và đang tá túc tại nhà tôi, để đưa anh trở về nhà ở Nam Định, vừa để hỏi ý kiến mẹ tôi về việc đi Nam hay ở lại miền Bắc.

Thảo luận lên, thảo luận xuống, cuối cùng cha mẹ tôi quyết định dứt khoát ở lại Hà Nội để được đoàn tụ với đại gia đình từ chiến khu trở về để mẹ tôi có dịp gặp lại bà ngoại và anh chị em trong đại gia đình ở làng Yên Phụ năm xưa.

Sau khi cha mẹ quyết định ở lại miền Bắc làm ăn, mẹ tôi tâm sự với tôi:

“Mẹ tính kỹ rồi, Hùng ạ! Đi theo các bạn hàng vào Sài Gòn buôn

bán, có khi làm ăn phát lên, mẹ cũng có thể có một hoặc hai cửa hàng như các bác bạn hàng thân quen của mẹ đấy. Nhưng rồi cha con vào đó nhờ bị điều động đi các tỉnh dạy học thì tính thế nào? Mẹ làm ăn thì đương nhiên phải ở thành phố lớn, an ninh phải bảo đảm. Thế là gia đình lại phải ly tán hay sao?

Sự thật cha mẹ cũng chẳng ham muốn thật giàu có để làm gì. Mẹ bán với cha phải luôn cố gắng làm ăn cho gia đình mình đủ ăn, đủ mặc, con cái được học hành đến nơi đến chốn là cha mẹ mãn nguyện rồi. Nhà mình là một khối, gắn bó suốt đời với nhau, không thể ly tán người ở chỗ này, kẻ ở chỗ khác được.

Đời mẹ, do ông bà nghèo, mới lên 13 tuổi, mẹ đã phải nghỉ học, đi phụ bán hàng vải ở chợ Ngọc Hà để kiếm tiền phụ giúp ông bà ngoại nuôi các em ăn học. Mẹ rất thương bà ngoại. Bây giờ nhà mình mà vào Sài Gòn thì liệu cho đến lúc nào mẹ mới có thể được gặp lại bà ngoại, các gia đình bác Mẫn, cậu Lân, cô Khang, cô Vĩnh, cô Khánh.

Vì thế, mẹ cho ý kiến của cha mẹ không vào Sài Gòn mà ở lại Hà Nội để được gặp lại bà ngoại và đại gia đình mẹ ở Yên Phụ là thích hợp với hoàn cảnh gia đình nhà mình, là đúng đạo lý làm người, con ạ!”

Theo hiệp định Genève, Pháp rút quân khỏi miền Bắc Việt nam, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời phân chia hai miền Nam-Bắc, và chính thức ngày 10 tháng 10 năm 1954 là ngày chính phủ kháng chiến tiếp quản Hà Nội.

Cả gia đình bà ngoại tôi từ chiến khu trở về Hà Nội. Căn nhà 123 Bùi Thị Xuân vui như ngày hội vì cả đại gia đình mẹ tôi hầu hết đều về ở tại căn nhà trên, chờ nhà nước sắp xếp nhà cửa (nếu các bác, các chú là cán bộ nhà nước) hoặc tìm thuê một căn nhà thích hợp tạm để ở và sinh sống. Đây cũng chính là thời gian tôi sống, gắn bó với bà ngoại nhiều nhất (lúc này tôi mới 11 tuổi), được bà ru đi hết chỗ này đến chỗ khác thăm họ hàng và bà con quen biết của bà trước khi chạy loạn.

Gia đình các bác, các dì ở tạm trong nhà tôi trong một thời gian ngắn rồi cũng sắp xếp được chỗ ở riêng cho từng gia đình mình. Mẹ tôi mời bà ngoại và dì Khánh ở lại với gia đình tôi.

Sau tiếp quản Hà Nội:

Kinh tế thị trường chuyển dần sang kinh tế quốc doanh

Từ cuối năm 1954 trở đi, các cửa hàng vải trên các phố Hàng Ngang, Hàng Đào, Hàng Đường không có hàng, buôn bán gặp nhiều khó khăn. Các cửa hàng xuất nhập khẩu các loại hàng nhung, lụa, len, dạ sang trọng đóng cửa nhiều vì họ đã di cư vào Nam. Riêng cửa hàng của bác Tân Vinh còn ở lại miền Bắc, hàng hóa cũng chẳng còn bao nhiêu. Sau kỳ cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, cửa hàng của bác là Cửa hàng công tư hợp doanh. Các cửa hàng lụa Bombay của Ấn Độ không còn nữa, các chủ cửa hàng đã về nước, không còn buôn bán tại Hà Nội nữa.

Hai sập hàng vải của mẹ tôi trước giải phóng cao là như vậy, nhưng đến đầu năm 1955 sập hẳn xuống. Mẹ tôi lại chuyển sang buôn bán hàng vải nội địa, buôn bán có tính cách cầm chừng. Ngoài ra mẹ tôi thấy các dì quá khó khăn về kinh tế nên có giúp đỡ các dì mỗi người một số vốn để buôn bán, đỡ một phần nào cho gánh nặng gia đình. Nhưng như các cụ nói buôn bán phải có “duyên” bán hàng, nên chẳng dì nào thành công trong nghề buôn bán cả. Hơn nữa, sau giải phóng Hà Nội, chính phủ kháng chiến tập trung phát triển nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, không mặn mà với việc phát triển kinh doanh của các hộ cá thể riêng lẻ, nên buôn bán không dễ dàng như thời Pháp thuộc.

Buôn bán càng lúc càng khó khăn. Tổng số hàng của mẹ tôi được cơ quan có chức năng đến kiểm tra rất cụ thể, trên cơ sở khai báo của mẹ tôi. Nếu khai báo không rành mạch, thiếu trung thực, chủ cơ sở kinh doanh phải bị phạt tiền, nhiều khi bị đình chỉ kinh doanh, hàng hóa được nhà nước trưng thu về kho và trả tiền lại cho thân chủ theo giá quy định. Hàng tháng mẹ tôi phải báo cáo thu, chi, một tháng lời được bao nhiêu để Cơ quan Thuế nhà nước xét duyệt và quyết định số tiền mẹ phải đóng thuế hàng tháng. Từng ngày, mua bán từng thước vải phải có hóa đơn, chúng tôi lưu trữ để cuối tháng nộp cho cơ quan thuế kiểm tra xem cơ sở kinh doanh khai báo có trung thực, có chính xác hay không.

Mẹ đi bán hàng từ sáng đến tối, mệt vô cùng. Nhưng khi ăn cơm tối xong, mẹ lại ngồi với tôi (lúc này tôi mới 12 tuổi, học lớp Đệ Thất) tính toán lại sổ sách. Tôi tuy nhỏ, nhưng mẹ rất tin tưởng, để tôi làm thư ký, kế toán cho mẹ (đương nhiên cuối cùng có bố tôi kiểm tra). Tôi ngồi làm báo cáo số lượng hàng mẹ đã bán và số hàng tồn kho cho mẹ hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng. Hầu như cứ mười ngày hoặc nửa tháng một lần, tôi đi chiếc xe đạp Super Globe lên mua hóa đơn và đóng dấu Phòng thuế vào hóa đơn cho mẹ ở cơ quan Thuế tại phố Hàng Bồ để mẹ có hóa đơn hợp pháp bán hàng.

Buôn bán ế ẩm, không có hàng mua thêm vào, hàng bán ra tèo tèo, lại quá nhiều thể thức khai báo, nên mẹ tôi thu vén ổn thỏa, rồi xin nghỉ bán hàng, giao trả hai sập hàng cho nhà nước vào đầu năm 1956. Di Trà, Bác Yến cũng dẹp luôn sập bán hàng vào thời điểm đó.

Theo tôi, mẹ xin nghỉ kinh doanh là đúng thời điểm vì sau này đâu có háng hóa gì bày bán nhiều ở các phố Hàng Ngang, Hàng Đào, Hàng Đường. Hơn nữa vào những năm 1960, nhà nước thực hiện tem phiếu cho từng cán bộ, từng công nhân viên, từng hộ gia đình, đâu còn có gì mà mua với bán ngoài những mặt hàng nằm trong “tiêu chuẩn”.

Mẹ tôi rất khổ tâm vì căn nhà của ông bà ngoại ở làng Yên Phụ trong chiến tranh bị bom đạn làm hư hỏng hoàn toàn, phải xây cất lại. Mẹ muốn đứng ra bỏ tiền xây cất lại căn nhà để thờ cúng tổ tiên, nhưng lúc đầu có một thành viên trong gia đình có ý kiến không đồng thuận nên nguyện ước của mẹ tôi bị chững lại. Chính điều này làm cho bà ngoại tôi rất buồn.

Sau một năm mẹ tôi kiên trì thuyết phục và được hầu hết mọi người trong gia đình ủng hộ, nhất là cậu Lân, nên vị thành viên đó mới chấp thuận cho cha mẹ tôi đứng ra cùng anh chị em trong nhà xây cất nhà thờ tổ tiên tại chính miếng đất của ông bà ở làng Yên Phụ.

Mẹ tôi rất vui khi căn nhà ở làng Yên Phụ đã xây xong khá khang trang. Bà ngoại mãn nguyện vì căn nhà hai ông bà đã từng trong một thời gian dài nuôi dạy con cái lên người đã được xây cất lại đẹp, hoành tráng. Bác Mẫn đưa ngay gia đình về ở, trông nom nhà cửa và thờ cúng tổ tiên. Sau này, hàng năm cứ đến ngày giỗ, ngày Tết, mẹ tôi và các bác, các chú, các dì lên tập trung tại nhà bác cả, tổ chức cúng, giỗ ông bà, tổ tiên rất đầm ấm và vô cùng vui vẻ. Thông thường buổi tối trước ngày giỗ, mẹ tôi về nhà ở Yên Phụ để gặp gia đình bác Mẫn, các em gái và cậu Lân. Cả gia đình quây quần trong ngôi nhà đầy kỷ niệm, cùng nhau ôn lại những chuyện ngày xưa và rồi để sáng hôm sau, mọi người thức dậy sớm, theo sự phân công của mẹ tôi, chuẩn bị làm cỗ cúng các cụ.

Bà ngoại tôi khoảng đầu năm 1957 không ở nhà tôi nữa. Bà lên ở nhà số 30 ngõ Vạn Kiếp (cấp hông một bệnh viện thời Pháp thuộc gọi là Bệnh viện Đặng Vũ Lạc, sau này gọi là Bệnh viện C) để sống với dì Út Khánh.

Đây là căn nhà của gia đình dì Trà để bà ngoại, dì út Khánh (lúc

này chưa lập gia đình) và gia đình cậu Lân ở. Lúc này bà tôi không còn mạnh khỏe như hồi mới giải phóng (bà đã 76 tuổi ta), đi đứng khá khó khăn. Năm sau (1958) bà tôi vĩnh biệt cõi đời, hưởng thọ 77 tuổi.

Sau khi bà ngoại mất, dì Khánh và gia đình cậu Lân vẫn tiếp tục ở căn nhà trên. Đến khi dì Khánh lập gia đình với chú Tạo, sinh em bé gái đầu lòng, cả nhà dì Khánh chuyển về ở hẳn tại căn nhà thuộc ngõ Phố Đội Cấn, Hà Nội.

Riêng căn nhà số 30 Phố Vạn Kiếp, mẹ tôi kể, vợ chồng dì Trà sang tên, bán cho cậu Lân theo kiểu vừa bán, vừa tặng em trai để cậu ổn định cuộc sống gia đình, vì cậu tôi đi bộ đội, sau chuyển ngành về làm quản lý dụng cụ, sân bãi tại Sân vận động Hàng Đẫy, lấy đâu ra nhiều tiền mà mua nhà.

Sau tiếp quản Hà Nội (sau tháng 10 năm 1954), cha tôi vẫn đi dạy học ở trường cũ, tuy tiền lương vẫn được chính phủ cách mạng quy đổi sang đồng tiền của cách mạng, giữ mức lương như trước kia chính phủ Pháp bào hộ trả, còn cán bộ kháng chiến chỉ được tính lương theo tiêu chuẩn số lượng ki lô gạo như trong kháng chiến. Cha tôi tâm sự với tôi cách trả lương này làm cha tôi rất khó tâm vì không lĩnh lương thì không được, gia đình lấy gì mà sống, nhưng lấy một số tiền khác biệt so với số gạo cán bộ cách mạng được nhận thì thấy nhục nhã. Vì thế, mỗi khi đến kỳ nhận lương, cha tôi ký vội cho nhanh, rồi cầm gói tiền cho vào cặp, không dám đếm lại vì rất ngại sợ người ta không ưa khi nhìn thấy mấy ông thầy giáo “lưu dung” đếm tiền.

Sự cách biệt về lương của “công chức lưu dung của Pháp” và của cán bộ kháng chiến được duy trì trong một thời gian ngắn rồi hủy bỏ, sắp xếp lại lương một cách bình đẳng, theo quy định mới của nhà nước.

Đẹp cửa hàng, ở nhà vừa làm nội trợ, vừa làm công việc khu phố.

Từ năm 1957 trở đi, mẹ tôi ở nhà làm nội trợ, tham gia công tác khu phố rất tích cực, được bà con yêu mến. Trong khoảng gần chục năm sau này, Hà nội như một đại công trường lao động xây dựng với sự hưởng ứng, tham gia đóng góp công sức của tất cả các tầng lớp nhân dân. Các công trình xây dựng thủ đô như Công trường mở rộng đường Cổ Ngư ra phía Hồ Tây thành đường Thanh Niên, Công trình mở rộng khu vực đền Voi Phục, xây dựng Công viên Thủ Lệ, Công trình trồng cây phi lao, gây rừng dọc theo

Sống Nhuệ ở khu Cầu Diễn (sau này gọi là Rừng Thanh niên), Công trường nạo vét hồ Bảy Mẫu ở phía nam thành phố để xây dựng Công viên Bảy Mẫu với những hàng cây, những luống hoa đầy màu sắc và hương thơm v.v... luôn làm cuộc sống của người dân nhộn nhịp suốt tuần, đặc biệt vào những ngày thứ bảy và chủ nhật, những ngày lao động xã hội chủ nghĩa của các tầng lớp nhân dân thủ đô.

Tại các khu phố, mỗi nơi đều có tổ chức hoạt động riêng theo các tổ dân phố, có phong trào thi đua xây dựng tổ dân phố gương mẫu chấp hành chính sách của nhà nước, xây dựng tổ dân phố văn minh, sạch đẹp. Hàng tuần, mỗi khu phố đều tổ chức tổng vệ sinh đường phố, quét vôi trắng vỉa hè, dọn dẹp các bãi rác công cộng v.v... Sau này khi chiến tranh phá hoại của bọn xâm lược mở rộng ra đến miền Bắc với những trận ném bom phá hoại vô cùng dã man của bọn xâm lược xuống các khu công nghiệp trọng điểm, các vùng dân cư đông đúc, trong nhân dân nổi lên phong trào thanh niên “Ba Sẵn Sàng”, phụ nữ “Ba Đảm Đàng”, vai trò của các tổ dân phố rất quan trọng trong việc động viên bà con gương mẫu tham gia các phong trào yêu nước này.

Tại khu phố Bùi Thị Xuân của chúng tôi, mẹ tôi tham gia các phong trào ở địa phương rất nhiệt tình, luôn có tinh thần trách nhiệm cao. Năm 1960, mẹ được bà con tín nhiệm bầu làm tổ trưởng dân phố. Lúc đầu mẹ tôi không dám nhận sợ không đủ trình độ gánh vác công việc của khu phố. Sau được bà con góp ý, hứa hẹn mỗi người một chân, một tay, giúp đỡ để mẹ làm tốt nhiệm vụ tổ trưởng và đặc biệt cha tôi hứa sẽ giúp mẹ tôi hết mình làm công việc của “thư ký” và “cố vấn” cho mẹ ở từng buổi họp của khu phố, mẹ nhận với bà con làm tổ trưởng.

Tôi thật sự khâm phục khi thấy mẹ tôi làm rất tốt nhiệm vụ của một tổ trưởng dân phố. Tổ dân phố của mẹ luôn được biểu dương hàng năm. Mỗi lần nói chuyện với tôi, ông Sự, tổ phó phụ trách bảo vệ dân phố, luôn nói về mẹ tôi với một lòng kính trọng. Ông nói ai ai trong khu phố cũng yêu quý mẹ tôi vì mẹ tôi chân tình, luôn giúp đỡ mọi người và luôn vô cùng gương mẫu, đã nói là làm, không quản ngại khó khăn gì cả. Nghe ông nói, tôi rất tự hào về mẹ. Làm tổ trưởng được khoảng trên dưới ba năm, mẹ xin nghỉ để nhường cho các cô trẻ hơn, có trình độ hơn, đảm trách công việc tổ trưởng dân phố.

Từ năm 1961 đến tháng 4 năm 1965 tôi theo học đại học, ở nội trú trong Trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội, Khu Cầu Giấy, hàng tuần chỉ về nhà một hoặc hai lần, nên tâm sự với mẹ không được

như trước. Sau khi tốt nghiệp đại học, tôi đi bộ đội biên biệt cả chục năm trời, phải xa cha mẹ và gia đình cho đến khi sau hòa bình lập lại, thống nhất đất nước, tôi mới được phép về nhà. Đây là Tết Nguyên đán đầu tiên tôi được ăn Tết Bính Thìn (năm 1976) với bố mẹ và gia đình sau gần mười năm xa cách.

Cuộc sống của gia đình sau chiến tranh, đặc biệt khi cha mẹ tôi đã về già

Trong thời kỳ hậu chiến (từ tháng 5 năm 1975), cuộc sống của nhân dân từ Bắc vào Nam bước vào thời kỳ “thắt lưng, buộc bụng” rất vất vả. Cha mẹ khuyên tôi công tác ở xa, cha mẹ không góp ý với tôi được nhiều, tôi phải tập trung giải quyết công việc gia đình trong đó, đừng lo nghĩ quá nhiều về cuộc sống của cha mẹ.

Cha tôi nói: “Ở ngoài này, cha mẹ đã có kế hoạch rồi, dè sẻn cũng đủ tiền ăn đến lúc cha mẹ từ biệt cõi đời này, kể cả tiền ma chay nữa, con ạ! Cứ mỗi buổi chiều, ngồi ngắm nhìn gia đình từng đứa con chuẩn bị bữa ăn chiều mà cha mẹ đau lòng. Có cặp vợ chồng gọi là ăn bữa chiều, nhưng thực ra chúng nó đứng gần bể nước, và vào môm thật nhanh tô mỳ sợi chẳng hề có một miếng thịt. Cha mẹ nhìn chúng nó ăn uống mà ứa nước mắt. Cha mẹ bây giờ phải tần tiện, thu vén làm sao cho đủ sống, không muốn để các con phải lo, mà thực ra lương nhà nước trả các con hàng tháng như vậy làm sao các con nuôi nổi cha mẹ?”

Một lần tôi ra Hà Nội công tác thấy cha mẹ già, ăn uống quá kham khổ, tôi không đành lòng. Tôi có tâm sự điều này với Anh Dũng. Ngồi trầm ngâm một lúc, anh cho rằng cách giải quyết tốt nhất là cha mẹ bán căn nhà 123 Bùi Thị Xuân để mua một căn nhà nhỏ hơn, lấy ra một số tiền để cha mẹ bồi dưỡng lúc tuổi già. Tìm mua một căn nhà mặt tiền, diện tích nhỏ hơn một chút, thích hợp để bố mẹ và hai người em là gia đình chú Bình và cô Diệp ở. Còn ở ngoài này, anh Dũng đã có căn phòng của Sở Thể dục thể thao, chị Chi đã có nhà tập thể ở trường Đại học Bách Khoa, cô Đinh đã có nhà chồng ở phố Cửa Đông. Riêng tôi ở Sài Gòn, cũng có chỗ ở rồi.

Trao đổi với tôi, anh Dũng cho rằng ở nhà này chỉ có tôi đề xuất ý kiến này may ra cha mẹ nghe theo vì anh biết cha mẹ rất thương và quý mến tôi, nhất là tôi đi lính xa nhà biên biệt cả hơn mười năm trời mới trở về nhà.

Tôi suy nghĩ trong hai ngày liền, thấy điều anh Dũng nêu ra là hợp lý, vì vấn đề mấu chốt là cha mẹ đã già rồi, phải có tiền để tắm bổ thêm, để mua thuốc chữa bệnh. Con cái lớn rồi, đã yên bề gia thất,

ráng tự lo liệu mà sống. Cửa cải của cha mẹ để lại sau khi qua đời là “lộc” cha mẹ cho, thực chất là tạo “phước đức” cho con cái.

Tôi mang ý kiến của anh Dũng ra bàn với cha mẹ. Ngồi trầm ngâm một lúc, cha tôi nói: “Hùng ạ, cha mẹ biết con ở xa, nói ra điều này là con lo cho cha mẹ. Cha mẹ cảm ơn con. Nhưng cha mẹ không thể chiều lòng để theo ý của con được, vì Hùng thấy đấy cuộc sống của anh chị em con với đồng lương nhà nước trả không đủ nuôi sống mình như thế này thì làm sao cha mẹ ngồi ăn cơm có thể nuốt trôi được một miếng thịt hay một miếng cá, trong khi các con, các cháu cứ phải sáng cũng như trưa, cũng như chiều ăn toàn rau xanh, lúc thì luộc, lúc thì xào và một vài bát cơm không độn khoai, thì độn mỳ, hoặc độn sắn, hử Hùng? Rồi con tính tiếp xem, khi cha mẹ quy tiên, nhà cửa chật hẹp, con cái, họ hàng bên nội cũng như bên ngoại đến viếng, phải đứng cả ở ngoài đường hay sao?”

Cha mẹ tâm sự như vậy, tôi không thể không đồng ý. Sau này, tôi nói với anh Dũng không nên đề xuất ý kiến này nữa vì cha mẹ không chịu đâu.

Sau khi cha tôi qua đời (ngày 16 tháng 4 năm 1983), mẹ tôi bị suy sụp hẳn, sức khỏe yếu đi rất nhiều, chân bị thấp khớp hành hạ, đi lại rất khó khăn. Những năm cuối của thập niên 1980, mẹ tôi bị liệt, không còn đi lại được nữa, mọi thứ từ ăn uống, đến đi tiểu và đại tiện, đến tắm rửa hàng ngày đều do các con thay nhau chăm sóc mẹ. Bác sĩ đến thăm bệnh cho mẹ vô cùng ngạc nhiên và thán phục anh chị em tôi về việc chăm sóc mẹ lúc tuổi già. Bác sĩ cho rằng anh chị em tôi phải tắm rửa cho mẹ rất sạch sẽ vì mẹ tôi nằm liệt trên giường gần một năm trời không hề không có mùi hôi, da thịt vẫn sạch sẽ như những người bình thường.

Mẹ từ già trần thế trong niềm thương tiếc vô hạn của mọi người

Một điều rất đặc biệt khoảng đầu tuần cuối tháng 6 năm 1989, Cậu Lân và tôi đều được gia đình ở Hà Nội thông báo mẹ tôi trở bệnh nặng, hai cậu cháu sắp xếp công việc ra ngay để kịp gặp mẹ tôi.

Tôi vội vã chạy lên trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh gặp anh Lý Hòa, Hiệu trưởng, xin anh cấp cho một giấy giới thiệu đặc biệt đề nghị Hàng Không Việt Nam bán một vé máy bay ra công tác gấp ở Hà nội. Ra đến nơi bán vé, họ trả lời tôi tất cả các vé cho các chuyến bay (sáng, trưa, chiều và tối) ngày hôm sau không còn vé, chỉ còn một hay hai vé cho hai ngày gần cuối tuần.

Tôi sốt ruột muốn đi ngay nên hỏi họ có còn vé VIP (hạng Business) buổi sáng hôm sau không? Họ trả lời còn đúng hai vé VIP cho chuyến bay 06g30 sáng hôm sau, ngày 24 tháng 6 năm 1989. Tôi mua ngay một vé VIP, chịu tiền gần gấp đôi vé thường.

Riêng cậu Lân tôi lúc đó đã về hưu (lúc đó cậu 64 tuổi), có nhiều thời gian, nên ra xếp hàng để mua vé về Hà Nội. Chờ đợi cả buổi sáng cậu mới được ưu tiên mua vé ra Hà Nội vào chuyến bay lúc 06g30 sáng ngày 19 tháng 7 năm 1989. Thế là tôi về thăm mẹ trước Cậu Lân gần một tháng trời (khoảng thời gian này đi lại tuyến đường hàng không Hà Nội-Sài Gòn rất khó khăn, chủ yếu dành cho cán bộ đi công tác và phải đăng ký trước cả tháng trời mới có thể có vé máy bay. Nhiều cán bộ không thể chờ đợi được, phải giải quyết đi công tác bằng phương tiện vận chuyển đường bộ (đi xe đò hoặc đi xe lửa).

Trưa ngày 24 tháng 6 năm 1989, đúng 11g00, tôi đã về tới nhà ở Bùi Thị Xuân. Bước vào nhà, tôi thấy đầy đủ các chú Triệu, chú Tạo, chú Kính, dì Trà, dì Khánh, và một số anh chị em trong gia đình đang đứng quanh giường, gọi mẹ liên tục nhưng không hề thấy mẹ trả lời, nét mặt mẹ không hề thay đổi. Thấy tôi, dì Trà ôm tôi méo máo khóc, rồi gọi mẹ tôi: "Chị Mỹ ơi, thằng Hùng, con trai chị từ Sài Gòn về thăm chị này!" Tôi đến ngay mẹ, tay ôm mẹ. Nét mặt mẹ lúc đó dần ra, mỉm cười. Dì Trà lại méo máo khóc: "Chúng em đến thăm chị từ sáng đến giờ, hỏi chị cũng chẳng thém nói. Khi con trai chị về, chị biết, chị vui, chị cười, Chúng em giận chị rồi. Chúng em về đây để chị vui vẻ với con trai mới về, chị nhé!"

Sau đó các chú, các dì ra về. Tôi mang ba lô lên gác, cất dọn đồ đạc, rồi xuống ngồi đút cơm cho mẹ tôi. Lúc đó chị Chi cũng từ Trường Bách Khoa tới, em Đình cũng mới xuống lo tắm rửa cho mẹ. Riêng em Bình lúc này đang công tác ở Tiệp Khắc, không có nhà. Em Diệp chắc bận việc ở cơ quan, buổi chiều tôi mới gặp khi em về nhà.

Buổi tối hôm đó, gia đình tôi tụ họp tại nhà Bùi Thị Xuân. Anh Dũng rất vui khi bất ngờ thấy tôi đã ra ngay được Hà Nội. Cả nhà ngồi trao đổi với nhau về tình hình sức khỏe của mẹ, ý kiến của bác sĩ. Tất cả đều nhất trí tập trung mọi sức lực chăm lo tốt nhất cho mẹ. Tôi không có đi chơi đâu, suốt ngày quanh quẩn bên mẹ, đút cơm cho mẹ ăn từng bữa một. Có lần thấy có hàng bánh đúc đi qua, tôi gọi mua, rồi đút một chút xem mẹ có ăn được không. Tôi thấy mẹ ăn ngon lành, tôi rất mừng, nhưng không dám cho mẹ ăn nhiều sợ có chuyện gì xảy ra, chắc chắn tôi sẽ bị bác sĩ và anh chị em trong nhà "cạo đầu" mất. Khi chị Chi và các em đến chăm sóc

mẹ, tôi nói sáng dứt cơm cho mẹ xong, tôi còn cho mẹ ăn thêm bánh đúc và mẹ ăn rất ngon. Mọi người la tôi ấu, cho mẹ ăn như vậy, bánh đúc có vôi mà dạ dày mẹ lại không tốt, nhờ có chuyện gì thí tính làm sao? Tôi cười và nói mẹ đâu có làm sao.

Ở nhà với mẹ được hai mươi một ngày, thấy mẹ khỏe ra, da đỏ hồng, thỉnh thoảng mẹ nói thì thảo được, tôi khá yên tâm, nghĩ mẹ mình chắc chưa có mệnh hệ gì đâu. Trong trường đại học ở TP. HCM chuẩn bị tổ chức Hội nghị Khoa Học vào cuối tháng 7 năm 1989, tôi phải về sớm để chuẩn bị cho hội nghị của Khoa Ngữ Văn Anh. Tôi bàn với anh chị em trong nhà về tình hình sức khỏe của mẹ và chuẩn bị phải quay về thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi đi, tôi ngồi một lúc lâu với mẹ tôi, nói chuyện thật chậm để mẹ hiểu và thông cảm cho tôi vì công tác, tôi không ở lại Hà Nội với mẹ được lâu hơn.

Trở về Sài Gòn ngày 16 tháng 7 năm 1989, tôi tới thăm Cậu Lân và kể cậu nghe về tình hình sức khỏe của mẹ tôi. Cậu tôi cười và nói động viên tôi chắc mẹ chưa đến nỗi nào đâu.

Chiều ngày 18 tháng 7 năm 1989 tôi xuống thăm cậu và gửi cậu một vài món quà về biếu mẹ và anh chị em ở Hà nội vì cậu sẽ bay chuyến 6g30 sáng ngày hôm sau ra ngoài đó.

Ngày sáng ngày 20 tháng 7 năm 1989, cậu xuống thăm mẹ tôi. Các anh chị em trong nhà cho cậu biết mẹ mới trở bệnh lại khoảng hai ngày, nằm mê mết, không ăn uống gì. Sức khỏe của mẹ yếu đi nhiều so với đầu tuần trước, khi tôi còn ở ngoài Hà Nội. Cậu nói với tôi nhìn mẹ con nằm không động đậy, thở thoi thóp làm cậu khóc, nước mắt cứ trào ra.

Hôm lên máy bay để ra Hà Nội thăm mẹ tôi, ngồi trên máy bay, linh tính mách bảo, cậu thấy bồn chồn như có điều gì chẳng lành đang xảy ra ở ngoài nhà tại Hà Nội. Xuống máy bay, em Việt ra đón, đưa cậu về chỗ em nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, cậu xuống thăm mẹ tôi rất sớm và trào nước mắt khi nhìn thấy mẹ tôi đã chuyển sang bệnh nặng rồi.

Mẹ tôi mất ngày 22 tháng 7 năm 1989 (nhằm ngày 20 tháng 06 Âm lịch). Cậu Lân cho tôi hay sở dĩ anh Dũng không gửi điện tín (telegram) báo tin mẹ ra đi cho tôi vì tôi vừa mới ra với mẹ cả ba tuần rồi. Hơn nữa đi lại quá khó khăn, tôi không cách nào về kịp để vĩnh biệt mẹ tôi được, vì ở Hà Nội lúc đó có quy định các đám tang phải giải quyết gọn trong 24 giờ sau khi mất, không được để lâu cả ba ngày như ngày xưa. Em Bình, cũng trong hoàn cảnh như

tôi, đang công tác ở Tiệp Khắc, không thể trở về tiễn biệt mẹ được.

Cậu tôi cho biết đám tang của mẹ được anh Dũng và anh chị em trong gia đình tổ chức rất chu đáo, bà con lối xóm, bạn bè của mẹ, và các bác, các cô, các chú, các dì, các em và các cháu họ nội và họ ngoại đến đầy đủ, tiễn đưa mẹ con về nơi an nghỉ cuối cùng ở làng Hoàng Mai. Mộ mẹ tôi nằm cạnh mộ bố. Trước khi tiễn biệt, chú Triệu đọc một bài diếu văn rất cảm động, nêu bật công đức của mẹ tôi với gia đình trong dòng họ nội và ngoại. Mẹ tôi suốt đời tận tụy, lúc nào cũng hết sức ngoài chăm lo cho cha, mẹ, anh chị em trong đại gia đình Yên Phụ còn chăm lo cho chồng, con cái trong gia đình riêng của mình hết sức chu đáo. Mẹ là một tấm gương sáng chói cho mọi người noi theo, không ai có thể so sánh được với mẹ.

Cậu tôi nói “ông Trời” có mắt cho cậu tôi ra Hà Nội đúng lúc mẹ tôi hấp hối. Chắc đúng là như vậy, vì khi đi đăng ký vé máy bay, cậu được ưu tiên mà phải chờ đợi gần tháng trời. Còn tôi đi theo kiểu “công văn hỏa tốc” mới nhanh được như vậy. Cậu khuyên tôi không nên buồn vì chuyện không ra dự đám tang của mẹ được. Cậu đã làm nhiệm vụ thay tôi tiễn biệt mẹ, tiễn biệt người chị ruột yêu quý nhất của cậu về cõi vĩnh hằng.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, tôi thường xuyên xuống thăm Cậu ở Đường Nguyễn Tri Phương nổi dài (khu doanh trại Bộ Tư lệnh Công Binh trước kia của VNCH) cho đến khi cậu bị bạo bệnh, vĩnh biệt bạn bè, vợ con và các cháu trong gia đình chỉ sau Tết Âm lịch năm 2002 đúng mười ngày.

Tôi luôn nhớ khi đến thăm, Cậu thường kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện về mẹ. Cậu nói mẹ không những là chị ruột mà cậu luôn coi mẹ tôi như người mẹ thứ hai vì cậu lớn lên, có vợ con, trưởng thành được như ngày nay là nhờ có mẹ.

Điều tôi khẳng định là cậu nói rất thật lòng, rất trân quý mẹ tôi vì sau khi mẹ mất, trên bàn thờ ông bà ngoại ở nhà cậu tại thành phố Hồ Chí Minh chỉ duy nhất có ảnh của mẹ tôi được đặt thứ ba về phía bên trái, bên cạnh ảnh của ông bà ngoại.

Khi kể về thời kỳ kháng chiến chống Pháp, cậu tôi nói nếu không có tiếp tế thường xuyên của mẹ tôi thì cả đại gia đình bà ngoại ở Làng Vo lấy tiền đâu mà sinh sống. Cậu còn nói mẹ luôn cho cậu tiền tiêu thường xuyên, và gửi cho cậu mọi thứ khi cậu cần. Cậu cười nói, đi đánh nhau lúc nào vất vả nguy hiểm thì thôi, khi nào có dịp tranh thủ về thăm bà ngoại và gia đình vài ba ngày thì cậu

vẫn ghé qua một vài nơi “vùng đệm” ăn phở bò và uống cà phê như thời gian cậu còn ở Hà Nội thời Pháp tạm chiếm.

Nhớ đến cậu, tôi không bao giờ quên được câu nói vô cùng trân trọng và quý mến của cậu đối với mẹ, mỗi khi cậu kết luận những câu chuyện kể về mẹ: “Con có một người Mẹ và Cậu có một người Chị trên cả tuyệt vời!”

Cậu tôi nói rất “chuẩn”. Đối với tôi, đúng như cậu đã ca ngợi, mẹ tôi là người tuyệt vời nhất của anh chị em trong đại gia đình ở phố Bùi Thị Xuân chúng tôi. Mẹ đã để lại muôn vàn kỷ niệm vô cùng yêu thương không bao giờ phai mờ được trong tâm khảm của anh chị em chúng tôi.



Mẹ tôi, Bà Lê Vũ Thị Mỹ,

Tổ trưởng dân phố Bùi Thị Xuân (1912 - 1989)

Một số hình còn lưu lại về cha mẹ và gia đình chúng tôi ở căn nhà phố Duvigneau ngày xưa tại Hà Nội



Căn nhà ở phố DuVigneau (sau được đổi tên là Huyện Trần Công Chúa, rồi tiếp theo là Bùi Thị Xuân), là nơi gia đình tôi sinh sống từ năm 1950. Cây ổi trước cửa nhà được cha tôi trồng kể từ khi tôi vào Nam bộ cuối năm 1967. Cha trồng cây ổi để nhớ ngày tôi ra đi. Tôi xa nhà bao nhiêu năm thì cây ổi trước nhà sống được bấy nhiêu năm.



Chiếc cầu thang làm bằng gỗ lim, bóng nhẫy và đen mun theo năm tháng của thời gian. Chính gầm cầu thang được xây dựng kiên cố này là hầm trú ẩn của cha mẹ tôi trong những đợt Mỹ ném bom hủy diệt khu phố Khâm Thiên, bệnh viện Bạch Mai và một số khu dân cư khác ở Hà Nội ...cuối năm 1972.



Cha mẹ kính yêu của chúng tôi, thầy giáo Nguyễn Tiến Duyến (50 tuổi) và bà Lê Vũ Thị Mỹ (38 tuổi)

(Hình chụp năm 1950 tại Hiệu ảnh Ngọc Dung, phố Huế, Hà Nội, nhìn xéo từ Chợ Hôm sang)



*Hình gia đình chúng tôi chụp tại hiệu ảnh phố Hàng Trống, Hà Nội
khoảng cuối năm 1953.*

Câu chuyện số 3

Thầy giáo dạy nghề

Những kỹ sư các khóa đầu tiên sau tiếp quản Hà Nội

Người thầy giáo dạy nghề đó là chính là kỹ sư cơ khí Nguyễn Tiến Dũng, 27 tuổi (thực ra lúc đó anh đã 30 tuổi, nhưng do ở trong vùng tạm chiếm, gia đình phải làm khai sinh rút đi ba tuổi để trốn đi lính trong thời Pháp thuộc), chuyên ngành chế tạo máy. Anh là sinh viên khóa 4, Khoa Cơ khí của Trường Đại Học Bách Khoa Hà Nội.

Trường Đại học Bách Khoa Hà nội được thành lập năm 1956, do thầy Giáo sư, Viện Sĩ Trần Đại Nghĩa làm Hiệu trưởng đầu tiên. Ngay năm 1956, trường đã thành lập Liên khoa Cơ - Điện. Từ năm 1960, trường tách hai ngành Cơ khí và Luyện kim ra khỏi Liên khoa Cơ - Điện, thành lập một liên khoa mới có tên là Liên khoa Cơ khí - Luyện kim. Sáu năm rưỡi sau (tháng 8 năm 1966), Liên khoa Cơ khí - Luyện kim tách ra thành ba khoa riêng biệt: Khoa Chế tạo máy, Khoa Động lực và Khoa Luyện kim.

Kỹ sư Nguyễn Tiến Dũng là sinh viên Khóa thứ tư (1959 - 1963) của Khoa Cơ Khí. Sau khi tốt nghiệp, anh được phân công về nhận công tác ở nhà máy Cơ khí Trần Hưng Đạo, Phò Đoàn Trần Nghiệp, Khu Hai Bà, TP. Hà Nội.

Anh được nhà máy bố trí công việc tại Phân xưởng Động cơ Diesel (máy dầu) và Động cơ xăng. Thực chất hai loại động cơ này có nhiều điểm giống nhau. Đó là cả hai loại động cơ đều dùng nhiên liệu hóa lỏng, đều là động cơ đốt trong, và đều hoàn tất công việc trong bốn kỳ gồm quá trình nạp; nén; nổ; và xả, tương ứng với hai vòng quay của trục khuỷu động cơ.

Sự khác biệt cơ bản của hai loại động cơ trên nằm ở ba đặc điểm

chính, bao gồm loại nhiên liệu sử dụng; hệ thống cung cấp nhiên liệu và kiểu cách đốt cháy nhiên liệu.

Sở dĩ tôi biết “hơi bị kỹ” về ngành nghề của anh Dũng vì anh ấy là anh ruột, rất thân với tôi. Trước khi thi tuyển, anh trao đổi với tôi rất nhiều về ngành này. Tôi học sau anh khoảng hai khóa học đại học, nên cũng quan tâm đến ngành chế tạo máy. Hơn thế nữa, nếu sau này không được nhà nước cho phép thi tuyển vào ngành Y Khoa theo nguyện vọng của tôi và cũng là nỗi ao ước của bố mẹ, chắc chắn tôi sẽ xin thi vào ngành của anh vì ngay từ nhỏ tôi rất mê lái xe hơi.

Tôi còn nhớ hồi anh Dũng thi đậu Bằng Diplome (Trung học đệ nhất cấp), do chính phủ Pháp – Bảo Đại tổ chức vào cuối tháng 5 năm 1954) tại Trường Trung học Chu Văn An (lúc đó trường ở Phố Cửa Bắc), cha tôi rất vui và rất tự hào về kết quả học tập của con trai cả của mình. Nghe đồn em San, con chú Quyền cũng thi đậu Bằng Diplome, cha tôi chạy ngay lên nhà thím Quyền ở phố Hàng Đường, thăm gia đình và chúc mừng em San (chú Quyền tôi mất đã lâu. Thím ở vậy, không tái giá, nuôi con ăn học). Bố rất vui, nói với thím Quyền rằng phải cho hai anh em Dũng và San học thành tài, phải tạo điều kiện cho hai anh em học tiến lên càng cao càng tốt!

Sau tiếp quản Hà Nội (tháng 10 năm 1954), hệ thống giáo dục Việt Nam chịu ảnh hưởng của ba hướng đào tạo hoàn toàn khác nhau: 1) Chế độ giáo dục 12 năm của Pháp; 2) Chế độ giáo dục thu gọn lại, đào tạo chỉ trong 9 năm ở vùng chiến khu, và 3) Chế độ giáo dục 10 năm của Liên Xô và các nước trong phe Xã hội chủ nghĩa.

Vị Tư lệnh ngành Giáo dục lúc đó là Thầy Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền, Giáo sư, Tiến sĩ, Nhà Sử học, Nhà Dân tộc học, Nhà Giáo dục học, Nhà nghiên cứu văn hóa Việt nam, phải giúp chính phủ đưa ra quyết định lựa chọn tốt nhất, thích hợp cho nền Giáo dục Việt nam (Thầy Huyền là Bộ trưởng Giáo dục lâu đời nhất, liên tục trong 28 năm 350 ngày, kể từ tháng 11 năm 1946 đến tháng 10 năm 1975).

Năm học đầu tiên sau tiếp quản thủ đô (1955 – 1956), anh tôi theo học Lớp Đệ Tam B2 của trường Trung học Chu Văn An (sau trường chuyển từ Phố Cửa Bắc về Khu vực Trường Bưởi cũ, phố Thụy Khuê, Hà nội).

Từ niên khóa 1956 – 1957 trở đi, trong hệ thống giáo dục có sự

chuyển làn sang hệ đào tạo 10 năm của Liên Xô, cụ thể Hệ đào tạo Cấp 1 (trước là Hệ đào tạo Tiểu học) rút đi một năm, chỉ còn bốn năm học với các tên gọi là lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4. Hệ đào tạo Cấp 2 (trước là Hệ Đào tạo Trung học Đệ Nhất cấp) rút đi một năm, chỉ còn ba năm học với các tên gọi là lớp 5, lớp 6 và lớp 7. Hệ Đào tạo Cấp 3 (trước là Hệ Đào tạo Trung Học Đệ Nhị cấp) giữ nguyên ba năm, với các tên gọi lớp 8, lớp 9 và lớp 10.

Theo đúng sự chuyển làn trong Hệ Đào tạo Giáo dục, niên khóa 1956 - 1957, anh Dũng chuyển sang học lớp 9B2, và tiếp theo, niên khóa 1957 - 1958 anh học lớp 10B2 của Trường Trung Học Chu Văn An. Sau khi thi tốt nghiệp Phổ thông trung học, anh tôi nộp đơn xin thi tuyển vào Trường Đại Học Bách Khoa. Trúng tuyển, anh trở thành sinh viên Khóa 4 của Khoa Cơ khí từ năm 1959.

Năm 1963, tốt nghiệp đại học, anh về nhận công tác tại nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, Hà Nội.

Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo: Vừa làm, vừa học để nhanh chóng tiếp cận với khoa học tiên tiến...

Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo Hà Nội, đứa con đầu lòng của ngành cơ khí nước ta, được thành lập trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp với lực lượng công nhân ban đầu chỉ vắn vắn có sáu hoặc bảy người và một ít công cụ sản xuất vô cùng thô sơ.

Nhà máy phát triển được sản xuất trong chiến tranh chủ yếu dựa vào nhiệt tình yêu nước và kinh nghiệm lâu năm trong nghề của số anh em công nhân ít ỏi trên. Lúc đó, trình độ của cán bộ và công nhân toàn nhà máy không ai có trình độ trung cấp hoặc cao cấp về kỹ thuật.

Sau khi tiếp quản thủ đô (sau tháng 10 năm 1954), nhà máy tập trung lấy việc bồi dưỡng trình độ khoa học, kỹ thuật cho cán bộ và công nhân là nhiệm vụ hàng đầu.

Trình độ văn hóa của cán bộ, công nhân sau giải phóng quá yếu, người khá nhất mới học xong cấp 1. Chính vì vậy, nhà máy đặt nhiệm vụ trọng tâm tập trung triển khai công tác bổ túc văn hóa thật đa dạng, phần đầu mỗi người mỗi năm lên một lớp.

Ban Giám đốc nhà máy cùng các phòng chức năng phân phối thời gian thật thích hợp với từng loại cán bộ, công nhân, phù hợp với điều kiện và tổ chức sản xuất của nhà máy. Cụ thể công nhân làm

theo ca được bố trí giờ học theo ca (có đủ các lớp từ sáng đến tối; ít người hay nhiều người cũng tổ chức lớp học); cán bộ chuyên môn, hành chính theo học bắt buộc các lớp học các buổi tối thứ hai và thứ năm hàng tuần.

Lúc ban đầu triển khai, nhà máy tập trung mở các lớp dạy văn hóa lớp 1, thậm chí mở cả một vài lớp vỡ lòng. Dần dần theo năm tháng, nhà máy mở tiếp các lớp cao hơn, rồi sau lên các lớp cấp 2, rồi các lớp cấp 3. Chủ trương “vừa học, vừa làm” của nhà máy được anh chị em cán bộ và công nhân ủng hộ vì thực chất mọi người không có điều kiện học tập trung.

Đến thăm nhà máy vào những năm này, ai cũng nhận ra một không khí náo nhiệt khác thường trong phong trào thi đua vừa lao động sản xuất, vừa học tập bổ túc văn hóa. Nhà máy đã mời được một nguồn giáo viên khá dồi dào, có chất lượng từ các Trường Đại Học Bách Khoa, Trường Đại Học Kinh tế - Kế hoạch, và một số kỹ sư có nhiều kinh nghiệm thực tế đang làm việc ở trong nhà máy. Thành công của nhà máy là đã kết hợp được hai nguồn giáo viên, tạo ra một sự gắn bó chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành với một nội dung lên lớp sát với thực tế sản xuất của nhà máy, tạo được nguồn cảm hứng học tập của cán bộ, công nhân trên lớp học.

Kỹ sư Nguyễn Tiến Dũng về nhận nhiệm vụ ở Nhà máy Trần Hưng Đạo đúng vào thời điểm nhà máy rất cần sự đóng góp về năng lực và trí tuệ của anh.

Bắt tay vào làm việc, anh thanh niên trên 25 tuổi này suốt ngày tham gia hết công việc này đến công việc khác của nhà máy. Nhiều lúc đến 21h00 anh mới về nhà ăn cơm chiều. Cơm phần anh thường xuyên phải ủ lại cho khi anh về còn nóng. Ăn cơm xong, nghỉ ngơi một chút, anh lại thức khuya soạn bài cho các lớp bổ túc anh sẽ dạy ngày hôm sau.

Nói chuyện với anh, thấy anh lúc nào cũng vui vẻ với đủ loại công việc anh đang làm ở nhà máy, tôi cũng thấy vui. Anh rất thích thú với công việc ở phân xưởng động cơ diesel và máy nổ vì anh được trải nghiệm những kiến thức mà anh đã học ở đại học. Ngay ở những lớp bổ túc văn hóa ban ngày cũng như ban đêm tại phân xưởng, anh luôn lồng ghép kiến thức văn hóa chung và kiến thức chuyên môn để lên lớp làm các bác, các chú, các anh, các chị công nhân rất thích, rất quý thầy giáo kỹ sư trẻ, luôn vui tính, yêu đời và có trình độ.

Nhà tôi ở phố Bùi Thị Xuân. Đi xuống cuối phố, qua khỏi ngã tư Bùi Thị Xuân – Tô Hiến Thành là đến nhà máy. Anh tôi luôn mặc một bộ quần áo xanh công nhân, đội mũ casquette xanh (mũ công nhân), đi đôi dép cao su đen đi làm. Trông anh chẳng khác các bác, các chú công nhân trong nhà máy.

Tôi nhớ một buổi chiều, trên đường trở về nhà, anh đi cùng với một bác công nhân già, vừa đi vừa tranh luận rất sôi nổi về động cơ vĩnh cửu. Bác công nhân khẳng định trên thế giới phải có có động cơ vĩnh cửu. Anh Dũng nói về lý thuyết cũng như trên thực tế không thể có động cơ vĩnh cửu. Cuộc tranh luận chưa ngã ngũ thì đã về đến nhà, anh hẹn bác ngày hôm sau sẽ trao đổi tiếp.

Chiều hôm đó, anh ngồi ăn cơm với gia đình, có cả bố và mẹ tôi cùng tất cả anh chị em. Tôi hỏi anh chuyện gì mà anh và bác công nhân tranh luận hăng vậy. Anh kể lại chuyện động cơ vĩnh cửu rồi nói bác đó hăng lắm, học ở lớp không nghỉ ngày nào, luôn nêu rất nhiều thắc mắc, nhiều lúc không biết giải thích sao cho bác hiểu.

Anh tỏ vẻ rất quý bác. Anh nghĩ hồi nhỏ, bác không có điều kiện được đi học nên bây giờ được học văn hóa thì đã lớn tuổi. Tôi góp ý với anh nên coi ý kiến của bác là có phần khả thi, tiếp tục để bác nghiên cứu cho bác phần khởi, thậm chí để bác lên báo cáo trong hội nghị cải tiến khoa học kỹ thuật của nhà máy cho có khí thế, cho cuộc tranh luận với nhiều cán bộ kỹ thuật khác trong nhà máy thêm phần “chất lượng”, để rồi chính bác sẽ là người đưa ra kết luận cuối cùng. Anh Dũng hoàn toàn đồng ý với tôi về cách giải quyết câu chuyện “động cơ vĩnh cửu” này.

Vừa sản xuất, vừa chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ

Trong lúc phong trào thi đua lao động sản xuất rộng khắp trên các lĩnh vực nông, công nghiệp và các ngành phụ trợ khác của nền kinh tế đang hùng hực diễn ra tại khắp nơi trên đất Bắc, người dân ở hậu phương làm việc hết sức mình để ủng hộ tiền tuyến đánh giặc trong những năm đầu của thập niên 60, chính phủ Mỹ dựng lên “Sự kiện Vịnh Bắc bộ”, cho phép chính thức leo thang cuộc chiến tranh ra miền Bắc bằng cách cho không quân Mỹ ném bom tàn phá thị xã Hòn Gai và các vùng phụ cận ngày 05 tháng 08 năm 1964, với một vụ không bĩ ổi “trả thù hai cuộc tấn công của Hải Quân Nhân Dân Việt nam vào hai ngày 02 tháng 08 và ngày 04 tháng 08 năm 1964 vào hai tàu khu trục USS Maddox và USS Turner Joy của Hải quân Mỹ”.

Sau “Sự kiện Vịnh Bắc bộ”, toàn miền Bắc chuyển sang vừa lao

động sản xuất, xây dựng kinh tế vững chắc, để chi viện cho tiền tuyến phía Nam, vừa chuẩn bị tích cực đáp trả lại cuộc chiến tranh phá hoại dã man, một cuộc chiến leo thang ra miền Bắc của chính phủ Mỹ.

Nhà máy Cơ khí Trần Hưng Đạo không có loại trừ. Ngoài các công việc thường ngày sản xuất và học tập nâng cao kiến thức, nhà máy phải nhanh chóng củng cố và phát triển đội dân quân tự vệ. Hầu như tất cả các cán bộ, công nhân của nhà máy đều rất hăng hái xin vào đội dân quân tự vệ, hăng say tập luyện quân sự, tập thao tác các loại súng chiến đấu như súng cao xạ, súng CKC, súng AK....(tất nhiên ngoài giờ sản xuất và học văn hóa).

Anh Dũng trở thành một chiến sĩ cùng nhóm công nhân của phân xưởng động cơ máy Diesel và máy nổ, phụ trách một khẩu súng cao xạ của nhà máy. Thời gian này, tôi ít có dịp tâm sự nhiều với anh vì tôi đang học năm cuối cùng ở Trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội, hàng tuần chỉ được về thăm nhà vào chiều thứ bảy và quay lại trường vào chiều tối chủ nhật. Bố mẹ tôi nói nhiều hôm anh xuống nhà máy liên tục, ăn cơm rất trễ vì quá nhiều công việc. Có đêm báo động, còi hú vang lên khắp thành phố, anh lại vội vàng chạy tới nhà máy trực chiến cùng đồng đội.

Tốt nghiệp đại học, tôi gia nhập quân đội vào ngày 29 tháng 04 năm 1965. Mặc dù đến năm 1967 tôi mới được điều động vào chiến trường Nam bộ, nhưng trong những năm chưa vào chiến trường, tôi đi công tác nhiều nơi trên đất Bắc, ít khi ở nhà được lâu, nên ít được gặp anh.

Anh Dũng tiếp tục say mê ngày đêm trong công tác ở phân xưởng, trong giảng dạy các lớp bổ túc, và đặc biệt sau này với một công việc rất mới, cùng bạn bè trong phân xưởng thường xuyên lên nóc nhà máy bắt kẻ ngày, đêm trực chiến bên cạnh khẩu pháo cao xạ luôn được lau chùi rất sạch sẽ.

Tuy chiến tranh nhưng vẫn tích cực chuẩn bị cho xây dựng đất nước trong tương lai.

Mặc dù chiến tranh ngày càng khốc liệt ở hai miền Nam - Bắc, nhưng chúng ta luôn chuẩn bị tích cực cho việc xây dựng đất nước thời kỳ hậu chiến. Theo thỏa thuận giữa hai chính phủ nước ta và Tiệp Khắc, một đoàn cán bộ, công nhân kỹ thuật chuyên ngành cơ khí được cử sang học và thực tập cách quản lý, điều hành một nhà máy cơ khí hiện đại tại nước bạn trong ba năm (từ tháng 10 năm 1967 đến tháng 10 năm 1970). Kỹ sư Nguyễn Tiến

Dũng, anh trai của chúng tôi, được nhà máy giới thiệu đi học khóa này và chính thức được Bộ Cơ Khí và Luyện Kim phê chuẩn.

Tôi nghe nói anh sang công tác ở Tiệp khắc đạt chất lượng giỏi. Ở nước bạn, ngoài học và tự học thêm từ chuyên môn bằng tiếng Tiệp Khắc, anh nói được một chút tiếng Nga, tiếng Anh và đặc biệt anh nói thông thạo tiếng Pháp nên được các kỹ sư Tiệp Khắc, nhất là những kỹ sư lâu năm, nhiều kinh nghiệm, rất kính nể và họ rất thích trao đổi chuyên môn với anh bằng tiếng Pháp. Sự thân thiết và kính trọng anh đến mức độ các kỹ sư lớn tuổi trên đôi lúc mời anh về nhà chơi, ăn tiệc tại gia đình mỗi khi có dịp. Họ tâm sự họ rất thích nói chuyện bằng tiếng Pháp với anh tôi vì ở đất nước họ, tầng lớp trí thức trẻ ngoài tiếng Tiệp Khắc, họ thường nói tiếng Nga và thi thoảng, một chút tiếng Anh, rất hiếm người nói được tiếng Pháp. Sống và làm việc cùng với các anh, các chị trong đoàn, nhiều chuyến đi dã ngoại, anh tôi đảm trách luôn nhiệm vụ phiên dịch từ tiếng Tiệp Khắc sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Tiệp Khắc cho anh chị em trong đoàn, đặc biệt trường hợp các anh, các chị muốn đi mua sắm tại các cửa hàng.

Học và thực tập ở Tiệp Khắc đến khoảng tháng 10/1970, anh Dũng trở về nước. Ngày 4/3/1973, trong bức thư gửi vào cho tôi ở Chiến trường Sài Gòn – Gia Định, anh cho tôi hay đã trở về nước, và thời gian này anh đã chuyển sang dạy nghề, làm việc tại Hà Nội, không còn làm ở cơ quan cũ.



Anh cả tôi, thầy giáo dạy nghề, Kỹ sư **Nguyễn Tiến Dũng** đang

Những năm cuối cuộc chiến...

Trong năm 1973, qua các thông tin chính thức trên báo chí, cũng như nghe đài Tiếng nói Việt nam ở Hà Nội, nhân dân ta biết được âm mưu và ý đồ của Nixon nhằm phá hoại hiệp định Paris, kéo dài cuộc chiến tranh, tạo nên những chiến thắng giả tạo để hỗ trợ ông ta bước vào Nhà Trắng một nhiệm kỳ nữa. Chính phủ ta mở một cuộc tổng động viên chưa từng có, huy động sức người và sức của cho tiền tuyến để đập tan ý đồ đen tối của ông Nixon, và đánh một đòn chí tử, quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng ra chỉ thị mỗi nhà, không loại trừ một gia đình nào, phải có người ra tiền tuyến đánh giặc cứu nước. Ngay con trai thủ tướng cũng ra chiến trường.

Tôi nghe nói khoảng tháng 9 năm 1973, cơ quan anh Dũng điều động anh đi vào chiến trường miền Nam công tác. Anh chuẩn bị sẵn sàng lên đường, không hề vương vấn điều gì.

Cha tôi không được vui khi nghe tin anh bị điều đi công tác ở miền nam. Hơn nữa, lúc đó có tin đồn tôi đã hy sinh ở sông Vàm Cỏ Đông làm cha tôi đứng, ngồi không yên. Đang buồn, ngồi chờ đợi tin tức hư, thực ra sao về thằng con trai thứ hai đang ở chiến trường nam bộ (B2), lại nhận được tin anh Dũng được điều động vào nam công tác. Cha tôi suy nghĩ, cho rằng mấy ông cán bộ tại cơ quan của anh làm sai chỉ thị của Thủ tướng, bèn lên cơ quan anh đang làm việc, phản đối kịch liệt. Đại diện Vụ Tổ chức Cán bộ ra tiếp, xin lỗi bố tôi và hứa sẽ giải quyết, bố trí người thay thế anh Dũng và khẳng định với cha tôi anh sẽ không phải đi chiến trường nữa, vì gia đình đã có người đang ở miền nam rồi.

Sau sự kiện này, anh Dũng phải kiểm điểm trước cơ quan, nhận khuyết điểm không tìm cách ngăn cản, để cha tôi lên làm âm ỉ ở cơ quan với những phát ngôn không có lợi. Sau đó, anh bị điều xuống Nam Hà làm lao động chân tay ở một công trường trong một thời gian không xác định.

Ông Hiệu trưởng Trường Dạy nghề Nam Hà quen biết anh, xin cơ quan cho anh về giảng dạy tại trường ở Nam Hà. Thế là từ giữa năm 1974, anh được chính thức điều về dạy nghề tại trường trên (thực ra số giáo viên đào tạo nghề như anh là của quý, không có nhiều), nhưng với điều kiện phải cắt hộ khẩu xuống Nam Hà và lương tháng do địa phương trả.

Đề cập đến “dạy nghề”, một công việc anh Dũng làm say mê, đây tâm huyết cả một cuộc đời, cần phải hiểu rằng ngay sau khi tiếp quản thủ đô, ngày 18 tháng 5 năm 1955, chính phủ đã thành lập Vụ Quản lý nhân công, trực thuộc Bộ Lao động để quản lý và đào tạo nghề cho công nhân.

Từ cuối năm 1968 trở đi, nhu cầu đào tạo công nhân kỹ thuật càng ngày càng tăng về số lượng nên ngày 9 tháng 10 năm 1969, chính phủ quyết định thành lập một cơ quan quản lý và đào tạo công nhân kỹ thuật lớn hơn gọi là Tổng cục đào tạo công nhân kỹ thuật, trực thuộc Bộ Lao Động.

Những năm sau hòa bình lập lại, thống nhất đất nước, do nhu cầu đào tạo số lượng lớn công nhân kỹ thuật trong toàn quốc, Thủ tướng Phạm Văn Đồng ra quyết định ngày 24 tháng 6 năm 1978, tách Tổng cục đào tạo công nhân kỹ thuật ra khỏi Bộ Lao Động, thành lập Tổng Cục Dạy Nghề (cấp ngang Bộ), trực thuộc Chính phủ, sau này là trực thuộc Hội Đồng Bộ Trưởng. Tôi nghe nói thủ tướng đã mời đích danh chú Hạnh, nguyên xứ ủy nam kỳ, làm Tổng Cục Trưởng.

Điều khá khôi hài là sau khi hòa bình được văn hồi trên đất nước, chuyện anh Dũng bị điều đi lao động công trường một thời gian chẳng ai buồn nhắc tới, coi đó như một sự kiện hy hữu, có tính “lịch sử”.

Năm 1976, anh Dũng được chính thức điều về Hà Nội, làm chuyên viên trong bộ phận theo dõi quá trình đào tạo và phát triển của hệ thống dạy nghề trong toàn quốc tại Tổng cục đào tạo công nhân kỹ thuật thuộc Bộ Lao động, nhưng anh vẫn chưa được chuyển hộ khẩu trở lại Hà Nội, và vẫn phải nằm trong biên chế của Trường Dạy nghề Tỉnh Nam Hà, hàng tháng phải đi xe đạp xuống Tỉnh Nam Hà lĩnh lương.

Anh Dũng công tác như vậy trong gần hai năm, không ca thán một lời, vẫn như hồi nào, rất tích cực và luôn có tâm huyết trong lĩnh vực chuyên môn.

Đến năm 1978, về nhận nhiệm vụ Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Dạy Nghề trực thuộc chính phủ, tôi được biết chú Hạnh đã nhanh chóng giải quyết trường hợp “hy hữu và khá bất hạnh” của anh, yêu cầu cấp có thẩm quyền trả hộ khẩu cho anh về lại Hà Nội và hàng tháng anh chính thức lĩnh lương tại cơ quan đang quản lý anh là Tổng Cục Dạy Nghề ở Hà Nội.

Được làm lại nghề cũ: Chuyên viên dạy nghề

Được trở lại vị trí làm việc sở trường của mình, anh Dũng lại nhiệt tình, lao vào mọi công việc liên quan đến đào tạo, đến dạy nghề. Anh cùng với đồng nghiệp như anh Thảo, anh Nghĩa, anh Vy, Anh Nhiên v.v... đi kiểm tra các cơ sở dạy nghề liên tục từ Bắc vào Nam, được các cơ sở dạy nghề khắp nơi kính trọng.

Tết Bính Tý 1976, tôi trở về nhà ăn Tết sau gần 9 năm biệt xa cách cha mẹ và gia đình. Tôi và anh Dũng ngồi tâm sự rất lâu trong đêm giao thừa ở trên phòng của anh tại gác hai. Tôi hỏi anh về sự vụ cha tôi lên làm âm ỉ trên cơ quan cuối năm 1973 và chuyện về anh phải đi lao động ở công trường gần nửa năm trời.

Ngồi trầm ngâm một lúc, anh cho tôi hay chuyện cha tôi lên cơ quan anh làm âm ỉ về vụ anh được điều vào công tác ở chiến trường cuối năm 1973, anh không hề hay biết. Trong thâm tâm, anh không hề có ý định từ chối, không đi công tác ở miền nam. Anh nói ngoài chuyện cha mẹ già, anh có vương bận vợ con gì đâu. Hơn nữa, chuyện anh được cử sang Tiệp Khắc thực tập ba năm trời, được hưởng sung sướng hơn những người khác rồi, thì việc đi công tác miền nam là chuyện đương nhiên, có gì đâu phải thắc mắc. Biết bao gia đình có đến hai hoặc ba người con đang ở chiến trường phía nam chứ đâu chỉ có riêng một mình gia đình nhà ta. Anh cười nói rằng, với những trường hợp từ chối đi công tác ở miền nam, khoảng 99% bị nhà nước sa thải khỏi cơ quan. Điều này đã được kiểm chứng hoàn toàn chính xác thông qua câu chuyện về một anh bạn thân của tôi. Chính anh đã viết thư gửi qua bưu điện, khuyên em trai tìm cách từ chối đi bộ đội vào những năm 1972-1973, và cuối cùng qua khâu kiểm duyệt, chuyện khuyên em trai bị bại lộ và anh đã bị sa thải, không được tiếp tục làm việc ở Bộ Ngoại Thương nữa.

Anh Dũng nói với một tấm lòng khoan dung, độ lượng :

“Em tính, quyết định điều động đi công tác ở miền nam phải do Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ ký. Nếu hủy quyết định thành ra ông ta quan liêu, trực tiếp thừa nhận “khuyết điểm”, thiếu trách nhiệm, hồ đồ trong việc cử người đi công tác ở miền nam hay sao?”

Chuyện cơ quan không cử anh đi công tác ở miền nam nữa, và cũng không đặt vấn đề kỷ luật sa thải chính là một thiện chí “sửa sai”. Họ chỉ ra một quyết định điều động anh đi lao động ở một công trường dưới Nam Hà. Anh biết cuộc đời đang gặp khó khăn,

nhưng anh vui vẻ chấp nhận, chẳng muốn nghĩ làm gì cho mệt xác, vì xét cho cùng, trong bối cảnh chiến tranh đang ngày càng diễn ra vô cùng ác liệt, chẳng một ai có thì giờ đứng ra bênh vực mình đúng hay sai cả.

Tôi đồng tình và vô cùng cảm phục với cách suy nghĩ có tình, có lý của anh.

Sau này, tôi nghe anh kể Tổng Cục Dạy Nghề được tổ chức lại, trở thành Vụ Dạy Nghề trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (bắt đầu từ năm 1987). Anh Nguyễn Tiến Dũng lại được trở về công việc ngày xưa, là một chuyên viên dạy nghề. Anh luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, được bạn bè, đồng nghiệp trong Nam, ngoài Bắc quý mến. Tôi cảm nhận rất rõ điều này mỗi khi tôi ra công tác ở Hà Nội, được hân hạnh gặp gỡ những đồng nghiệp của anh. Mỗi khi các anh nói chuyện về trình độ chuyên môn kỹ thuật, về tư cách đạo đức của anh Dũng, những bạn bè đồng nghiệp đều luôn tỏ ra kính trọng và quý mến anh, cụ thể như các anh Vụ phó Nghĩa và Thảo, các anh Hải (sau ngày hòa bình lập lại, được điều về làm Giám đốc Sở Lao động và Thương binh xã hội Tỉnh Đồng Nai), Vy, Nhiên v.v...

Nhớ “chuyến du lịch có một không hai” trên nước Pháp

Đầu năm 1990, trong một dịp vào tập huấn chuyên môn cho các Trung tâm dạy nghề ở Nam Bộ, anh Dũng ghé qua thành phố Hồ Chí Minh khoảng hơn một tuần. Anh nghỉ đêm tại Văn phòng đại diện của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở Hồ Con Rùa. Hàng ngày, làm việc xong, anh ghé ăn cơm và tâm sự với tôi tại căn nhà riêng xinh xắn ở trong một hẻm nhỏ đường Nguyễn Thị Minh Khai, gần Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh.

Anh rất vui, khoe với tôi về việc được chọn có tên trong danh sách chuyên viên dạy nghề đến Sứ quán Pháp ở Hà Nội để dự phỏng vấn cho chuyến đi tham quan hệ thống dạy nghề ở nước Cộng hòa Pháp. Anh Dũng kể nhiều ứng viên trong đoàn rất hốt hoảng, nói không ra lời, vì trình độ tiếng Pháp quá yếu, mặc dù khi phỏng vấn có phiên dịch người Việt ngồi bên cạnh. Khi đến lượt anh Dũng bước vào phòng phỏng vấn, vị đại diện đại sứ quán Pháp cười rất tươi, nói thẳng một mạch bằng tiếng Pháp, và đương nhiên anh cả của chúng tôi trả lời rất lưu loát bằng tiếng mẹ đẻ của vị viên chức người Pháp.

Ông người Pháp không hỏi một câu gì về nghề nghiệp, về trình độ chuyên môn của anh, mà chỉ nói qua hồ sơ của anh gửi đến sứ

quán Pháp, ông được biết anh tôi đã học chương trình của Pháp từ khi còn nhỏ, và ông rất vui vì lâu lắm ông mới được gặp một viên chức Việt Nam nói tiếng Pháp tốt như vậy. Cuối cùng, ông người Pháp đứng dậy, bắt tay anh tôi và chúc anh tôi có một kỳ sang tham quan, làm việc thật vui vẻ tại đất nước ông.

Tưởng rằng mười mươi được sang thăm Pháp, nhưng đến giờ phút chót, không hiểu vì lý do gì, “danh sách gút lại” chỉ còn một số nhỏ khoảng 10 người gồm các vị có chức, có quyền, tối thiểu phải từ cấp Vụ trở lên, và đương nhiên, anh cả tôi bị lỡ chuyến tàu “đi chơi nước Pháp”.

Sau này, mỗi khi nhắc lại chuyện này, anh tôi rất vui và nói với tôi rằng việc phái đoàn của Bộ sang làm việc bên Pháp không có anh tham gia là đúng, vì các anh trong phái đoàn của Bộ chủ yếu sang đàm phán về kế hoạch hợp tác dạy nghề giữa hai nước. Dù sao đi nữa, anh nhắc lại thuở thiếu thời, cha tôi bắt hai anh em chúng tôi học các môn ở trường đến nơi đến chốn, đặc biệt là tiếng Anh, tiếng Pháp, thậm chí cả chữ Hán, là hoàn toàn sáng suốt.



Gia đình tôi họp mặt tại nhà anh Nguyễn Tiến Dũng ở phố Trịnh Hoài Đức, Hà nội khoảng cuối năm 1995.

(Từ phải qua trái: Anh Dũng, chị Kim Chi, Tiến Hùng (tác giả), em út Kim Đình, em trai Tiến Bình và em gái Kim Diệp)

Anh Nguyễn Tiến Dũng, anh cả chúng tôi qua đời, mọi người thân quen từ Bắc chí Nam bàng hoàng, xúc động...

Làm việc nhiệt tình, không ngưng nghỉ cho đến khi anh Nguyễn Tiến Dũng, anh cả chúng tôi bị bạo bệnh, mất ngày 11 tháng 10 năm 1997 (tức ngày 11 tháng 9 năm Đinh Sửu).

Nghe tin anh Dũng mất, tôi bay ra ngay Hà Nội để thay mặt gia đình chủ trì đám tang của anh. Ban tổ chức lễ tang do Vụ Trưởng Vụ Dạy Nghề làm Trưởng ban.

Tôi vô cùng cảm động khi thấy rất nhiều người ở các cơ quan ban ngành, đoàn thể, và bà con lối xóm, họ hàng nội, ngoại đến viếng và đưa tiễn anh tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Điều ấn tượng sâu đậm nhất trong cuộc đời chắc chắn không bao giờ tôi có thể quên nổi chính là, tuy anh Dũng chỉ là một kỹ sư, một chuyên viên kỹ thuật có bề dày kinh nghiệm trong công tác đào tạo tại Vụ Dạy Nghề, nhưng đức độ, uy tín, năng lực công tác, công lao đóng góp của anh trong quá trình xây dựng và phát triển chuyên ngành đào tạo công nhân kỹ thuật đã được tập thể Bộ Giáo dục và Đào tạo công khai thừa nhận, thông qua sự kiện các đoàn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến viếng và đưa tiễn anh về nơi an nghỉ cuối cùng. Đoàn của Bộ đứng đầu là những tư lệnh Ngành cụ thể Bộ trưởng đương nhiệm Nguyễn Minh Hiền, Bộ trưởng tiền nhiệm Trần Hoàng Quân, Thứ trưởng đương nhiệm kiêm Giám đốc Đại Học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh Trần Chí Đáo, rồi tiếp theo là các đoàn của các Vụ trực thuộc Bộ gồm nhiều Vụ trưởng và Vụ phó đương nhiệm, cùng các đồng nghiệp đang công tác ở Văn phòng Bộ. Đến viếng anh tôi còn thấy nhiều đoàn nước ngoài đang tham gia hợp tác trong đào tạo dạy nghề.

Một sự kiện cũng hiếm thấy trong một đám tang là sự hiện diện của toàn bộ anh chị em đang công tác tại Vụ Dạy Nghề, không thiếu một ai, bao gồm từ các cán bộ lãnh đạo cấp Vụ đến các chuyên viên khác. Tất cả các anh, các chị, không phân biệt một ai, đều là những thành viên trong Ban Tổ chức lễ tang anh Dũng. Các anh, các chị lo từng việc một rất chu đáo cho buổi tang lễ, và đạt được một kết quả mỹ mãn đến mức độ ai ai đến tham dự lễ tang cũng phải khen ngợi tình cảm đầy ắp của bạn bè, đồng nghiệp trong Vụ Dạy Nghề đối với anh trai tôi.

Tôi thực sự ngỡ ngàng khi được gặp, ngoài các anh, các chị giám đốc các trường Dạy Nghề ở Hà nội, còn có các anh, các chị giám đốc, phó giám đốc các cơ sở dạy nghề ở các tỉnh phía nam như một

số Trung tâm Dạy nghề tại TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Nai v.v....Các anh, các chị rất quý trọng anh Dũng mỗi khi anh đến địa phương công tác, cũng đã bay ra kịp để viếng và đưa tiễn anh về đến nơi an nghỉ.

Đoàn lớn thứ hai đến viếng anh tôi là đoàn của Sở Thể dục Thể thao Hà nội, nơi chị dâu tôi là chị Dương Văn Hồ công tác. Các anh trong Ban Giám đốc, các vận động viên thể dục dụng cụ, quyền anh, bơi lội, rồi đến các cầu thủ các đội bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ v.v...xếp hàng, tuần tự từng đoàn đến viếng anh tôi. Tôi vô cùng cảm động khi võ sĩ Kiếm, một võ sĩ nổi tiếng ở Hà Nội, chạy đến ôm tôi, chia buồn về sự mất mát lớn lao của gia đình tôi.

Đoàn lớn thứ ba đến viếng anh tôi là bà con lối xóm và bà con hai họ nội và ngoại. Khi anh còn sống, anh luôn giúp bà con lối xóm cũng như bà con, họ hàng trong làng Hoàng Mai mỗi khi bà con đến nhờ xin việc làm cho con, cho cháu. Anh tôi tiếp đãi bà con ân cần chẳng khác chi người trong gia đình. Do bà con ở xa, anh tôi thường nói chị Hồ mời bà con ăn cơm. Sau đó, đích thân anh thuê xe xích lô, trả tiền trước, đưa bà con về tận nhà rất chu đáo.

Anh Nguyễn Tiến Dũng là người anh cả rất đỗi bình dị của chúng tôi, con người lúc nào cũng sẵn sàng nhường nhịn mọi thứ, từ lời ăn tiếng nói, đến của cải vật chất cho mọi người, cho bạn bè, và cho anh chị em của mình, không bao giờ có một biểu hiện đố kỵ, ghen ghét với bất cứ ai. Anh luôn thẳng thắn, không bao giờ khoan dung với lỗi lầm mà anh mắc phải, nhưng lại luôn vô cùng rộng lượng, sẵn sàng tha thứ cho mọi người mỗi khi họ nhận biết được sai trái mà họ mắc phải.

Mỗi lần đi chơi từ Hà Nội về, kể chuyện về anh chị em trong gia đình tôi, đặc biệt sau khi bố mẹ tôi qua đời, Cậu Lân thường nói:

“Trong dòng họ, gia đình ông bà giáo Duyến là gia đình số 1, không dễ tìm thấy một gia đình tương tự như vậy trong xã hội hiện nay. Cha mẹ mất đi, anh chị em quý mến, bảo ban, nhường nhịn lẫn nhau, không bao giờ tranh dành nhau điều gì. Cậu phải thừa nhận anh Dũng rất giỏi trong cách hành xử với các em, luôn tỏ ra mẫu mực trong mọi tình huống, luôn giúp đỡ các em hết sức mình trong lúc các em gặp khó khăn và thực sự anh Dũng luôn là trung tâm đoàn kết trong gia đình. Cậu rất khen và rất quý anh Dũng của cháu”.

Câu chuyện số 4

Sống với sốt rét rừng

Cuộc đời binh nghiệp và bệnh sốt rét rừng

Ngày 29 tháng 4 năm 1965, sau khi học xong đại học Ban Anh văn, Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tôi giã từ cuộc sống học đường, chấm dứt 15 năm tận hưởng một cách say đắm mỗi khi hoa phượng nở với bao kỷ niệm của tuổi thơ khó quên, để chính thức bắt đầu bước vào cuộc đời, và nghề đầu tiên chính là nghề lính trong khoảng 12 năm.

Hai tám hình kỷ niệm trước và sau nhập ngũ



Tám hình tác giả đang là sinh viên cuối năm thứ hai (năm học 1962 -

1963), Ban Anh Văn, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội



Tấm hình kỷ niệm tác giả nhận quân hàm Chuẩn Ủy sau khi tốt nghiệp đại học, được tuyển vào bộ đội ngày 29 tháng 4 năm 1965.

Từ năm 1965 đến 1967 tôi làm việc tại Phòng 75, Cục Tình Báo, Bộ Tổng Tham Muu (còn gọi là Trung đoàn 75 trinh sát kỹ thuật) do Trung tá Đức Sơn phụ trách.

Khoảng tháng 12 năm 1967, tôi được điều vào chiến trường B2 (miền Đông Nam bộ và Đặc khu Sài Gòn – Gia Định), làm việc chủ yếu tại vùng giải phóng Củ Chi.

Từ năm 1969, tôi trở về làm việc tại căn cứ của Phòng Quân Báo Miền (R) ở vùng Móc Câu (biên giới Việt – Campuchia), phụ trách Trung đội Trinh sát kỹ thuật Mỹ (B3/C2 Trinh sát kỹ thuật Mỹ).

Nói đến Căn cứ Móc Câu là mọi người đều nhớ ngay đây là khu vực biên giới, nơi “rừng thiêng, nước độc”, nơi có những con suối nước trong vắt, nhưng chỉ bị trầy tay hay chân nhẹ thôi mà rửa nước suối này là bị làm độc luôn. Nơi đây đã chứng kiến biết bao anh em bộ đội từ miền Bắc hành quân sáu đến bảy tháng, có khi cả năm trời, vượt núi Trường Sơn vào Nam, chưa tham gia chiến đấu được bao nhiêu đã bị sốt rét ác tính “đánh gục”.

Nhiều đơn vị hành quân đến trạm tập kết cuối cùng bị rơi rụng khá nhiều, đã phải tổ chức, sắp xếp lại, củng cố lại tinh thần bộ đội, mới tham gia chiến đấu được (Sư đoàn 7, Sư đoàn 1 v.v...).

Chính tại căn cứ Móc Câu này, bản thân tuy có một thân hình khỏe, cường tráng, tuân thủ nghiêm túc quy định phòng bệnh sốt rét, uống thuốc Quinine, ngủ mắc mùng v.v..., nhưng tôi vẫn không thể nào thoát khỏi cuộc tấn công tàn ác của bệnh sốt rét rừng.

Những cơn sốt rét rừng bắt đầu tấn công tôi từ khoảng giữa năm 1969.

Một buổi sáng khi thức dậy, tôi cảm thấy nhức đầu, người ớn lạnh. Sau khi y tá cho uống quinine như thường ngày, tôi thấy người đỡ ngâ ngất, khó chịu.

Triệu chứng nhức đầu, chóng mặt, ớn lạnh sau này xuất hiện nhiều hơn. Ngồi làm việc, nhiều lúc người tôi như muốn rũ xuống, ngáp liên tục như thiếu ngủ.

Sau khoảng ba hay bốn tuần, tôi bắt đầu sốt cao, nhiều lúc cặp nhiệt lên đến 40 độ C. Khi sốt, người rét run, chịu không nổi, phải đắp tấm đắp, trùm kín đầu. Một lúc sau, người sốt cao cỡ 39 – 40 độ C, nóng hừng hực, ướt đẫm mồ hôi, mũi chua loét. Nằm co quắp khoảng ba giờ, nhiệt độ hạ, chỉ còn khoảng 38 độ C.

Thời gian này, tôi sốt liên tục, có khi ba đến bốn ngày mới dứt cơn sốt. Bác sĩ Tài của Phòng Quân Báo xuống khám bệnh cho tôi, ngoài uống thuốc đặc trị là Quinine, còn cho tôi uống một số thuốc bổ khác để nâng đỡ cơ thể.

Những lúc cơn sốt kéo dài, bác sĩ chỉ định chích Quinine Bleu cho nhanh dứt cơn sốt.

Những trận sốt rét như vậy dồn dập tấn công tôi.

Trước khi vào công tác ở B2, tôi đã được các bác sĩ trong đơn vị phổ biến về sự nguy hiểm của muỗi Anopheles. Loại muỗi này khi đốt người, sẽ truyền ký sinh trùng Plasmodium qua tuyến nước bọt vào bên trong cơ thể người và khu trú trong tế bào gan.

Sau đó loại ký sinh trùng sốt rét này phát triển, làm gan sưng to, phá hủy hồng cầu, gây sốt cao, nhiều khi biến chứng thành sốt rét ác tính, phá hủy, làm teo gan, lá lách bị sa, ảnh hưởng lớn đến các chức năng của não, tim, phổi, đến các cơ quan tiết niệu, làm bí

tiểu hoặc đi tiểu ít, nước tiểu vàng, tiểu ra máu, da vàng như nghệ, và có thể dẫn đến tử vong.

Lý thuyết thì biết là như vậy nhưng khi bị sốt rét mới biết nó hành hạ và tàn phá cơ thể mình như thế nào!

Sau hơn một tháng bị sốt rét hành liên tục, nhiều lúc nhiệt độ gần ngưỡng 41 – 42 độ C, người tôi ốm rộc đi, da vàng ệch đến mức đi ra nắng nhìn hai cánh tay khẳng khiu thấy sợ.

Đặc điểm của đơn vị chúng tôi là phải làm việc 24/7 nhưng lại quá thiếu người. Một số sinh viên Ban Anh văn ở Hà Nội như các em Hưởng, Tờ, Huân, Huấn, Dân, Tửu, Hưng, anh Hoàng Đại Chúng (khá lớn tuổi, hình như sinh năm 1940), đã được đào tạo cơ bản về chuyên môn tại trung đoàn 75, vượt núi Trường Sơn vào và em Linh, sinh viên từ Sài Gòn ra ngoài vùng giải phóng vào khoảng cuối năm 1969, chưa thực sự làm tốt được công việc, ngoại trừ hai anh em Lê Hiệp và Lê Xuân từ Sài Gòn ra ngoài vùng giải phóng khu Sài Gòn – Gia Định vào khoảng cuối tháng 6 hay đầu tháng 7 năm 1968, và sau đó đi cùng với tôi từ K26 (khu vực anh Sáu Cúc phụ trách ở ngoại thành Sài Gòn) về căn cứ Móc Câu là đã quen công việc. Tôi còn nhớ hai mẩu chuyện rất vui, vô cùng cảm động nhưng rất đổi đời thường về hai anh em Hiệp và Xuân như sau:

Câu chuyện thứ nhất xảy ra vào sáng ngày đầu tiên hai anh em ra chiến khu.

Ngay sau khi ăn sáng trong gia đình và những thủ tục tiễn biệt hoàn tất, hai anh em Hiệp và Xuân dời căn nhà thân yêu tại đường Trần Hưng Đạo, Sài Gòn, theo giao liên ra vùng giải phóng Củ Chi (thuộc tỉnh Gia Định). Anh Hùng sút (lính của Phân khu 1) được cử đi đón hai anh em về căn cứ K26. Trên đường đi bộ về K26, hai anh em đã thấm mệt vì đoạn đường đi bộ vào khu Bến Súc (cấp sông Sài Gòn) khá dài. Đang thất thểu trên đường đất đỏ đi vào khu căn cứ, Hùng sút đi sau hai anh em chìa khẩu AK lên trời bắn một băng đạn làm hai anh em hết hồn, ngã xó xài ra đường. Hùng sút cười hô hố, nói:

“Thử tinh thần của hai chiến sĩ giải phóng quân từ Sài Gòn ra xem sao!”

Câu chuyện thứ hai xảy ra chỉ sau vài ngày Hiệp sống xa vợ con và gia đình.

Tối ngày thứ ba hay ngày thứ tư ở trong căn cứ Củ Chi (K26), đang ngồi cạnh tôi tập làm việc, Hiệp tâm sự:

“Mới xa nhà có mấy ngày mà nhớ nhà quá, anh Hùng ơi! Tôi nói thật với anh không phải tôi nhớ vợ đâu mà tôi nhớ con gái tôi khủng khiếp, tối không ngủ được, anh ạ!”

Tôi chẳng biết cách nói thế nào, chỉ mang chuyện của tôi nhớ nhà, nhớ cha mẹ ở Hà Nội ra sao kể cho anh nghe cho vui, làm sao có thể an ủi anh một phần nào cho đỡ nhớ nhà, nhớ vợ, nhớ con gái ở Sài Gòn.

Một số anh em khác như Trần Ngọc Lai, Uông Sĩ Hồng sau khi phục vụ tác chiến vào tháng 5 năm 1968 ở cánh Tây Nam Sài Gòn do anh Sáu Nam (tức Đại tướng Lê Đức Anh) chỉ huy, cũng bị xé lẻ. Ngọc Lai được điều sang công tác tại T7 (Biên Hòa - Bà Rịa), còn Sĩ Hồng tiếp tục đi phục vụ tiền phương.

Chính vì vậy, anh em chúng tôi, do lực lượng ít lại phải trải rộng đi phục vụ nhiều nơi, nên phải làm việc cật lực, không kể ngày đêm. Ai bị sốt rét hành, rét run cầm cập thì nằm võng tại chỗ, chườm mền, ráng chịu. Anh bạn làm việc bên cạnh bao việc luôn, có khi nghe tin tức địch hành quân, ném bom, bắn phá từ hai máy, thậm chí đến ba máy thu phát sóng cực ngắn PRC25.

Do nhu cầu phải có tin tức tình báo quân sự chính xác để phục vụ chỉ huy tác chiến, các thủ trưởng Phòng Quân Báo R lệnh cho bác sĩ Tài chăm sóc đặc biệt sức khỏe để chúng tôi có thể tiếp tục làm việc. Có lần bác sĩ ghé thăm, khám bệnh cho chúng tôi, động viên tôi, Hiệp và Xuân mặc dù sốt cao liên tục, nhưng chỉ là sốt rét thể thông thường, chưa có triệu chứng xuất hiện biến chứng.

Tuy từng đợt sốt đã dứt được cơn nhưng da vàng nhiều, tay bị ghẻ nặng, ngứa mủ nhiều là do sốt rét tác động đến gan. Riêng tôi, gan bị sưng hơi to, lá lách bị sa nhiều. Cả ba anh em tôi phải uống thêm thuốc trợ gan. Biết là bệnh nặng, nhưng ba anh em chúng tôi vẫn làm việc, không nghỉ ngơi.

Tay ghẻ sưng, ngứa mủ, đau vô cùng nhưng cả ba anh em vẫn xin y tá băng gạc bó tay lại cho đỡ đau để có thể viết được khi ngồi làm việc.

Sức khỏe của con người có hạn. Anh em chúng tôi làm việc liên tục, không nghỉ ngơi. Sốt rét liên tiếp tấn công hết đợt này đến đợt khác, ăn uống kham khổ, nhiều lúc cả ba anh em tôi muốn quy.

Sau hơn ba tháng bị sốt rét tấn công liên tục, sức khỏe tôi yếu dần, xuất hiện những biến chứng không lường trước được như gan bị sưng to, lá lách bắt đầu sệ xuống nhiều hơn.

Lúc này Sĩ Hồng đã về bổ xung cho đơn vị. Thấy có thêm anh em mới ở tiền phương về, bác sĩ Tài đề nghị cho tôi đi điều trị gấp tại Bệnh viện K71C (chốt trong một khu rừng ở đất Campuchia, phía bắc Kà Tum). Anh em trong đơn vị C2 chuẩn bị đồ đạc và cáng tôi đến bệnh viện.

Đi điều trị bệnh sốt rét rừng tại bệnh viện K71C

Bệnh viện do bà Bảy Cam làm giám đốc, nằm trên một khu rừng không quá rậm rạp, khoảng ba đến bốn tầng cây, phía dưới đã được dọn sạch sẽ. Anh chị em trong bệnh viện đã làm sẵn trong từng lán bệnh có những cọc cây tươi được cột với cây lớn bằng những sợi dây rừng còn tươi để anh em bệnh binh mắc võng. Phía trên giữa hai cây lớn cũng được một dây rừng còn tươi cột chặt để nối hai cây cho anh em căng tấm bạt làm mái (một tấm ny-long lớn làm mái che mưa, nắng trong quá trình điều trị).

Thực ra trong đời người lính chiến ở vùng sông nước Nam bộ, ước ao của anh chị em giải phóng quân luôn là được trang bị thật gọn nhẹ, đồ đạc đi hành quân luôn có thể mang theo người, khỏi phải nặng nề, cồng kềnh, chẳng hạn như chiếc võng may bằng vải nylon; tấm đắp dù (thực ra là miếng vải dù mỏng loang lỗ của lính Mỹ vút lại sau mỗi cuộc hành quân, được cắt ra từng miếng vừa để dùng làm tấm đắp khi đi ngủ, vừa để nguy trang trên đường hành quân ra mặt trận hay đi tải gạo...); ca inox ăn cơm và bình toong đựng nước uống bằng inox của lính Mỹ. Khi dùng xong, cho bình toong và chiếc muỗng inox lớn của Mỹ vào trong ca, rồi đeo vào một thắt lưng lính lớn (còn gọi là ceinturon) ở ngang bụng cùng với khẩu súng ngắn (nếu là sĩ quan) và chiếc võng ny-lon được gấp gọn gàng cùng với tấm vải dù cột luôn vào thắt lưng. Như vậy tất cả hành trang của người lính chiến gọn gàng trên một thắt lưng to bản của lính Mỹ, đâu phải mang vác nặng nề như chiếc võng ka-ki nặng hơn ký lô, tấm đắp bằng vải dày nặng gần một ký lô, chén sắt, muỗng ăn cơm và bình toong uống nước của Trung Quốc hoặc của Liên Xô.

Gặp mưa gió, các đồ hành trang nhẹ cũng vô cùng thuận tiện, dễ khô, đỡ cho cuộc sống của anh chị em trong rừng rất nhiều, nhất là trong mùa mưa.

Hành trang của lính giải phóng cũng vô cùng hữu dụng khi có sự cố xảy ra. Chẳng hạn, nếu lính ta hy sinh trong chiến đấu (gọi là liệt sĩ), hay chết trên giường bệnh (gọi là tử sĩ), những dụng cụ mang theo trên người lính được sử dụng cho việc mai táng (chiếc võng ny-lon để cuốn gói tử thi và những kỷ vật còn lại (nếu có);

tấm bạt nylon làm mái che khi đi hành quân trở thành lớp ny-lon ngoài khá chắc chắn để bọc tử thi một lần nữa, rồi lấy dây dù cột cho chặt trước khi đưa đi chôn cất. Những ước ao đơn giản trên của người lính chiến thật cảm động. Nhiều lúc tếu táo, anh em chọc chị em giải phóng quân như sau:

Cầm đi em chiếc cai-nốc,

Chiếc khăn dù và chiếc võng ny-lon

Khi nhập viện, tôi được đưa xuống lán đặc biệt để các bác sĩ tiện theo dõi.

Lúc này tôi sốt li bì, mê man, không dứt nổi cơn sốt, người rất mệt. Anh em bệnh binh cùng lán rất thương nhau (hầu hết anh em hành quân liên tục từ 6 đến 7 tháng, có người đến cả năm, vượt được núi Trường Sơn đến ngã ba Tam Biên đã bị sốt rét liên tục tấn công hàng tháng rồi). Thấy tôi bệnh nặng, họ chặt cho tôi một cây gậy bằng trúc để chống, thuận tiện cho sinh hoạt cá nhân.

Ở lán tôi, suốt đêm tôi nghe tiếng rên la. Nhiều anh em trẻ tuổi hơn, bị sốt rét hành, chịu không nổi, ăn uống không được, cứ nôn mửa liên tục, rồi thiếp dần đi, trông rất đáng thương.

Nằm cạnh tôi là anh Đài, đại đội bậc phó (tương đương với cấp bậc Thiếu úy), nằm viện được gần năm tháng rồi, bệnh tình không thuyên giảm, gần đây có nhiều biến chứng khá nguy hiểm. Anh sốt cao liên tục, lúc tỉnh, lúc mê, nhiều hôm anh kêu đau đầu, chịu không được. Tôi khỏe hơn anh, thường hay nói chuyện với anh, động viên anh ráng ăn cơm để chống chọi với bệnh sốt rét quái ác này. Đôi lúc tôi sang giúp anh, bóp đầu cho anh đỡ nhức nhưng cũng chẳng có tác dụng nhiều, chủ yếu là chăm sóc thể hiện tình cảm bạn bè lính, động viên nhau là chính.

Trong thời gian nằm điều trị, có lần tôi sốt mê man gần hai tuần, cặp nhiệt mét luôn ống thủy ngân (chắc phải trên 42 độ C), uống thuốc, rồi chích thuốc liên tục cũng không giảm nhiệt độ. Bác sĩ điều trị cũng không hiểu tại sao sốt mê man lâu vậy mà không cắt cơn.

Một buổi tối, tôi đang nằm mơ màng, thấy ngựa ở chỗ kín (vùng bẹn). Tôi lấy tay sờ xem thì thấy một cục tròn khá lớn. Lấy đèn pin soi, tôi thấy cục đó đen thui, bóng nhẫy. Tôi dám chắc đây là con ve rừng. Chính con ve rừng (giống như con ve chó, nhưng lớn hơn) đã hút máu tôi nhiều ngày rồi. Tôi quyết định dùng tay bứt

con ve rừng khúg khiếp này và giết nó. Không thể nào tưởng tượng cho nổi, khi giết con ve, máu ra rất nhiều.

Sau khi giết xong con ve rừng, tôi ngủ thiếp đi, và vô cùng ngạc nhiên, sáng sớm lúc 5g30, y tá đi kiểm tra, đo thân nhiệt, thấy nhiệt độ của tôi đã giảm nhiều. Các bác sĩ điều trị vô cùng mừng rỡ khi thấy tôi bước đầu dứt được cơn sốt nhiệt độ cao đã kéo dài nhiều ngày.

Điều trị tại bệnh viện khoảng hai tháng, bệnh tình tôi không thuyên giảm nhiều. Gan vẫn sưng to, lá lách vẫn sa xuống nhiều, sốt vẫn liên miên, nhiệt độ vẫn cao, bệnh sốt rét của tôi chưa đến thời kỳ ổn định. Nhiều lần do sốt ly bì, tôi ít chịu đi lại, chân có nguy cơ bị teo.

Cô Vân, y tá phụ trách lán tôi đang điều trị, la lên:

“ Anh là sĩ quan phải đứng dậy, tập đi không bị teo cơ, không đi được đâu. Anh phải làm gương cho anh em bệnh binh trẻ noi theo chứ!”.

Tự ái, tôi chống gậy đứng dậy để tập đi, nhưng do đứng không vững, bị té nhào, không ngồi dậy nổi.

Cô y tá và anh em trẻ còn khỏe chạy ra dìu tôi về võng nằm. Hú vía! Thế là từ đó tôi tập đi chậm rất nghiêm túc mỗi khi có thể, và cũng ráng ăn cơm để lấy sức trị cơn bệnh sốt rét rừng quỷ quái này.

Viết đến đây tôi lại nhớ những ngày sốt liên miên, ly bì, không ngóc đầu dậy được, mồm lúc nào cũng nhạt nhẽo, ăn uống không được, nhưng tôi luôn giữ lại ca inox của lính Mỹ đầy ắp cơm với muối tiêu (muối được phát đi hành quân vào Nam), treo ở đầu võng cùng với bình toong inox (anh em đi chiến đấu lấy được của lính Mỹ cho tôi) đựng đầy nước sôi để nguội. Lúc nào nhiệt độ giảm, người tỉnh hơn, tôi lại súc vài ba muỗng cơm nguội ăn, uống nước chín trong bình toong, để phục hồi lại sức sau những cơn sốt rét hành hạ liên tục ngày, đêm.

Đây cũng là bí quyết tôi luôn tuân thủ trong điều trị bệnh suốt đời tôi:

“Ăn cơm, không ăn cháo. Cơm nguội, muối tiêu, chán ăn vẫn phải nuốt bằng được, không nhiều thì ít, nhưng phải ráng tạm đủ nuôi cái dạ dày. Sốt cao, mệt rã người, ói, mửa, không ăn được thì cũng phải cất cơm đi, để khi hạ sốt còn có cái ăn cho đỡ đói và phục hồi

sức khỏe”.

Nhiều anh em khi lên cơn sốt cao, bỏ ăn cơm, cháo cũng không đựng tới, xuống sức rất nhanh. Anh bạn Đài nằm bên cạnh tôi cũng vậy. Chẳng trách anh ấy được vì anh ấy có nhiều triệu chứng bệnh nặng hơn tôi. Nhiều lúc anh ăn không được, ói mửa liên tục, đầu nghẹo xuống, trông rất đáng thương. Ấy vậy mà lúc tỉnh, anh ấy luôn động viên tôi:

“Hùng ơi, ráng ăn cho khỏe để chóng khỏi, đánh xong giặc, còn về quê chứ mày!”

Nằm điều trị sang tháng thứ ba, tôi lại sốt mê man, cặp nhiệt nhiều lúc mút luôn ống thủy. Bệnh tật như vậy, nhưng tôi cứ đi lang thang từ lán này sang lán khác, rủ anh em bệnh binh khác đi chơi, đánh cờ, rồi nghe ngao làm thơ, ngâm thơ như thằng điên. Các bác sĩ cho tôi đã có những biểu hiện biến chứng rối loạn ý thức (sốt rét tâm thần).

Anh Đài lúc này sốt cao liên miên, ăn uống không được, ói mửa liên tục. Nhưng lúc anh tỉnh, luôn nhìn tôi ái ngại, gọi tôi:

“Hùng ơi! Lấy cơm của tao mà ăn đi cho chóng khỏe. Tao không ăn được đâu. Bỏ phí lắm, mày ơi!” (thời gian này do bệnh quá nặng, anh Đài được ăn chế độ “đặc biệt”, lúc nào cũng có thịt, có rau tươi, có canh thịt băm rất ngon).

Tuy sốt có những triệu chứng sốt rét tâm thần đáng ngại, nhưng tôi vẫn còn tỉnh chưa đến nỗi lẩn hẩn, vẫn còn giữ được nguyên tắc “ăn cơm” để chống lại “thằng sốt rét rừng quái ác”, nên tôi lấy cơm của anh Đài ăn một cách ngon lành. Khoảng hai ba ngày sau, một đêm anh Đài la lên, kêu đau đầu dữ dội, áp huyết tăng đột biến, rồi thiếp dần. Các y, bác sĩ, y tá chạy xuống tập trung cấp cứu, nhưng anh không qua khỏi.

Ước vọng của anh Đài phấn đấu khỏi bệnh, về đơn vị chiến đấu, và đến khi hết chiến tranh, được trở về quê với cha mẹ, vợ con không thể nào thực hiện được nữa!

Bước sang tháng thứ tư sống ở bệnh viện, tôi đỡ hơn nhiều, không còn đi lang thang, ngâm thơ và hát lung tung nữa. Những cơn sốt vẫn còn, nhưng không còn cao đến mức cặp mút ống nhiệt, mặt dầu gan vẫn sưng và lá lách vẫn bị sa nhiều, đi lại khó khăn. Các bác sĩ khám bệnh cho tôi uống thuốc nâng đỡ cơ thể nhiều hơn, tăng cường tập thể dục nhẹ nhàng để chóng hồi phục sức khỏe.

Khoảng cuối tháng thứ tư, tôi đã khỏe hơn nhiều, dứt được cơn sốt liên miên, kéo dài nhiều ngày. Tuy đôi lúc còn sốt, nhưng nhiệt độ không cao như trước. Thân thể mới lên đến 40 độ C.



Muỗi sốt rét Anopheles



Con ve rừng

Một hôm, anh em ở đơn vị đi tải gạo về, ghé ngang thăm tôi. Gặp đồng đội mừng không kể xiết vì cả bốn tháng trời tôi đâu có gặp anh em đồng đội cùng đơn vị. Anh chị em nói đã ghé qua thăm tôi khoảng ba hay bốn lần gì đó, nhưng những lúc đó tôi sốt rất cao, sốt mê man, không biết gì cả.

Anh chị em cho hay anh em bên kỹ thuật Mỹ như Sĩ Hồng, Hiệp, Xuân bệnh liên tục, làm việc vất vả lắm. Tuy đã bổ xung thêm một vài sinh viên tiếng Anh từ miền Bắc vào, và em Linh, sinh viên từ Sài Gòn ra chiến khu, nhưng anh em vẫn chưa quen công việc, còn phải ngồi, trực tiếp kèm cặp. Nghe thấy vậy, lòng tôi nóng như lửa đốt, chỉ muốn trở về đơn vị công tác ngay cho anh em đỡ vất vả.

Tôi đề đạt nguyện vọng xin về đơn vị công tác với bác sĩ phụ trách.

Anh hoàn toàn thông cảm, giải quyết cho tôi về đơn vị nhưng không quên dặn dò sức khỏe tôi còn yếu lắm, đừng chủ quan. Thế là sau khoảng bốn tháng nằm điều trị sốt rét rừng ở bệnh viện, tôi đã được trở lại làm việc với anh em trong Trung đội Trinh sát kỹ thuật Mỹ (B3/C2 TSKT).

Mặc dù sống và làm việc ngay chính tại vùng biên giới Móc Câu, xứ sở nổi tiếng của các loại “sốt rét ác tính, sốt rét tâm thần”, thông thường khoảng dăm bữa hoặc nửa tháng, anh em trong đơn vị chúng tôi lại bị sốt rét hành hạ, có lúc nhiệt độ khá cao (khoảng 40 – 41 độ C), nhưng có lẽ một phần do đã quen bị sốt rét “bầm dập” cả năm trời và một phần nào chắc do cơn sốt đã bước dần vào thời kỳ ổn định, nên chỉ một vài ngày sau đã cắt được cơn sốt, lại hăng say lao vào làm việc, không còn tình trạng mê man dài ngày, triền miên như trước.

Chính trong hoàn cảnh của thực trạng cuộc sống ở trong rừng như vậy, bị sốt rét hành hạ liên tục, nhưng anh em chúng tôi không hề có sự phân công, tự động người khỏe giúp đỡ người yếu hơn trong cuộc chiến chống bệnh tật, thậm chí làm giúp công việc của anh em sức khỏe yếu hơn không hề so đo, than vãn một chút gì, và chính trong thực tiễn của một quá trình sống và làm việc trong gian khổ, thiếu thốn đủ mọi thứ, sốt rét hành lên hành xuống ngày này sang tháng khác, nhưng lại luôn thấm đậm tình người, anh em chúng tôi sống chan hòa trong tình thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, và biết bao kỷ niệm đẹp nở rộ trong cuộc đời người lính được hằn sâu trong tiềm thức, làm sao chúng tôi có thể quên cho được.

***Một vài những kỷ niệm đẹp của anh em trinh sát kỹ thuật Mỹ trong cuộc chiến vừa chống giặc “sốt rét”, vừa chống giặc ngoại xâm**

1) Chén canh rau rừng ngon nhất trên đời

Tôi còn nhớ có lần đi thơ thẩn quanh hầm làm việc trong rừng, tôi tìm ra một ổ nấm mối. Tôi hái nấm và một ít rau kim cang rừng về nấu canh trong chiếc盎- gô để ăn thêm buổi trưa. Trước khi ăn, tôi có nêm một chút bột ngọt và nước mắm khô tôi được cấp trong tiêu chuẩn của lính vượt Trường Sơn vào công tác ở Nam bộ. Ba anh em gồm tôi, Hiệp và Xuân ngồi ăn cơm, sì sụp húp canh. Hiệp, một công tử Sài Gòn trước khi ra ngoài khu đã từng có xe hơi riêng, nói :

“Cả đời mình chưa bao giờ được ăn một tô canh ngon như thế này,

anh Hùng ạ!”

Mỗi lần cứ nghĩ đến từng anh chị em trong trung đội trình sát kỹ thuật Mỹ, tôi không khỏi xúc động vì từng hoàn cảnh riêng, mỗi người một vẻ khác nhau, nhưng anh chị em luôn đoàn kết thương yêu nhau, nhất là trong lúc gặp khó khăn, hoạn nạn.

2) Tình yêu mộc mạc, chân tình và đẹp như tiểu thuyết của chàng sinh viên Hà Nội

Làm sao tôi quên được mỗi tình vô cùng cảm động của em Vũ Tôn Đản với cô bạn học cùng lớp trong Khoa Tiếng Anh ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Mỗi một bức thư nhận được của người yêu, Đản coi như một báu vật thiêng liêng, luôn mang giữ theo người. Để thưởng thức đầy đủ thi vị của tình yêu, Đản và người yêu đã nghĩ ra cách viết thư riêng theo kiểu vòng tròn, từ tâm điểm vòng ra ngoài với nhiều vòng tròn khác nhau. Như vậy, khi đọc thư của người yêu từ Hà Nội gửi vào, Đản nằm võng, tay xoay vòng tròn từ trong ra ngoài để đọc. Thế là bức thư tình được đọc theo kiểu như quay vô-lăng xe hơi làm Đản say mê, thích thú! Tiếc rằng sau này khi tôi xuống công tác ở khu Sài Gòn – Gia Định, anh chị em cho tôi hay Đản và đơn vị của em xuống gần chỗ tôi công tác bị lính Mỹ phục kích, và tôi không còn dịp được gặp lại em nữa.

3) Đến tình yêu kịch nghệ của chàng sinh viên đất Bắc

Ngoài công việc trình sát kỹ thuật Mỹ hàng ngày, em Đại Huân say mê sáng tác khá nhiều vở kịch ngắn để biểu diễn trong đơn vị mỗi khi có liên hoan đến mức độ khi bị sốt rét biến chứng, em không kêu ca, than vãn. Mặc dù đau đớn do bệnh tật hành hạ, em không bao giờ bỏ phiên làm việc, âm thầm chịu đựng, không hề nói đến nửa câu, da vàng như nghệ.

Một hôm tôi thấy Huân có vẻ đuối sức, ngồi làm việc nhưng hơi khác thường, thở hổn hển. Đã từng ở trong bệnh viện cả ba đến bốn tháng trời, tôi biết đây là hiện tượng chẳng lành. Tôi cho gọi cô y tá Liên, yêu cầu cáng Huân đi cấp cứu gấp, không được chủ quan để điều trị tại đơn vị.

Huân nói giọng thều thào, không muốn đi bệnh viện, nhưng tôi kiên quyết bắt Huân phải đi. Khi tới bệnh viện K30, các bác sĩ hội chẩn đi, hội chẩn lại khá nhiều lần (có mời cả bác sĩ ở tuyến trên ở bệnh viện K71A đến cùng hội chẩn) và cuối cùng đưa ra kết luận gan của em bị teo toàn bộ, không thể chữa được, chỉ còn có thể nằm thoi thóp chờ đợi giây phút “quy tiên”.

Đây là sự kiện thứ hai (sau trường hợp của anh bạn Đài bị mất vì sốt rét ác tính ở bệnh viện K71C) tôi được tận mắt chứng kiến về một kết quả thảm khốc của bệnh sốt rét rừng.

4) Chuyện hai anh em sinh viên “con nhà giàu” từ Sài Gòn ra chiến khu

Câu chuyện về hai anh em Lê Hiệp và Lê Xuân từ Sài Gòn ra chiến khu gia nhập quân giải phóng đã để lại trong tâm khảm tôi những ấn tượng vô cùng sâu đậm, khó có thể quên trong cuộc đời của tôi.

Sau khi hòa bình lập lại, tôi thật hân hạnh được đến thăm gia đình của ông chủ Hãng sơn Hồng Ký ở đường Trần Hưng Đạo, ngay kế sát Nha Cảnh Sát Đô Thành Sài Gòn. Ông chính là một cán bộ tình báo của ta, người đã từng hoạt động nhiều năm trong nội thành với vỏ bọc là một nhà tư sản nổi tiếng trên thương trường Sài Gòn. Điều vô cùng đặc biệt là ông chính lại là cha ruột của hai anh em Lê Hiệp và Lê Xuân, anh ruột của người bạn thân của tôi là anh Nguyễn Ngọc Lục tại trường Trung học Chu Văn An Hà Nội (anh Lục được bác Hồng Ký cho vượt vĩ tuyến 17 ra miền Bắc chắc vào khoảng cuối năm 1956, vì năm 1958 tôi đã học cùng lớp 7K với anh).

Thực ra, trước khi vào vùng giải phóng Sài Gòn- Gia Định (cuối tháng 6 hay đầu tháng 7 năm 1968), anh Lê Hiệp đã lập gia đình và đã sinh được một cháu gái. Tôi được nghe kể lại rằng để che mắt cảnh sát và mật vụ Sài Gòn, bác Hồng Ký đã có ý định cho Hiệp đi du học ở Pháp. Nhưng có lẽ chuyện Hiệp lập gia đình sớm và có con gái đầu lòng làm kế hoạch bị đảo lộn. Bác quyết định bí mật đưa hai anh em Hiệp và Xuân vào vùng giải phóng để tránh cảnh bị “bắt lính” của quân đội Sài Gòn.

Trước khi vào vùng giải phóng, anh Lê Hiệp là cánh tay đắc lực của bác Hồng Ký trong làm ăn, buôn bán ở Sài Gòn. Anh có một chiếc xe hơi riêng để giúp bác thuận tiện trong công việc kinh doanh.

Những ngày đầu tiên, khi gặp hai anh em Lê Hiệp, Lê Xuân ở Củ Chi (khu vực K26 do anh Sáu Cúc phụ trách), tôi đã có một ấn tượng đẹp về hai anh em, về những thanh niên trí thức của thành phố Sài Gòn, một thành phố tôi đã từng được sống và được toại nguyện làm những công việc tôi yêu thích trong 55 năm qua.

Qua quá trình làm việc cùng hai anh em Hiệp và Xuân tại đơn vị trinh sát kỹ thuật Mỹ, cùng chung lưng đấu cật với nhau trong

những ngày khó khăn gian khổ nhất trong cuộc đời “lính giải phóng”, tôi rất cảm phục tinh thần chịu đựng gian khổ, kiên quyết vượt qua mọi khó khăn của anh em Hiệp, Xuân không những trong những ngày anh em chúng tôi cùng nhau chịu đựng sự hành hạ của bệnh sốt rét, hai bàn tay bị ghẻ mưng mủ do bệnh đau gan gây ra, nhiều lúc phải quần băng để làm việc suốt ngày đêm tại “chốn rừng thiêng nước độc Móc Câu”, mà tinh thần ấy còn được thể hiện thật đáng trân quý qua cuộc chạy giặc Mỹ càn “nhớ đời” vào tháng 4 năm 1970.

Từ đầu năm 1970, Sư đoàn 1 kỵ binh không vận Mỹ (The First US Cavalry Division) kết hợp với các đơn vị VNCH tổ chức liên tiếp các cuộc hành quân để đẩy các đơn vị quân giải phóng ra khỏi vùng biên giới Việt Nam – Campuchia thuộc tỉnh Tây Ninh. Đơn vị trinh sát kỹ thuật Mỹ làm việc suốt ngày, đêm phục vụ cho các đơn vị tác chiến.

Vào một buổi sáng sớm của một ngày khoảng giữa tháng 4 năm 1970, máy bay L19 trinh sát trên cao, phát hiện đơn vị quân giải phóng đang di chuyển, Mỹ điều rất nhanh tiểu đoàn 1/12 Sư đoàn kỵ binh không vận số 1 của Mỹ đổ bộ xuống dọc đường lộ để tổ chức các chốt chặn, đón lõng, nhằm chia cắt, tiêu diệt đơn vị quân giải phóng. Các cụm pháo hỏa lực và không quân oanh kích, thả bom liên tục yểm trợ cho cuộc hành quân.

Thực ra đây chính là thời điểm anh chị em thuộc đại đội 2 Trinh sát kỹ thuật đang hành quân lên căn cứ mới. Cả đơn vị hành quân rờn rã suốt một đêm không nghỉ, trong đó đại đa số anh em trinh sát kỹ thuật Mỹ thức trắng đêm, làm việc không hề nghỉ ngơi cả ba đến bốn ngày liền trước đó. Lúc đó, Ông Sỹ Hồng được cử đi điều nghiên thực địa với đại đội phó C2 Tám Lượng để xây dựng căn cứ mới. Số anh em còn lại phục vụ chiến đấu ở ngay căn cứ Móc Câu như tôi, Hiệp, Xuân và một số anh em sinh viên khác được đào tạo cơ bản từ trung đoàn 75 ở Hà Nội mới vào như Huân, Tờ, Hưởng, Dẫn, Huấn, Tữu, Cự, Đức, Bảo, Nhiếp, Chúng v.v... đã thực sự đuối sức. Tất cả anh em chúng tôi ráng mọi cách, tiếp tục vừa lết từng bước theo đoàn, vừa còng lưng mang theo trên 20kg trên người, gồm chiếc máy PRC-25, ruột tượng gạo và súng đạn. Chiều tối, chúng tôi nghỉ dã chiến ở một khu rừng cho lại sức. Sáng hôm sau, liên lạc Phòng Quân báo ra đón chúng tôi, dẫn về căn cứ mới ở khu vực Đầm Rây-phông, thuộc địa phận tỉnh Cần Ché (tỉnh Kratié thuộc nước Campuchia).

Điều làm tôi vô cùng xúc động khi thấy trong lúc chạy giặc không vận Mỹ càn, hầu hết anh em trong Trung đội trinh sát kỹ thuật Mỹ

thể hiện rõ nét trên từng khuôn mặt hốc hác là sức lực đã cạn kiệt, cần phải được nghỉ ngơi. Ấy vậy mà, trong những lúc khó khăn, gian khổ như vậy, tình anh em, đồng đội thương yêu, đùm bọc lẫn nhau lại được đơm hoa, kết trái, nổi bật lên thật vô cùng trân quý, chẳng hạn như các em Đản, Huấn, Bảo... nhờ rèn luyện có sức khỏe tốt hơn, tự nguyện chạy lại mang giúp đỡ đặc các em yếu sức khỏe hơn, thậm chí có em còn mang liền một lúc hai máy PRC-25 (một cái đeo trước ngực, một cái đeo sau lưng), ruột tượng gạo, súng đạn v.v..., rồi lại còn dìu đồng đội yếu sức hơn, động viên nhau tiếp tục lết theo đoàn cho đến điểm tập kết cuối cùng của cuộc hành quân.

Tóm lại, tinh thần tương thân tương ái, tình thương yêu đồng đội coi nhau như anh em ruột thịt trong nhà, luôn hết lòng hết sức giúp đỡ nhau trong lúc hoạn nạn, khó khăn, không bao giờ có biểu hiện so đo hơn thiệt, so bì người này làm ít, kẻ kia làm nhiều, nổi bật thật đẹp trong nội bộ anh em lính trình sát kỹ thuật Mỹ.

Tinh thần đáng trân trọng trên lại càng được gia cố bền vững và phát triển tốt đẹp, nhất là sau khi ổn định cuộc sống và làm việc ở khu căn cứ mới, đơn vị được bổ xung thêm nhiều anh chị em từ khắp nơi trên chiến trường về, cụ thể từ cụm điệp báo A54 của anh Tư Sắc (gồm các em sinh viên, học sinh gái hoạt động điệp báo từ Sài Gòn lên chiến khu như Trúc Giang, Bé Chín, Bé Mười), từ bên Cục Chính trị chuyển qua như Bật, Cường, Ứng, Năm, Vỹ, từ các cơ sở của kiều bào ta ở Phnom Penh xuống như Ía, Lém và Kim Huê.

Đây thực sự là một nguồn động viên lớn, một sức mạnh tổng hợp của một tập thể “muôn người như một” khó có thể tìm thấy trong cuộc sống đời thường như hiện nay, và chính nhờ nguồn nội lực trong tập thể đơn vị, tôi đã vươn lên mạnh mẽ, đập bằng mọi khó khăn tưởng chừng khó có thể vượt qua, cùng anh chị em thân yêu hoàn thành tốt nhiệm vụ nặng nề cấp trên đã tín nhiệm giao phó cho tập thể lính trình sát kỹ thuật Mỹ chúng tôi.

Riêng với hai anh em Lê Hiệp và Lê Xuân, tôi luôn suy nghĩ cả ba chúng tôi giống nhau là những chàng công tử ở thành phố, được cưng chiều từ nhỏ, được cha mẹ chăm sóc, dạy dỗ chu đáo, được đi học từ lúc tuổi ấu thơ (từ 6 tuổi), nhưng tôi đã kinh qua nhiều trải nghiệm trong lao động thực tiễn trên các công, nông trường, được rèn luyện nghiêm túc ở chốn học đường tại Hà Nội, còn hai anh em Hiệp, Xuân chưa hề phải mó tay làm bất cứ công việc gì vất vả cả, vì nhà ở Sài Gòn đã có kẻ hầu, người hạ.

Rõ ràng trong một chừng mực nhất, ai cũng thấy rõ trên thực tế, tôi và hai anh em Lê Hiệp và Lê Xuân đã có sự khác biệt lớn, và chính sự khác biệt này là cơ sở cho phép tôi đánh giá tất cả mọi chuyện tôi đã cố gắng làm và những trải nghiệm gọi là “xương máu” tôi đã từng trải qua là “*bình thường*”, còn với hai anh em Hiệp, Xuân, những công việc hai anh em đã cố gắng và đã làm tốt trong suốt tám năm ròng ở chiến trường B2 là “*phi thường*”



Một số anh em sinh viên, học sinh từ Hà Nội vào, từ Sài Gòn ra, được biên chế trong Trung đội Trinh sát kỹ thuật Mỹ.

-Từ trái qua phải: hàng đứng Lê Hiệp, Linh (mặc áo trắng) và hàng ngồi từ trái qua, người đầu tiên là Lê Xuân. Đây chính là ba sinh viên, học sinh đầu tiên từ Sài Gòn lên căn cứ BTL Miền (R)

(Hình chụp năm 1972)

5) Chuyện bạn Hùng Trí và anh em Trinh sát kỹ thuật Mỹ

Anh chị em trong đơn vị Trinh sát kỹ thuật Mỹ nói đùa với tôi:

“Bọn em coi anh Hùng Trí như người nhà mình từ lâu rồi, anh Hùng à!”

Tôi nói với các em rằng câu nói đó phải khai căn bình phương, nửa

đúng và nửa không đúng.

Tại sao bạn Hùng Trí được các anh, các chị Phòng Quân báo quý mến?

Tháng 12 năm 1967 tôi mới vào tới căn cứ ở B2. Ngay thời gian này, Hùng Trí đã biệt phái từ Phòng Binh vận, Cục Chính Trị sang công tác một thời gian ở Phòng Quân báo. Trí sang cùng làm việc với tổ trình sát kỹ thuật (trong đó chủ yếu có chị Chín Chi (là điệp viên từ Sài Gòn ra) và anh Tám Lượng là chính. Anh Bạch Vân có xuống tham gia), chủ yếu theo dõi phản ứng của Mỹ sau khi ta đánh Bù Đốp. Các anh và chị Chín Chi nghe trực tiếp qua máy bộ đàm PRC 25 để theo dõi sự liên lạc giữa các sư đoàn 1 Anh cả đỏ, sư đoàn 25 tia chớp nhiệt đới của Mỹ với không quân và giữa không quân Mỹ với nhau trong chiến dịch. Chính trong kỳ đi biệt phái này, Hùng Trí bắt nhịp rất nhanh với tổ trình sát kỹ thuật, và nghe Trí nói, chính bạn phát hiện ra tiếng lóng của Mỹ khi báo tọa độ ném bom B52 trên mạng với cụm từ "*Heavy Artillery Warning at coordinate...*" tức là (cảnh báo pháo hạng nặng bắn tại tọa độ...). Trí nêu nghi ngờ và báo cáo ngay lên cấp trên. Đúng 20 phút sau, pháo đài bay B52 bỏ bom chính xác vào tọa độ đó. Như vậy, nếu ta nắm được thông báo như vậy, bộ đội ta có thời gian chuẩn bị kỹ lưỡng, tránh được thương vong đáng tiếc.

Sau đợt biệt phái này, anh Năm Bích rất quý Hùng Trí. Ngay khi tôi vừa chân ướt chân ráo đến B2, anh Năm Bích biết tôi là bạn rất thân với Hùng Trí, lại đã từng được đào tạo trực tiếp tại đơn vị trình sát kỹ thuật Mỹ do anh Nguyễn Văn Du ở Phòng 75 phụ trách, nên anh rất vui, khuyên tôi ráng làm việc, bằng mọi giá anh sẽ đề nghị cấp trên chuyển Hùng Trí về để cùng nhau làm việc, cùng nhau xây dựng đơn vị kỹ thuật nắm Mỹ.

Đợt biệt phái thứ hai sang làm việc ở Phòng Quân Báo là đợt Hùng Trí trong đoàn của Phòng 2 tiền phương do anh Tư Kiểm phụ trách đi phục vụ chiến dịch hướng Tây Nam Sài Gòn tháng 5 năm 1968 do anh Sáu Nam (tức anh Lê Đức Anh, sau này là đại tướng kiêm Chủ tịch nước) là tổng chỉ huy. Trong đoàn của Phòng 2 tiền phương còn có hai anh em làm trình sát kỹ thuật Mỹ là Trần Ngọc Lai và Ưông Sỹ Hồng (thời gian này tôi đang phục vụ tại mặt trận phía bắc và tây bắc Sài Gòn). Đang phục vụ chiến dịch, anh Tư Kiểm bị thương, phải trở về phía sau. Lúc đó, Hùng Trí cấp bậc cao nhất nên được bổ nhiệm thay chức vụ phụ trách Phòng 2 tiền phương thay anh Tư Kiểm. Chính trong đợt đi biệt phái này, một đêm đang theo dõi trên mạng, bạn Hùng Trí phát hiện có một tiểu đoàn quân Mỹ đổ bộ vào khu vực đóng quân của Bộ Chỉ huy. Hùng

Trí chạy vội lên báo cáo anh Sáu Nam. Anh Sáu lập tức cho trình sát mặt đất kiểm tra, và chính ngay đêm đó anh chỉ huy trực tiếp, tiêu diệt gọn tiểu đoàn trên. Sau chiến dịch này, Cục Tham Mưu đề nghị Cục Chính trị tặng Huân chương Chiến công giải phóng hạng 3 cho bạn Hùng Trí.

Nói đến thành tích “nghe lén, thu chặn tin hoạt động quân sự của Mỹ” trên của bạn Hùng Trí, tôi nghĩ cũng nên kể đến sự kiện “rất hy hữu” xảy ra trong chiến dịch Tây Ninh (từ 17 tháng 8 năm 1968 đến 28 tháng 9 năm 1968) do anh Mười Khang (tức Trung tướng Hoàng Văn Thái) làm tư lệnh. Đi phục vụ chiến dịch, trình sát kỹ thuật Mỹ có tôi và em Ưông Sỹ Hồng. Hai anh em tôi làm việc suốt ngày đêm, rất ít khi được có một giấc ngủ trọn vẹn. Chúng tôi phát hiện có một tiểu đoàn của Lữ đoàn 3 Thủy quân lục chiến Mỹ từ miền trung vào tham chiến. Đi giao ban ở Bộ Tư lệnh chiến dịch, anh Năm Bích, Trưởng phòng 2, khẳng định Mỹ điều thêm một tiểu đoàn thủy quân lục chiến Mỹ từ miền trung vào mặt trận, nhưng khi bị Bộ tư lệnh chiến dịch chất vấn, vị chỉ huy trung đoàn tăng cường của quân giải phóng hoạt động ở khu vực trọng điểm của chiến dịch trả lời không thấy lính Mỹ tham chiến. Trong buổi tổng kết chiến dịch, anh Năm Bích chặn hỏi vị chỉ huy trung đoàn trên có đúng là không có lính thủy quân lục chiến Mỹ ở trên mặt trận hay không, và vị chỉ huy trên phải thú nhận với anh Năm Bích thực tế đơn vị ông có những trận tác chiến với lính thủy quân lục chiến Mỹ.

Thế là trong buổi tổng kết chiến dịch, anh Năm Bích báo cáo thực sự có sự tham gia trực tiếp của lính thủy quân lục chiến Mỹ ở ngoài mặt trận, và anh Mười Khang, tư lệnh chiến dịch, phê phán sự thiếu chính xác trong báo cáo địch tình của trung đoàn trên, và ngợi khen hết lời Phòng Quân báo, anh em kỹ thuật Mỹ nắm tin tức phục vụ chỉ huy chiến dịch chính xác. Anh Năm Bích đi họp về, ghé qua, kể lại câu chuyện cho chúng tôi nghe, và đưa quà của anh Mười Khang gồm một gói trà Hồng Đào và một gói thuốc lá Thăng Long cho anh em tôi.

Những đóng góp có hiệu quả của bạn Hùng Trí trong những lần được Cục Chính trị cho Phòng Quân báo “mượn ngắn hạn”, cũng như nghề “nghe lén tin tức lính Mỹ” của anh em chúng tôi ngày càng có chất lượng, có tính chính xác cao, làm các anh thủ trưởng Phòng Quân Báo, đặc biệt anh Năm Bích, càng củng cố thêm quyết tâm xin bằng được bạn Hùng Trí về để cùng tôi xây dựng đơn vị Trinh sát kỹ thuật Mỹ của Bộ Tư lệnh Miền.

Đây cũng là lý do khi Hùng Trí đến thăm tôi, anh chị em trong đại

đội C2 trình sát kỹ thuật rất quý mến và nể phục.

Mặc dù bị sốt rét hành liên tục, nhưng mỗi khi dứt cơn sốt, bạn Hùng Trí thường đi xe đạp từ khu căn cứ của Bộ Tư lệnh Miền ra ngoài vùng kiểm soát của các đơn vị bảo vệ để đến thăm và động viên tôi, đặc biệt trong thời gian tôi bị sốt rét hành hạ, gan to, lá lách sa, đi lại khó khăn. Khi bạn đến chơi, anh chị em trong đơn vị tôi đón tiếp, cười nói vui vẻ, luôn thân mật trong các câu chuyện với Trí, coi bạn như người anh thân thương đi công tác xa mới trở về nhà.

Tôi được biết nhiều ý kiến của các thủ trưởng trong Bộ Tư lệnh Miền ủng hộ đề nghị của Phòng Quân Báo, và nhiều lần “các sếp” của Cục Chính Trị sang Phòng Binh Vận làm việc với ông Mười Tài, thủ trưởng của Trí, nhưng ông Mười phản đối kịch liệt, thậm chí ông Mười Tài còn nói huých toẹt với ông Cục trưởng Tám Trần (tức ông Trần Văn Phác, sau này đảm nhiệm chức vụ Bộ trưởng Bộ Văn hóa) như sau:

“Nếu các anh rút thằng Trí, thì các anh nên giải tán cái Phòng Binh vận này đi!”

Thế là bạn Hùng trí không bao giờ được chuyển sang làm nghề “nghe lén tin tức của quân lực Mỹ qua mạng nữa”. Thực lòng, bạn Hùng Trí tâm sự với tôi bạn rất ngán ngấm nghề của anh chị em chúng tôi, lúc nào đi hành quân cũng mang vác nặng, một cục sắt cả hơn chục ký trên vai, rồi vai ba lô pin Con Ó dự trữ, rồi ruột tượng 10 lít gạo, rồi súng ống v.v... Chính vì vậy, sự việc không phải điều chuyển sang bên Quân Báo, bạn Hùng Trí mừng rỡ như chết đi, được sống trở lại!

Bạn Hùng Trí rèn luyện và phấn đấu rất ngoan mục. Mặc dù hàng năm vào, ra bệnh xá liên tục không biết bao nhiêu lần để điều trị bệnh sốt rét rừng, nhưng chỉ cần coi số liệu sau đây đã thấy ông bạn của tôi phấn đấu giỏi như thế nào rồi:

Ngày 18 tháng 3 năm 1965 nhập ngũ (trước tôi đúng 1 tháng 11 ngày). Hành quân vượt Trường Sơn vào chiến trường B2 sau một tháng tập huấn.

Đi suốt 4 tháng không nghỉ, bạn Trí đến địa điểm tập kết ở Phước Long. Nghỉ dưỡng 1/2 tháng, bạn được đưa về Phòng Binh Vận, Cục Chính Trị tìm hiểu công việc trong một tháng. Kế tiếp, Trí về nhận chức trại phó trại B20, dưới quyền chỉ huy của trại trưởng Lê Bình (Trung úy, đại đội bậc trưởng). Sở dĩ đưa Trí lên làm phó ở

trại B20 vì bạn lúc đó là thiếu úy, đại đội bậc phó. Hơn nữa lúc đó ở trại có 4 tù binh Mỹ cần phải có người giỏi tiếng Anh để quản lý.

Tóm lại, điểm nổi bật của anh bạn thân đã từng học với tôi ở dưới mái trường đại học năm nào là chỉ sau đúng một năm ba tháng nhập ngũ đã được kết nạp vào Đảng (tháng 6 năm 1966), và theo Trí tâm sự: “Kết nạp vào Đảng kỳ này thoải mái, dễ dàng, kết nạp ở ngay tại trại tù binh B20, không cần gặp phải đủ thứ khó khăn, vất vả, bị nhận xét đủ thứ về căn bệnh “tiểu tư sản trí thức” như hồi được kết nạp vào Đoàn ở đại học.

Trong gian khổ khó khăn mới hiểu rõ ai là bạn tốt.

Trong khoảng 10 năm ở chiến trường, tôi nhận được 47 bức thư của cha mẹ và gia đình, của bạn bè từ Hà Nội gửi vào, nhưng số thư nhiều nhất là của bạn Hùng Trí. Tôi chỉ muốn cho mọi người coi một vài đoạn trong một số thư của bạn Hùng Trí gửi cho tôi trong cuộc chiến như thế nào.

Mỗi khi đọc lại những lá thư này, tôi vô cùng cảm ơn trời đất đã cho tôi một người bạn tốt như vậy. Những đoạn thư của bạn Hùng Trí được trích dẫn sau đây để minh chứng mặc dù bạn trăm công nghìn việc, nhưng do biết quá rành tính tình của tôi, nên bạn Hùng Trí rất lo cho tôi trong cách đối nhân xử thế hàng ngày ở một đơn vị có nhiều anh em ở khắp các vùng, miền, với nhiều tầng lớp khác nhau. Chắc chắn anh em sẽ khó thông cảm với tính tình “phớt đời”, suốt ngày chỉ lao vào chuyên môn, ít chịu chú tâm đến các mối quan hệ xung quanh của tôi. Đây chính là thời gian tôi đang phụ trách một đơn vị nhỏ, nhưng quan trọng trong nghề quân báo, một đơn vị luôn được các thủ trưởng cấp cao đặc biệt quan tâm.

Qua những lá thư của bạn Hùng Trí, tôi lại càng quý mến anh chị em trong Trung đội sinh viên (gồm cả Nam lẫn Bắc) làm nghề trinh sát kỹ thuật Mỹ thân yêu của tôi và nhận thức được tình cảm chân thật của anh chị em đối với tôi, và chính nhờ qua những đoạn thư của Trí, tôi cũng tìm ra lý do tại sao anh chị em trong đơn vị rất thân và quý trọng Hùng Trí, luôn coi bạn không khác gì tôi, là những người anh lớn nhất trong đại gia đình “Trinh sát kỹ thuật Mỹ” của chúng tôi.

Ngày 28/7/1970

Tiến Hùng thân,

Xin lỗi mày và nhờ mày chuyển lời xin lỗi của tao tới anh em ở

đơn vị mày vì lời hứa cho cái khoan không thể nào thực hiện được. Hôm tao ra ngoài mày chơi thì ở nhà cho mượn cái khoan thừa đó và đơn vị bạn đã làm gãy mũi khoan đó rồi. Bây giờ chỉ còn một khoan để anh em xây cất nhà nên đành bó tay.

Thằng Thuần tuy có bị chạy giặc gian khổ nhưng vẫn mạnh giỏi. Thằng Lê (phiên dịch Trung-Triều, trước học Tàu văn) bị B52 trọng thương, vào K77 thì hy sinh rồi. Nó cũng biết mày. Thôi cầu cho nó tiếp tục cổ vũ chúng ta đánh thắng giặc Mỹ. Thằng Chấn hấp bây giờ ở vùng Siêm Riệp (Biển Hồ). Chắc ông tha hồ tán các em Việt kiều trong giới hạn cho phép.

Sắp có chuyến ô tô ra. Mày viết thư về nhà đi, rồi tao gửi hộ cho. Nhưng vì có đoạn ra Bắc phải đi bộ nên hạn chế thư từ, nên mày đừng nói với ai thêm nhé!

Gửi lời thăm anh, chị em ở đơn vị ngoài đó nhé!

Ngày 6/4/1971

Tiến Hùng thân yêu,

Thư trước mày có trách tao không ra chơi và viết đại ý rằng ông bạn chuyện đâu đâu mà không ra. Trời ơi, bạn chuyện nhà nước đấy, ông ạ. Muốn ra thăm ông mà không thể đi được chứ đâu có phải gặp “em” nào dứt ra không nổi nên không ra thăm ông. Ở cái rừng này cũng khó mà có em nào hấp dẫn hơn ông và anh em ở ngoài đó.

Tao dạo này khỏe. Một tháng sốt độ ba, bốn ngày rồi khỏi. Mỗi khi sốt, trông bèo nhèo như con mèo nhúng nước. Dạo này tao không làm nghề tiếng Anh mấy mà làm dịch tình chung nên công việc cũng phong phú và có nhiều hứng thú hơn.

Còn 3 tháng nữa là mày sẽ được xét duyệt chuyển Đảng chính thức. Cố gắng lên mày nhé! Suy nghĩ và hành động cho thật chín chắn chứ nếu mày chỉ công tác thật tốt, thật giỏi thôi thì không được đâu, mày ạ! Tao lo cho mày lắm, nhưng cũng đặt rất nhiều hy vọng vào mày, vì tao biết và rất hiểu mày.

Ngày 11/3/1972

Tiến Hùng thân yêu,

Chiều hôm qua tao về tới căn cứ và nhận được thư mày viết 3/3/72.

Tao mới ở dưới tiền phương 301 về từ đầu tháng 2/1972 tới nay. Tao phải về điều trị bệnh ở bệnh xá tại cơ quan và cũng để có thể kết hợp công tác được luôn ở nhà.

Thời gian ở tiền phương, tao có sang chơi bên Hiền, Hồng, Bật, Linh, Tiến, Đoàn, Thanh Vân. Tết vừa qua tao và anh em bên đó cũng sang thăm nhau. Ngày 30 Tết, tao có sang bên đó, và sau đấy sang A5 thăm chú Lân. Lần đầu tiên gặp tao, chú Lân không nhận ra. Tao thì nhận ra ngay, và tự giới thiệu thì chú mới nhận ra. Chú Lân dạo này trông già và yếu đi nhiều. Hai chú cháu ngồi nói chuyện với nhau khoảng một giờ đồng hồ thì tao phải về vì đã hẹn với nhà rồi. Anh em C2 tiền phương dưới đó hỏi thăm mày rất nhiệt tình và hy vọng tin mừng “promotion” của mày đấy.

Mai kia tao sẽ đi điều trị trại bệnh xá cơ quan, chắc cũng không lâu lắm đâu. Đang ở tiền phương, bắt đầu vào đợt mà phải về để điều trị bệnh gan. Cũng buồn, nhưng công tác còn dài, vả lại ở nhà cũng cần mình một chút nên kết hợp hai mặt, tao về nhà luôn.

Ngày 5/6/1972

Hùng thân yêu,

Tao dạo này khỏe, béo hơn lần gặp mày cuối cùng ở bên C2 đó. Dạo này trông bánh ra, nhìn chỉ độ 28 tuổi thôi. Đời vẫn phơi phới, mày ạ!

Rất mừng được thấy mày chuyển đi công tác ở chỗ khác. Cố gắng lên để đóng góp được nhiều cho cách mạng và cho ngày trở về. Cần dũng cảm, tích cực, táo bạo và khôn ngoan, Hùng ạ!

Rất tiếc khi mày đi không được gặp chia tay và hàn huyên. Tụi Hồng, Bật, Hiền đều rất nhớ mày và ngày đêm chờ đợi ngày mày tiến bộ, được promotion. Sao mày chẳng báo gì cho tao về cương vị mới của mày. Tao mong tin mày nhiều. Hẹn ngày gặp lại trong một thời gian gần đây.

6/8/1972

Hôm nọ, tao có sang bên anh Bạch Vân và Tám Lượng chơi nên được nghe kể nhiều về mày ở Phòng 2 này. Vì vậy, tao rất mừng khi thấy trong cương vị mới, mày làm ăn được tín nhiệm và có nhiều kết quả tốt.

Tao cũng muốn sang thăm anh em đơn vị cũ của mày ở trên này mà chưa có dịp. Nghe nói Tư Nguyên đã đi công tác xuống đội 45.

Hiện C2 do Quán phụ trách. Tao định hôm nào sẽ sang thăm ông Thái, rồi sẽ ghé qua chơi với anh em ở đơn vị cũ của mày.

...Thôi nhé, chúc mày và tất cả anh em trong đơn vị mới ở T4 mạnh khỏe, công tác tốt. Chúc mày rút được nhiều kinh nghiệm và áp dụng thắng lợi rục rở vào hoàn cảnh mới rất thuận lợi.



Bạn Nguyễn Hùng Trí (từ trái qua phải, người đứng quay lưng đầu tiên) đang đọc Quyết định của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam trao trả tự do cho ba quân nhân Mỹ ở Bến Tà Xiêm, Tỉnh Tây Ninh ngày 1 tháng 1 năm 1969.



Ban Nguyễn Hùng Trí trong buổi họp mặt bạn bè lớp đại học Ban Anh văn, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, niên khóa 1961 – 1965.

(Chụp tháng 05 năm 2022)

Tóm lại, nếu phải kể thêm về những kỷ niệm đầy cảm động của từng anh chị em sinh viên từ Hà Nội vào và từ Sài Gòn ra chiến khu, được biên chế trong đơn vị trinh sát kỹ thuật Mỹ, tôi phải thật lòng mà nói, tôi không thể nào kể cho hết được vì tôi biết quá nhiều kỷ niệm lớn, nhỏ, vui, buồn ngay trong chính Trung đội sinh viên của tôi đang hành nghề trinh sát kỹ thuật Mỹ này.

Chuẩn bị quay về “Mái nhà xưa”, nhưng do nhu cầu, tôi ở lại chiến trường B2 làm việc

Khoảng tháng 10 năm 1971, trên có chủ trương cho một số lính chúng tôi ở chiến trường đã lâu (khoảng 5 năm trở lên), bệnh nặng, mất sức chiến đấu, trở về A (miền Bắc). Hội đồng Giám định Y khoa đã quyết định cho tôi trở ra miền Bắc. Ở Phòng Quân Báo R có một vài anh nữa cũng được đề nghị cho trở lại miền Bắc điều trị, trong số đó, nếu tôi nhớ không nhầm, có anh Huân ở A7 (Ban Chính trị do anh Năm Lành phụ trách). Nghe nói đoàn thương bệnh binh này (có anh Huân trong đoàn) trên đường trở về hậu phương miền Bắc bị trúng bom ở Quảng Trị, một số anh chị em hy sinh trên đường hành quân. Tôi hỏi thăm tin tức về anh Huân, nhưng chẳng ai nắm được tin gì về anh cả.

Tôi cứ tưởng mọi chuyện đã an bài, tôi lại được về nhà ở Hà Nội, được gặp lại cha mẹ và gia đình 123 Bùi Thị Xuân thân yêu, được nghe lại bài “*Come back to Sorrento*” (Torna a Sorrento) tôi vô cùng yêu thích hồi còn là sinh viên ở Hà Nội. Bài hát do ca sĩ người Ý nổi tiếng Robertino biểu diễn lúc ông 12 hay 13 tuổi.

Sự vui mừng được “*Come back to Sorrento*” (Torna a Sorrento) phải dừng lại. Các thủ trưởng Phòng Quân Báo R gặp riêng, không đồng ý cho về miền Bắc (về A) chữa bệnh, yêu cầu tôi ở lại làm việc vì chiến trường đang thiếu cán bộ chủ chốt. Là một người lính, tôi vui vẻ chấp hành mệnh lệnh, không hề có thắc mắc gì. Các thủ trưởng lệnh cho các cơ sở từ Sài Gòn gửi vào khu những thứ thuốc tốt nhất để chữa cho tôi.

Như vậy, từ tháng 11 năm 1971 theo yêu cầu của quân y, tôi được ăn chế độ bồi dưỡng riêng, ăn tươi hơn anh em trong đơn vị một chút trong 6 tháng và hàng ngày ngoài thuốc đặc trị sốt rét còn được chích thêm thuốc CAMPOLON.

Sau này, khi hòa bình lập lại, thống nhất nước nhà, tôi được bạn bè hoạt động trong thành cho biết thực ra từ 1970 đến 1975, các nhà thuốc bán chạy nhất là các loại thuốc không cần toa thuốc, như thuốc giảm đau Optalidon (thuốc này giảm đau rất nhanh. Lúc còn chiến tranh, khi chán đời, người ta hay dùng thuốc này để tự tử), thuốc tiêu chảy Ganidan (rất công hiệu), và thuốc nâng đỡ cơ thể, phục hồi sức lực Campolon.

Thuốc Campolon là thuốc chứa trích tinh gan bò dùng để uống và để chích nhằm bồi bổ cơ thể, phục hồi sức khỏe cho những người mất sức. Đây là một loại thuốc có thời gian người dân Sài Gòn rất chuộng. Thực chất loại thuốc này lấy từ lục phủ ngũ tạng súc vật gọi là tạng phủ trị liệu.

Hiện nay thế giới không dùng nữa vì nguy cơ lây nhiễm nhiều bệnh nguy hiểm như bệnh bò điên v.v....

Ấy vậy mà chỉ sau 6 tháng điều trị ngoài các loại thuốc sốt rét đặc trị, chích liên tục thuốc Campolon và ăn uống tại đơn vị C2 TSKT, tôi khỏe lên, da dẻ đỏ hồng, không còn bị sốt rét nhiều nữa, gan đỡ sưng và lá lách co lên, không bị sa nhiều nữa.

Tôi vô cùng phấn khởi, vì nhờ rèn luyện thân thể, ráng ăn cơm khi bị bệnh, uống thuốc điều trị bệnh sốt rét nghiêm túc, đều đặn, và đặc biệt phải vô cùng cảm ơn các thủ trưởng đã cho gửi từ Sài Gòn vào chiến khu thuốc Campolon để phục hồi sức khỏe cho tôi sau

thời gian bị “bạo bệnh sốt rét” hành hạ gần một năm trời (mặc dù đến giờ tôi mới biết sự nguy hiểm của loại thuốc “tạng phủ trị liệu Campolon”, nhưng nếu như những liều thuốc đã chích cho tôi được bào chế trích tinh gan từ một con bò điên thì không hiểu con người tôi sẽ ra sao ở giữa chốn rừng thiêng nước độc tại khu vực Móc Cầu!)

Đầu năm 1972, đơn vị phải cử người đi phục vụ tiền phương. Em Sĩ Hồng cùng một số anh em đi phục vụ tiền phương 301 (Đoàn C2/TSKT tiền phương do anh Hiến là đại đội phó C2 TSKT phụ trách). Ở nhà, anh chị em còn lại bao luôn công việc của những người đi tiền phương.

Cũng chính vào thời điểm này (tháng 4 năm 1972), tôi nhận lệnh dẫn một tổ Trinh sát kỹ thuật gồm 5 anh em (tôi, Bùi Sĩ Hưng, Vũ Tiến, Ba Hoàng và Quốc Chung) xuống chiến trường T4 (Sài Gòn – Gia Định) nhận công tác mới.

Về chiến trường Sài Gòn – Gia Định, tuy bom đạn 24/7 (các loại pháo và bom, kể cả pháo đài bay B52), hành quân chuyển căn cứ liên tục, thậm chí có lúc chúng tôi còn làm căn cứ ở sát ngay chỗ các đơn vị VNCH đóng quân, nhưng anh chị em trong đơn vị chúng tôi luôn vui vẻ, tinh thần phấn chấn, họa hoằn ông “sốt rét” mới trở lại thăm viếng, tra tấn anh em chúng tôi một vài ngày rồi dứt cơn.

Tóm lại, mọi người đều hiểu rất rõ bệnh sốt rét rừng là một kẻ thù cực kỳ nguy hiểm của những người lính quân giải phóng. Chính thứ bệnh quái ác này đã làm biết bao anh chị em đồng đội chúng tôi đã phải “nằm yên nghỉ vĩnh viễn” trong các khu rừng thiêng, nước độc dọc dãy Trường Sơn và vùng biên giới Việt Nam – Campuchia.

Ấy vậy mà, sau chiến tranh, thấy tôi bị hết bệnh này đến bệnh khác, vào ra bệnh viện liên tục, bạn Nguyễn Hùng Trí từ Hà Nội gọi điện thoại, động viên tôi như sau:

“Hùng ơi! Yên tâm đi. Mọi người nói rằng nếu ai đã bị sốt rét rồi, sẽ sống thọ lắm!”

Đấy, lính tráng chúng tôi là vậy! Mặc dù sau hòa bình lập lại, anh chị em chúng tôi luôn cố gắng vượt qua muôn vàn khó khăn để hòa nhập thật tốt trong cuộc sống dân dã đời thường, nhưng tinh thần lúc nào cũng lạc quan, yêu đời như thuở nào còn cùng nhau ngồi trên ghế nhà trường...

Câu chuyện số 5

Hai gánh nặng trên vai

Sau khi hòa bình lập lại, thống nhất đất nước, rất nhiều anh chị em chúng tôi được phép giải ngũ, trở lại với cuộc sống dân dã bình thường.

Thật lòng mà nói, anh chị em trong đơn vị tôi cùng một suy nghĩ là sau khi hòa bình lập lại, thống nhất đất nước, lính tráng mình thích làm công việc gì để kiếm kế sinh nhai hàng ngày trong khuôn khổ luật pháp cho phép, không phải lệ thuộc ai, thì cứ làm vô tư, không sợ gì cả. Nhiều đồng đội của tôi, sau cuộc chiến trở về quê hương Bến Tre, Long An, Vĩnh Long ..., mặc dầu cấp bậc lúc ra quân đã là đại đội bậc trưởng (cờ trung úy), tiểu đoàn bậc phó (cờ thượng úy), thậm chí là tiểu đoàn bậc trưởng (cờ đại úy) rồi, nhưng các anh muốn trở về công việc dân dã ngày xưa, tiếp tục làm nghề nông, đóng đày, mò cua, bắt cá v.v...đâu có nhất thiết cứ phải đi làm “cán bộ” với chức nọ, quyền kia ở cơ quan nhà nước để được “vinh thân, phì gia!”

Nhưng anh chị em lính chúng tôi luôn xác định rất rành mạch, rõ ràng điều kiện ưu tiên số 1 là phải cùng nhau, càng nhanh càng tốt, hòa nhập với cuộc sống đời thường.

Trở về cuộc sống quen thuộc ngày xưa, tôi và bạn bè đã xấp xỉ tuổi trên dưới 30, cái tuổi lập gia đình, như các cụ thường nói là “quá đất (date)” rồi! Thế là nhận nhip các cuộc “cưới vợ”, “lấy chồng” đua chen nhau trong hàng ngũ trai gái sồn sồn tuổi “trung niên” vừa mới được phép cởi áo lính trở về quê nhà.

Rồi tiếp theo, anh chị em chúng tôi phải tính toán “mắn việc ra sao” cho thật xứng đáng với danh hiệu anh lính phục viên hay anh lính chuyển ngành, làm sao có thể được tiếp tục đóng góp phần nhỏ bé của mình cho xã hội, cho dù đi làm ruộng, đóng đày, mò

cua bắt ốc ở quê nhà, hay làm một công việc gì đó xin được trong bộ máy chính quyền nhà nước từ cấp ấp, xã trở lên.

Như vậy, hai gánh nặng trên vai người lính phục viên hay người lính chuyển ngành được trình bày trong câu chuyện này chính là một vai dành lo cho gia đình riêng của chính mình, và một vai dành cho cái gọi là “sự nghiệp” tiếp theo của cá nhân.

Sau khi được phép giải ngũ, tôi đã giải quyết rất nhanh chóng, không phải chờ đợi lâu. Tôi xin chuyển ngành về làm thầy giáo dạy tiếng Anh tại Ban Anh Văn, Khoa Ngữ Văn nước ngoài, Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

Nghề giáo này cũng không có nhiều “bác lính” xin chuyển ngành sang. Họ hoàn có một số anh (đi B2 khoảng năm 1972) chưa học hết chương trình đại học, xin chuyển sang để được lãnh đạo trường chấp nhận cho hòa vào các anh chị em sinh viên Đại học Văn khoa Sài Gòn trước kia chưa học hết chương trình đào tạo, cùng nhau được điều ra Hà Nội học tiếp chương trình bổ túc để lấy bằng tốt nghiệp của trường đại học ngoài miền Bắc.

Tháng 10 năm 1982, tôi được cử đi học nghiên cứu sinh và ngày 27 tháng 5 năm 1986 tôi đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ chuyên ngành Ngữ học Anh tại Đại học Quốc gia Ngôn ngữ thành phố Moscow (The Moscow State Linguistic University).

Một số hình lưu niệm ở Đại học Quốc gia Ngôn ngữ Moscow (The Moscow State Linguistic University)



Dự sinh nhật đầu tiên cháu Alis, con trai của em Trần Xuân Lâm (tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Minsk) và Andrula, cô em gái người đảo Síp – Cyprus (tốt nghiệp Khoa Ngữ văn Đức, Đại học Quốc gia Ngôn ngữ Moscow) cùng bạn bè Việt Nam và nước ngoài tại ký túc xá.

(Chụp tại ký túc xá năm 1984)



Tác giả (giữa) và bạn bè ở ký túc xá gần điện Kremlin, thủ đô Moscow. Ngồi ngoài cùng (bên trái) là anh New Phitov, sinh viên đến du học từ đảo Cyprus (Síp)



Tác giả thanh thản ngồi ngắm ánh nắng đầu mùa hè đầy cỏ cây và hoa lá vừa hé nở, sau một mùa đông âm u, dài đằng đẵng lạnh giá,

đầy băng tuyết trong một công viên lớn gần cửa hàng GUM, và nhà thờ thánh Saint Basil (gần Quảng trường đỏ), thủ đô Moscow.



Tác giả bảo vệ luận án Tiến sĩ chuyên ngành Ngữ học Anh tại Đại học Quốc gia Ngôn ngữ Moscow – MSLU (The Moscow State Linguistic University) ngày 27 tháng 5 năm 1986.



Chiều tối ngày 27 tháng 5 năm 1986, du học sinh từ nhiều nước đang sinh sống ở ký túc xá đã tổ chức liên hoan chào mừng tác giả bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ ngữ học Anh,

(Trong hình, một bà trong Ban Quản lý ký túc xá đang biểu diễn một bản nhạc nổi tiếng của Nga trên cây đàn piano để chúc mừng tân tiến sĩ Nguyễn Tiến Hùng).

Tôi trở về nước giảng dạy cuối năm 1986 và được bổ nhiệm làm Phó khoa trưởng Khoa Ngữ văn nước ngoài, phụ trách đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học.

Cuối năm 1988, khi nhà trường tách Khoa Ngữ văn nước ngoài thành ba khoa (Ngữ văn Nga, Ngữ văn Anh và Ngữ văn Pháp), tôi nhận quyết định của Hiệu trưởng bổ nhiệm làm khoa trưởng đầu tiên của Khoa Ngữ văn Anh, Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

Trong suốt thời gian 8 năm, từ cuối 1988 đến năm 1996, tôi làm việc suốt ngày đêm, từ 6g00 sáng đến 21g00, để dạy học ban ngày, dạy thêm ban đêm. Ngoài ra tôi còn phải lo công việc gia đình, đưa con đi học, nuôi heo thêm trong nhà (đập một bể nước để nuôi thông thường hai con heo lấy thịt bán cho cửa hàng thực phẩm Quận 5) nhằm cải thiện cuộc sống gia đình. Trong cuộc sống, tôi luôn sắp xếp thời gian hợp lý để có thể làm tốt công việc hàng ngày ở trong trường cũng như ở gia đình.



*Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hùng, Khoa trưởng Khoa Ngữ văn Anh, Trường
Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.*

(Hình chụp cuối năm 1988)



*Thầy Nguyễn Tiến Hùng, Khoa trưởng Khoa Ngữ văn Anh, đang đọc
Quyết định công nhận Tân Cử nhân Khoa Ngữ văn Anh niên khóa
1988-1989 của Hiệu trưởng trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ
Chí Minh.*



Các tân cử nhân Anh vẫn đang ngồi ở hội trường, nghe công bố quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng năm 1996, tôi bị bệnh, người ốm rộc đi. Đi khám bệnh ở Bệnh viện Thống Nhất, bác sĩ chẩn đoán tôi bị viêm đại tràng nặng, cho tôi uống thuốc Tetracyclin 500mg. Điều trị cả tháng trời, bệnh không hề thuyên giảm, tôi cứ ăn bất cứ một chút gì có dầu, mỡ, hoặc uống một chút cà phê sữa lại bị đi tiêu chảy.

Nhiều người bạn của tôi cũng bị viêm đại tràng nặng. Do chữa trị lâu ngày không dứt, chuyển sang bị ung thư đại tràng, mặc dù có anh sang cả Singapore mổ, cũng không thoát khỏi “lưỡi hái” của Thần Chết!

Trong lúc đang tìm cách chữa chạy sao cho hiệu quả, làm sao kết thúc nhanh chóng tình trạng ăn uống có một chút dầu, mỡ, là đi đại tiện liên hồi, không cầm nổi, một bạn giáo viên khuyên tôi uống thuốc bắc của một ông thầy thuốc khá nổi tiếng chuyên chữa các bệnh viêm loét đại, trực tràng, ở một con hẻm lớn trên đường Cách Mạng tháng 8, quận Tân Bình.

Tôi mò xuống quận Tân Bình nhờ ông thầy thuốc bắc chữa trị. Đây là một ông thầy có trình độ, trong nhà có hai người con là bác sĩ chuyên trị chữa bệnh kết hợp đông-tây y đang làm việc tại các bệnh viện nhà nước.

Nhà của ông rất đẹp, mặt tiền hơn mười thước, có một vườn hoa lan đủ sắc màu, không thể nào chê được.

Phòng khám, chữa bệnh của ông rất rộng, uy nghi. Một tủ lớn, cao bằng gỗ đen mun (chắc gỗ gụ hay gỗ lim) có rất nhiều ngăn để đựng các loại thuốc bắc kê dọc theo một bức tường, một bộ tràng kỷ khảm xà cừ rất đẹp kê giữa nhà để ông tiếp khách.

Ông trực tiếp khám bệnh, bốc thuốc. Dáng người cao, mảnh mai, đeo cặp kính trắng đôi mắt, mặc bộ đồ bà ba trắng, da dẻ hồng hào, ngồi đọc sách bằng chữ Hán hoặc ngồi bốc thuốc, trông ông thấy thuốc chẳng khác gì một “thần y” giáng thế.

Ông tiếp tôi rất lịch sự, hồ hởi và hứa sẽ cố gắng chữa trị cho tôi.

Thế là suốt hơn sáu tháng trời, không kể mưa gió, hàng tuần tôi xuống để ông thăm mạch, kê đơn, bốc thuốc, rồi mang về nấu và hâm thuốc trong một ấm chuyên dùng để sắc thuốc, lửa để hiu hiu suốt ngày, rồi chắt nước thuốc để uống, ngày nào cũng đủ ba

củ thuốc.

Điều trị vô cùng vất vả, liên tục cả hơn nửa năm vẫn không khỏi, người tôi ốm rộc.

Có lần ông thầy than với tôi : “ Trời đất ơi! tôi chữa biết bao nhiêu người khỏi bệnh mà ông uống thuốc mấy tháng trời rồi, bệnh của ông vẫn không thuyên giảm là ra làm sao? Tôi bực cho ông nhiều loại thuốc đặc trị rất quý mà ông đi cầu vẫn không có hình thuyên thì lạ vô cùng”.

Bạn bè khuyên tôi nên chuyển hướng gấp sang hướng điều trị khác vì bệnh này rất dễ dàng tiến triển xấu, dẫn đến ung thư và nhiều anh em đã “dính chàm” rồi!. Chẳng ai xa lạ, ngay anh bạn thân học cùng với tôi hồi phổ thông trung học ở Hà nội là anh Hồng (Phó Tổng giám đốc một công ty xây dựng lớn của nhà nước) lúc nào cũng chê tôi là nhát. Anh bảo anh cũng bị viêm đại tràng. Ngày anh uống Tetracyclin 3 viên. Anh khuyên tôi đừng lo lắng nhiều mà tổn thọ. Bệnh này nhiều người bị lắm, dễ chữa trị thôi. Tôi cười, chẳng biết nói sao vì bản thân tôi quá khổ với bệnh viêm đại tràng cả năm nay rồi. Tôi nghĩ chắc anh mới bị, bệnh nhẹ hơn tôi nhiều.

Than ôi! Chỉ hai năm sau, anh Hồng bị ung thư đại tràng hành hạ, uống không biết bao nhiêu là thuốc. Anh ăn uống không được, suốt ngày nôn thốc, nôn tháo, chỉ uống được sữa Ensure để chống chọi với bệnh hoạn, người ốm rộc đi. Bệnh của anh đã bị di căn, bệnh viện trả anh về nhà để chăm sóc đặc biệt cho anh.

Tôi đến thăm anh lúc anh còn tỉnh tại nhà riêng. Lúc đầu, người anh ruột từ Hà nội vào chăm sóc anh dứt khoát không cho tôi vào thăm, mặc dù tôi năn nỉ xin vào thăm vì tôi là bạn thân của anh từ thuở nhỏ. May quá, vợ anh từ trên lầu xuống, nhìn thấy tôi đứng ở cửa ngõ, vội chạy ra mời tôi lên lầu thăm anh. Tôi lên lầu, vào phòng thăm anh. Lúc đó còn có con trai anh nghe nói học từ Úc trở về chăm sóc bố đang ngồi trên giường với anh.

Cháu đứng dậy chào tôi. Tôi bắt tay anh đang nằm trên giường, nghẹn ngào vì mới ngày nào bọn tôi (bạn bè cách đây trên 50 năm cùng học ở Trường Phổ thông 3B từ Hà nội vào cùng với số hiện đang công tác tại TP. HCM quây quần, tán dóc với nhau những kỷ niệm xưa, thời đi học phổ thông ở nhà anh Đ.T., bên cạnh nhà anh), vậy mà giờ đây anh đã lâm trọng bệnh.

Tôi biểu anh một vài hộp sữa Ensure. Vợ anh nói đây là thức ăn

hàng ngày của anh. Chị còn cho tôi biết chị nhờ mua cả cao sừng tê giác (ở Châu Phi) về mài cho anh uống xem có đỡ được phần nào hay không? Ngồi nói chuyện với anh một lúc, tôi từ biệt hai vợ chồng và cháu trai, để anh có thì giờ nghỉ ngơi, dưỡng bệnh.

Đương nhiên, là bạn bè thân nên khi anh mất, chúng tôi đến viếng và đưa tiễn anh đầy đủ, không vắng mặt một ai, về nơi an nghỉ cuối cùng là Nghĩa địa Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp của Lê Xuân, anh bạn lính của tôi cũng vậy. Tôi nhớ có lần tôi đi siêu âm tim tại Bệnh viện Đại học Y Dược khoa, tôi gặp nhân viên bệnh viện đang cáng anh. Xuân gọi tôi hỏi đi đến bệnh viện làm gì rồi cho tôi hay anh đi làm xét nghiệm để chuẩn bị lên mổ viêm đại tràng vì anh bị ung thư. Tôi chúc Xuân chóng bình phục.

Trở về nhà một thời gian, tôi được các bạn bè cho biết Xuân phải sang Singapore mổ lại. Cuối cùng, bệnh tình quái ác đã buộc Xuân phải xa chúng tôi vĩnh viễn.

Trong lúc hoang mang, không biết chữa chạy ở đâu, có người bà con mách bảo tôi nên đến gặp ông bác sĩ T.N.B, chuyên ngành sâu là điều trị tiêu hóa, gan, mật khá nổi tiếng, đã từng tu nghiệp ở Pháp, có Phòng Mạch ở quận 10. Cuối cùng tôi quyết định mang hết hồ sơ điều trị viêm đại tràng và kết quả chụp X quang ở các bệnh viện đến cầu cứu bác sĩ T.N.B.

Sau khi khám kỹ vùng bụng của tôi, bác sĩ cho hay tôi bị viêm khá nặng, phải thay đổi cách điều trị. Để điều trị dứt điểm bệnh này, tôi phải kiên trì, không được nản, có khi cả năm trời hoặc hơn một năm mới ổn định được.

Lúc này, thị trường thuốc tây phong phú hơn, có nhiều thuốc đặc trị xách tay từ Mỹ hoặc Pháp và các nước ngoài về, giá cả hơi mắc, nhưng điều trị hữu hiệu hơn. Tôi không nhớ bác sĩ cho tôi uống thuốc gì (vì thời gian quá lâu rồi), nhưng những lúc phòng khám của bác sĩ thiếu thuốc, ông anh vợ đến giúp bác sĩ bán thuốc chỉ cho tôi đến duy nhất một hiệu thuốc ở bên hông Bệnh viện Chợ Rẫy mua thuốc.

Trong sinh hoạt hàng ngày, tôi chấp hành nghiêm túc yêu cầu của bác sĩ, không ăn bậy bạ, không ăn bất kỳ một thức ăn nào có chút dầu hoặc mỡ, không được uống bất kỳ thứ nước uống nào có pha sữa (dù chỉ một chút cũng không được). Thức ăn chủ yếu hàng ngày của tôi gồm rau luộc, thịt heo nạc luộc (không được có mỡ)

và chuỗi sắp lược. Hàng tuần, tôi phải đến tái khám để bác sĩ theo dõi thật chặt diễn biến của căn bệnh này, bổ sung hoặc giảm bớt thuốc điều trị.

Trong 6 tháng điều trị liên tục vừa uống thuốc theo yêu cầu của bác sĩ, vừa ăn uống, kiêng khem như lời bác sĩ dặn, bệnh tình thấy đỡ nhiều. Những cơn đau bụng quặn quai chỉ thỉnh thoảng tái phát lại. Đi chụp lại X quang, bác sĩ phụ trách Phòng chụp cũng như bác sĩ điều trị cho biết chỗ viêm ở đại tràng so với trước đã giảm đi nhiều, phải tiếp tục điều trị.

Có một lần do chủ quan thấy bệnh đỡ đi nhiều, tôi ngồi uống một chút cà phê sữa với đồng nghiệp sau ca dạy buổi tối. Trở về nhà, tôi bị đau bụng quặn quai, đi cầu liên tục. Thấy có triệu chứng không ổn, mặc dù đã 10 giờ đêm, tôi và vợ tôi chạy đến phòng mạch của bác sĩ. Rất may, lúc đó bác sĩ còn bệnh nhân, chưa về nhà riêng.

Tôi vào gặp bác sĩ, nhận tội uống “sữa” chút cà phê sữa nên bị đau bụng và đi tiêu chảy. Bác sĩ la rầy tôi, rồi cho tôi uống thuốc cho đỡ đau bụng và cầm tiêu chảy, và hẹn tôi có tình hình gì, gọi cho bác sĩ biết.

Thật hú hồn! Nếu đêm đó không gặp được bác sĩ, tôi không biết phải làm ra sao? Từ đó trở đi, tôi không dám đụng đến bất cứ loại nước uống gì có chút sữa bò trong lúc đang điều trị.

Điều trị bệnh theo phác đồ điều trị của bác sĩ rất nghiêm túc, ăn uống kiêng khem, tất cả các thức ăn không được phép có một chút xíu gì dính đến dầu ăn thực vật hay mỡ động vật, chỉ có một chữ “lược” ăn với cơm trắng nấu thật chín mà thôi.

Tuy vậy, theo góp ý của chồng một người bạn gái thân của tôi hồi học Đại học ở Hà nội và được phép của bác sĩ điều trị, mỗi bữa ăn tôi còn ăn thêm một đĩa rau diếp cá sống, một chén tỏi và gừng ngâm chút dấm chua cho dễ ăn. Những món ăn này rất tốt, có hàm lượng trụ sinh cao, rửa ruột, làm sạch các polyp gây ung thư đại tràng (như polyp tuyến ống (tubular), polyp răng cửa, polyp do viêm loét đại tràng v.v...) rất hiệu quả.

Người tuy ốm rộc đi, cân nặng chỉ khoảng trên/dưới 50 kg, nhưng bệnh viêm đại tràng của tôi thuyên giảm nhiều. Những cơn đau bụng quặn quai không còn nữa. Đi cầu tốt hơn nhiều, không còn hiện tượng bị tiêu chảy, đi như tháo cống. Mặc dầu hàng ngày vẫn phải làm việc cật lực từ sáng đến tối để giải quyết sinh kế gia đình,

tôi vô cùng phấn khởi vì bệnh đã đỡ nhiều.Điều trị kéo dài khoảng 1 năm, tôi khỏi hẳn bệnh. Phim chụp X quang, so với phim chụp cách hơn 1 năm trước, khác hoàn toàn. Đại tràng không còn viêm, mừng mủ nữa. Làm lại sinh thiết ruột, không còn những polyp dơ bám vào ruột nữa, rất sạch.

Bác sĩ cho ngừng sử dụng thuốc và bắt đầu cho phép tôi ăn uống, tắm rửa trở lại. Tôi hồi phục sức khỏe rất nhanh. Trong thâm tâm, tôi vô cùng biết ơn bác sĩ T.N.B, người đã thành công cứu thoát tôi khỏi “tử thần” do bệnh viêm đại tràng gây nên.

Tôi xin thành thật cảm ơn chồng của cô bạn thân, người đã khuyên tôi sử dụng những món ăn vô cùng dân dã để tiêu diệt những tulip dơ bẩn, tác động xấu, thường xuyên tạo tiền đề dẫn đến ung thư đại tràng, một căn bệnh nhiều bạn tôi đã phải từ biệt cõi đời này, ra đi vĩnh viễn, vì chữa chạy không kịp thời. Phải nói thật, đến giờ phút đang ngồi viết tâm sự về cách tôi chống đỡ với bệnh hoạn ra sao, tôi vẫn giữ một nếp sinh hoạt không hề thay đổi:

“Mỗi bữa ăn, tôi phải có một đĩa nhỏ rau diếp cá, tỏi và gừng ngâm một chút dấm (nếu bạn quá, không ngâm dấm được thì ăn sống)”.

Khoảng cuối năm 2002, trong lúc đang ngồi họp ở Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn, Đại Học Quốc Gia TP.Hồ Chí Minh, tôi bị một cơn đau bụng quặn quại, không thể tiếp tục họp được vì sốt nhiệt độ cao, người rất khó chịu, buồn nôn, đi tiêu chảy nhiều lần. Trở về nhà riêng để nghỉ ngơi, tôi ăn không tiêu, đầy bụng.

Một người bạn giới thiệu cô bạn là bác sĩ chuyên điều trị về tiêu hóa ở bệnh viện Chợ Rẫy.Tôi gọi điện thoại, xin đến gặp riêng bác sĩ tại phòng mạch tư gia ở gần bệnh viện.

Sau khi hỏi tiền sử về các bệnh tiêu hóa tôi đã được điều trị (tôi nói cô rõ tôi bị bệnh viêm loét đại tràng năm 1996 như thế nào và đã được bác sĩ T.N.B chữa trị ra sao), cô trực tiếp khám lâm sàng cho tôi và hẹn tôi sáng hôm sau nhịn ăn, đến bệnh viện Chợ Rẫy để cô trực tiếp làm nội soi đường ruột.

Chưa bao giờ làm nội soi sống ruột, tôi bị đau như trường hợp này.Tôi có cảm giác chiếc que làm nội soi đang quậy lên, quậy xuống trong ruột, rồi thọc lên đến vùng ngực đau vô cùng, tôi kêu lên, nước mắt trào ra. Cô bác sĩ động viên tôi ráng chịu đau để cô kiểm tra khu viêm hồi manh tràng cho thật kỹ càng.

Sau khi nội soi và làm sinh thiết một số khu vực giữa hồi và manh tràng, cô cho tôi hay tôi bị viêm manh tràng, chờ kết quả sinh thiết vào hai ngày tới xem như thế nào.

Tôi rất buồn vì tưởng thoát được bệnh viêm loét đại tràng rồi sẽ không bao giờ vướng lại căn ruột nguy hiểm này nữa.

Tôi được cô bác sĩ cho biết manh tràng là đoạn đầu của ruột già và một đầu giáp với đoạn hồi đầu của ruột non. Chức năng quan trọng của manh tràng trong hệ tiêu hóa là ngăn không để dưỡng chất từ ruột non chuyển qua ruột già quá nhanh và không cho các chất từ ruột già quay trở lại ruột non. Bệnh viêm loét hồi, manh tràng nếu không chữa trị kịp thời dễ gây biến chứng, làm thủng ruột, tắc ruột, chảy máu nặng, rất dễ chuyển sang ung thư đại tràng và trực tràng.

Ngày đi nhận kết quả nội soi đoạn hồi manh tràng là một ngày không thể quên với hai vợ chồng tôi.

Nộp hồ sơ, ngồi đợi để lấy kết quả và nhận ý kiến của bác sĩ chuyên trách về điều trị (ngồi chờ khá lâu vì bệnh nhân ở khu điều trị tiêu hóa, gan mật rất đông), vợ tôi không nói ra nhưng trong bụng rất lo nếu kết quả nội soi là ác tính ở khu hồi, manh tràng thì cuộc sống của tôi sẽ ra sao?, gia đình sẽ như thế nào? Tôi ngồi, nói chuyện về công việc, về trường, lớp cho vợ tôi đỡ lo âu.

Đang ngồi với vợ chờ gọi tên, chợt một cô y tá bước ra và nói:

“Trời ơi, con với cái. Mẹ nó có tiền, nói nó về rút tiền ở ngân hàng để mua thuốc trị bệnh cho mẹ, nhưng nó không chịu rút. Nó kêu bị ung thư rồi, có rút tiền, mua thuốc, cũng vậy thôi!”

Nghe cô nói như vậy, thật lòng, hai vợ chồng tôi ngán ngẩm vô cùng.

Đang ngồi suy nghĩ lung tung thì cô y tá gọi tên tôi vào gặp bác sĩ. Tôi và vợ tôi cùng vào xem ý kiến bác sĩ như thế nào về kết quả nội soi ruột.

Bác sĩ cho chúng tôi biết tôi bị viêm loét hồi, manh tràng khá nặng, nhưng kết quả sinh thiết là viêm lành tính, không phải là viêm ác tính. Bác sĩ yêu cầu chuyển kết quả cho bác sĩ điều trị để giải quyết.

Vợ chồng chúng tôi mừng vô cùng. Vừa bước chân ra khỏi phòng trả kết quả nội soi, tôi nghe tiếng cô y tá la lớn: “Ông Nguyễn Văn

X đâu? Gọi hoài sao không thấy trả lời?”

Từ một góc phòng chờ, một cặp vợ chồng già khoảng trên dưới 80 tuổi chống gậy khập khiễng bước tới. Cô y tá dịu giọng, nói như xin lỗi:

“Con gọi mãi, không thấy các bác trả lời. Thế con cháu các bác đâu mà để ông bà già phải đưa nhau đi như thế này!”

Lại một nghịch cảnh đáng thương, và đáng buồn cho các cặp vợ chồng già, hoàn cảnh gia đình ít con cháu không có “điều kiện” chăm sóc cho cha mẹ già.

Thấy tôi bị bệnh nặng, không biết chữa chạy thế nào cho tốt nhất, anh Đ.T, một anh bạn thân từ hồi học phổ thông 3B Hà Nội, đưa tôi đến gặp một vị bác sĩ “rất nổi tiếng”, lúc đó đang là giám đốc một bệnh viện tại thành phố để nhờ ông khám và điều trị. Tôi thấy trời cho tôi “phước vô cùng lớn”.

Sáng đầu tuần, chúng tôi đến tìm gặp ông ở bệnh viện. Anh Đ.T giới thiệu tôi là thầy giáo đang bị bệnh, nhờ ông giúp. Chắc ở bệnh viện quá nhiều việc, hơn nữa ông lại là giám đốc, nên ông không ngược nhìn tôi, chỉ hỏi tôi bệnh gì. Tôi trả lời, rồi đưa kết quả nội soi và ý kiến của bác sĩ điều trị ở bệnh viện Chợ Rẫy.

Ông chẳng nói gì với tôi, liếc nhìn hồ sơ bệnh, rồi nói với anh Đ.T kèm theo vài ba chữ vào hồ sơ: “Nội soi lại khu hồi, manh tràng”. Sau đó, ông vào phòng riêng, tôi không kịp có thời gian để cảm ơn ông.

Tôi nói với anh Đ.T:

“Mình mới nội soi cách đây 3 ngày!”

Anh Đ.T. bảo đi làm nội soi luôn vì ông bác sĩ yêu cầu như vậy.

Thú thật tôi sợ muốn chết vì cách đây vài ngày, khi nội soi ruột, làm sinh thiết ở khu vực hồi manh tràng, tuy lý lợm, tôi phải cắn răng chịu đau mà không chịu nổi, phải rên lên.

Tới phòng nội soi, vì đây là lệnh của bác sĩ giám đốc nên họ làm ngay, rất kỹ. Cuối buổi sáng (khoảng 11g30), họ trả cho tôi kết quả nội soi. Nhìn chung, kết quả nội soi cũng không khác gì kết quả đã làm ở bệnh viện Chợ Rẫy.

Tranh thủ thời gian, anh Đ.T. kéo tôi lên phòng bác sĩ giám đốc.

Gặp ông trên đường đến phòng riêng, ông liếc qua, hạ bút viết:

“Chuyển khoa ngoại giải quyết”.

Sau đó ông đi thẳng về phòng, không nói năng gì thêm. Đã đến giờ nghỉ trưa, tôi năn nỉ anh Đ.T. cho tôi về nhà, lúc khác tính tiếp.

Dù sao đi nữa, trong tâm khảm, tôi xin chân thành cảm ơn anh Đ.T. về sự giúp đỡ chân tình, vô cùng quý báu của anh, dành trọn vẹn một buổi sáng đưa tôi đi giới thiệu hết người quen này đến người quen khác để được khám bệnh ưu tiên trong bệnh viện. Tôi rất hiểu tình cảm chân thành bạn bè như vậy rất, rất khó tìm gặp trong thời buổi hiện nay.

Tôi đã gặp lại cô bác sĩ điều trị ở bệnh viện Chợ Rẫy, xin ý kiến của cô. Cô coi lại toàn bộ hồ sơ, rồi khuyên tôi :

“Thầy T.N.B. là bậc thầy của em. Anh lên quay lại xem ý kiến thầy ra sao?”

Nghe lời cô, tôi mang toàn bộ hồ sơ bệnh đến gặp bác sĩ T.N.B. Như vậy, sau gần 06 năm, tôi quay trở lại gặp bác sĩ.

Tôi lấy sổ khám bệnh ở phòng mạch riêng của bác sĩ T.N.B. rất sớm, từ 7g00 sáng. Đúng 16g30, tôi có mặt ở phòng khám.

Đến số được gọi, tôi vào phòng gặp bác sĩ. Đưa toàn bộ hồ sơ và trình bày diễn tiến của bệnh, quá trình nội soi như thế nào và ý kiến của ông bác sĩ giám đốc có uy tín của bệnh viện trên ra sao, tôi khẩn thiết bác sĩ nhận và điều trị cho tôi.

Sau khi khám lâm sàng xong, bác sĩ động viên tôi và cho biết, theo ý kiến của bác sĩ, chữa nội khoa thật tích cực xem sao, chưa cần thiết phải mổ ngay vì khối viêm loét này lành tính. Thế là hàng tuần tôi đến tái khám tại phòng mạch của bác sĩ, chấp hành nghiêm túc chế độ điều trị, ăn kiêng khem như hồi bị viêm đại tràng. Đợt điều trị này, thuốc uống nhiều hơn, ăn uống kỹ càng hơn, mọi thứ đều “LUỘC”.

Được 6 tháng điều trị, bác sĩ cho đi kiểm tra lại. Qua nội soi và sinh thiết kỳ này, so với trước, kết quả khả quan hơn nhiều. Vết viêm loét ở hồi manh tràng hầu như gần hết, ruột sạch, không có các polyp dơ. Tôi tiếp tục kiên trì đến khám định kỳ hàng tuần, lấy thuốc về uống, và thực hiện tốt chế độ kiêng cử trong ăn uống hàng ngày.

Trải qua khoảng 10 tháng trị bệnh, sức khỏe tôi gần như bình phục hoàn toàn. Các xét nghiệm y khoa cho kết quả rất tốt, không còn dấu hiệu của viêm loét hồi, manh tràng nữa.

Bác sĩ T.N.B. cho tôi ngưng thuốc điều trị, tăng cường uống thuốc nâng đỡ, hồi phục cơ thể, và từng bước cải thiện chế độ sinh hoạt, ăn uống bình thường.

Lần thứ hai trong cuộc đời, tôi được bác sĩ T.N.B. cứu sống. Công ơn như trời biển của bác sĩ chắc chắn suốt đời tôi không thể nào quên được.

Quay lại ngó nhìn các bạn bè vừa là đồng môn (cùng lớp Ấng-lê 615), vừa là đồng đội cùng nhau đi B2, các anh Nguyễn Hùng Trí, Nguyễn Gia Chấn và tôi, sau khi hòa bình được lập lại, tuy gặp nhiều khó khăn nhiều lúc không tưởng tượng cho nổi cả trong công việc làm tại cơ quan nhà nước lẫn trong cuộc chiến chống lại các căn bệnh hiểm nghèo, nhưng cuối cùng vẫn vượt qua được tất cả và duy trì được tốt trong quá trình hòa nhập cuộc sống của mình với cộng đồng. Riêng bạn Nguyễn Bùi Thuyền, mặc dù ngay sau khi thống nhất nước nhà, chúng tôi gồm Hùng Trí, Tiến Hùng, Bùi Thuyền đã thật hạnh phúc gặp lại nhau ngay tại chính căn nhà ở quê của Thuyền, hàn huyên đủ điều, ôn lại biết bao kỷ niệm ở B2, chuyện trò vui vẻ với cả vợ con Thuyền (lúc này Thuyền đã có ba cháu). Chúng tôi vui mừng thấy Thuyền khỏe mạnh, yêu đời, vẫn trong quân đội, mang hàm Thiếu tá, làm nghề thầy giáo dạy tiếng Anh tại một trường sinh ngữ trong quân đội. Ấy vậy mà, chỉ một hai năm sau, tôi nhận được tin bạn Bùi Thuyền bị bạo bệnh, đã vĩnh biệt chúng tôi và bạn bè thân yêu.

Nhiều người hỏi tôi sau khi hòa bình lập lại, thống nhất đất nước, các anh, chị bạn bè của tôi, ngoài việc chiến đấu ngoan cường chống đủ loại bệnh tật nguy hiểm, còn đóng góp được nhiều cho dân, cho nước như trong thời còn chiến tranh nữa không?

Tôi không dám nói nhiều vì câu hỏi hơi tế nhị, khó trả lời một cách hoàn chỉnh và đầy đủ nhất. Thâm tâm tôi cho rằng làm ruộng, mò cua, bắt ốc hay làm bất cứ một công việc to hay nhỏ gì cũng được, vừa phù hợp với mình, vừa ích quốc, lợi nhà là tốt rồi, còn đòi hỏi gì nữa. Biết bao anh chị em, như trường hợp em On ở đại đội Trinh sát kỹ thuật Quân khu Sài Gòn – Gia định (T4), sau hòa bình, lập gia đình, sinh cơ lập nghiệp tại quê hương Bến Tre, gặp vô cùng khó khăn, đặc biệt trong số các cháu được sinh ra đời có một cháu bị chất độc da cam của Mỹ. Nhiều lúc anh chị em chúng tôi được gặp nhau hàn huyên, mỗi khi nghe nói đến hoàn

cảnh của gia đình em On, chúng tôi lại ứa nước mắt.

Câu hỏi của anh bạn tôi chắc muốn tìm hiểu thêm sau hòa bình, có anh chị em nào trong chúng tôi được cử giữ trọng trách quan trọng trong bộ máy công quyền hay không?

Tôi không nắm được hết, chỉ xin phép nêu đích danh một vài anh chị đã từng đảm trách một số nhiệm vụ quan trọng sau khi thống nhất đất nước như sau:

Nhiều bạn bè, anh chị em, trước công tác ở Nam bộ (B2) tiếp tục đảm trách nhiều nhiệm vụ nặng nề như anh Nguyễn Bạch Vân (học khóa 2 Ban Anh văn) vẫn trong quân ngũ, làm Phó trưởng phòng Quân báo, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, rồi có thời gian làm Trưởng tùy viên quân sự Việt Nam ở Thái Lan. Bạn Nguyễn Hùng Trí chuyển ngành về công tác tại Bộ Ngoại Thương. Có thời gian Hùng Trí là Trưởng tùy viên thương mại Việt Nam tại Thái Lan, rồi nghe nói có thời về làm chuyên trách tại Vụ Quan hệ quốc tế của Petrolimex trước khi về hưu (năm 2002).

Anh chị em, bạn bè ở miền Bắc cùng học chung lớp Ấng-lê 615 (khóa 4 Ban Anh văn, học từ năm 1961 đến năm 1965) và một số anh chị học những lớp Anh văn của các khóa trước từ một đến hai năm, nhiều người được bổ nhiệm làm những trọng trách lớn, những chức vụ cấp cục, cấp vụ trong Bộ Tổng Tham Mưu hay trong Tổng Cục Chính Trị, đeo hàm đại tá và khi về hưu được hưởng chế độ cấp tướng như chị Lê Thị Thúy, anh Nguyễn Minh Y, hoặc anh Nguyễn Đăng Phúc, trước cùng đơn vị Trung đoàn 75 với tôi, sau hòa bình đảm nhiệm chức Trưởng tùy viên quân sự tại Đức. Thậm chí có anh học trước chúng tôi một hoặc hai năm như anh Lê Mai có thời là đại sứ Việt Nam tại Thái Lan, rồi lên chức thứ trưởng Bộ Ngoại giao, hoặc như anh Nghị có thời là Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, rồi tiếp theo còn làm trợ lý riêng cho một ông lãnh đạo cấp cao thuộc loại nhất, nhì trong nước.

Làm gì thì làm, tùy theo năng lực, đạo đức, được nhà nước tín nhiệm giao cho bất kỳ một chức tước gì dù lớn hay nhỏ, thì anh chị em chúng tôi phải tự xác định thật tốt và khi nhận công việc, phải bằng mọi giá hoàn thành nhiệm vụ, phải làm sao để khỏi hổ thẹn với những đóng góp của chính mình và anh em đồng đội trong cuộc chiến vừa qua, đặc biệt là đối với những bạn bè, đồng đội đã vĩnh viễn nằm ở một khu rừng heo hút nào đó của tổ quốc, đừng để vì đồng tiền vô hồn, vô cảm, vốn bản chất đã “rất lạnh”, “rất độc ác”, làm hủy hoại cả một cuộc đời “đã từng có khoảng thời gian trong sáng, đẹp” của chính mình.

Tôi luôn hãnh diện và tự hào về tất cả anh chị em đồng môn, đồng đội của tôi từ Bắc chí Nam (đã nêu ở trên), có một cuộc sống đẹp, giữ được phẩm chất đạo đức, luôn hết lòng hết sức làm công việc của mình tốt nhất để phục vụ quê hương, đất nước.

Mặc dù trong thời hậu chiến, bất kỳ ai cũng vậy, do kinh tế khó khăn, cuộc sống thiếu thốn đủ bề, bệnh tật liên tục hoành hành nhiều lúc đã tưởng phải dừng lại vĩnh viễn cỗ xe đã quá cũ đang trực trặc “lăn trên đường đời”, nhưng trong thâm tâm, anh chị em chúng tôi luôn ghi nhớ phải làm ráng làm thật tốt hai gánh nặng đang đè nặng trĩu trên vai:

Một gánh nặng dành lo cho gia đình và một gánh nặng dành cho sự nghiệp của cuộc đời mình. Hai gánh nặng này phải được phân biệt rõ ràng, minh bạch, không được vì thiếu cảnh giác, cái nọ trộn lẫn cái kia, làm mất phẩm chất, làm hư hỏng, biến dạng con người của chính bản thân mình.

Hai tấm hình đầy kỷ niệm với thầy hiệu trưởng Lý Hòa



Tác giả Nguyễn Tiến Hùng (trái) đang ngồi ôn lại những kỷ niệm xưa với thầy cựu chiến binh – thương binh Lý Hòa, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Nhà giáo nhân dân, Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, vị Hiệu trưởng đầu tiên của trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 4 năm 1977 đến tháng 6 năm 1990.

(Chụp ngày 23 tháng 7 năm 2022 tại tư thất của thầy cô Lý Hòa)



Tác giả Nguyễn Tiến Hùng kính tặng Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Nhà giáo nhân dân, Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới Lý Hòa và phu nhân cuốn sách Người lính nghiệp thầy.

(Chụp ngày 23 tháng 7 năm 2022 tại tư thất của thầy cô Lý Hòa)

Câu chuyện số 6

Vui, sống lạc quan để thắng bệnh tật

Thông thường đến 60 tuổi là tuổi về hưu. Nói đến tuổi về hưu, thiên hạ thường nói là đây chính là tuổi được hưởng lộc, được thanh thoi, an dưỡng tuổi già, sống vui vẻ, hạnh phúc cùng con cháu. Nói tóm lược theo kiểu “sách vở” là như vậy, nhưng thực ra khi về hưu là đi kèm theo với người lớn tuổi biết bao vấn đề về gia đình, về con cái, và trên tất cả là phải “chống đỡ” với biết bao bệnh tật nguy hiểm mà tính mạng đúng như câu ví von của dân gian, có lúc như là “ngàn cân treo trên sợi tóc”.

Riêng cá nhân tôi, do nhu cầu công việc ở trường, tôi chính thức được nhà nước cho về hưu năm 70 tuổi (tháng 8 năm 2008). Tuy vậy, cho đến nay (năm 2022), tôi vẫn còn được xã hội ưu ái cho làm việc, vẫn còn được ký hợp đồng làm chuyên môn dài hạn với các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh.

Trận chiến đầu tiên sau 5 năm nghỉ hưu với bệnh viêm mô tế bào má trái

Tháng 3 năm 2013, tôi bị viêm mô tế bào má trái, mặt mũi sưng u lên, đỏ rực rất khó chịu và đặc biệt tôi cảm thấy rất đau đầu và rất khó thở. Tôi nghĩ chắc tôi bị viêm xoang tại các vùng tai, mũi, họng. Thấy bệnh tình tôi có vẻ trầm trọng, cháu gái Chi Mai (con gái của chị ruột tôi đang sống và làm việc tại TP. HCM) gọi điện thoại cho một người bạn là bác sĩ ở Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. HCM nhờ giúp tôi chữa bệnh. Theo lời hẹn của vị bác sĩ đó, ngay trong sáng hôm sau, thứ năm 14 tháng 3 năm 2013, con trai tôi xin nghỉ làm việc, đưa tôi đi thẳng đến Phòng Cấp cứu ở Bệnh viện Tai Mũi Họng thành phố Hồ Chí Minh (Đường Trần Quốc Thảo, Quận 3) để gặp vị bác sĩ đó. Tại Phòng Cấp cứu, sau khi khám lâm

sàng, bác sĩ cho tôi đi chụp CT Scan và phát hiện tôi bị u xương xoang trán trái khoảng 20mm (khối u này lành tính, bị đã lâu, phát triển chậm); vách ngăn mũi vẹo sang trái, mào vách ngăn (T) và viêm phần mềm bờ dưới hốc mắt và mũi. Theo yêu cầu của một GS TS bác sĩ phụ trách Phòng điều trị, các bác sĩ Phòng cấp cứu phải điều trị cho tôi dứt điểm bệnh viêm ở má, mũi và hốc mắt trước khi tiến hành mổ vách ngăn mũi. Các bác sĩ tại Phòng Cấp cứu khuyên tôi nên tới khám ở Bệnh viện Da liễu và Bệnh viện Mắt thành phố Hồ Chí Minh xem ý kiến chuyên môn của các bác sĩ ở hai bệnh viện trên như thế nào. Đầu giờ chiều, con trai tôi lại đưa tôi đến Bệnh viện Da Liễu để kiểm tra. Một bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành về Da Liễu, nhìn những biểu hiện trên má, mũi và hốc mắt tôi, rồi nói hết sức tự tin tôi đã bị bệnh zona thần kinh mặt. Do tôi đến khám bệnh hơi trễ nên bệnh này đã lan đến vùng mũi và hốc mắt. Đây chính là loại bệnh làm tôi điên đầu, nhức óc hơn ba tháng trời. Tôi ngứa ngáy, khó chịu suốt ngày đêm, thị lực cũng bị tổn thương, phải nằm ở nhà để điều trị cho thật dứt điểm thứ bệnh quái ác này. Nếu không uống thuốc đầy đủ và tuân theo những chỉ đạo của bác sĩ, bệnh có thể tiến triển xấu, gây nên những biến chứng khó lường. Dấu ấn của bệnh zona thần kinh này làm đầu mũi tôi bị lõm một miếng thịt, cho đến giờ vẫn nhìn thấy rõ, không thể mất đi được. Điều hết sức đặc biệt của bệnh này là những cơn đau thần kinh liên tục hành hạ tôi cả tháng trời sau zona (hậu zona). Ông bác sĩ chuyên khoa II ở bệnh viện Da Liễu này cảnh báo tôi phải uống thuốc đầy đủ và hàng tuần đến tái khám xem bệnh tình tiến triển tốt hay xấu. Ông cũng cho biết chú của ông ở miền Bắc mới mất vì bị bệnh zona thần kinh ở mặt, rồi chuyển sang mũi và mắt rất giống như trường hợp của tôi. Sở dĩ chú ông bị mất vì chú ông rất chủ quan, uống thuốc không đầy đủ, tin ở sức mình có thể chống chọi được. Khi ông chú bị bệnh zona thần kinh xuất hiện xuống vùng mắt, do thuốc men không đầy đủ và điều trị không chu đáo, ông chú bị nhiễm trùng võng mạc nghiêm trọng, thị lực giảm nhiều và cuối cùng ông chú bị viêm não. Ông bác sĩ cũng cho tôi biết loại virus gây ra bệnh zona thần kinh này không bị tiêu diệt. Virus này rút vào khu trú trong một vùng ở não. Khi người ta sức khỏe yếu đi, loại virus này lại quấy dậy, gây bệnh trở lại.

Sau khi khám và mua thuốc điều trị ở Bệnh viện Da Liễu, con trai tôi còn đưa tôi xuống khám, kiểm tra thật kỹ tại Bệnh viện Mắt thành phố Hồ Chí Minh. Các bác sĩ bệnh viện Mắt nhất trí với kết luận của Bệnh viện Da Liễu, và các bác sĩ bệnh viện Mắt khuyên tôi mua thêm thuốc nhỏ mắt để bảo dưỡng mắt trong thời gian điều trị bệnh zona thần kinh.

Sau đợt điều trị zona thần kinh, tôi làm việc ít hơn, nghỉ ngơi nhiều hơn, tập các bài vật lý trị liệu phục hồi sức khỏe, cột sống và hàng ngày bơi lội để tăng cường về thể lực. Mỗi lần nghỉ đến bệnh zona thần kinh vùng mặt, mũi, hốc mắt là người tôi ớn lạnh, nổi da gà vì cứ nghĩ đến bị thời gian bị bệnh hành hạ hơn ba tháng trời, nhất là thời kỳ hậu zona, tôi thấy sợ. Chính vì lý do đó mà mỗi khi đi đâu tôi cũng thủ sẵn một tuýp kem Acyclovir 5g để bôi lên các vùng da nếu cảm thấy ngứa, nóng ran người, rồi đi khám bệnh ngay. Tôi còn thường xuyên mang theo Vitamin C để uống nhằm nâng cao sức đề kháng trong trường hợp cần thiết.

Thoái hóa cột sống cổ, cột sống thắt lưng hành hạ đêm, ngày...

Những năm đầu của thế kỷ 21, tôi bắt đầu bị đau hai khớp gối, hai bàn chân thường tê buốt, nhiều lúc cảm thấy lạnh không rõ nguyên nhân.

Lần đầu tiên khi đang đi bộ với anh ruột ở phố Nguyễn Thái Học (Hà Nội), tôi bị đau ở đầu gối phải, chân cứng đờ, đi không được. Anh tôi phải dìu tôi về nhà anh nghỉ. Tôi đi khám bệnh, bác sĩ nói tôi bị thấp khớp đầu gối, cho tôi uống 7 ngày thuốc Diclofenac 75 mg (ngày uống 2 viên/sáng+chiều). Đây là loại thuốc giảm đau, uống khoảng 3 ngày tôi không còn đau khớp gối nữa. Tôi suy nghĩ chắc tôi cũng giống như bố mẹ, khi lớn tuổi thì bị thấp khớp, uống thuốc giảm đau sẽ khỏi.

Vốn từ nhỏ thể trạng rất khỏe mạnh nên tôi rất chủ quan về sức khỏe của bản thân. Tôi không từ chối một công việc gì, thậm chí ở trường cũng như ở gia đình, nếu cần mang vác đồ nặng, tôi ít nhờ vả ai, một mình tự giải quyết.

Cứ mỗi lần đau nhức xương khớp, tôi lại ra hiệu thuốc mua thuốc giảm đau như Diclofenac hay Meloxicam uống một vài ngày là hết đau nhức.

Ngồi làm việc tại trường hay ngồi trên xe máy, bạn bè tôi nhận xét tôi ngồi không thẳng, cổ thường vẹo sang một bên. Tôi chỉ nghĩ đó là thói quen, không hề biết chắc lúc đó cột sống cổ đã có vấn đề, phải đi bác sĩ kiểm tra.

Hàng ngày tôi tập luyện thể dục, thể thao rất đều đặn. Sáng sớm, tôi đi bộ, chạy quanh công viên Lê Văn Tám có khi cả chục vòng, đi xe đạp với tốc độ nhanh, bơi lội ở hồ bơi gần nhà như hồ bơi Yết Kiêu, hồ bơi gần Sứ quán Mỹ hay hồ bơi Câu lạc bộ Lao động.

Cuối năm 2008 tôi có những dấu hiệu thoái hóa cột sống cổ.

Thoát đầu tôi thấy khu vực cột sống cổ thường xuyên đau âm ỉ, đôi lúc sờ lên cột sống cổ thấy có chỗ đau nhức. Một thời gian sau, xuất hiện những cơn đau nhức ở vùng gáy và các khớp vai. Nhiều lúc cơn đau nhức xuất hiện, đau nhức lan tỏa từ vùng cổ xuống hai cánh tay và hai bàn tay, làm cả hai cánh tay và hai bàn tay tôi tê dại, lạnh và nhức buốt rất khó chịu, đôi lúc có cảm giác nhức nhối như bị dao đâm, như bị kiến bò dọc hai cánh tay và các ngón tay.

Những cơn đau nhức, tê dại, lạnh buốt như vậy sau này còn xuất hiện thêm ở ngay hai bàn chân. Tôi bắt đầu sinh hoạt khó khăn hơn. Trong cuộc sống hàng ngày, tôi thường chóng mặt, hoa mắt, ù tai. Đêm ngủ chập chờn, không ngủ sâu, ngon giấc như trước nữa.

Hàng tuần ra hồ bơi, tôi luôn cố gắng tập luyện vì thực ra chủ yếu tôi tập bơi để cải thiện hai đầu gối bị thấp khớp đã lâu và cũng có ý định tập luyện cho cột sống thẳng, tốt hơn. Bạn bè tôi thường nói chữa thấp khớp cũng như chữa cột sống chỉ có bơi là tốt nhất.

Nhưng hồi ôi, bây giờ hai bàn chân tê dại, lạnh buốt, tay cũng bị tê dại như vậy, nhiều lúc tôi cảm thấy đạp nước để bơi cũng không nổi, xuống nước một lúc là thấy đuối sức rồi.

Tôi nghe nói bệnh thoái hóa cột sống cổ hay lưng có thể điều trị bằng đông y, hoặc đông-tây y kết hợp, cộng thêm với vật lý trị liệu.

Tôi đến thẳng Bệnh viện Y học dân tộc của Trung Ương ở Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa xin khám và điều trị. Gặp nữ bác sĩ Ph., một bác sĩ lớn tuổi, có nhiều kinh nghiệm trong điều trị bệnh kết hợp đông-tây y, tôi trình bày với bác sĩ tình hình tiến triển của bệnh ở vùng cổ và bệnh khớp ở hai đầu gối.

Bác sĩ khuyên tôi trước mắt uống thuốc kết hợp với vật lý trị liệu ở hai đầu gối, ở hai cánh tay, bàn tay và hai bàn chân. Riêng cột sống cổ, bác sĩ cho tôi chụp X quang để xem liệu có triệu chứng bất thường trên cột sống cổ như gai xương, thoát vị đĩa đệm hay không. Qua phim chụp, bác sĩ cho tôi biết tôi bị thoát vị đĩa đệm cổ ở ba đốt C5-C6-C7. Bác sĩ khuyên tôi nên đến gặp bác sĩ chuyên khoa chấn thương chỉnh hình để sớm giải quyết dứt điểm bệnh thoái hóa cột sống cổ.

Thành phố Hồ Chí Minh chỉ duy nhất có một bệnh viện Chấn Thương Chỉnh Hình ở Đường Trần Hưng Đạo, Quận 1. Bệnh nhân

khắp các tỉnh thành Nam bộ, thậm chí cả từ miền Trung cũng chạy vào đây chữa bệnh. Chính vì vậy, đi chữa bệnh tại bệnh viện này như đi chầy hội, tấp nập 24/7, lấy được số tốt để chờ chữa bệnh không phải là một chuyện dễ dàng. Bàn thân tôi là một thầy giáo, không quen biết ai, làm sao “lách” nổi vào để tìm một ông bác sĩ gọi là “có kinh nghiệm” nhờ trị cái bệnh nan y của tôi đây? Đối với tôi, đây quả là một bài toán rất hóc búa.

Biết không thể “lách” nổi vào bệnh viện “nhà nước” trên, nghe bạn bè đồng nghiệp khuyên, tôi chạy đến một bệnh viện tư có tên gọi là Bệnh viện Quốc tế Chấn thương, Chỉnh hình ITO ở Đường Lê Văn Sĩ (gần khu vực Lăng Cha Cả) đăng ký, xin khám bệnh.

Sau khi đăng ký và lấy số khám bệnh, tôi ngồi chờ đến lượt mình. Bác sĩ trực khoa ngoại thần kinh hôm đó khám lâm sàng rất kỹ, hỏi tôi mọi vấn đề liên quan đến công việc hàng ngày, đến cuộc sống gia đình. Tiếp theo, bác sĩ yêu cầu tôi đi chụp MRI cột sống cổ. Tôi yêu cầu nếu thuận lợi, bác sĩ cho tôi chụp luôn MRI cột sống thắt lưng xem có vấn đề gì không. Bác sĩ đồng ý và sau khi đóng tiền ở Phòng Hành chính, tôi qua bên kia đường Lê Văn Sĩ để vào phòng chụp MRI.

Sau khi chụp MRI cột sống cổ và cột sống thắt lưng, tôi mang kết quả sang trình bác sĩ điều trị. Bác sĩ trực khoa cho biết tôi bị thoái hóa các đốt sống cổ C5-C6-C7, thoát vị đĩa đệm giữa các đốt sống trên, tạo chèn ép lên rễ thần kinh. Theo bác sĩ, có thể nguyên nhân chính là do tôi làm công việc vất vả, phải ngồi lâu liên tục trên bàn giấy, không có chế độ nghỉ ngơi thích hợp trong nhiều năm, Thêm vào đó, bệnh viêm khớp mạn tính cũng tác động không nhỏ đến thoái hóa cột sống.

Riêng cột sống thắt lưng, qua hình ảnh chụp cộng hưởng từ có nhiều biểu hiện khá rõ bị thoái hóa các đốt sống thắt lưng TL3, TL4, TL5.

Tôi hỏi bác sĩ đối với trường hợp của tôi phải điều trị ra sao?

Bác sĩ trả lời đối với cột sống cổ, phải mổ ngay vì đã thoái hóa nặng rồi. Nếu để lâu không mổ sẽ có khả năng dẫn đến yếu cơ, đi khó khăn, không vững, và tệ hại hơn có thể bị liệt chi khi có chèn ép tủy sống. Riêng với cột sống thắt lưng, cần theo dõi thêm, uống thuốc theo toa thuốc, và trong một chừng mực nhất định, một phần nào phải kết hợp giữa vật lý trị liệu với các bài tập nhẹ nhàng về xương khớp và cột sống thắt lưng. Nếu biết bơi, một tuần bơi khoảng từ hai đến ba buổi là tốt nhất.

Tôi hỏi một ca mổ cổ chi phí hết bao nhiêu tiền? Bác sĩ cho hay phải tùy thuộc vào ca mổ, thiết bị và thuốc men sử dụng trong quá trình mổ và sau khi mổ như thế nào? Thông thường nên chuẩn bị khoảng 40 triệu là ổn.

Sáng ngày hôm sau, tôi và vợ tôi đến tham quan khu điều trị của bệnh viện, thăm và hỏi tình hình sức khỏe của các bệnh nhân sau khi mổ cột sống cổ hay cột sống thắt lưng có tiến triển tốt nhiều hơn không? Một chị ở Cần Thơ tâm sự với tôi là chồng chị đến đây mổ lần thứ hai cột sống cổ. Đợt đầu tiên mổ hai đốt cột sống cổ cách đây 6 tháng. Tưởng đã êm, ai ngờ sau 3 tháng lại đau trở lại, chịu hết nổi, phải đến bệnh viện kiểm tra. Bác sĩ kết luận chồng chị bị thoái hóa và thoát vị đĩa đệm đốt sống cổ khác, có triệu chứng chèn ép lên rễ thần kinh, phải lên bàn mổ lần thứ hai. Chị nói ngày mai đã ở bệnh viện được 5 ngày rồi, chắc chị xin phép bác sĩ đưa chồng về nhà để tiện chăm sóc. Tôi ghé thăm chồng chị. Anh người ốm rộc, da dẻ không được đẹp lắm. Tôi hỏi chuyện anh về chuyện mổ cột sống cổ. Anh thở dài rồi tâm sự cả năm trời anh chẳng làm được việc gì, hết đi bệnh viện này đến bệnh viện khác, rồi mổ xẻ liên tục, làm khổ vợ khổ con. Sức khỏe giờ xuống hẳn, không hiểu sau này anh có làm được gì giúp đỡ gia đình hay không? Tôi ngồi an ủi anh một lúc, rồi cùng vợ về nhà.

Lúc này, hai vợ chồng tôi suy nghĩ lung tung, không biết có nên mổ cột sống cổ ở Bệnh viện Quốc tế ITO hay tìm cách điều trị không mổ như quảng cáo đầy rẫy ở thành phố Hồ Chí Minh, đỡ phải đụng chạm đến dao kéo.

Những người bạn thân của tôi cũng như anh chị em trong gia đình tôi đều khuyên tôi đừng mổ vì tuổi đã cao, không đủ sức chịu đựng, rất nhiều rủi ro có thể xảy ra. Các anh chị khuyên tôi đến điều trị ở nhiều cơ sở điều trị đông y rất nổi tiếng, kể cả nhiều địa điểm chữa bệnh của Phật giáo, của đồng bào Khmer ở nhiều tỉnh thành miền tây Nam bộ, trong đó có các tỉnh Tây Ninh, Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Châu Đốc, Long Xuyên v.v... Biết bạn bè thương và rất tốt với tôi, nhưng trong lòng tôi vẫn còn nghi ngại các cách chữa trị theo kiểu “kinh nghiệm” này.

Thật là rối trí trong một mớ bòng bong. Tôi vẫn uống thuốc giảm đau, thấp khớp của bác sĩ Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Quốc tế ITO và theo dõi tình hình diễn tiến bệnh và nghiên cứu cách thức điều trị bệnh thoái hóa, thoát vị đĩa đệm cổ của tôi.

Nhờ cháu trai mách, đi tìm ông lang “cách mạng” chữa bệnh

Một hôm, cháu T.L. (con trai chị họ tôi) cho tôi biết cha cháu bị bệnh gout nặng, đi không được, phải bò trong nhà. Nhờ người mách bảo, cháu đưa cha cháu đến chữa bệnh tại nhà một ông thầy chuyên trị các bệnh gout, thoái hóa cột sống cổ, cột sống lưng và thấp khớp đầu gối v.v... khá có tiếng ở thành phố. Ông chỉ chữa bệnh từ 12g00 đêm (tức 0 giờ sáng) đến 03g00 sáng, tại nhà riêng ở góc chợ Hoàng Hoa Thám, Quận Tân Bình. Chỉ sau bốn ngày bằng đắp một loại dấm do ông chế biến, cha cháu đã đỡ hẳn, và đã có thể đi lại được trong nhà, không phải bò nữa. Cháu khuyên tôi nên đến chỗ ông thầy xem liệu ông có chữa cho tôi khỏi được bệnh hay không?

Nghe lời cháu, ngay đêm đó, đúng 12g00 đêm, tôi có mặt ở nhà ông. Ông đón tiếp tôi rất niềm nở. Nghe nói tôi quê ở Hà Nội, ông rất vui và nói với tôi nhiều kỷ niệm khi ông theo học Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân ở khu phố Bạch Mai (ông đã từng tham gia kháng chiến chống Pháp, tập kết ra miền Bắc và được cử đi học đại học ở Hà Nội). Nhìn trên tường của Phòng khám bệnh, tôi thấy ông treo *Bảng chứng nhận ông được tặng Huy hiệu 50 tuổi Đảng* là tôi đã kính phục ông rồi.

Tôi biết ông đã lớn tuổi, cỡ đàn anh của tôi. Tôi trình bày với ông bệnh tình của tôi. Ông khoe với tôi ông đã chữa khỏi cho nhiều bệnh nhân (có cả bệnh nhân từ Mỹ, Pháp, Úc về) bị thấp khớp, thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng, bị bệnh gút (gout) đi không nổi v.v... Ông bảo đảm chữa cho tôi bằng xoa và bóp các loại dấm chua do ông sáng chế trong vòng bốn ngày sẽ khỏi bệnh, nhưng phải tin tưởng hoàn toàn vào phương pháp điều trị của ông.

Tôi dùng kế hoãn binh, xin ông tập trung chữa hai đầu gối đang bị khớp nặng, đi lại rất khó khăn. Riêng cột sống cổ để tuần sau vì tuần này tôi phải bận lên lớp dạy ở trường. Ông đồng ý và tiến hành điều trị cho tôi. Đầu tiên, ông dùng một loại dấm xoa bóp cho tôi cả hơn nửa giờ đồng hồ. Sau đó, ông lấy tảng bông lớn tẩm một loại dấm khác rồi đắp lên hai đầu gối và dùng băng y tế quấn thật chặt hai đầu gối lại.

Ông hẹn tôi đêm mai đến điều trị tiếp. Tôi đứng dạy cảm ơn ông và xin gửi tiền điều trị. Ông cười và nói là với người khác, ông lấy hai triệu. Riêng với tôi ông lấy hữu nghị giá một triệu thôi vì tôi là “thầy giáo”.

Đêm hôm sau, khoảng gần 12g00 đêm, khi tôi ra đường đón taxi gặp anh cảnh sát khu vực đang cùng dân phòng đi tuần. Anh chặn

hỏi tôi:

“Anh đi đâu vậy?”.

Tôi trả lời :

“Anh đi khám bệnh”.

Anh lại hỏi :

“Anh đi khám bệnh ở đâu? Sao anh đi khám bệnh vào giữa đêm thế này?”

Tôi trả lời :

“Ông thầy chữa bệnh ở Khu chợ Hoàng Hoa Thám chỉ khám từ 12g00 đêm đến 3g00 sáng, chứ không làm việc ban ngày”.

Anh cảnh sát khu vực cười và nói :

“Anh cẩn thận nhé!”.

Trời đất ơi! Tôi nói sự thật nhưng anh cảnh sát nghĩ chắc tôi lớn tuổi, bị “hâm” rồi.

Đến đêm thứ tư, bệnh khớp hai đầu gối không đỡ một chút nào. Ông thầy nói chắc cơ địa tôi không thích hợp. Ông cho tôi về nhà một vài ngày xem bệnh có thuyên giảm không, rồi lên cho ông hay.Tôi trả tiền, nhưng ông từ chối không nhận. Thế là cơ duyên chữa bệnh với ông thầy lang “cách mạng” tại khu chợ Hoàng Hoa Thám lại không tới với tôi!

Qua cô giáo cùng trường mách bảo,tôi đi tìm ông thầy tàu

Khoảng giữa năm 2009, một cô giáo học lớp Cao học đến thăm, giới thiệu cho tôi một ông thầy Tàu ở quận 11. Cô giáo cho biết ông thầy này chuyên chữa ung thư và các bệnh về xương khớp. Cha của cô bị ung thư vòm họng giai đoạn cuối, không thể chữa chạy được nữa. Bệnh viện Chợ Rẫy đã cho về nhà để kịp chuẩn bị cho hậu sự.

Trong tư thế “còn nước, còn tát”, gia đình cô rước ông thầy Tàu đến thăm bệnh cho cha cô.

Ông thầy cho biết có nghe thấy mạch của cha cô còn khá rõ và ông có thể kéo dài thêm tuổi thọ cho cha cô.Nhờ ông thầy Tàu, cha cô sống thêm được gần một năm nữa mới mất.

Cô còn cho tôi địa chỉ và điện thoại của ông thầy Tàu và dặn tôi trước khi đến khám bệnh phải gọi điện thoại trước cho ông vì lượng bệnh nhân ở các tỉnh nhiều, thường xuyên các gia đình lên Sài Gòn rước ông về khám và chữa bệnh cho người nhà.

Nghe nói vậy, tôi gọi điện thoại xin ông một cái hẹn để xuống khám, chữa bệnh. Theo lịch hẹn, tôi đến thăm ông. Nhà ông ở trong hẻm khá rộng, mặt tiền khoảng 8m, sâu khoảng 15m, chia làm hai khu rõ ràng: một khu gia đình ở và một khu khám, chữa bệnh. Trước cửa không gắn tên tiệm thuốc bắc, tôi phải hỏi nhân dân quanh khu mới tìm được nhà.

Ông dáng người cao 1m70, vừa phải, không mập, mặc bộ đồ màu đen kiểu một ông thầy Tàu khám, chữa bệnh vẫn thường gặp ở Đường Hải Thượng Lãn Ông (Chợ Lớn). Đây là một ông thầy thuốc vô cùng tự tin vào bản thân mình trong việc khám chữa bệnh mà chưa bao giờ tôi được gặp trong đời.

Ông hỏi tôi làm gì?

Tôi trả lời mình là thầy giáo.

Ông tự giới thiệu rất nhiều giáo sư, tiến sĩ ở Trường Đại học Bách Khoa đến chữa bệnh tại đây với nhiều bệnh nan y khác nhau và nhiều người đã khỏi hoàn toàn, không cần dùng đến thuốc tây. Ông còn nói tôi rất may mắn khi gặp được ông vì hàng năm, vào tháng này, ông về Vân Nam (Trung Quốc) mua được liệu, các vị thuốc bắc để mang về Sài Gòn trị bệnh.

Tôi trình bày quá trình bệnh của mình và dò hỏi xem liệu ông có trị dứt được bệnh không?

Ông bỏ cặp kính xuống bàn, rồi nói :

“Ông đến đây thì phải tin là sẽ được trị khỏi bệnh. Nếu lúc này, ông chưa có niềm tin thì xin mời về nhà. Lúc nào ông thực sự tin tôi chữa khỏi bệnh cho ông thì hãy tới. Tôi từ chối, không chữa bệnh cho ông vì như vậy sẽ làm tôi mất thì giờ. Tôi còn phải dành thời gian lo chữa trị cho những bệnh nhân khác”.

Thái độ kiên quyết từ chối của ông không chịu tiếp nhận tôi là bệnh nhân làm tôi khá hoang mang. Tôi giải thích nhà tôi ở rất xa. Nếu không tin ông thì tôi tới làm gì. Nếu trong cách nói năng của tôi có điều gì không phải, xin ông bỏ qua cho. Ông ngồi trầm ngâm một lúc rồi đồng ý khám bệnh và điều trị cho tôi. Sau khi khám bệnh, ông bán cho tôi thuốc ông đã chế sẵn từng viên màu

đen. Ông cho hay làm thuốc như vậy đỡ khổ cho bệnh nhân phải vất vả sắc thuốc mỗi ngày, có công việc đi đâu mang theo để uống, tiện lợi hơn nhiều.

Đặc điểm nổi bật của ông thầy Tàu là thường xuyên làm điều từ thiện, được các cơ quan, đoàn thể của Phường nơi ông ở rất trân trọng.

Thí dụ: Thỉnh thoảng ông nói vợ ông mua một hoặc hai tạ gạo để ngoài cửa vào nhà, phát miễn phí cho những người cơ nhỡ, có hoàn cảnh khó khăn, tùy theo số người trong gia đình, từ một đến hai kí lô gạo.

Những sự kiện như thế này càng làm ông nổi tiếng khắp nơi, từ Sài gòn xuống các miền trong lục tỉnh Nam bộ.

Phải thừa nhận uống thuốc của ông sau bốn tháng, tôi thấy xương khớp cũng như các cơn đau của cột sống cổ giảm đi nhiều, làm việc không còn cực khổ như trước khi điều trị.

Một hôm tôi đi khám bệnh tim mạch tại phòng khám tư của bác sĩ B. (hiện nay bác sĩ đã được phong hàm Phó giáo sư và đang là Phó giám đốc một bệnh viện lớn ở thành phố Hồ Chí Minh) nhìn tôi rồi nhận xét :

“Anh phải coi lại xem bệnh thấp khớp, thoát vị đĩa đệm cổ và lưng của anh nhé! Em ngại không muốn nói vì anh nói ông thầy Tàu chữa bệnh có chuyển biến tốt. Nhưng em thấy da mặt anh bọng nước như bị phù. Cần thận không khéo họ dùng Corticoid để cho anh uống cho đỡ các cơn đau nhức khớp. Rồi rồi cuộc không phải thấp khớp, thoát vị đĩa đệm cổ, cột sống thắt lưng hành hạ anh mà là nếu dùng corticoid trong thời gian dài sẽ có nguy cơ làm anh teo tuyến thượng thận do tuyến này quen với tình trạng có thuốc trong cơ thể và nó sẽ ngừng hoạt động, không còn duy trì chức năng bài tiết hormone bình thường nữa, nguy hiểm lắm đấy! Corticoid bán đầy ngoài đường, giá rẻ như bèo.”

Tôi cảm ơn bác sĩ B. rồi trở về nhà, tâm trạng khá hoang mang.

Hôm sau tôi đến ông thầy Tàu giả bộ khen thuốc của ông có công hiệu tốt.

Ông cười vui vẻ và nói kỳ này ông giảm thuốc, bỏ thuốc đặc trị, cho tôi uống thuốc bổ để nâng đỡ cơ thể.

Trở về nhà, uống thuốc mới của ông mới có năm ngày (cứ mỗi lần

đến khám, ông cho tôi thuốc uống một tuần), tôi đau nhức, tê buốt chân tay suốt ngày. Nhiều lúc cơn đau nhức xuất hiện, đau nhức lan tỏa từ vùng cổ xuống hai cánh tay và hai bàn tay, làm cả hai cánh tay và hai bàn tay tôi tê dại, lạnh và nhức buốt rất khó chịu. Tôi hiểu ngay nguyên nhân hoàn toàn chính xác như bác sĩ tim mạch B. khuyên. Tôi dừng ngay việc đến khám và điều trị tại phòng mạch của ông thầy Tàu.

Chữa đủ kiểu cách không khỏi được bệnh, tôi nghĩ chắc phải mổ thôi. Tôi tự nghĩ có người mổ khỏi bệnh, tại sao mình không làm như vậy cho cuộc sống đỡ khổ? Bạn bè, gia đình khuyên giải tôi không nên mổ vì tuổi không còn trẻ, nhờ có chuyện gì, hồi không kịp.

Lang ta xin chịu, thầy tàu giơ tay, thôi đành phải “bá mông thầy tây y” chữa bệnh để còn có sức làm việc

Một buổi sáng đầu tháng 1 năm 2010, tôi ngồi uống cà phê với anh N.Q.A., một người bạn thân của tôi hồi học ở phổ thông có con trai là bác sĩ đang làm việc ở bệnh viện Nguyễn Trãi. Nghe tôi nói chuyện về bệnh tật và có ý định muốn mổ xem có khỏi được không, anh nói nếu muốn mổ, anh sẽ giới thiệu tôi với một bác sĩ là bạn rất thân của con trai anh, rất nhiều kinh nghiệm mổ trong chấn thương chỉnh hình. Anh còn cho tôi biết anh đã mổ đầu gối rồi nên bây giờ đi lại bình thường, không còn khổ như trước nữa. Anh cho tôi địa chỉ và số điện thoại của bác sĩ ấy. Anh bảo tôi khi đến khám ở phòng mạch riêng của vị bác sĩ trên, gọi trước điện thoại cho anh biết để còn giới thiệu tôi với vị bác sĩ.

Nghe lời anh, tôi gọi điện thoại cho vị bác sĩ xin cái hẹn đến khám bệnh tối hôm sau vào lúc 18g00. Sau đó, tôi gọi cho anh bạn để anh giới thiệu tôi với vị bác sĩ.

Đúng 18g00 hôm sau tôi đến phòng mạch của vị bác sĩ ở khu Phan Xích Long (Phú Nhuận) khám bệnh. Phút đầu tiên, tôi khá ngỡ ngàng khi ra đón tôi là một vị bác sĩ khá trẻ, khoảng 40 tuổi.

Bác sĩ tên là H.D., vợ cũng là bác sĩ tên là Th. Cả hai vợ chồng cùng đi sâu vào chuyên ngành thần kinh (chồng chuyên khoa ngoại thần kinh; vợ - nội thần kinh).

Bác sĩ H.D. cho hay có nhận được điện thoại của anh bạn tôi giới thiệu và rất vui được gặp tôi. Tôi trình bày quá trình bệnh của tôi bao gồm đủ thứ cả thấp khớp hai đầu gối, đau cổ và đau lưng từng cơn như thế nào.

Sau khi khám lâm sàng, bác sĩ cho toa thuốc để tôi uống giảm đau. Bác sĩ đề nghị tôi đi chụp X quang hai đầu gối và chụp MRI cột sống cổ và cột sống thắt lưng để xác định chính xác bệnh tình của tôi ra sao tại Bệnh viện Chấn Thương Chỉnh Hình Thành phố ở Đường Trần Hưng Đạo.

Sáng hôm sau, tôi đến làm mọi yêu cầu của bác sĩ tại bệnh viện trên. Chiều tối, tôi mang kết quả đến bác sĩ. Sau khi rọi các phim chụp lên màn hình ở phòng khám bệnh, bác sĩ xác định có ba đốt sống cổ thoát vị đĩa đệm, chèn ép dây thần kinh làm ảnh hưởng đến sinh hoạt hàng ngày như tê buốt, lạnh tay chân, đau buốt lan xuống vai và hai tay v.v... Riêng cột sống lưng cũng có dấu hiệu thoái hóa ba đốt sống, thoát vị đĩa đệm nhưng chưa đến mức trầm trọng như ba đốt sống cổ. Hai đầu gối là do thoái hóa khớp, nước dịch tràn nhiều phải rút ra và chích thuốc làm cho các khớp cử động được trơn, đi lại sẽ bớt khó khăn. Sau này, nếu khớp hai đầu gối đau, tiến triển xấu đi, sẽ có cách điều trị khác.

Bệnh tình như vậy đâu có nhẹ, nhưng cách chẩn đoán bệnh của bác sĩ rất thuyết phục. Tôi cảm thấy có một niềm tin vào vị bác sĩ trẻ này. Cách chẩn đoán bệnh rất tự tin, rất quả quyết, nhưng vạch ra từng bước rất rõ ràng trong phác đồ điều trị từng loại bệnh cụ thể. Sau buổi khám bệnh, bác sĩ đề nghị tôi tiếp tục uống các loại thuốc bác sĩ đã kê trong toa thuốc xem bệnh tình của tôi có đỡ không.

Bác sĩ dặn tôi vừa uống thuốc vừa tập các bài tập thể dục nhẹ phục vụ cho chữa các bệnh thoái hóa đốt sống cổ, đốt sống lưng và đau khớp hai đầu gối. Theo bác sĩ, nếu uống thuốc, tập luyện tốt, bệnh tình thuyên giảm thì dùng thuốc. Bản cùng bắt đầu dĩ mới phải đụng đến dao kéo. Riêng bệnh thoái hóa, thoát vị đĩa đệm ba đốt sống cổ, bác sĩ sẽ nghiên cứu thật kỹ, sẽ hội chẩn với bác sĩ Trang (một bác sĩ khác lớn tuổi hơn, có uy tín, được nhiều người biết đến) để coi xem nếu bệnh tiến triển xấu sẽ giải quyết sao cho tốt nhất và đạt chất lượng cao nhất.

Sau bốn tháng uống thuốc và tập luyện các bài thể dục nhẹ theo hướng dẫn của bác sĩ, tôi thấy lúc đầu có đỡ một phần, nhưng sau đó các cơn đau nhức lan xuống gáy, xuống vai, tay chân bị tê lạnh, đầu ngón tay, ngón chân cứ như bị kim châm, cường độ ngày một nhiều. Thậm chí ra hồ bơi, nhiều lúc tôi thấy bị yếu đi, đạp nước không mạnh như trước được nữa.

Tôi báo với bác sĩ về tiến triển của bệnh. Bác sĩ cho tôi biết những triệu chứng trên là do thoái hóa cột sống cổ, thoát vị đĩa đệm, làm

hẹp các lỗ ra của rễ thần kinh. Bác sĩ cho tôi đi kiểm tra lại bằng chụp hình ảnh cột sống cổ. Sau đó, bác sĩ khuyên tôi nên mổ để giải quyết bệnh thoái hóa, thoát vị đĩa đệm cổ.

Tôi trao đổi với vợ và đồng ý nhờ bác sĩ trực tiếp mổ cho tôi. Bác sĩ hứa sau khi chuẩn bị đầy đủ một ê-kíp mổ hoàn chỉnh, trang thiết bị tốt và đầy đủ nhất và sẽ báo cho tôi thời gian mổ cụ thể.

Khoảng đầu tháng 5/2010, bác sĩ H.D. cho tôi biết đã chuẩn bị tốt cho ca mổ. Bác sĩ yêu cầu trước một ngày, tôi đến làm một số xét nghiệm cần thiết cho ca mổ.

Vợ chồng tôi làm các thủ tục nghiêm túc đúng lời bác sĩ dặn. Chúng tôi cũng nhận tiện ghé qua xem các phòng bệnh nhân nằm nghỉ sau khi mổ ra sao và gặp các cô y tá, hộ lý sẽ chăm sóc tôi trong thời gian tôi ở bệnh viện trong và sau khi mổ.

Thật ra đi bệnh viện để mổ cột sống cổ đối với gia đình tôi không phải quá khó khăn về kinh tế, nhưng khó khăn về “nhân sự”, vì thực tế ở nhà chỉ có hai vợ chồng, không có ai giúp đỡ cả. Hai vợ chồng đều đi làm, công việc ngập đầu. Vợ tôi làm việc cho một công ty lớn, đang vào mùa tập huấn nội bộ. Tôi dạy học ở trường suốt ngày, đêm để lo thêm cuộc sống của gia đình. Ngày nào gia đình tôi cũng ăn cơm tối vào khoảng 21g00.

Nói cho cùng, con cháu ở thành phố Hồ Chí Minh chẳng ai có thể giúp được tôi cả, trừ trường hợp thỉnh thoảng nếu có điều kiện, ghé thăm chúng tôi là đã quý lắm rồi. Cũng chẳng trách được! Ai cũng biết trong thời buổi này, con cháu cũng bận túi bụi đầu tắt mặt tối suốt ngày đêm lo cho công việc, cho gia đình, cho con cháu, có ai rảnh rỗi đâu.

Đúng là trời thương. Trong lúc không biết tính toán ra sao thì cháu H. (con một cô giáo dạy cùng trường với tôi) mới tốt nghiệp ra trường, chưa có việc làm. Cô cho cháu vào bệnh viện chăm sóc tôi trong thời gian tôi mổ. Vợ tôi rất vất vả, vừa lo kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ cho công ty, vừa phân bổ thời gian, chạy ngược chạy xuôi vào bệnh viện thăm nuôi tôi.

Theo kế hoạch mổ, đúng 7g30 vợ chồng tôi mang theo đồ đạc cần thiết, rồi gọi xe taxi xuống bệnh viện làm thủ tục nhập viện. Cô y tá đẩy xe đưa tôi đi làm thêm một số xét nghiệm trước khi về phòng nghỉ, chờ lên phòng mổ.

Đúng 9g00, sau khi thay quần áo xong, tôi được băng ca đưa đến phòng mổ. Phụ trách chính ca mổ nhiều tầng cột sống cổ là bác sĩ

H.D.

Trước khi mổ có một vài cô y tá hỏi tôi làm nghề gì, có sợ mổ không? Tôi nói các cô cứ làm nhiệm vụ đi, đừng hỏi nữa. Các cô cười và rồi sau một mũi thuốc chích, tôi thiếp đi, không còn biết gì cả.

Ca mổ kéo dài từ 9g00 đến gần 13g00 (gần 4 giờ liền). Vợ tôi và cháu H. ngồi chờ ngoài phòng mổ, lòng như lửa đốt, đứng ngồi không yên. Điện thoại của gia đình, từ những người thân, quen biết ở Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh và các nơi khác gọi đến liên tục, ai cũng bồn chồn không hiểu kết quả ca mổ ra sao? Không nói ra, nhưng tôi biết lúc này chỉ có một thân một mình, ngoài cháu H. ngồi bên cạnh, chắc vợ tôi mệt và rối trí vô cùng.

Ngồi ngoài chờ như vậy, thời gian trôi đi chậm khủng khiếp, cứ ngỡ một giờ bằng cả năm.

Đúng 13g30, phòng mổ mở cửa. Các bác sĩ trong ê-kíp mổ bước ra ngoài. Vợ tôi đứng lên, đi đến chỗ bác sĩ H.D. Ông cười nói:

“Ca mổ rất thành công. Con chúc mừng cô, chú”.

Lúc này tuy còn yếu nhưng tôi đã tỉnh. Vợ tôi bước vào phòng hậu phẫu, hỏi tôi có khỏe không? Tôi trả lời giọng hơi yếu, tiếng the the như giọng phụ nữ. Hỏi bác sĩ, vợ tôi được biết mới mổ thì như vậy. Sau này giọng nói sẽ phục hồi lại như cũ. Bác sĩ khuyên vợ tôi an tâm, về nhà nghỉ, cứ để cháu H. nằm nghỉ ở phòng tôi đã đăng ký ở bệnh viện. Có bất kỳ chuyện gì, bác sĩ sẽ gọi điện thoại trực tiếp cho vợ tôi.

Tối hôm đó, tôi nằm ở phòng hậu phẫu có bác sĩ và các anh chị y tá, hộ lý lo rất chu đáo. Khoảng giữa đêm, chắc vết mổ hết tác dụng của thuốc mê, tôi đau vô cùng, chịu không được, kêu đau. Bác sĩ trực đến thăm, khuyên tôi ráng chịu đựng rồi cho tôi uống một viên thuốc ngủ. Nằm lim dim mơ màng một lúc, tôi thiếp vào trong giấc ngủ đến buổi sáng hôm sau.

Đúng 6g00 cô y tá trực đến kiểm tra thân nhiệt, áp huyết. Cô cho tôi biết mọi mặt đều rất tốt. Khoảng nửa tiếng sau, tôi đã thấy vợ tôi và cháu H. bước vào phòng hậu phẫu.

Hỏi chuyện bác sĩ trực đêm phòng hậu phẫu một lúc, vợ tôi đến chỗ tôi ngồi nói chuyện nhà. Mọi người (từ Bắc chí Nam) đều rất vui khi ca mổ của tôi thành công. Để bảo vệ vết mổ, tôi phải đeo một miếng mút (moose) giữ chặt cổ, không cho cổ bị xê dịch

Khoảng 8g30, bác sĩ H.D.tới thăm vết mổ, rồi cho phép cạo tôi về phòng bệnh nhân. Trong thời gian nằm ở bệnh viện, ngày nào bác sĩ cũng đến thăm tôi hai lần vào sáng và tối.

Về phòng bệnh nhân rất thoải mái, có giường đưa lên cao, thấp tùy ý, có TV, có giường cho người nhà bệnh nhân và có cả sa-lông tiếp khách (tôi trả tiền bao trọn một phòng VIP trong thời gian nằm viện).

Hôm đó, ở công ty vợ tôi rất bận, một chuyên gia nước ngoài lên lớp cho toàn bộ công ty. Nếu vợ tôi vắng mặt, công ty sẽ gặp nhiều khó khăn. Thấy tôi mới mổ xong, vợ tôi không muốn tới công ty. Bà giám đốc phụ trách nhân sự ở công ty gọi điện thoại liên tục cầu cứu vợ tôi. Tôi nói vợ tôi cứ đến công ty làm việc, chiều tối quay lại bệnh viện vì tôi thấy sức khỏe đã khá hơn và bên cạnh tôi có cháu H.giúp trong sinh hoạt, ăn uống hàng ngày được rồi.

Buổi trưa, cháu H. hỏi tôi có uống sữa hay ăn cháo thịt băm. Tôi hỏi ở căng-tin có bán gì? Cháu trả lời bán cơm, cháo, phở, hủ tiếu, bánh ướt, cà phê v.v... Tôi nghĩ mổ mất máu nhiều, ráng ăn cơm cho chóng khỏe. Bác sĩ sáng có dặn tôi muốn ăn gì thì ăn, không có kiêng khem gì cả. Tôi liền nói cháu đi mua cho tôi một đĩa cơm và một chén canh.

Cháu ngạc nhiên nói :

“Bác mới mổ mà ăn cơm hay sao?”

Tôi bảo cháu cứ mua như vậy để tôi ăn. Phải nói rằng bữa cơm trưa hôm đó tôi ăn rất ngon miệng. Ăn cơm trưa xong, tôi còn nói cháu mua cho tôi một ly cà phê sữa. Buổi chiều tôi lại tiếp tục ăn cơm ngon lành, hết một đĩa cơm khiến cháu H.phải thán phục.

Tôi nói với cháu :

“Bác quen rèn luyện như vậy rồi, càng bệnh nặng càng ráng phải ăn cơm. Nếu không ráng ăn sẽ mất sức vô cùng”.

Khoảng 18g00 vợ tôi từ công ty đi xe taxi tới. Vợ tôi rất mừng khi thấy tôi vui vẻ, khỏe mạnh, ngồi tựa lưng lên thành giường nói chuyện (chiếc giường đã được cháu H. quay cho cao lên để tôi có thể coi TV được). Vợ tôi cho biết bữa nay giọng đã khác chiều qua, không còn the thé giọng của phụ nữ nữa. Ngồi nói chuyện một lúc về bệnh viện, về công ty, tôi bảo cháu H.dẫn vợ tôi xuống căng-tin ăn cơm.

Thật may vô cùng vì tối hôm đó, đúng 19g00 có trận đấu bóng đá tranh giải SEAGAME. Tôi và cháu H. hào hứng chuẩn bị coi. Vợ tôi sợ tôi mới mổ, ngồi nhiều không tốt, khuyên tôi nằm nghe bóng đá vậy.

Gần đến giờ bóng lăn, bác sĩ H.D. ghé qua thăm. Bác sĩ rất vui vì thấy tôi hồi phục sức khá nhanh. Bác sĩ cho biết nếu tình hình tốt như thế này chỉ khoảng cùng lắm ba ngày nữa tôi có thể về nhà dưỡng bệnh được rồi. Bác sĩ nói tôi có thể coi bóng đá khoảng bốn mươi lăm phút, cùng lắm là một giờ, rồi nằm nghe truyền hình cũng được.

Tối hôm đó, phòng tôi rất vui vì anh chị em nhân viên trực ở Khoa Ngoại Thần kinh kéo đến cùng coi bóng đá với tôi.

Ngồi chơi một lúc, vợ tôi phải về nhà nghỉ ngơi và phải chuẩn bị bài lên lớp cho anh chị em nhân viên sáng mai trong công ty. Tôi động viên vợ tôi ráng làm cho tốt, tranh thủ nghỉ ngơi, giữ gìn sức khỏe, đừng lo lắng nhiều vì tôi thấy đã khỏe hơn nhiều rồi.

Tôi vô cùng cảm động vì sang ngày thứ ba nằm ở bệnh viện có rất nhiều thầy cô đồng nghiệp, sinh viên của nhiều thể hệ tôi trực tiếp dạy dỗ từ sau năm 1975, bạn bè cũ học từ phổ thông ở Hà nội hiện đang công tác tại thành phố Hồ Chí Minh, các con, các cháu trong gia đình đến thăm hỏi và chúc mừng ca mổ thành công.

Sáng ngày điều trị thứ tư, bác sĩ thăm bệnh lần cuối, rồi ký giấy cho phép tôi về nhà dưỡng bệnh.

Bác sĩ nói :

“Đề chú về sớm. Bữa nay tốt hơn nhiều.Vết chỉ khâu sẽ tự hủy. Hàng tuần ghé qua cháu để kiểm tra lại vết mổ xem sao”.

Vợ chồng tôi cảm ơn bác sĩ và nhờ cháu H. gọi xe taxi về nhà. Trước khi chia tay, chúng tôi cảm ơn cháu H. và thông qua cháu, cảm ơn ba má cháu đã nhiệt tình giúp đỡ chúng tôi trong những giờ phút khó khăn vừa qua.

Về nhà, tôi tiếp tục theo phác đồ điều trị của bác sĩ trong 06 tháng trời. Tôi phải đeo miếng mút (moose) giữ chặt cổ suốt ngày. Đêm có thể tháo ra, nhưng phải nằm thẳng, không được quay sang trái hay quay sang phải, không nằm gối (bất kể là cứng hay mềm).

Hàng ngày, buổi sáng tôi đeo miếng moose giữ chặt cổ, đi ra Công viên Lê Văn Tám đi bộ, tập đạp xe (xe đạp sử dụng để tập chân ở

công viên). Tập thể dục xong tôi về nhà dưỡng bệnh và hàng ngày phải “nằm nghe T.V.” vì mới mổ, không được ngồi nhiều.

Sau ba tháng nằm nghỉ dưỡng tại nhà, bác sĩ H.D. cho tôi đi chụp X quang kiểm tra cột sống cổ. Buổi tôi, tôi mang kết quả chụp X quang để bác sĩ coi. Bác sĩ cho tôi biết phim chụp X quang rất rõ, những đốt cột sống cổ mổ rất ổn định và tiến triển rất tốt. Bác sĩ yêu cầu hàng tuần tiếp tục đến thăm bệnh và lấy thuốc uống.

Tôi vô cùng mừng rỡ, vì bước sang tháng thứ tư (sau khi mổ), bác sĩ cho tôi có thể từng nơi từng lúc ngồi làm việc với máy vi tính trong phạm vi một giờ đồng hồ.

Sống và nghỉ dưỡng như vậy, tôi phục hồi sức lực khá nhanh. Sang tháng thứ sáu (sau mổ), bác sĩ cho đi chụp lại X quang, kiểm tra lại kỹ càng cột sống mổ ở bên trong cũng như bên ngoài. Sau đó, bác sĩ cho tôi bỏ dây quàng cổ, sinh hoạt bình thường. Tất nhiên, bác sĩ dặn rất kỹ cách tập luyện, chăm sóc cột sống cổ ra sao, và cho phép tôi có thể bơi chút chút cho cuộc sống đỡ nhàm chán.

Sang tháng thứ 7, tôi đến trường làm việc cả ngày cũng như đêm như thời gian trước khi mổ. Tuy vậy, thỉnh thoảng tôi vẫn đến thăm và khám bệnh tại Phòng mạch của hai vợ chồng bác sĩ vì tôi thỉnh thoảng vẫn bị tê vai, tê nhức, lạnh tay chân (tuy không đau nhiều, triệu miên như trước khi mổ), đặc biệt là hai đầu gối thường xuyên bị đau nhức, nhiều lúc tôi đi lại có khó khăn.

Bác sĩ H.D. cho tôi biết ngoài cột sống cổ (đã mổ, giải quyết xong), tôi còn bị thoái hóa, thoát vị đĩa đệm khoảng ba hay bốn đốt sống lưng nên bị đau, tê vai, tê lạnh hai bàn tay và bàn chân. Bác sĩ còn cho tôi hay ngoài việc tập các bài vật lý trị liệu cột sống thắt lưng, đi bơi, còn phải uống thuốc điều trị tiếp cột sống thắt lưng. Nếu sau này, bệnh tiến triển xấu, phải tiến hành mổ để giải quyết. Nếu để trễ, chân sẽ bị teo, phải đi xe lăn. Riêng hai đầu gối, do bị thấp khớp, nước dịch tràn quá nhiều nên phải hút nước dịch ra cho hết, rồi chích thuốc tạo chất nhờn cho xương đầu gối có thể cọ sát được, không bị đau. Thông thường mỗi năm tôi phải hút dịch ở đầu gối ra, rồi chích thuốc tạo chất nhờn cho đầu gối hoạt động một lần.

Cuộc sống đúng là có quy luật riêng của nó. Mặc dù tập luyện tích cực, sống ở một môi trường nghỉ dưỡng rất lý tưởng, ăn uống đầy đủ, nhưng không thể khỏi bệnh mà chỉ kéo dài thời gian không cho bệnh tình tiến triển xấu đi mà thôi.

Kéo dài thời gian nghỉ dưỡng và tập luyện được gần 7 năm (khoảng đầu năm 2017), tôi thấy đau tập trung dọc cột sống. Từng cơn đau âm ỉ, kéo dài. Đôi lúc cơn đau kéo dài khá mạnh, suốt ngày và đêm ở vùng cột sống khu thắt lưng. Sáng sớm khi ngủ dậy, các khớp liên đốt cột sống kém linh hoạt, tôi cảm thấy khó xoay, trở mình một cách bình thường như trước.

Thấy tình hình kém khả quan, tôi trở lại gặp vợ chồng bác sĩ để khám bệnh. Bác sĩ H.D. cho tôi đi chụp MRI cột sống thắt lưng.

Tối hôm sau, vợ chồng tôi mang kết quả chụp MRI về cho bác sĩ xem. Sau khi rọi coi phim MRI thật kỹ lưỡng, bác sĩ cho tôi biết tôi bị thoái hóa nặng các đốt sống thắt lưng TL3-TL4, TL4-TL5, TL5-S1, hẹp ống sống kèm mất vững. Bác sĩ quả quyết, theo kinh nghiệm cũng như theo sách vở, tình trạng bệnh như thế này không thể đi bộ được quá 500m và cao lắm, trong vòng 6 tháng sẽ bị teo cơ, không đi được và phải ngồi xe lăn.

Tôi suy nghĩ rồi trao đổi với vợ tôi bằng mọi giá phải nhờ bác sĩ mổ, bởi vì như một người bạn gái của tôi do không chịu mổ, bây giờ phải ngồi xe lăn. Tôi là người hiểu rõ tính cách mình hơn ai hết, chắc chắn tôi chịu không nổi nếu phải ngồi xe lăn!

Trở về nhà, khoảng đầu tháng 6 năm 2017, vợ chồng tôi chủ động lên kế hoạch nhờ bác sĩ mổ cột sống thắt lưng.

Bác sĩ cho biết cuối năm, khoảng gần Noel, vợ chồng bác sĩ có kế hoạch sang Mỹ vừa thăm hỏi bà con, và dự một khóa học ngắn ngày về chuyên ngành Nội-Ngoại thần kinh. Vì vậy, nếu chuẩn bị tốt, bác sĩ sẽ tiến hành phẫu thuật trước khi đi Mỹ vào tháng 9/2017, hoặc sau khi đi Mỹ về (vào đầu năm 2018). Hai tuần sau, bác sĩ gọi điện thoại cho vợ chồng tôi báo đã có lịch cho ca mổ vào ngày 24 tháng 9 năm 2017.

Gia đình chúng tôi nhất trí với kế hoạch của bác sĩ, và tích cực chủ động chuẩn bị thật tốt cho ca mổ vô cùng đặc biệt này. Gia đình tôi biết rằng thông thường mổ cột sống thắt lưng phức tạp không thua kém gì phẫu thuật cột sống cổ, nhưng thời kỳ hậu phẫu lâu hơn, đau đớn hơn, và phải nằm dưỡng cả năm trời, đi lại rất khó khăn. Vấn đề đặt ra là sau khi mổ, trở về nhà, tôi sẽ nằm dưỡng bệnh cả năm trời ở phòng nào?

Lên phòng riêng của tôi trên lầu chắc tôi không tự lên nổi, chỉ có thể nằm ở dưới nhà mà thôi. Trong khi đó khu vực dưới nhà, ngoài phòng để xe, phòng khách là phòng ăn và bếp.

Hai vợ chồng tôi bàn sửa lại phòng ăn và bếp thành phòng ngủ, sửa phòng ngủ trên lầu thành phòng ăn và bếp, trở một ban công ở phòng bếp trên lầu cho thật thông thoáng. Sửa như vậy cần một thợ xây dựng thật giỏi cùng với một thợ phụ làm liên tục, không nghỉ ngơi phải mất cả tháng trời.

Giữa tháng 7 năm 2017, tôi điện gọi cháu K.T, một thợ xây dựng rất giỏi, đang sống cùng cha mẹ và vợ con ở một thị trấn, gần Dinh Thầy Thím (trên đường đi Phan Thiết) về giúp tôi sửa nhà. Cháu K.T. có rất nhiều công trình đang làm dở ở địa phương nhưng cháu rất quý trọng tôi. Nghe nói tôi chuẩn bị phải đi mổ tiếp, cần cháu lên thành phố giúp sửa nhà gấp, cháu nhận lời, hẹn sắp xếp công việc đang làm dở dang, đến đầu tháng 8 năm 2017 bằng mọi giá, cháu sẽ lên giúp tôi. Tôi hứa sẽ tìm chỗ ở cho cháu và thợ phụ thật tốt, ngay gần nhà tôi.

Đúng ngày 8 tháng 8 năm 2017, cháu K.T. cùng ông bạn lối xóm là anh N. (làm thợ phụ cho cháu) có mặt, triển khai kế hoạch sửa phòng ăn và bếp thành phòng ngủ cho tôi và sửa phòng của tôi ở lầu 1 thành phòng ăn và bếp, đục làm một ban công trở ra phía sau nhà.

Công việc làm khẩn trương, chất lượng cao, đẹp (sau này bạn bè đến thăm ai cũng vô cùng ngạc nhiên và khen phòng sửa rất đẹp, không khác chi phòng ở khách sạn loại sang). Các bạn khen như vậy, chẳng hiểu có đúng không? Nhưng riêng cá nhân, tôi rất hài lòng.

Bên cạnh sửa chữa phòng ăn và bếp dưới nhà, cháu K.T. còn xây tặng cho tôi một hồ cá kiểng rất bắt mắt, có cả thân cây giả và tạo cả cảnh trên tường một con thuyền đang di chuyển trên sông rất thơ mộng.

Công trình sửa chữa của cháu K.T. và anh N. tiến hành liên tục không nghỉ ngơi cho đến ngày 20 tháng 9 năm 2017 hoàn tất công việc. Tôi vô cùng cảm kích, cảm ơn cháu và anh N. đã giúp tôi sửa nhà hết khả năng và hết sức lực của mình, hoàn thành tốt mọi công việc cận sát ngày tôi chuẩn bị đi bệnh viện để mổ theo lời hẹn của bác sĩ.

Theo yêu cầu của bác sĩ, khoảng 14g00 chiều chủ nhật 24 tháng 9 năm 2017, vợ tôi và con trai đưa tôi đến bệnh viện. Tôi được các nhân viên của bệnh viện đẩy bằng ca thắng lên phòng điều trị của Khu Ngoại thần kinh. Các cô y tá ở Khoa đến đo lại áp huyết, dặn tôi nghỉ ngơi cho khỏe để sáng mai đi làm tiếp một số xét nghiệm

theo yêu cầu của bác sĩ phụ trách ca mổ và bác sĩ gây mê hồi sức trước khi mổ.

Chiều tối, sau khi gọi cơm ở căng tin bệnh viện lên ăn, khoảng 20g00 vợ tôi về nhà nghỉ ngơi, để lại con trai ở bệnh viện ngủ, chăm sóc tôi.

Sáng thứ hai 25 tháng 9 năm 2017, các chị y tá đưa tôi đi làm một số xét nghiệm cuối cùng trước khi mổ. Đúng 8g30, các chị cáng tôi lên phòng mổ. Đúng 8g30, bác sĩ phụ trách gây mê hồi sức lệnh cho các chị y tá đưa tôi xuống tầng trệt làm gấp xét nghiệm máu đông. Bác sĩ gọi trực tiếp bác sĩ trưởng phòng xét nghiệm làm gấp ngay để chuẩn bị cho ca mổ. Đúng 9g30 các bác sĩ bắt đầu ca mổ.

Vợ tôi, con trai và lúc này có cả con gái lớn của tôi vừa mới tới ngồi chờ xem ca mổ diễn biến ra sao. Ngoài Hà Nội, chị gái tôi và các em liên tiếp gọi điện thoại hỏi tình hình ca mổ như thế nào. Mọi người đều rất sốt ruột, mong ca mổ kết thúc nhanh và an toàn. Con gái tôi ngồi một lúc rồi đi làm. Gia đình ngồi chờ kết quả của ca mổ chỉ vắn vắn có vợ và con trai tôi. Đang ngồi chờ, cả hai mẹ con lúc thức, lúc tỉnh, thì cửa phòng mổ mở toang. Đúng 15g00, ca mổ thực hiện thành công tốt đẹp sau thời gian mổ gần 6 giờ. Vợ con tôi vô cùng vui mừng, cảm ơn các bác sĩ trong ê-kíp mổ.

Sau khi vợ và con trai ghé phòng hậu phẫu thăm tôi, bác sĩ H.D. cho biết ca mổ khá phức tạp, tôi bị mất máu nhiều. Trong quá trình mổ, bác sĩ phải ráng rịn, không cho máu chảy nhiều. Tôi đã tỉnh, nhưng còn mệt. chưa nói nhiều được. Bác sĩ khuyên vợ con tôi về nghỉ, yên tâm. Ban đêm, có chuyện gì, bác sĩ sẽ gọi trực tiếp cho vợ, con tôi.

Đêm nằm ở phòng hậu phẫu (đêm 25 tháng 9 năm 2017), bị vết mổ hành, tôi đau đớn vô cùng (cả đời tôi tuy đã qua nhiều ca mổ, nhưng chưa bao giờ sau khi mổ lại đau đớn khủng khiếp như vậy!). Tôi la lên, kêu đau chịu không nổi. Bác sĩ trực phòng hậu phẫu an ủi tôi, nói tôi phải ráng chịu đựng, không thể chích thêm thuốc giảm đau được nữa. Đến khoảng 3g00 sáng, thấy tôi nằm, bớt la hét, bác sĩ nói cô y tá cho tôi uống thêm một viên thuốc an thần để cho tôi có thể ngủ được.

Sáng thứ ba, ngày 26 tháng 9 năm 2017, sau khi khám lại vết mổ kỹ càng, bác sĩ H.D. cho phép cáng tôi về phòng điều trị đã đăng ký trước của Khoa Ngoại thần kinh để nghỉ ngơi và theo dõi tiếp vết mổ.

Trong ngày thứ hai sau khi mổ, tôi còn rất đau, đi lại rất khó khăn, tất cả mọi việc từ ăn uống, đi tiêu, đi tiểu đều phải nhờ con trai tôi giúp. Thương nhất là cháu hầu như phải thức trắng đêm lấy chiếc xô cho tôi đi tiểu (thông thường những người trên 70 tuổi ít nhiều cũng bị mắc bệnh phì đại tuyến tiền liệt, phải đi tiểu nhiều lần về đêm. Tôi cũng không hiểu tại sao ban đêm mỗi lần đi tiểu, nước tiểu lại nhiều đến như vậy!). Con người tôi nổi tiếng chịu mọi đau đớn rất cao, luôn cắn răng chịu đựng. Thế nhưng trong kỳ mổ này, mặc dù bác sĩ đã cho phép từ phòng hậu phẫu trở về phòng điều trị, nhưng tôi vẫn bị những cơn đau từ vết mổ hành hạ, đau chịu không nổi, nhiều lúc đau quá, chịu không được phải la lên, nói con trai đi kêu y tá chích cho thuốc giảm đau để đỡ bị các cơn đau sau mổ hành hạ. Trong thực tế, bệnh nhân mổ cột sống thắt lưng nào cũng vậy, đau vô cùng, la ầm ĩ do đau vết mổ cũng phải chịu đựng thôi, không được lạm dụng thuốc giảm đau.

Viết đến đây, tôi thực sự phải thầm cảm ơn con trai rất nhiều vì sự chịu đựng của cháu với một ông già “tự nhiên” không kiểm soát được mình, vì cơn đau sau mổ quá phũ phàng đến nỗi những sự “lỳ lợm” thường có trong cuộc sống thường ngày đã bay biến đi đâu, không còn “dũng khí” chịu đựng vượt qua cơn đau, làm người khác phải vì mình mà quá cực khổ, vất vả.

Sang ngày nằm viện thứ ba, sức khỏe của tôi đã tốt hơn, những cơn đau dữ dội đã bớt nhiều, tôi đã có thể từng nơi từng lúc ngủ được. Bác sĩ H.D. đến thăm bệnh rất vui vì vết mổ rất tốt, không có triệu chứng gì nhiễm trùng cả.

Đến ngày nằm viện thứ tư, tôi có thể chống gậy đi lại được trong phòng điều trị và ra ngoài hành lang để ngắm cảnh quanh bệnh viện. Bác sĩ phụ trách phòng vật lý trị liệu cũng ghé qua hướng dẫn tôi cách tập luyện cột sống sau khi mổ.

Ngày nằm viện thứ năm, 28 tháng 9 năm 2017, sau khi chích thuốc và uống thuốc xong, bác sĩ H.D. khám lại lần cuối, rồi ký giấy cho tôi ra viện. Bác sĩ cấp riêng cho tôi một tờ giấy của bệnh viện xác nhận tôi bị thoái hóa cột sống thắt lưng TL3-TL4, TL4-TL5, TL5-S1 (Hẹp ống sống kèm mất vững. Đã phẫu thuật và đặt dụng cụ tại bệnh viện). Giấy xác nhận này rất quan trọng vì sau này, khi đi máy bay ra Hà nội, tôi trình cho công an ninh sân bay biết tình trạng bệnh của tôi

Hàng tuần, tôi sẽ ghé qua phòng khám bệnh của bác sĩ kiểm tra, lấy thuốc uống. Riêng về cắt chỉ vết mổ, bác sĩ hứa sẽ nói một cô y tá làm việc ở phòng mổ có kinh nghiệm đến nhà cắt chỉ. Nếu cô y

tá kẹt công việc, đích thân bác sĩ sẽ cắt chỉ.

Đúng 16g00, tôi và vợ con về nhà sau gần một tuần cả gia đình phải lặn lội, vất vả vì tôi.

Sức khỏe tương đối tốt, ăn uống tuy nhiều lúc chưa thực sự ngon miệng, chủ yếu uống sữa, nhưng tôi thầm nghĩ phải bằng mọi giá hồi phục ngay sức khỏe, không được nằm nhiều, và “kinh nghiệm để đời” trong cuộc sống mỗi lần bị bệnh nặng, phải ăn cơm, không ăn cháo. Bác sĩ nói tôi phải uống thêm sữa và Calci-D 500mg vì tôi bị loãng xương tương đối nặng.

Đến ngày 4 tháng 10 năm 2017 (khoảng 10 ngày sau khi mổ), sau khi kiểm tra thấy vết mổ tốt, bác sĩ H.D. trực tiếp cắt chỉ vết mổ cột sống thắt lưng cho tôi. Phải thật lòng mà nói, trong cuộc đời tôi tính cho đến nay đã trải qua 06 lần mổ, nhưng chưa lần nào cắt chỉ lại “kinh hoàng” như lần này. Bác sĩ cầm một cái kim y tế để rút chỉ khỏi vết mổ. Tôi ráng chịu đựng, chỉ nghe tiếng rút chỉ “bụt..bụt...”, nghe chẳng khác như rút một cọng dây kẽm. Khoảng mười phút sau, bác sĩ đã cắt và rút chỉ vết mổ xong, bôi thuốc quanh vết mổ và dán băng y tế lại. Sau khi cắt, rút chỉ xong, người tôi thấy nhẹ và thoải mái hơn rất nhiều.

Bạn đồng hành đặc biệt: Anh bạn KY

Một điều vô cùng kỳ lạ là sau khi mổ cột sống thắt lưng về nhà được khoảng một tuần, anh bạn Ky, một con chó rất đẹp của vợ chồng người bạn thân tặng tôi ngay từ lúc Ky được một tháng tuổi. Khi tôi đi mổ cột sống thắt lưng về nhà, anh bạn Ky (đã chung sống với gia đình tôi được khoảng 17 năm), tự nhiên bị bệnh nặng, không ăn không uống gì cả, nằm quay đơ trong nhà. Tôi gọi điện thoại cho bác sĩ thú y. Cô bác sĩ đến khám và xác định anh bạn Ky bị động kinh (thực ra đối với con người đó chính là tai biến mạch máu não). Cô bác sĩ cho tôi biết chỉ còn cách cho Ky chích khoảng ba ngày. Nếu đỡ hơn, sẽ chích cho hết liều năm ngày xem có phục hồi lại không. Còn nếu chích mà không có tác dụng gì với Ky thì cô xin bó tay vì thực chất nuôi Ky khoảng 17 năm là đã quá thọ, xưa nay hiếm rồi!

Chích thuốc cho Ky là một vấn đề không hề giản đơn. Ky là một con chó lớn, rất dữ với mọi người. Ky chỉ hiền lành khi ở bên cạnh tôi. Muốn chích thuốc cho Ky thì phải có người ôm chặt Ky cho cô bác sĩ chích. Cả nhà không ai dám lại gần Ky vì sợ anh bạn cắn. Tôi mới đi mổ về. Nếu ôm chặt Ky cho cô bác sĩ chích mà anh bạn không chịu, quẫy mạnh, tôi bị té là có thể phải “đi cấp cứu” ở bệnh

viện.

Cả nhà phân vân không biết giải quyết ra sao? Nếu không chích, cứu Ky, anh bạn có thể sẽ phải “ra đi”, vì bây giờ đứng dậy, Ky cứ quay vòng vòng, đi không được vững nữa.

Tôi tin anh bạn Ky sẽ không quấy mạnh khi tôi ôm cho cô bác sĩ chích. Tôi chống gậy ra ngồi trên một cái ghế. Sau đó, tôi kéo Ky ra gần, rồi âu yếm ôm chặt Ky, vuốt đầu và nói nhẹ nhàng với Ky rằng để cô bác sĩ chích. Nằm trong vòng tay tôi, khi chích, Ky không quấy mạnh mà chỉ rên vì đau. Cả nhà thở phào vì Ky đã chịu cho cô bác sĩ chích.

Buổi tối, tôi nằm trên giường ở phòng tôi dưới tầng trệt. Ky lết đến nằm ngay dưới chân tôi, nét mặt ngược nhìn tôi, vô cùng sầu não.

Tôi cho Ky uống đủ các loại sữa nhưng Ky không ăn. Tôi lấy đủ loại thuốc của tôi về thần kinh, về thuốc bổ não cho Ky uống, nhưng không thấy tác dụng nhiều.

Đêm khuya, ngủ không được, tôi chống gậy tập đi lại trong nhà, anh bạn Ky nằm yên, ngó nhìn tôi. Tôi lại ngồi xuống ghế, vuốt ve anh bạn thân gần hai mươi năm mà không biết phải chữa chạy ra làm sao cho anh bạn khỏi trong tình trạng anh đã “quá già”.

Sau ba ngày chích và uống thuốc, buổi sáng thấy Ky uống được một chút sữa, tôi rất mừng. Đến sáng ngày thứ tư, vợ tôi bèn thử cho Ky một miếng bánh mì xem Ky có ăn được không thì điều kỳ lạ ập tới là Ky nằm ăn bánh mì thật ngon lành. Thấy vậy tôi mừng quá, gọi cô Hai (người giúp việc cho gia đình tôi) ra mua cho tôi một ổ bánh mì lớn của quán Bảy Hồ, đủ mọi thứ thịt, ba tê, chả lụa v.v...thật ngon cho Ky ăn. Anh bạn của tôi ăn ngon lành. Tôi bèn gọi cho cô bác sĩ đến chích cho đủ năm ngày và tăng cường thuốc bổ não cho Ky. Vừa nằm dưỡng bệnh sau khi mổ, vừa tìm cách chữa chạy cho Ky theo kiểu “còn nước còn tát”. Nhưng do “tuổi già, sức yếu” anh bạn Ky phải “vĩnh biệt” gia đình tôi vào cuối năm 2018, sau khoảng gần một năm được chữa trị tích cực, sống thọ vượt ra ngoài sức tưởng tượng của mọi người, kể cả cô bác sĩ thú y, người đã từng theo dõi, chữa bệnh cho Ky cả gần mười năm trời.



Anh bạn Ky

Suy đi, ngẫm lại, tôi càng thấm thía tại sao người lớn tuổi lại yêu thương, thân thiết với các chú chó đáng yêu. Trên đời này, tôi chưa hề thấy bất kỳ một chú chó nào khinh miệt chủ nghèo khổ cả, mà trái lại suốt đời các chú chó một mực trung thành với người nuôi dưỡng mình, thậm chí có những trường hợp có những chú chó lao ra đón nhận cái chết để bảo vệ chủ của mình. Nghĩ đến điều này, tôi đảm bảo không ai có thể cầm nổi nước mắt!

Bệnh hội chứng hai ống cổ tay và bàn tay do viêm đa khớp dạng thấp gây ra bắt đầu hành hạ

Giữa tháng 6 năm 2018, hai bàn tay tôi bị tê dại, lạnh toát, đau nhói, không co duỗi bàn tay một cách bình thường được, cầm chén cơm không được.

Tôi vội vàng đến thăm vợ chồng bác sĩ H.D. Ngay lập tức, bác sĩ Th. nghi ngờ có vấn đề ở hai cổ tay và hai bàn tay, giới thiệu tôi đi đến một vị giáo sư nổi tiếng đo điện cơ xem có gì đặc biệt ở hai ống cổ tay và hai bàn tay. Rất tiếc, tôi liên hệ với vị giáo sư này không được vì ông đi công tác xa, không có mặt tại thành phố. Bác sĩ H.D. liền chuyển tôi lên bệnh viện Thần Dân (nằm xéo bệnh viện Chấn thương chỉnh hình) để đo điện cơ hai ống cổ tay và hai bàn tay. Bác sĩ ở bệnh viện đo điện cơ cho tôi hỏi tôi hàng ngày hai cổ tay và bàn tay có đau nhiều không? Tôi trả lời rất đau, tê, lạnh suốt ngày. Cầm chén cơm lên ăn cũng khó khăn. Bác sĩ nói tôi bị bệnh

tương đối nặng, chắc bác sĩ điều trị phải mổ để giải quyết các triệu chứng do hội chứng ống cổ tay gây ra.

Ngày tối hôm đó, tôi cầm kết quả đo điện cơ ở Bệnh viện Thần Dân về cho hai vợ chồng bác sĩ H.D. coi. Vừa thoáng nhìn kết quả, bác sĩ Th.nói ngay tôi bị hội chứng ống cổ tay do viêm đa khớp dạng thấp gây ra.

Bác sĩ cho tôi hay bệnh viêm khớp dạng thấp là bệnh khớp diễn biến mạn tính gây ra đau, cứng khớp, phù và hạn chế vận động của nhiều khớp. Viêm khớp dạng thấp có thể tác động đến mọi khớp nhưng đầu tiên thường là các khớp nhỏ, đặc biệt là các khớp của ngón tay đến bàn tay và của ngón chân đến bàn chân. Khi bệnh tiến triển, các triệu chứng của bệnh viêm đa khớp dạng thấp thường lan rộng sang tàn phá không những các cổ tay, mà nhiều khi còn lan rộng sang tàn phá các đầu gối, các cổ chân, các khuỷu, các háng và các vai. Trường hợp của tôi rất rõ ràng chính viêm khớp dạng thấp làm các ngón tay tôi bị sưng, đau buốt và tê. Hai mu bàn tay và phía bên hai cổ tay bị sưng tấy lên làm tôi khó khăn co duỗi các ngón tay và đương nhiên, trong sinh hoạt hàng ngày gặp nhiều khó khăn. Bác sĩ nói rõ các thành phần trong ống cổ tay gồm có dây thần kinh giữa và gân gấp các ngón tay. Nền của ống cổ tay là các xương cổ tay trong khi mái của ống cổ tay là dây chằng ngang cổ tay. Toàn bộ cấu trúc này vô cùng vững chắc nên mọi tổn thương, sưng viêm bất kỳ thành phần nào trong ống cổ tay đều gây tăng áp lực đáng kể. Lúc này, dây thần kinh giữa là thành phần dễ tổn thương nhất, do có cấu trúc mềm nhất và lại nằm ở vị trí nông nhất. Đây là lý do tôi có cảm giác tê bì, ngứa ran, đau nhói, lạnh và yếu các cơ ở bàn tay. Kết quả đo điện cơ đã xác định rõ tổn thương do hội chứng cổ tay gây ra. Vấn đề đặt ra là phải bằng mọi cách bảo tồn thật tốt chức năng cho dây thần kinh giữa. Bác sĩ còn cho tôi biết hội chứng hai cổ tay do viêm đa khớp dạng thấp gây ra thường gặp nhiều đối với phụ nữ từ 50 đến trên 60 tuổi. Đối với nam giới tuổi từ 70 trở lên như tôi, rất hiếm gặp.

Thật đúng là “Họa Vô Đơn Chí”, tôi gặp quá nhiều chuyện xui xẻo, hết bệnh này lại đến bệnh khác xảy đến với tôi. Đương nhiên tôi biết sớm hay muộn cũng phải tiến hành ca mổ hội chứng hai ống cổ tay để cắt bỏ dây chằng ngang cổ tay. Mổ như vậy sẽ làm tăng không gian hơn cho dây thần kinh giữa và các gân giúp cải thiện đau đớn, tê bì hai bàn tay. Tuần tiếp theo, bác sĩ H.D. hẹn tôi đến bệnh viện để mổ hội chứng hai cổ tay vào lúc 13g00. Con trai tôi lại đưa tôi vào bệnh viện từ sáng sớm. Tôi được đưa đi làm các xét nghiệm cần thiết cho ca mổ. Sau đó, cháu đi đóng tiền chi phí cho ca mổ và tiền thuê phòng nghỉ trong một ngày (vì chiều tối tôi có

thể xuất viện).

Đúng 13g00, con trai và tôi đến Phòng mổ (đối với cháu việc đưa tôi đến Phòng Mổ, đưa tôi đi làm xét nghiệm trước khi mổ, đóng tiền tạm ứng khi nằm viện, thay mặt gia đình ký giấy cho tôi mổ v.v... đã quá quen thuộc vì năm ngoái, cháu và vợ tôi đưa tôi đi mổ cột sống lưng, cháu cũng làm tất cả các thủ tục như vậy). Tôi bước lên bàn mổ rất tự tin, chờ đợi. Bác sĩ H.D. bắt tay vào mổ cho tôi. Ca mổ hội chứng ống cổ tay phải diễn ra khoảng một giờ ba mươi phút. Bác sĩ cho con trai tôi hay ca mổ phải làm thật kỹ, mất khá nhiều máu, nhưng kết quả rất tốt. Đến gần 15g00 tôi được con trai đưa về phòng điều trị để nghỉ. Nằm ở bệnh viện đến 17g30, con trai tôi gọi taxi đưa tôi về nhà.

Mổ xong, cổ tay của tôi băng bó chặt để hạn chế cử động trong khoảng hai tuần. Sau đó, tôi đến để bác sĩ H.D. tháo băng, kiểm tra lại vết mổ khô và tốt chưa. Nhân tiện, bác sĩ kiểm tra lại các chức năng của các cơ bàn tay và cổ tay xem đã phục hồi như thế nào. Bác sĩ rất hài lòng về vết mổ và hướng dẫn cho tôi một vài bài tập vật lý trị liệu nhằm cải thiện các cử động của cổ tay và bàn tay. Tôi lại được băng bó lại cẩn thận trong khoảng hai tuần kế tiếp rồi mới được tháo băng hoàn toàn. Trong thời gian này, ngoài các bài tập trên, tôi thường xuyên cử động nhẹ các ngón tay để giúp ngăn ngừa cứng khớp.

Khoảng đầu tháng 8 năm 2018, con trai tôi lại đưa tôi đến bệnh viện làm mọi thủ tục để bác sĩ mổ tiếp hội chứng cổ tay trái. Mọi mặt diễn biến tốt đẹp. Đến tháng 11 năm 2018, tôi thấy hai bàn tay dễ chịu rất nhiều, mặc dầu hai bàn tay và đặc biệt là hai bàn chân vẫn còn bị tê, lạnh, tuy có bớt hơn trước, nhưng chưa hoàn toàn dứt khỏi.

Năm 2019, sức khỏe của tôi khả quan hơn. Tôi thường xuyên đi kiểm tra sức khỏe tổng quát để xem nếu phát hiện có điều gì bất ổn về sức khỏe phải nhanh chóng trị tận gốc. Tôi vẫn đến thăm hai vợ chồng bác sĩ để kiểm tra xương khớp và đương nhiên không thể quên mỗi năm bằng mọi giá phải ghé qua nhờ bác sĩ kiểm tra xem nếu bị tràn dịch đầu gối, đi lại khó khăn do hai đầu gối sưng to, nhờ bác sĩ hút hết dịch ra và chích thuốc nhờn cho các khớp xương ở đầu gối hoạt động trở lại được tốt hơn, tránh bị ma sát kêu lạo xạo vì thiếu chất nhờn, đi không được, dễ dẫn đến triệu chứng nguy hiểm cho hai đầu gối.

Trở lại tình trạng hai bàn tay và hai ống tay tuy đã mổ, tập luyện liên tục theo lời chỉ dẫn của bác sĩ, nhưng tôi thấy từng nơi từng

lúc còn đau, co duỗi ra khó khăn. Tôi nhớ bữa đến khám bác sĩ về thấp khớp hai đầu gối, tôi hỏi bác sĩ đối với hai ống tay và hai bàn tay, nếu tôi đi học đàn Organ để tập dẫn hai bàn tay ra có được không? Bác sĩ hoan nghênh vì nếu tập đàn cho dẫn rộng bàn tay ra cũng là một liệu pháp tốt, nhưng với điều kiện không được thái quá. Bác sĩ cũng khuyến khích tôi bơi lội, đi bộ và chạy nhẹ nhàng trong hồ bơi hoặc ở ngoài bờ biển Vũng Tàu cũng rất tốt cho rèn luyện xương khớp.



Tập đàn để chữa bệnh hội chứng hai cổ tay
và viêm đa khớp dạng thấp hai bàn tay
(Cây đàn Organ Casio để ở Vũng Tàu)

Tập đàn để chữa bệnh hội chứng hai cổ tay và viêm đa khớp dạng thấp hai bàn tay

Cô giáo dạy đàn organ và người học trò 80 tuổi...

Được bác sỹ cho phép, từ tháng 10 năm 2019, tôi đến trường học đàn Organ với các cháu nhỏ ở một trường dạy đàn ở Quận 10. Tôi học rất nghiêm túc, rất đúng giờ, một tuần hai buổi sáng, không hề bỏ một buổi học nào, mua liền một lúc hai cây đàn Organ để tập (một cây để ở thành phố Hồ Chí Minh và một cây để ở Vũng Tàu). Tôi học đàn tính đến nay đã được gần ba năm (2019 – 2022). Tuy chống chọi với hết bệnh này đến bệnh khác, nhưng ở nhà có tiếng đàn vang lên thánh thót làm cuộc sống vui tươi hơn, bớt đi rất nhiều những lo âu, sầu não không cần thiết. Đến nay, sau khi học gần ba năm, tôi có thể đàn được các bài như Waves of The Danuble, Happy New Year, Come back to Sorento, Historia De Un Amor (The history of love) v.v...cho cả nhà nghe cho vui. Hai bàn tay tôi, do luyện tập chuyên cần và có ý thức, nên có thể doãng tay rộng ra nhiều hơn, tuy từng nơi từng lúc hai mu bàn tay hoặc giáp gần hai cổ tay vẫn bị sưng do viêm đa khớp dạng thấp gây nên.

Dẫu không còn trẻ nữa, nhưng tôi vẫn phân bổ thời gian thật hợp lý để làm việc khi cần thiết, có chừng mực, phù hợp với khả năng và sức khỏe hiện nay của tôi (chẳng hạn như yêu cầu về chuyên môn của các trường đại học trong thành phố). Tôi có thời gian để tập đàn Organ để vừa tạo cho cuộc sống đáng yêu hơn vừa giúp tôi một cách tích cực chữa bệnh của tôi.

Thấy tôi học đàn organ để chữa bệnh hội chứng hai cổ tay và viêm đa khớp dạng thấp hai bàn tay, nhiều anh chị em, bạn bè đồng đội, đồng nghiệp không thể tin cho nổi một ông già tuổi 80 như tôi có thể tập đàn thành công được.

Ngày cô Mến, cô giáo dạy đàn cho tôi gần ba năm nay, khi kể chuyện về một ông thầy giáo tuổi 80 đang tập đàn rất chăm chỉ, siêng năng để chữa bệnh đa khớp dạng thấp cả hai cổ tay lẫn hai bàn tay, cha mẹ cô không thể nào tin cho nổi đó là sự thật. Chỉ khi chính chồng cô đứng cạnh xác nhận thông tin của cô chính xác vì anh đã từng chở vợ nhiều lần đến nhà ông thầy trên để dạy đàn, cha mẹ, anh chị em trong gia đình mới tin những chuyện cô kể là những sự kiện có thực và chính cô là người trực tiếp góp một phần (dạy đàn) để giúp ông thầy vượt qua mọi khó khăn trong quá trình chữa bệnh. Mới đây, cô giáo còn tâm sự với vợ tôi rằng sau gần ba năm học đàn nghiêm túc, tay phải tôi chạy trên các phím đàn đã dần ổn định, còn tay trái đã đỡ nhiều, nhưng còn đau

nên tôi lướt trên phím đàn còn nhiều khó khăn.

Nói đi thì phải nói lại cho thật chính xác về lý do tại sao tôi học đàn có kết quả tốt như vậy?

Tục ngữ có câu : “Không thầy đố mày làm nên” quả thật đúng! Mặc dù tuổi của tôi hơn ba lần cô giáo, nhưng với tư cách là một học trò, tôi luôn kính trọng và biết ơn cô giáo. Mến về công lao cô đã bỏ ra nghiên cứu, tìm một phương pháp thật thích hợp để giúp tôi có thể học đàn organ vừa dễ thư giãn, vừa chữa bệnh và thực sự, cô đã thành công trong việc dạy tôi học đàn hơn cả sự mong đợi của bản thân tôi và gia đình.

Là một người lấy nghiệp thầy để theo đuổi suốt đời, là một nhà sư phạm làm nghề trồng người cả gần một nửa thế kỷ, tôi phải thật sự ngạc nhiên và vô cùng kính phục sự tận tâm với nghề dạy học, những phương pháp sư phạm cô tự tìm kiếm làm sao thích ứng cho từng học trò, sự kiên trì không mệt mỏi của cô khi lên lớp dạy học giúp từng học trò có được một động lực, một sự hưng phấn, thực sự say mê trong học đàn. Tôi đã từng chứng kiến trên trường cô dạy có những cháu nhỏ tự kỷ, đến không chịu học, phá đập cả đàn của nhà trường. Cô vẫn không bức dọc, dùng tình cảm yêu thương của mình cảm hóa các cháu và cuối cùng các cháu ngoan ngoãn ngồi học dưới sự kèm cặp của cô giáo.

Ở các trường tư dạy đàn organ, các cháu nhỏ đến học là chủ yếu. Loại học trò như tôi có vài ba người, trong đó tôi là người cao tuổi nhất. Nhiều cháu đến học rất siêng năng, chịu khó ngồi học theo yêu cầu của cô giáo. Nhưng cũng phải thật lòng mà nói, cũng không ít cháu đến chỉ đi lang thang quanh lớp, không muốn học, ngồi vẽ chơi vớ vẩn. Lý do chính do cha mẹ quá bận trong chuyện làm ăn, muốn “giải phóng” mình trong một vài giờ khỏi phải hầu hạ các “công nương, quý tử” đã gửi các cháu đến “học đàn” cho có vẻ sang trọng. Đây là số học trò cô giáo phải chịu đựng, chiều chuộng từng cháu, “năn nỉ” các cháu học để khi cha mẹ đến đón về nhà, kiểm tra lại con mình đã học được một chút đỉnh là họ vui vẻ, hạnh phúc lắm rồi. Nhiều lúc một bài tập đàn ngắn thường tập một buổi là xong, nhưng với các cháu “đặc biệt” này có khi phải kéo dài trên một tuần.

Riêng bản thân, tôi phấn khởi khi thấy kết quả học đàn có tiến bộ. Tôi quyết giữ ý chí trước sau như một, bố trí thời gian thích hợp để học đàn, vừa để nâng cao chất lượng cuộc sống hàng ngày được tươi đẹp và thơ mộng hơn, duy trì nếp sống vui, khỏe, lạc quan để gia cố thêm nội lực, quyết thắng các loại bệnh tật nguy hiểm khác

khi chúng kéo đến.



*Cô giáo dạy đàn Organ và người học trò 80 tuổi với cây đàn Yamaha
tại thành phố Hồ Chí Minh.*

(Hình chụp ngày 12 tháng 8 năm 2022)

Bệnh viêm khớp hai đầu gối hoành hành, kéo luôn theo bệnh suy van tĩnh mạch hai chi dưới

Khoảng cuối tháng 9 năm 2020, hai đầu gối tôi bị sưng to, đi lại rất khó khăn. Hai bàn chân bị lạnh và tê dại, rất khó cử động các ngón chân. Chân bên phải bị sưng phù lên. Ấn mạnh vào gần mắt cá chân thấy bị phù thũng, lõm sâu một lúc mới trở lại bình thường.

Tôi lại đến phòng khám bệnh của hai vợ chồng bác sĩ để chữa bệnh. Bác sĩ H.D. hút hết dịch từ hai đầu gối ra và trích thuốc nhờn cho các khớp xương ở đầu gối hoạt động trở lại được tốt hơn. Riêng bác sĩ Th., sau khi kiểm tra độ phù nề của hai chân của tôi, giới thiệu ngay tôi đến gặp bác sĩ Ph. (một bác sĩ có uy tín về chữa trị chuyên sâu về bệnh suy van tĩnh mạch) để siêu âm toàn bộ hai chi dưới.

Chiều 13 tháng 10 năm 2020 tôi đến phòng khám bệnh của bác sĩ Ph. để siêu âm hai chi dưới. Trong lúc siêu âm kỹ tĩnh mạch của hai chân, từ háng trở xuống, từng nơi từng lúc, bác sĩ chỉ cho tôi những chỗ bị tắc nghẽn dòng máu trong tĩnh mạch. Bác sĩ rất ân cần, khuyên tôi đừng quá lo sợ, vì bệnh suy van tĩnh mạch là bệnh lý thường gây phù nề chi dưới, thay đổi da, tạo cảm giác khó chịu do tăng áp lực tĩnh mạch của chi dưới. Nguyên nhân chủ yếu của bệnh này là do trào ngược hay tắc nghẽn dòng máu trong tĩnh mạch. Trường hợp của tôi là rối loạn chức năng van tĩnh mạch nông, chủ yếu là do suy yếu trong cấu trúc van hoặc giãn tĩnh mạch làm van tĩnh mạch không thể hoạt động bình thường. Bác sĩ hướng dẫn tôi cách tập luyện ở nhà và chủ yếu dùng thuốc điều trị.

Cấp cứu đêm giao thừa vì nhiễm trùng máu nặng

Đúng là “người tỉnh không bằng trời tỉnh”. Tưởng sức khỏe đã ổn định, tôi có thể ung dung cùng gia đình đón năm mới 2021. Nhưng lại một sự cố “trầm trọng” xảy đến với tôi. Trưa ngày thứ ba ngày 29 tháng 12 năm 2020, tôi thấy hơi khó chịu ở kẽ ngón chân út bên trái. Tôi nhờ vợ tôi kiểm tra và thấy không có vết trầy, da bị bong không biết từ lúc nào. Cẩn thận, vợ tôi rửa ngón chân út bằng nước oxi già và thuốc Providine 8 ml. Đầu giờ chiều (14g00), bắp chân trái và mu bàn chân của tôi sưng u lên, chuyển màu đỏ sẫm, đau nhức và khó chịu vô cùng. Chạm vào vùng chân bị sưng tấy, tôi thấy nóng hừng hực. Tôi đuổi súc rất nhanh, chống gậy cũng không đứng lên nổi nữa. Mỗi lần vợ tôi đỡ tôi đứng dậy là cả một vấn đề khó khăn vì vốn dĩ con người tôi “quá

khổ”, cao 1m72, nặng 74 kg. Suốt đêm 29 tháng 12 năm 2020, tôi sốt li bì, bắp chân trái nhức buốt hành hạ liên tục.

Trước tình hình “bạo bệnh” bất ngờ tấn công một cách khốc liệt, tàn nhẫn, không cho tôi có thể trở tay kịp, chỉ còn biết dùng tấm thân và sức lực “đỡ đòn”, ngay tối thứ tư trong lúc tôi sốt li bì, vợ tôi không ngủ, vừa canh chừng tôi vừa dọn dẹp đồ đạc, quyết tâm đưa tôi về ngay thành phố Hồ Chí Minh vào sáng sớm ngày thứ tư 30 tháng 12 năm 2020.

Vợ tôi bàn với tôi phải chủ động giải quyết tích cực nhất trong khả năng có thể của chúng tôi. Tôi gọi điện thoại cho vợ chồng bác sĩ H.D. trao đổi diễn biến của cơn bệnh này, và ngay lập tức gọi taxi chạy thẳng từ Vũng Tàu về bệnh viện nơi hai vợ chồng bác sĩ đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đúng 10g30 ngày 30 tháng 12 năm 2020 xe tới bệnh viện. Sau khi kiểm tra khu vực bắp chân và bàn chân trái, bác sĩ cho tôi đi xét nghiệm máu. Kết quả xét nghiệm cho biết số lượng bạch cầu quá cao (22.000) trong khi mức bình thường là 10.000. Như vậy tôi đã bị nhiễm trùng máu rất nặng.

Bác sĩ Th. khuyên tình hình trên không thể kéo dài hơn, phải đến bệnh viện cấp cứu để họ truyền một loại kháng sinh phù hợp qua đường tĩnh mạch làm sao nhanh chóng cắt cơn sốt và hạ lượng bạch cầu đang ở chỉ số quá cao. Bác sĩ giới thiệu tôi với các bác sĩ có nhiều kinh nghiệm điều trị căn bệnh hiểm nghèo này ở một bệnh viện lớn, có uy tín ở thành phố Hồ Chí Minh. Trước lời khuyên rất chân tình của vợ chồng bác sĩ, ngay chiều tối ngày 30 tháng 12 năm 2020, vợ con tôi đưa tôi đi cấp cứu tại bệnh viện trên.

Đến bệnh viện, tôi được chuyển thẳng vào Khoa Cấp Cứu. Các bác sĩ cho xét nghiệm máu và khám lâm sàng rất kỹ. Sau khi có kết quả xét nghiệm máu, các bác sĩ cho biết tôi bị Viêm mô tế bào (Cellulitis) và vi khuẩn đã xâm nhập và gây ra bệnh nhiễm trùng máu khá nặng với lượng bạch cầu là 24.000.

Thực ra, nhiễm trùng da như trên khá phổ biến, phần nhiều xảy ở vùng da phần chân dưới do vi khuẩn gây ra. Thi thoảng cũng có trường hợp xảy ra ở bất kỳ vùng da khác như ở mặt, cánh tay, thậm chí có trường hợp ở quanh hốc mắt. Nhưng nếu không điều trị kịp thời, như trường hợp của tôi, vùng da ở bắp chân và mu bàn chân bị tổn thương sưng căng lên, tấy đỏ, và tôi có cảm giác đau, nhức, nóng hừng hực khi lấy tay chạm vào, và bị sốt li bì. Đây

chính là môi trường để nhiễm trùng xuất hiện rất nhanh, cho phép vi khuẩn xâm nhập vào chỗ hở của vết thương hay kẽ nứt của da gây bệnh (đối với người lớn tuổi, từ +75, da khô và nứt, dễ bị bệnh nếu chủ quan). Nếu không điều trị triệt để, nhiễm trùng có khả năng lan đến hạch bạch huyết và vào máu, gây đe dọa đến tính mạng.

Đêm đầu tiên, bác sĩ trực cấp cứu cho điều dưỡng truyền liên tục đạm và một loại kháng sinh liều lượng cao và thuốc giảm sốt vào tĩnh mạch. Con trai tôi vào nằm chăm sóc tôi ở bệnh viện. Đây là đêm vô cùng vất vả vì các cháu điều dưỡng phải chạy đi, chạy lại liên tục. Tôi vừa bị bệnh hành hạ đủ thứ như đau, nhức, buốt, lạnh, vừa bị sốt khá cao, không dứt cơn được. Mỗi lần tôi đi tiểu là một cực hình vì tôi không tự đứng lên được, phải nhờ con trai dùng sức kéo tôi đứng dậy mới đi tiểu được.

Từ ngày thứ hai nằm ở bệnh viện trở đi (từ ngày 31 tháng 12 năm 2020), con trai tôi phải về nhà chăm cháu nội bị sốt siêu vi. Vợ tôi lên chăm sóc tôi và ở lại luôn trong bệnh viện vì gia đình neo người, không còn ai khác để thay phiên.

Trong ngày nằm viện thứ hai, bác sĩ trực ở bệnh viện cho thay một loại kháng sinh mới với hàm lượng cao hơn, cứ 8 giờ một chai đầy, kèm theo một chai thuốc hạ sốt truyền bằng hai đường dây khác nhau cùng lúc vào tĩnh mạch. Tôi nằm lì bì suốt ngày vẫn không hạ được cơn sốt, đau nhức toàn thân và rất mệt, nhưng vẫn giữ vững ý chí “Ăn cơm để lấy sức chữa bệnh”, mặc dù lúc đó, miệng đắng ngắt, chẳng thiết ăn uống gì.

Sáng sớm ngày nằm viện thứ ba, bác sĩ T.V. (bạn thân của bác sĩ Th.) vào phòng khám bệnh và nói :

“Cháu thay loại kháng sinh khác, liều lượng cao hơn. Suốt mấy ngày nay bác sốt li bì, lượng bạch cầu giảm quá chậm. Nếu truyền vào tĩnh mạch loại kháng sinh này làm bác cắt được sốt, chỉ số bạch cầu giảm, có nghĩa là đã tìm được loại kháng sinh phù hợp để điều trị cho bác. Cháu sẽ ráng tìm một loại thuốc uống tương ứng với loại kháng sinh đang truyền qua tĩnh mạch để bác uống, khỏi cần phải truyền quá nhiều chai lọ như thế này vào tĩnh mạch nữa vì nằm nhiều quá lại có nguy cơ bị cục máu đông”.

Thật tuyệt vời khi tôi cắt được cơn sốt trong đêm, nhiệt độ chỉ còn 36 độ C. Đêm hôm đó, tôi đỡ mệt hơn và ngủ được ngon giấc hơn.

Sáng ngày nằm viện thứ tư, sau khi điều dưỡng cặp nhiệt, lấy

thuốc cho tôi uống, một bác sĩ khác trực tại bệnh viện đến phòng tôi thăm bệnh. Vừa vào đến phòng, bác sĩ nói:

“ Con đã nghiên cứu kỹ hồ sơ bệnh án của bác. Con rất mừng vì qua xét nghiệm, bác không bị tiểu đường. Áp huyết của bác mấy ngày nay rất ổn định. Cho đến giờ bác đã cắt sốt được 12 giờ rồi. Như vậy, liều thuốc kháng sinh hôm qua bác sĩ T.V. thay để truyền tĩnh mạch cho bác rất thích hợp để điều trị.

Có một vấn đề con phải hỏi ý kiến của bác. Hiện có một loại thuốc kháng sinh có thể điều trị bệnh của bác bằng đường uống tương đương với loại kháng sinh đang truyền vào tĩnh mạch cho bác. Uống loại thuốc viên này, bác sẽ không phải chích để phòng cục máu đông di chuyển lên phổi hoặc não, nhưng bác phải đáp ứng những điều kiện như sau: Khi uống thuốc với liều cao (uống một ngày 6 viên, mỗi viên 500 mg), nếu bác bị ói, mửa, tức ngực hoặc dị ứng, chúng cháu sẽ dừng ngay, không cho bác uống loại thuốc đó nữa, và tiếp tục truyền kháng sinh qua đường tĩnh mạch như cũ và đương nhiên, chiều tối chúng cháu phải chích vào bụng để phòng ngừa cục máu đông”.

Tôi suy nghĩ và trả lời tôi tin các bác sĩ đang điều trị và hoàn toàn nghĩ bản thân tôi đủ sức khỏe để có thể uống được loại thuốc kháng sinh trên. Bác sĩ ghi tên thuốc Pyostacine 500 mg vào một tờ giấy, rồi đưa cho vợ tôi đi tìm để mua vì hiện trong các bệnh viện không có dự trữ loại thuốc kháng sinh này.

Vợ tôi gọi taxi chạy tìm mua thuốc và quay lại ngay bệnh viện để kịp đưa cho vị bác sĩ trực vì hôm đó là ngày nghỉ Tết Dương Lịch 2021, các bác sĩ chỉ làm trong buổi sáng,

Sau khi cho Khoa Dược kiểm tra chất lượng của thuốc, bác sĩ cho chúng tôi hay sẽ cho uống ngay hôm đó, cắt bỏ tất cả các loại thuốc truyền qua tĩnh mạch. Trước khi về nhà, bác sĩ dặn điều dưỡng phải theo dõi kỹ tình hình sức khỏe tôi, có gì phải gọi điện cho bác sĩ ngay.

Tối hôm đó, các cháu điều dưỡng vào phòng thăm tôi liên tục, cập nhật độ, đo áp huyết và theo dõi diễn biến bệnh tình của tôi. Thật mừng đêm ấy tôi hết sốt!

Sang ngày nằm viện thứ năm, sau khi các cháu điều dưỡng đo áp huyết, cập nhật độ và lấy máu đưa đi xét nghiệm, tôi ăn sáng, nghỉ ngơi, chờ bác sĩ đến thăm bệnh.

Đúng 8g15, bác sĩ T.V. chạy vào phòng, cười nói vui vẻ :

“Bác ơi! Tuyệt vời quá. Lượng bạch cầu hôm nay xuống chỉ số đáng kinh ngạc. Chỉ còn 8.600 thôi bác ạ! Chỉ số bạch cầu của người bình thường là 10.000. Thế là đã tìm đúng thuốc chữa bệnh cho bác rồi”.

Tôi hoàn toàn hiểu và trân trọng sự vui mừng của bác sĩ T.V. vì chỉ trong một thời gian ngắn, bác sĩ đã tìm ra được một phương án tối ưu để điều trị có hiệu quả nhất cho tôi.

Bác sĩ hỏi tôi muốn ở lại bệnh viện hay về nhà điều trị ngoại trú. Ở lại bệnh viện, hàng ngày chỉ uống thuốc theo chỉ định của bác sĩ, không có truyền tĩnh mạch hoặc chích thuốc gì hết. Tôi xin bác sĩ cho tôi về nhà, điều trị ngoại trú cho tâm hồn thanh thản hơn, vợ con và gia đình đỡ cực khổ hơn. Bác sĩ hoàn toàn đồng ý.

Đúng 14g00, tôi và vợ con đi taxi về nhà, kết thúc năm ngày đăng đẳng, mệt mỏi, với đủ mọi thứ lo âu. Trở về nhà, những ngày sau tôi tiếp tục uống thuốc theo yêu cầu của bác sĩ T.V., nhưng vẫn “ráng ăn cơm” để trị bệnh và vợ tôi hàng ngày theo dõi rất chặt việc uống thuốc cũng như diễn biến bệnh trong thời gian nằm tại nhà.

Nằm điều trị ngoại trú (ở nhà), uống thuốc nghiêm túc theo yêu cầu của bác sĩ, trong một tuần bệnh của tôi bớt đi nhiều. Chân dần dần đỡ nhức và cũng từ từ xẹp xuống, không sưng tấy nhiều nữa, vùng bị viêm mô tế bào da tróc ra từng mảng.

Sang ngày thứ mười điều trị, tôi đến bệnh viện tái khám theo lịch hẹn của bác sĩ. Sau khi lấy máu xét nghiệm xong, tôi được bác sĩ T.V. báo cho biết kết quả xét nghiệm máu mọi mặt đều tốt, áp huyết ổn định. Kiểm tra sức khỏe không có vấn đề gì. Vùng viêm mô tế bào đã xẹp gần như bình thường. Da xung quanh chỗ viêm đang tróc ra và lớp da mới đang được hình thành. Bác sĩ kết luận về cơ bản đã khỏi bệnh và cho tôi uống thuốc củng cố thêm bốn ngày nữa.

Qua cơn bạo bệnh này, tôi thấm thía một điều rất cơ bản là tuổi càng ngày càng cao, ngoài các bệnh thuộc về xương khớp, tiêu hóa, còn bao nhiêu thứ bệnh nền và các loại bạo bệnh khác sẽ bất chợt tấn công không cho chúng ta kịp đối phó, nếu bản thân mình chủ quan và thiếu cảnh giác.

So với bạn bè trong Nam ngoài Bắc, nhiều anh chị liên tục chống chọi với các loại bệnh tật hiểm nghèo còn hơn cả tôi

Ngó nhìn lại bạn bè tôi từ Bắc vào Nam, khi về hưu (60 tuổi), các

bạn cũng không khác gì tôi, liên tục chống đỡ các loại bệnh tật hiểm nghèo.

Do bệnh tình quá nặng, nhiều bạn “rủ nhau ra đi” ngay trong những năm đầu của thời kỳ nghỉ hưu như các anh Nguyễn Ngọc Quế, Nghiêm Xuân Đạt, Trương Hữu Thuyết, Đào Ngọc Long, Vũ Văn Nội, Nguyễn Cát, Nguyễn Duy Tăng,... cùng học ở phổ thông với tôi, hay các anh Nguyễn Mạnh Hùng (ở phố Bà Triệu), Lê Thế Mỹ (quê ở Sơn Tây), Cù Đình Cường (quê ở Phùng), Nguyễn Đăng Phúc (tức Phúc Xanh, nhà ở phố Lò Đúc) cùng đi lính, và cùng ở Trung đoàn 75 TSKT, hay các anh Trần Ngọc Lai (tức Đào Công Thi), Lê Xuân cùng đơn vị TSKT Mỹ ở B2 v.v..., tất cả các anh đã ra đi vô cùng bất ngờ, với đủ thứ bệnh nguy hiểm như biến chứng tiểu đường, đột quỵ, ung thư gan, ung thư dạ dày, ung thư đại tràng, ung thư trực tràng, ung thư tuyến tiền liệt v.v... Nhiều anh bị đột quỵ, gục xuống rồi đi luôn, vội vã đến mức gia đình và bạn bè trở tay không kịp, như trường hợp điển hình của hai anh Nghiêm Xuân Đạt và Trương Hữu Thuyết.

Những kỷ niệm đẹp về bạn bè đã đi xa...

1) Thầy giáo dạy Anh văn: Trần Quang Huy

Thầy giáo Trần Quang Huy là sinh viên khóa 6, còn tôi là sinh viên khóa 4 của Ban Anh Văn. Mặc dầu vậy, chúng tôi rất thân với nhau vì bằng tuổi nhau (sinh năm 1943) và tính tình rất giống nhau, luôn chan hòa, thân ái, thương yêu đồng nghiệp và sinh viên. Bất kỳ bạn bè nào gặp khó khăn trong cuộc sống, cần sự giúp đỡ, Quang Huy và tôi luôn sẵn sàng, không mảy may suy tính thiệt hơn cho bản thân mình.

Tôi dạy ở trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Huy dạy ở trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Chúng tôi có những mối quan hệ rất thân tình, đặc biệt cả hai cùng đi chuyên sâu ngành Ngữ học Anh và biên phiên dịch.

Tôi còn nhớ vào một buổi sáng tháng 8 năm 1984, tôi nghe tiếng gõ cửa trước phòng ở và làm việc của tôi ở ký túc xá trường Đại học Quốc gia Ngôn ngữ thành phố Moscow. Ra mở cửa, tôi vô cùng bất ngờ gặp lại bạn Quang Huy và anh Mẫn (dạy tiếng Nga, một biên phiên dịch có uy tín ở Hà Nội) đến thăm. Tôi rất vui được gặp lại các bạn đồng nghiệp tại thủ đô Moscow, ở chính ngay tại ngôi trường đại học đào tạo ngôn ngữ và biên, phiên dịch nổi tiếng của Liên Xô - The Moscow State Linguistic University. Hai anh cho tôi hay các anh thay mặt trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội sang làm

việc với trường tôi đang học nghiên cứu sinh, bàn cụ thể kế hoạch làm việc hợp tác trong những năm tới giữa hai trường đại học của Hà Nội và Moscow.

Do tôi đã có những kinh nghiệm thực tế làm việc và học tập ở trường của bạn ở Moscow khoảng 2 năm, tôi đã trao đổi với hai bạn nhiều vấn đề liên quan đến thể mạnh của trường tôi đang làm nghiên cứu sinh, đặc biệt về chuyên ngành Lý thuyết dịch thuật.

Sau này tôi trở về nước làm việc (từ tháng 8 năm 1986) tôi thường xuyên liên lạc với bạn Quang Huy để trao đổi thêm về học thuật. Mỗi lần ra công tác ở Hà Nội, tôi lại đến ở khách sạn Xuân - Spring của hai vợ chồng bạn Quang Huy ở phố Nhà Chung, gần nhà thờ lớn, Hà Nội. Tôi vô cùng cảm động khi thấy gia đình gồm bạn Quang Huy, chị Xuân và hai cháu trai coi tôi như người thân trong nhà, không hề có một chút khách sáo gì cả.

Bạn Quang Huy luôn thể hiện một sự biết ơn và kính trọng mỗi khi đề cập đến các thầy giáo đầu tiên khai sinh ra Ban Anh Văn, Khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội như các thầy Đặng Chấn Liêu, Trang Trọng, Duy Trọng, Đinh Nho Thâm v.v... Đặc biệt trong những lúc trao đổi với bạn Quang Huy về học thuật, anh luôn tự hào và trân quý khi nói về Giáo sư, Tiến sĩ Halliday, tác giả của trường phái Ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic Functional Grammar /SFG). Bạn Quang Huy khoe đã từng được vinh dự là học trò của thầy Halliday trong thời gian bạn được sang du học bên Úc.

Tôi còn nhớ khoảng tháng 5 năm 2019, khi tôi ra Hà Nội thăm gia đình và bạn bè, tôi đến thăm bạn Trần Quang Huy và chị Xuân. Lúc đó, Quang Huy rất vui, cho tôi hay hiện đang phải chạy thận, nhưng bệnh tình đang có những chuyển biến tích cực. Trước phải chạy ba lần một tuần, nay chỉ còn chạy một tuần hai lần thôi. Sức khỏe tương đối khả quan hơn. Khi tôi trở về khách sạn Bảo Khánh, hai vợ chồng ân cần tiễn ra tận cửa, rồi bảo cậu em trai của Huy dắt tôi qua đường kéo bị xe đung (lúc đó tôi ở tầng 4 cột sống thắt lưng khoảng một năm, đi đứng khá khó khăn).

Sáng hôm sau, hai vợ chồng bạn Quang Huy còn ghé qua nơi tôi ở là khách sạn Bảo Khánh, rủ tôi đi ăn phở bò ở phố Lý Quốc Sư và rồi cùng đi uống cà phê ở khu nhà Khai Trí Tiến Đức ngày xưa, tọa lạc tại số 16 Lý Thái Tổ (ngay cặp Hồ Gươm).

Ấy vậy mà, chỉ sau một thời gian rất ngắn, bạn Trần Quang Huy đã bất ngờ vĩnh viễn ra đi, để lại bao niềm thương, nỗi nhớ cho gia

đình và bạn bè.



Tấm hình kỷ niệm sau buổi làm việc với Khoa Đào tạo Sau đại học, trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

(Chụp năm 1997. Từ trái qua phải, thầy Trần Quang Huy, thầy Nguyễn Tiến Hùng và cô giáo chuyên gia nước ngoài)

2) Đạo diễn kiêm Phóng viên quay phim tài liệu của Điện ảnh Việt Nam: Nguyễn Quý Khôi

Tôi còn nhớ hồi học cấp 3, tôi đến thăm thường xuyên một người bạn rất thân của tôi tên là Nguyễn Quý Khôi. Bạn Quý Khôi sau này là nhà đạo diễn kiêm quay phim chuyên nghiệp, đã từng tốt nghiệp tại trường Đại Học Điện Ảnh ở Moscow- VGIK .

Là một đạo diễn kiêm phóng viên quay phim tài liệu, bạn Khôi rất xông xáo trên mọi lĩnh vực, mong có những thước phim tài liệu có chất lượng cao để điện ảnh Việt Nam làm tư liệu sống tố cáo tội ác

chiến tranh hủy diệt cuộc sống và con người ở Việt Nam của Mỹ.

Tôi luôn ca ngợi tinh thần quả cảm, không sợ gian khổ, mặc dù có thể hy sinh đến tính mạng của bạn Quý Khôi khi anh trực tiếp chĩa thẳng chiếc máy quay phim của anh trực diện với các loại máy bay của Mỹ đang ào ạt bắn phá, thả bom ở Quảng Bình, cầu Hàm Rồng, ở các đảo Bạch Long Vĩ, Cát Bà, Cồn Cỏ, Cầu Hàm Rồng... để sản xuất thước phim tư liệu vô cùng đắt giá, phục vụ cho cuộc chiến đấu chống ngoại xâm của dân tộc. Những việc làm hàng ngày của bạn trong cuộc chiến chính là những hành động anh hùng, đáng được người đời ngợi ca.

Tôi luôn trân trọng và coi hành động dũng cảm của bạn trong khi thực thi nhiệm vụ không khác chi những người lính trên các cụm pháo cao xạ, hoặc trên các dàn tên lửa, đang nhằm bắn thẳng vào các loại máy bay tiêm kích (fighter aircraft) và cường kích (attack aircraft) đang điên cuồng đe dọa dân ta bằng sức mạnh có một không hai trên thế gian này của không lực Mỹ trên bầu trời miền Bắc.

Sau hòa bình, tôi vô cùng cảm động và tự hào về tình bạn thân thiết của Quý Khôi với tôi. Một lần vào năm 1985, trong lúc tôi đang oằn người viết luận án tiến sĩ về ngôn ngữ học Anh thì nghe tiếng gõ cửa phòng tôi đang ở tầng 6 trong ký túc xá sinh viên Đại học Quốc gia Ngôn ngữ thành phố Moscow (The Moscow State Linguistic University), gần khách sạn Russia, ngay khu trung tâm thủ đô Liên Xô. Tôi ra mở cửa và thấy Quý Khôi xuất hiện ngay trước mặt. Tôi vui sướng, ôm chầm lấy bạn. Khôi vào phòng, ngẩng nhìn căn phòng của tôi rồi đánh giá ngay căn phòng này ở Việt Nam là phòng của VIP đấy! Nói xong, bạn cười hô hố, rồi bảo tôi làm sao có thể tưởng tượng cho nổi từ lúc còn ở rừng xanh núi đỏ mà bây giờ nghiêm nghiêm đang ngồi cùng bạn ở ngay gần điện Kremlin và dòng sông Moscow đầy thơ mộng này. Bạn cho tôi hay bạn đang rất bận vì phải tháp tùng ông thủ tướng Phạm Văn Đồng trong chuyến sang Liên Xô ngắn ngày nên đã xin phép ông phụ trách đoàn cho mượn xe chở bạn đến thăm tôi trong chốc lát. Quý Khôi dúm cho tôi một gói khoảng 50 hộp cao Sao Vàng để tặng bạn bè ở Nga vì họ rất thích loại cao này. Sau đó, Khôi tắt ta tắt tuổi ra thang máy để về đại sứ quán Việt Nam. Trên lầu cao, tôi nhìn thấy chiếc xe đen nhãn hiệu Volga đang chờ Khôi.

Từ những năm 2017 trở đi, bạn Quý Khôi bị bệnh mất trí nhớ của người cao tuổi (bệnh Alzheimer), suốt ngày phải ở trong nhà. Điều đặc biệt là Quý Khôi sống rất bình thường, ăn được và cười nói vui vẻ, làm như chẳng có gì đang xảy ra trong bộ nhớ rất tuyệt vời

trước kia của anh. Tôi nói tuyệt vời vì chưa bao giờ tôi gặp được một ông đạo diễn kiêm quay phim nào như Quý Khôi vì bạn nói liền một lúc ba thứ tiếng Anh, Pháp và Nga tương đối thông thạo. Sau khi Quý Khôi bị bệnh, lần nào ra chơi Hà Nội gặp lại, bạn luôn vừa ăn vừa tươi cười nói huyên thuyên đủ mọi chuyện chẳng ra đâu vào đâu cả, duy chỉ một câu hỏi đến cả chục lần là rõ ý nhất:

“Hùng ơi, mày làm gì mà hôm nay mặc áo đẹp thế!”

Khoảng cuối năm 2021, tôi nghe tin bạn Quý Khôi do mạch vành không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu oxy cho cơ tim, gây ra cơn đau thắt ngực, nên bệnh viện đã đặt stent động mạch vành cho Khôi.

Tiếp theo, bước sang năm 2022 Hà Nội đang trong cơn hoảng loạn vì dịch Covid-19, đúng ngày 1 tháng 4 năm 2022, nghe nửa tin nửa ngờ về hai anh em nghệ sĩ Nguyễn Quý Khôi và nghệ sĩ ưu tú Nguyễn Minh Trí, người hướng dẫn chương trình đầu tiên (MC) của Truyền Hình Việt Nam đã ra đi vĩnh viễn.

Tôi vội vàng gọi điện thoại cho anh bạn Nguyễn Hoàng Phúc ở Hà Nội, và anh đã phúc đáp cho tôi bằng một nhắn tin nóng hổi như sau trên điện thoại của anh:

“Tôi liên lạc được với cháu Khoa, con Khôi. Cháu nói Khôi mất ngày 5 tháng 3 vừa rồi, sau một tuần bị Covid. Bệnh viện đưa đi hỏa táng. Sau đó, gia đình mới đến nhận lọ tro. Khoa và chị (chắc cháu gái đầu lòng của Khôi là Thúy) đã đưa tro về Thường Tín an táng. Còn Xuân (vợ của Khôi) vẫn ở Úc, không về được. Riêng nghệ sĩ Minh Trí, em Khôi, cũng vừa mất cách đây mấy ngày”.

Tôi rất buồn khi nhận được tin này. Thế là cả ba người con trai (con bác gái cả) của thầy giáo Xuân Spring là Tuấn, Khôi và Trí đã ra đi mãi mãi. Tôi còn nhớ thời hoàng kim của ba anh em Khôi là thời kỳ vừa đi học vừa kiếm tiền thêm bằng cách đi làm manequin cho Tocontap ở Hà Nội.

Bạn Quý Khôi sống dũng cảm, hào sảng, luôn chân tình với bạn bè, nhưng hậu phận lại quá cơ cực. Trở về cõi tạm, do bạn mắc phải bệnh Covid -19 quá nguy hiểm, nên bạn không được từ biệt một ai, kể cả người thân yêu nhất trong gia đình.



*Bạn Nguyễn Quý Khôi, Đạo diễn kiêm Phóng viên quay phim tài liệu
và thời sự của Điện ảnh Việt Nam.*



Bạn Nguyễn Quý Khôi (đứng ở phía tay phải) trong buổi liên hoan gặp lại bạn bè lớp 10C, trường Phổ thông Cấp 3B Hà Nội đầu năm 2005.

3) Đại tá Nguyễn Minh Y

Đại tá Nguyễn Minh Y, Cục phó Cục Dân vận và Tuyên truyền đặc biệt thuộc Tổng cục chính trị, Bộ Quốc phòng, là một bạn thân ở đại học, đồng thời cũng là một đồng đội, tính cho đến năm 2021 đã ở trong quân ngũ cả hơn nửa thế kỷ. Nghỉ hưu chưa được bao lâu, bạn Nguyễn Minh Y đã phải lao vào cuộc chiến đấu ngoan cường chống lại bệnh ung thư phổi trong một thời gian dài gần 6 năm trời, và bạn đã để lại một tấm gương sáng chói về tinh thần không chịu khuất phục trước sự tấn công liên tục của bệnh ung thư “gây chết người” này.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, trong một chuyến ra Hà Nội thăm gia đình và bạn bè, khoảng 16g30, sau khi gọi điện thoại cho bạn Nguyễn Minh Y, tôi ghé qua thăm bạn tại căn nhà số 23 C phố Lý Nam Đế, Hà Nội. Tôi đã gặp cả hai vợ chồng. Bạn Minh Y cười, cho tôi hay anh đã bị mắc bệnh “nan y, chết người” ung thư phổi, khối u bằng quả ổi lớn ở ngực khoảng gần ba năm rồi (tính đến năm 2018). Các bác sĩ ở bệnh viện 108 đã hết lòng chăm sóc, điều trị cho anh. Các bác sĩ khẳng định không thể phẫu thuật, cắt bỏ khối u ở phổi anh được vì tuổi anh đã cao (xấp xỉ tuổi 80), khối u quá lớn! Vợ anh kể suốt ngày phải chăm sóc anh, bao gồm cả đi tiểu và đại tiện, không thể để anh tự làm một mình được.

Điều tôi vô cùng ngạc nhiên trong mấy năm ròng, mặc dù lúc thì sống ở bệnh viện, lúc thì điều trị ngoại trú tại nhà, chỉ riêng thuốc để điều trị không cho khối ung thư ở phổi phát triển rất đắt, phải đặt mua ở nước ngoài từng quý. Nhưng do anh thuộc diện cán bộ cấp cao trong quân đội nên được bệnh viện bao toàn bộ miễn phí. Anh luôn có dáng vẻ rất bình thản, yêu đời. Điều này được thể hiện rất rõ nét qua thần sắc, qua cách nói chuyện của anh với mọi người, đặc biệt với bạn bè thân như tôi từ thành phố Hồ Chí Minh ra thăm.

Bạn Nguyễn Minh Y tâm sự:

“Nhiều hôm cơn đau hành hạ, cực khổ vô cùng, nhưng phải kiên quyết cầm cự, phải tin tưởng ở bác sĩ. Tiền thuốc rất đắt, tốn cả trăm triệu trong mỗi tháng. Hùng phải hiểu mình đã kinh qua đủ các loại hóa trị, xạ trị trong quá trình điều trị ung thư, hành hạ mình vô cùng đau đớn...nhưng không có cách gì hơn là mình phải cắn răng chịu đựng, phải trân quý những cố gắng không mệt mỏi của các bác sĩ, y tá, điều dưỡng, phải thương yêu bà vợ ngày đêm túc trực chăm sóc mình bên giường bệnh. Nếu không nhờ tập thể bác sĩ và nhân viên trong Quân y 108, không nhờ bà vợ suốt ngày chăm sóc, chắc chắn mình đã “chầu trời” từ lâu rồi, Hùng ạ!”

Trong năm 2020, có lần tôi gọi điện hỏi thăm sức khỏe của bạn Minh Y, bạn rất buồn, báo cho tôi hay vừa mới làm giỗ 49 ngày mất của bạn.

Tôi vô cùng sửng sốt vì bạn bè trong Nam, ngoài Bắc, chẳng một ai báo tin vợ bạn Minh Y mất cho tôi hay. Bạn Minh Y cho tôi biết vợ bạn bị ung thư đường ruột, đã chuyển sang di căn, không thể chữa được. Tôi chia buồn cùng bạn Minh Y và hỏi bây giờ ai chăm sóc bạn hàng ngày ở nhà cũng như ở bệnh viện. Bạn tôi trả lời có thuê một người giúp việc hàng ngày. Đây là một cú “sock” cực kỳ lớn đối với bạn Minh Y, nhất là hiện giờ đang trong tình trạng chống chọi “từng ngày, từng giờ” với căn bệnh ung thư phổi, vì cuộc sống của bạn lúc này vô cùng cô đơn, không có “một nửa của đời mình” bên cạnh như trước, mà phải âm thầm chịu đựng những cơn đau “kinh hoàng” do bệnh ung thư hành hạ, nhất là trong những lúc đêm khuya thanh vắng, gió mùa đông bắc rít thổi từng cơn đem theo những đợt giá lạnh buốt đến thấu xương, làm cuộc chiến “đơn thương, độc mã” chống chọi với căn bệnh ung thư phổi hiểm nghèo của bạn ngày càng thêm cam go, khốc liệt, không ai có thể tưởng tượng cho nổi.

Thấy tôi ở xa, thường xuyên vào, ra bệnh viện, chịu đựng hết đợt

phẫu thuật này sang đợt phẫu thuật khác, nên bạn Minh Y thường xuyên gọi điện thoại hỏi thăm sức khỏe và động viên tôi trong quá trình đấu tranh với bệnh hoạn. Bạn Minh Y và tôi luôn an ủi nhau, động viên nhau ráng gồng mình để chống chọi với các căn bệnh hiểm nghèo.

Tôi vô cùng xúc động khi bạn Minh Y nghe tôi phải đi cấp cứu vì bị bệnh hiểm nghèo (bệnh nhiễm trùng máu – Cellulitis) vào đêm giao thừa Tết Dương lịch năm 2021. Bạn đã gọi điện thoại hỏi thăm vào ngay lúc nửa đêm và khuyên tôi phải thật sự bình tĩnh, không có chuyện gì trầm trọng xảy ra cả. Bạn Minh Y còn cho tôi biết bạn ấy mới điều trị ở Quân y 108 về nhà và bạn ấy cũng bị sưng u ở bắp chân, phải uống thuốc kháng sinh liều rất cao mới khỏi.

Cuối cùng, bạn Minh Y kết luận:

“Đầu năm 2021, tao và mày cùng bị một loại bệnh nguy hiểm chết người: Bệnh nhiễm trùng máu - Cellulitis”.

Bạn Minh Y rất thích đọc những cuốn sách tôi viết để kỷ niệm những năm tháng ở B2 (miền đông Nam bộ) của bốn lính Ấng-lê 615 ở B2. Bạn Minh Y tâm sự với tôi có lần khi bạn Lê Thụy Ánh đến thăm hỏi tình hình sức khỏe của bạn ra sao, Minh Y tuyên bố với Thụy Ánh rằng từ giờ trở đi, bạn không thêm đọc sách của ai khác, ngoài sách của Tiến Hùng từ Sài Gòn gửi ra vì đọc sách của Hùng thấy như gặp được lại tất cả bạn bè ngày xưa, trong đó có cả bóng dáng của chính Nguyễn Minh Y nữa.

Tôi còn nhớ cũng trong năm 2021, bạn Minh Y gọi điện thoại cho tôi với mong muốn cả ba anh em chúng tôi là Nguyễn Hùng Trí, Nguyễn Minh Y và Nguyễn Tiến Hùng cùng ngồi lại với nhau một vài ngày để viết về những câu chuyện của lính Ấng-lê 615 một thời của chúng tôi ở cả hai miền Nam và Bắc. Theo tôi, đây là một ý tưởng rất hay của bạn Minh Y, đặc biệt tôi lại được chấp bút viết về những người bạn thân khác cùng lớp, cùng cảnh ngộ trong quân ngũ, những người bạn cùng thời, đã từng được sinh ra từ những năm đầu của thập kỷ 1940.

Khoảng tháng 5 năm 2021, tôi gửi cho bạn Minh Y bản thảo cuốn sách tôi viết về bốn anh lính Ấng-lê 615 ở B2 (trong cuốn sách *Ký Ức Hai Góc Đối Chiếu*) để bạn coi cho đỡ buồn. Nhận được bản thảo (bản photocopy) cuốn sách, bạn Minh Y đọc một mạch ngay trong lúc đang điều trị tại Quân Y 108. Đọc xong, Minh Y gọi ngay điện thoại cho tôi, khuyên tôi nên xuất bản cuốn sách cho mọi

người đọc và cuối cùng, bạn dặn đi dặn lại rằng khi in xong cuốn sách nhất định phải tặng cho bạn ấy một cuốn. Tôi hứa như đinh đóng cột rằng người tôi phải gửi tặng đầu tiên sẽ là bạn Minh Y.

Đời tưởng công việc dễ dàng làm trong tầm tay, ấy vậy mà tôi cũng không đủ khả năng làm nổi!

Tôi có in ấn sách bao giờ đâu. Tôi ký hợp đồng liên kết xuất bản cuốn sách với nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh vì chỉ nghĩ đơn giản tôi là giáo viên của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh cả nửa thế kỷ rồi, chắc thế nào cũng được các bạn trẻ ở nhà xuất bản ưu ái cho in ấn sớm để còn kịp tặng bạn Minh Y theo đúng lời hứa vì tôi biết rất rõ cuộc sống của người trên 80 tuổi, chẳng ai biết trước điều gì sẽ xảy ra.

Mặc dù anh chị em trong nhà xuất bản đã dành nhiều ưu ái cho người thầy giáo già là “chính cái thằng tôi” (thời gian này đại dịch Covid 19 đang hoành hành ở thành phố Hồ Chí Minh), nhưng cuốn sách dàn xong trang, hoàn chỉnh được bìa và chỉ chính thức có thể ra mắt bạn đọc vào đầu năm 2022.

Đúng là trời đất chẳng chiều một ai, chỉ trước đó khoảng hơn hai tháng (tháng 10 năm 2021), tôi nhận được hung tin là người bạn thân của tôi, đại tá Nguyễn Minh Y, đã tạ thế và đã được quân đội tổ chức tang lễ trọng thể ngày 9 tháng 10 năm 2021 tại nhà tang lễ quân đội ở Hà Nội.

Một điều làm tôi cảm động và tôi tin rằng bạn Minh Y sẽ cảm thấy ấm lòng trước lúc ra đi là chuyện hai mẹ con một người bạn gái thân (trong nhóm bạn miền Nam tập kết của các anh Nguyễn Bé, Lâm Quang Nho, Đoàn Quế Lâm ...) đến thăm hỏi, chăm sóc bạn Minh Y rất ân cần, đầy trách nhiệm, đầy ấp tình bạn và tình người trong những giây phút cuối cùng trước khi bạn Minh Y về cõi vĩnh hằng và chính mẹ con chị đã thông báo từng giây phút tình trạng của bạn Minh Y trước lúc đi xa cho bạn Quế Lâm và bạn bè ở thành phố Hồ Chí Minh. Toàn bộ câu chuyện này được bạn Đoàn Quế Lâm gọi điện thoại, kể lại tỉ mỉ cho tôi nghe vào tối ngày 7 tháng 10 năm 2021. Bán tin, bán nghi, tôi gọi gấp điện thoại cho các bạn Thụy Ánh, Thúy và Hùng Trí, nhưng chưa một bạn bè nào ở Hà Nội vào lúc đó biết rõ tin bạn Minh Y đã rời cõi “tạm”...



Tác giả Nguyễn Tiến Hùng đến thăm bạn Nguyễn Minh Y ở số 23C Lý Nam Đế, Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018 (16g30)



Tác giả và các bạn cùng lớp đại học (niên khóa 1961-1965)

(Hình chụp năm 2013. Từ trái qua phải: Nguyễn Minh Y, Lê Thụy Ánh, Ngô Thị Hân, Lê Thị Thúy và Nguyễn Tiến Hùng)

Tôi vô cùng hạnh phúc vì mặc dù nhiều bệnh tật dồn dập tấn công, nhưng tôi kiên quyết giữ vững ý chí, luôn vững lòng tin tưởng, với sự điều trị tích cực và có hiệu quả của các bác sĩ, và sự

hỗ trợ vô cùng quý báu, đúng thời điểm của vợ, các con, các cháu và đại gia đình, cuối cùng sẽ vượt qua tất cả.

Đúng như vậy, tôi đã vững bước đi qua mọi hoàn cảnh với đủ kiểu dạng khó khăn và nguy hiểm trên mười năm nay, vẫn tiếp tục tốt mọi công việc ở trường và khoa, ráng bằng mọi cách không để công việc bị đứt đoạn.

Mặc dù nhà nước cho nghỉ hưu từ năm 2008, tôi vẫn tiếp tục lên giảng những môn học tôi yêu thích nhất là *Lý thuyết dịch thuật* và *Dịch thực hành* cho các thế hệ sinh viên thân yêu của tôi tại giảng đường đại học đến hết năm 2018, và hiện nay (năm 2022) vẫn còn tiếp tục hướng dẫn các luận văn sau đại học cho các thầy, cô giáo trẻ ở trường cũng như ở một số cơ sở đào tạo sau đại học trong thành phố.

Tôi luôn nghĩ rằng hạnh phúc mà hiện nay tôi đang được hưởng một cách trọn vẹn cũng là ước mơ vô cùng chính đáng trong đời của bất kỳ người thầy giáo nào đã nguyện suốt đời tôn thờ “*ng nghiệp thầy*”.

Cuộc đời và những bức tranh đầy cảm xúc

-Những bức tranh sơn dầu của Đinh Thị Ánh Nguyệt, vợ tác giả,-

CẢM XÚC THÁNG MƯỜI

Tranh sơn dầu (5/10/2019)

Đinh Thị Ánh Nguyệt

Chỉ còn anh và em

Là của mùa thu cũ

Xuân Quỳnh

(Thư tình cuối mùa thu)



Tranh sơn dầu “CẢM XÚC THÁNG 10 – 5/10/2019 ”

GÓC TUỔI THƠ

Tranh sơn dầu – 50 X 70

ĐTAN (14/5/2020)

Đinh Thị Ánh Nguyệt

Tranh này được vẽ riêng cho cháu gái của tôi để sau này khi đã lớn khôn, nhìn lại bức tranh này cháu có thể nhớ lại một góc tuổi thơ của mình: cái ban công của phòng bà nội nơi hai bà cháu thường bày đủ loại trò chơi của trí tưởng tượng ; ghế đá nơi cháu thường

ngồi ăn kem với ông nội và được hai ông cháu gọi đùa là “ghế đá công viên” ; các em thú nhồi bông vừa là em, vừa là bệnh nhân, vừa là học trò của cô giáo Su Trang ; cây khế luôn tỏa bóng mát xuống ban công với những trái chín vàng vừa tầm hái ; những vệt nắng nhảy múa trên nền gạch tàu như tiếng nói cười hồn nhiên của cháu.... Bức tranh này cũng được vẽ nhân ngày sinh nhật mừng cháu gái được năm tuổi.



Tranh sơn dầu “GÓC TUỔI THƠ – 14/5/2020”

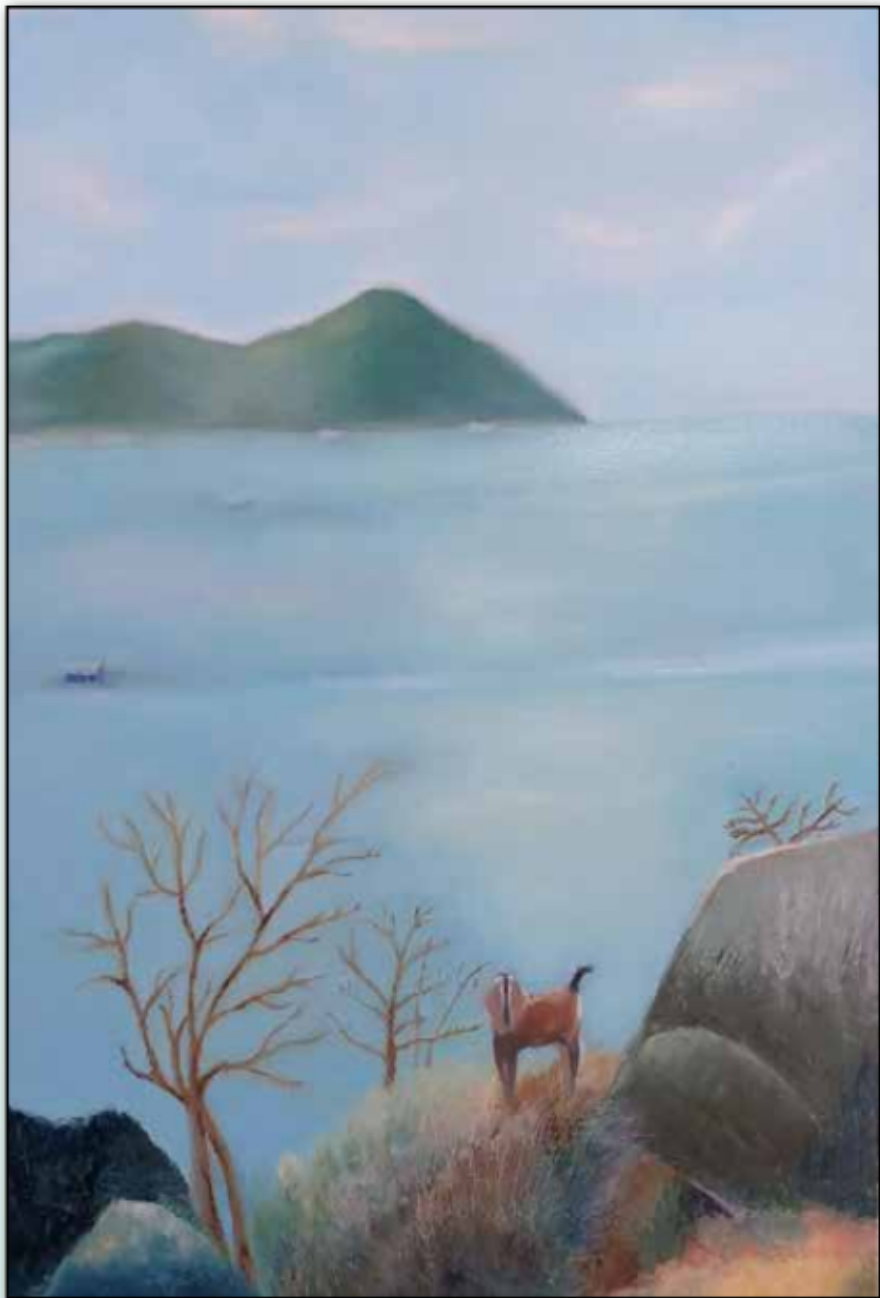
MỘT MÌNH VỚI MỆNH MÔNG

Tranh sơn dầu – 50 X 70

ĐTAN (6/7/2020)

Đinh Thị Ánh Nguyệt

Một lần đến thăm Vịnh Vũng Rô (Phú Yên) tôi bất ngờ nhìn thấy một chú dê đứng trên mỏm đá giữa ban trưa, đằng sau là trời biển mênh mông. Trong 12 con giáp của cung Hoàng Đạo thì con dê tượng trưng cho một tính cách kiên trì để đạt mục đích. Con dê không nổi bật trong đám đông như sư tử nhưng luôn lăm lăm leo núi để cuối cùng lên được tới đỉnh núi. Bức tranh này được vẽ để ghi lại khoảnh khắc tình cờ bắt gặp chú dê giữa trưa hè Phú Yên.



Tranh sơn dầu “MỘT MÌNH VỚI MÊNH MÔNG – 6/7/2020 ”

ĐOÀN KHÚC MÙA THU

Tranh sơn dầu

ĐTAN (9/12/2019)

Đinh Thị Ánh Nguyệt

Một màu xanh xanh, chấm thêm vàng vàng

Một màu xanh chấm thêm vàng cánh đồng hoang

(Sắc Màu – Trần Tiến)

Người ta thường nói về mùa thu với cái se lạnh, lá vàng rơi và những nỗi buồn man mác. Còn tôi lại bắt gặp một mùa thu đẹp mộc mạc và hoang sơ trên những cánh đồng hoa cúc vàng rực rỡ. Chẳng có nỗi buồn nào mà chỉ là niềm hân hoan trước thiên nhiên tươi đẹp. Vẽ để nhớ chuyến đi Mộc Châu tháng 10/2019.



Tranh sơn dầu “ĐOẢN KHÚC MÙA THU – 9/12/2019”

CHẤM ĐÔNG

Tranh sơn dầu 45 X 80

ĐTAN (11/2020)

Đinh Thị Ánh Nguyệt

Bức tranh này được vẽ để nhớ những bó hoa cúc họa mi trên những chiếc xe đạp của những người đi bán dạo trên phố Hà Nội. Một vẻ đẹp rất bình dị nhưng cũng rất lãng mạn vào những ngày chớm đông.



Tranh sơn dầu “CHỜM ĐÔNG – 11/2020”

Tranh sơn dầu 2020

Đinh Thị Ánh Nguyệt

*Hãy giữ bếp nhà mình luôn đỏ lửa,
đừng để lụi tàn theo năm tháng*



Tranh sơn dầu “BẾP LỬA NHÀ MÌNH – 2020”

Phụ lục

Một vài cảm nhận của bạn bè, người thân về cuốn sách “Ngược dòng thời gian”

Cảm nhận thứ nhất

Sáu câu chuyện kể trong tập sách “*Ngược dòng thời gian*” là những kỷ niệm đẹp của tác giả - tiền sĩ Nguyễn Tiên Hùng, trong suốt chặng đường dài phấn đấu, từ thời là học sinh, sinh viên, tới khi trở thành người lính trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại, người thầy trên giảng đường đại học thời bình.

Ở đó, có hình ảnh của người cha, người mẹ, người anh, bạn bè, đồng đội, những người đã tiếp sức cho anh, động viên anh. Trên chặng đường đời vất vả, với tất cả ý chí và nghị lực, anh đã sống xứng đáng với niềm tin và tình yêu lớn đó.

Tập sách, vì thế cũng phần nào đưa chúng ta trở lại những năm tháng không thể quên của Hà Nội quê anh, của đất nước trong những thời điểm lịch sử.

Tôi nhớ vào năm 1973, sau khi có Hiệp định hòa bình Paris, các đơn vị thuộc Quân khu Sài Gòn – Gia Định hành quân về Củ Chi, ngoại thành Sài Gòn. Đơn vị trinh sát kỹ thuật của anh đóng quân ở phía mé sông Sài Gòn, cách đơn vị chúng tôi ở gần Bến Súc vài cây số đường chim bay.

Tuy có Hiệp định hòa bình nhưng tình hình ở chiến trường vẫn rất căng thẳng. Quân đội VNCH có cố vấn Mỹ tham gia, chống phá, không thi hành Hiệp định, liên tục pháo kích vào vùng giải phóng của ta, xua quân lấn ra chiếm từng tấc đất, giành từng khu

dân cư rất quyết liệt. Nơi anh đóng quân hôm ấy hứng chịu một trận pháo kích từ căn cứ Đồng Dù của Mỹ vô cùng ác liệt. Ở chiến trường, đau thương mất mát không thể nào tính được. Anh chỉ huy đơn vị kiên quyết không rời trận địa, “bám trụ” chiến đấu. Và, bản tin tình báo của đơn vị anh vẫn liên tục gửi về Bộ Tư lệnh để tham mưu tác chiến thật hiệu quả.

Tôi vẫn nhận ra ý chí và nghị lực ấy qua từng trang chuyện kể, như là lời nhắn gửi, động viên chúng tôi, những đồng đội năm xưa của anh hãy sống xứng đáng với truyền thống gia đình mình, với Tổ quốc của mình.

Phó giáo sư, Tiến sĩ Hà Công Tài,

Viện Văn học, nguyên Thư ký ông Năm Xuân (Đại tướng Mai Chí Thọ), Phó Bí thư Khu ủy Sài Gòn – Gia Định (T4) kiêm Chính ủy Quân khu.

Cảm nhận thứ hai

Tôi đã đọc bản thảo cuốn “*Ngược dòng thời gian*” do tác giả Nguyễn Tiến Hùng gửi qua bưu điện.

Cuốn sách gồm 6 câu chuyện kể về nhiều lớp người Hà thành thế hệ xưa - những người của các con phố Hàng... xa xưa (Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường.....).

Tôi rất thích thú khi đọc câu chuyện đầu tiên. Đó là câu chuyện về một thầy giáo làng, nhưng đó là hình ảnh tiêu biểu của các nhà giáo xưa thanh bạch, nhiệt huyết với nghề! Đó chính là nhà giáo lão thành Nguyễn Tiến Duyến, thân phụ của tác giả, suốt hơn 40 năm trong nghề tận tụy với trò. Cụ không chỉ truyền dạy tri thức, mà còn chú ý dạy dỗ các trò làm Người. Cụ chọn những truyện kể có tính giáo dục cao, viết thành những kịch ngắn cho học sinh tập và diễn khiến trò rất thích và nhớ được những bài học luân lý rút ra từ những truyện đó. Đặc biệt thú vị bài giảng của cụ về cách tính trọng lượng (poids), tỷ trọng (Densité) và thể tích (Volume). Cụ cho trò thay các từ Poids= Phạm, Volume= Văn và Densité=Đồng. Vậy là ta sẽ có: Phạm=Văn nhân với Đồng/ Văn=Phạm : Đồng/ Đồng =Phạm : Văn. Thế là cụ cho nhắc đi nhắc lại tên ông Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng của Chính phủ kháng chiến ngay thời còn Pháp thuộc! Đúng là một nhân cách lớn.

Nhà giáo lão thành Nguyễn Tiến Duyến đã được không chỉ trò mà tất cả mọi người những nơi cụ sinh sống và dạy học kính trọng! Hình ảnh các trò cụ, những cụ già râu tóc bạc phơ kính cẩn

khoanh tay bên linh cữu cụ thật xúc động.

Trong cuốn sách, chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy bóng dáng của cụ giáo Nguyễn Tiến Duyến thông qua hình ảnh của người con trai yêu quý của cụ, thầy giáo - cựu chiến binh, tiến sĩ Nguyễn Tiến Hùng.

Mọi người luôn gặp ông trên giảng đường trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (nay là trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) ngay từ những năm tháng đầu tiên khi hòa bình được lập lại, đất nước được thống nhất cho đến ngày hôm nay (tháng 10 năm 2022), làm việc tận tụy, đầy trách nhiệm trong suốt gần một nửa thế kỷ không hề ngưng nghỉ.

Cuốn sách *“Ngược dòng thời gian”* đã để lại cho tôi một ấn tượng sâu sắc:

Cảm phục và tự hào về những việc làm của tác giả - chàng trai hào hoa của đất Hà thành, tự hào về các “công tử, tiểu thư” - các cậu ấm, cô chiêu - của Hà nội thân yêu đã trưởng thành, đã làm được biết bao việc “không thể nào tin nổi” trong suốt cuộc đời, cả trong thời chiến cũng như thời bình.

Thạc sĩ Ngôn ngữ Bích Thu

Nguyên giảng viên trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

(nay là trường Đại học Hà Nội)

Cảm nhận thứ ba

Tôi đã dành trọn một ngày để đọc xong bản thảo cuốn sách *“Ngược dòng thời gian”* gồm sáu câu chuyện của Tiến sĩ ngôn ngữ học Nguyễn Tiến Hùng. Anh cũng chính là người anh trai thứ 2 mà tôi luôn tự hào và khâm phục. Và tôi đã khóc. Khóc rất nhiều khi ngược dòng thời gian theo dòng viết của anh trở về những năm tháng đẹp nhất của thời ấu thơ bên cha mẹ và các anh chị em tôi trong căn nhà nhỏ êm đềm trên phố Bùi Thị Xuân...

Với tôi - cuốn sách nhỏ của anh Nguyễn Tiến Hùng - thực sự là món quà vô giá. Lần đầu tiên tôi được biết thêm nhiều chuyện về cha, mẹ tôi từ lúc sinh thời cho đến khi trưởng thành. Lần đầu tiên tôi được biết cha tôi giỏi tiếng Pháp, đã từng là hiệu trưởng

các trường tiểu học nhiều năm. Lần đầu tiên tôi được biết đến mẹ tôi - một người mẹ rất bình dị- mới chỉ biết đọc biết viết mà lại được tổ dân phố tin nhiệm bầu làm tổ trưởng và giữ được trọng trách đó trong suốt 3 năm. Lần đầu tiên tôi mới hiểu được vì sao đám tang của cha tôi lại có đông đảo các học trò của nhiều thế hệ đến viếng và đám tang mẹ tôi cả dòng tộc Lê Vũ khóc tiếc thương...

Cũng qua cuốn sách, tôi hiểu thêm về anh trai cả Nguyễn Tiến Dũng của tôi, hiểu được những thăng trầm, cả nghị lực đã giúp anh vượt qua và thành đạt. Để lúc ra đi anh thật thanh thản trong sự thương tiếc của bạn bè, người thân.

Qua hồi ức, lần đầu tiên tôi mới biết được anh trai Nguyễn Tiến Hùng của tôi đã trải qua những năm tháng ở chiến trường đầy gian khổ hy sinh, có lúc cận kề bên cái chết nhưng anh đã chiến thắng. Anh trở về nguyên vẹn và thành đạt không chỉ với kiến thức sâu rộng, với cuộc sống gia đình đầy đủ ấm êm mà còn là một NHÂN CÁCH lớn khiến cho tôi luôn khâm phục ngưỡng mộ. Ngay cả lúc này đây, ở độ tuổi 80, bệnh tật đầy mình nhưng tôi chưa bao giờ thấy anh tôi than thở kể lể. Lúc nào anh cũng lạc quan yêu đời, làm việc hết mình. Trong đại dịch Covid hàng triệu người ra đi. Cả thành phố Hồ Chí Minh lo tìm cách chống dịch bệnh. Không ít người bị quan chán nản lo lắng. Riêng anh trai tôi vẫn lạc quan, giành toàn bộ thời gian để viết sách. Cho đến nay anh đã viết 5 đầu sách. Có cuốn sách dày hàng trăm trang... Anh muốn giành toàn bộ thời gian và sức lực để viết lại những tư liệu lịch sử quý giá trong chiến tranh, những gian khổ mất mát hy sinh nhưng thấm đẫm tình người và những kỷ niệm tràn đầy tự hào về gia đình bé nhỏ của tôi.

Gấp cuốn sách lại, những kỷ niệm ấm áp thấm tình yêu thương của gia đình, bạn bè, đồng đội trong các trang sách vẫn cứ hiện lên tràn đầy trong tâm trí tôi. Cho đến bây giờ khi đã chạm ngưỡng của lứa tuổi "thất thập cổ lai hy" tôi mới hiểu được sức mạnh tinh thần của bạn bè, đồng đội và truyền thống gia đình chính là nguồn động lực tiếp thêm sức mạnh để anh trai tôi - Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hùng - luôn thành công.

Nhà báo Nguyễn Thị Kim Diệp

Cảm nhận thứ tư

Cháu đã rất bất ngờ khi nhận được điện thoại của chú Hùng, đề nghị cháu viết đôi dòng cảm nhận về cuốn sách "*Ngược dòng thời*

gian”, đặc biệt về câu chuyện thứ ba viết về “Thầy giáo dạy nghề” Nguyễn Tiến Dũng, người anh cả của chú Hùng, người bố của cháu.

Đối với cháu đây thật là một nhiệm vụ khó khăn vì dù là một người làm việc trong ngành “viết lách”, nhưng cháu lại luôn cảm thấy lúng túng và có chút dè dặt khi chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ riêng tư của mình với mọi người, đặc biệt là về một chủ đề mà bấy lâu nay cháu gần như không bao giờ đề cập với những người không phải trong gia đình – Bố cháu. Lý do rất đơn giản là vì dù đã 25 năm kể từ ngày Bố cháu rời xa gia đình, anh em, bạn bè, nỗi đau này dường như vẫn quá lớn và mỗi lần nhắc đến là cháu lại thấy mình như thể quay trở lại buổi tối kinh hoàng ở Bệnh viện Bạch Mai năm nào.

Tuy vậy lời đề nghị lại đến từ chú Hùng, người chú mà lúc nào cháu cũng rất trân quý, người chú đã thay mặt bố mẹ cháu chủ trì lễ vu quy cho cháu, người chú mà cháu luôn coi không khác chi người bố thứ hai, và cũng chính vì thế lời đề nghị của chú Hùng đã làm cháu không cho phép mình được từ chối.

Chú Hùng là một người em trai được bố mẹ cháu quý mến nhất trong nhà. Có lẽ trong thuở thiếu thời, chú và bố cháu có nhiều kỷ niệm gắn bó với nhau, hai anh em rất thương yêu và quý mến nhau. Mỗi khi nhắc đến chú là bố cháu luôn thể hiện tự hào, hãnh diện khi có một người em trai sống từng trải và đầy bản lĩnh như vậy. Ngay cả bạn bè thân của bố cháu như các bác Duy Năng, Lợi, Lân, Vy, Diệu, Bảo, Bạng, Nghĩa, Thảo, Nhiên, Vy v.v...luôn quý mến chú Hùng và rất vui được gặp gỡ, ngồi uống trà với bố cháu và chú Hùng tại gần cơ quan bố cháu ở phố Trần Hưng Đạo, mỗi lần chú ra thăm Hà Nội.

Một điều rất đặc biệt là chú Hùng có quan hệ thân thiết với gia đình bên mẹ cháu. Chú biết rành về làng Vân Đình, quê hương của gia đình bên mẹ cháu, từ cụ cố ngoại là nhà thơ Dương Khuê, đến tất cả các bác là anh chị em ruột của mẹ cháu như các bác Phong, Điệp, Châu v.v... Chú Hùng cũng quen biết ông chú của cháu là Giáo sư, Tiến sĩ Dương Thiệu Tống, một trong những người bạn vong niên của vợ chồng chú Hùng và cô Nguyệt, là đồng nghiệp, cùng dạy Anh văn với cô chú trong nhiều năm tại các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh.

Cháu đã đọc bản thảo chú Hùng gửi và đã ngẫm nghĩ rất lâu trước khi viết ra những dòng này.

Cháu cảm thấy rất mừng vì chú Hùng đã luôn nhớ và ghi lại những kỷ niệm thật sinh động và đầy nghĩa tình về ông bà và bố cháu. Những câu chuyện đầy xúc động trong cuốn sách sẽ giúp chúng cháu, và cả các thế hệ sau, biết và hiểu thêm về những người thân yêu đã đi xa. Người tuy đã đi xa, nhưng hình bóng Người phản chiếu qua những kỷ niệm đó sẽ luôn bên ta.

Đó chính là món quà lớn mà cháu nhận được từ cuốn sách của chú Hùng. Cháu xin cảm ơn chú rất nhiều.

Nguyễn Quỳnh Vân

Nhà báo, Phóng viên Thông tấn xã Việt Nam